

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ

TỈNH THÁI NGUYÊN

TẬP I
(1936 - 1965)

Sơ thảo

XUẤT BẢN NĂM 2003

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
THÁI NGUYÊN**

Hội đồng chỉ đạo:

CHU VĂN CUÔNG - Chủ tịch
HOÀNG VĂN PAO - Phó Chủ tịch
NGUYỄN VĂN VƯỢNG - Ủy viên
DUỠNG CÔNG NHUẬN - Ủy viên
PHẠM VĂN TÂN - Ủy viên
NGUYỄN THÀNH LUẬN - Ủy viên

Biên soạn:

- *Chương mở đầu:*

NGUYỄN THỊ HƯỜNG CANH
NGUYỄN THỤ HUYỀN

- *Chương I và Kết luận:* DUỠNG CÔNG NHUẬN

- *Chương II:* NGUYỄN XUÂN MINH

- *Chương III:* NGUYỄN VĂN THẮNG

- *Chương IV:* VŨ THANH KHÔI

Hoàn chỉnh bản thảo:

PHẠM TẤT QUYNH (chủ biên)

NGUYỄN XUÂN MINH

NGUYỄN VĂN THẮNG

Ảnh: - PHÒNG LỊCH SỬ ĐẢNG - BAN TUYÊN GIÁO
TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

- NGUYỄN SỸ TIỆP

- ĐỒNG KHÁC THỌ

LỜI GIỚI THIỆU

Thái Nguyên là một tỉnh giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Trong suốt chiều dài thời gian đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, nhân dân Thái Nguyên luôn luôn cần cù sáng tạo trong lao động dựng xây cuộc sống; đoàn kết anh dũng trong đấu tranh chống áp bức bóc lột và xâm lược của ngoại bang. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh, tinh thần đó luôn luôn được phát huy cao độ.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên tự hào về mảnh đất quê hương căn cứ địa trong cuộc vận động cách mạng Tháng Tám (1945); nơi ra đời trung đội Cứu quốc quân II (15/9/1941); Nơi thành lập đơn vị Việt Nam giải phóng quân (15/5/1945) - tổ chức tiền thân của quân đội nhân dân Việt Nam.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ (12/1946). Thái Nguyên một lần nữa nhận trách nhiệm vinh quang của đất nước giao phó - Thủ đô của cuộc kháng chiến. Đảng viên, cán bộ, nhân dân Thái Nguyên son sắt một lòng theo cách mạng, che chở, nuôi dưỡng, giúp đỡ, bảo vệ các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Hồ Chủ tịch... ở và làm việc - lãnh đạo kháng chiến đến thắng lợi (7/1954).

Trong kháng chiến cũng như sau hòa bình lập lại, Thái Nguyên còn là địa phương được Trung ương chọn thực hiện thí điểm thành công nhiều chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Dựng lại một cách có hệ thống, chân thực, sinh động quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ, tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, là việc làm cần thiết và cấp bách; góp phần giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh nhà, tự hào là phát huy sức mạnh truyền thống trong giai đoạn cách mạng mới. Tổng kết và rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác vận động quần chúng, và xây dựng Đảng, xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân... giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong công cuộc đổi mới - công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Ý thức được tầm quan trọng đó, ngay sau ngày tái lập tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có quyết định số 92/QĐ/TV, thành lập Hội đồng chỉ đạo nghiên cứu biên soạn "Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (1936 - 1965)" và giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy triển khai thực hiện.

Kế thừa những kết quả nghiên cứu bước đầu từ những tư liệu lịch sử đã được thẩm định trong các cuốn Lịch sử truyền thống, lịch sử chuyên ngành nói chung, Lịch sử Đảng bộ nói riêng đã xuất bản trước đó. Nay được bổ sung nâng cao và cơ bản cuốn sách đã đáp ứng được yêu cầu giáo dục truyền thống, góp phần vào công tác xây dựng Đảng bộ trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân chứng lịch sử, Ban Tuyên giáo các tỉnh bạn và Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện giúp đỡ, đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho chúng tôi trong quá trình khai thác tư liệu, nghiên cứu biên soạn cuốn sách nói trên.

Quá trình xây dựng, phát triển của Đảng bộ, sự nghiệp cách mạng của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên trong thời kỳ này là hết sức phong phú và đa dạng. Song do có khó khăn về công tác lưu trữ tài liệu; những hạn chế trong quá trình biên soạn, nên cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Kính mong được đồng chí, đồng bào trong tỉnh, bạn đọc xa, gần tham gia đóng góp ý kiến, để lần xuất bản sau được đầy đủ hơn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

Bí thư

LƯƠNG ĐỨC TÍNH

MỞ ĐẦU

THÁI NGUYÊN: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi và trung du thuộc Bắc Bộ, nhân dân gồm nhiều thành phần dân tộc định cư lâu đời và có một bề dày truyền thống yêu nước, đoàn kết, thủy chung trong quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Theo sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi, đời các Vua Hùng, nước Văn Lang chia làm 15 bộ. "Thái Nguyên thuộc đất bộ Vũ Định, Đông và Bắc giáp Cao. Lạng; Tây và Nam giáp Kinh-Bắc; có 2 lộ phủ, 9 huyện, 2 châu và 336 làng xã. Đây là nơi phen giậu thứ 2 về phương Bắc"⁽¹⁾. Thái Nguyên lúc đó nằm dưới sự cai quản của chế độ lạc tướng. Khoảng đầu công nguyên, chế độ lạc tướng chấm dứt, bộ chuyển thành huyện, Vũ Định vẫn giữ tên cũ. Dưới thời đô hộ của nhà Triệu (PK phương Bắc), Thái Nguyên nằm trong

⁽¹⁾-Nguyễn Trãi toàn tập - NXB Khoa học xã hội - Hà Nội 1976 - Tr 238.

quận Giao Chỉ. Đời nhà Hán, Thái Nguyên nằm trong huyện Long Biên thuộc quận Giao Chỉ. Đến đời Đường (thế kỷ VIII, IX, X) Thái Nguyên là đất châu Long và châu Vũ Nga, thuộc An Nam đô hộ phủ.

Dưới triều Đinh, Tiền Lê (thế kỷ X), đất nước được chia làm 10 đạo. Khi Lý Thái Tổ lên ngôi (1010) rời kinh đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, 10 đạo được đổi thành 24 lộ, các vùng xa xôi hẻo lánh như Thái Nguyên nằm trong các châu biên viễn (lúc này nhà Lý cũng đã đổi tên nước là Đại Việt). Đầu năm 1226, nhà Trần đổi châu thành lộ, vùng đất Thái Nguyên thuộc Như Nguyệt Giang lộ. Năm 1397, nhà Trần đổi châu Thái Nguyên thành trấn Thái Nguyên, "đại thể trấn Thái Nguyên tương đương với tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn và nửa tỉnh Cao Bằng ngày nay"⁽¹⁾.

Thời thuộc Minh (1407-1427), vào năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), trấn Thái Nguyên được đổi thành phủ Thái Nguyên lệ thuộc vào ty Bố Chính; năm 1426, phủ Thái Nguyên đổi thành Thái Nguyên Thừa Chính ty, gồm 3 phủ: Thái Nguyên, Phú Bình, Thông Hoá.

Năm 1428, khi nhà Lê thành lập, Lê Thái Tổ chia đất nước thành 5 đạo: Tây Đạo, Đông Đạo, Bắc Đạo, Nam Đạo và Hải Tây Đạo. Thái Nguyên thuộc Bắc

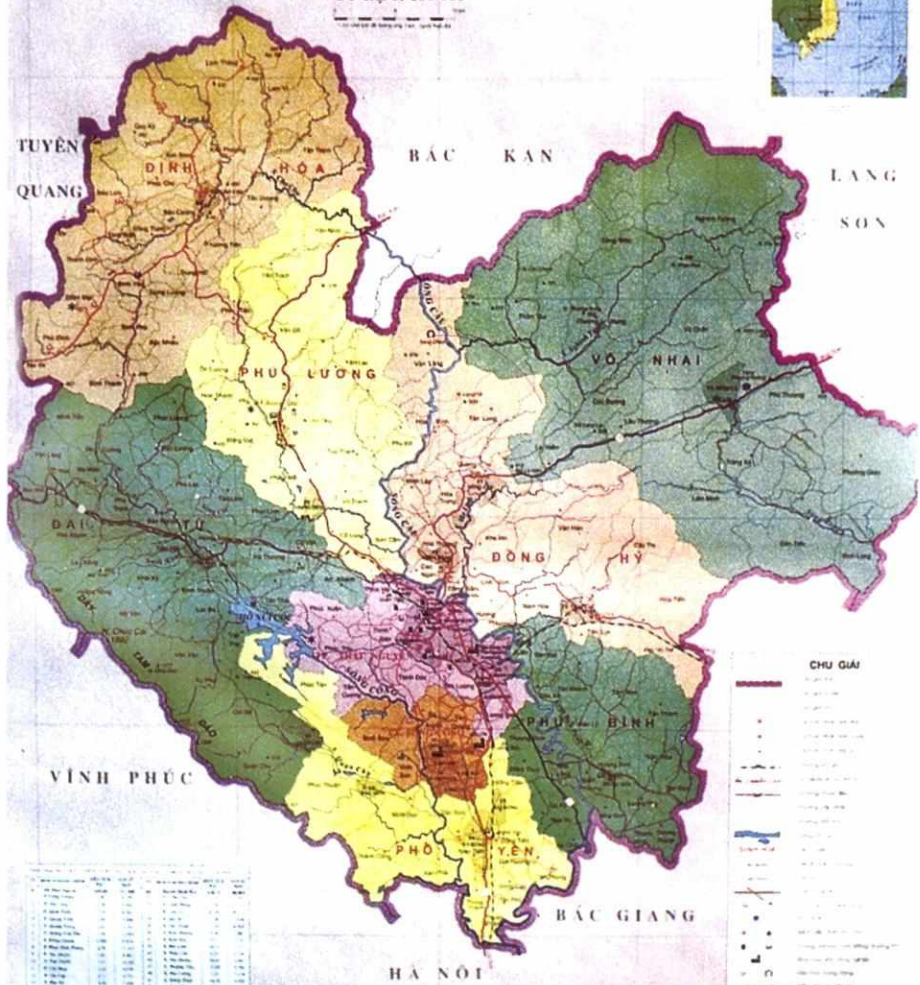
⁽¹⁾ - Đào Duy Anh - Đất nước Việt Nam qua các đời - NXB Thuận Hoá 1994 - Tr 119.

TỈNH THÁI NGUYÊN

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH

TỶ LỆ 1: 100 000

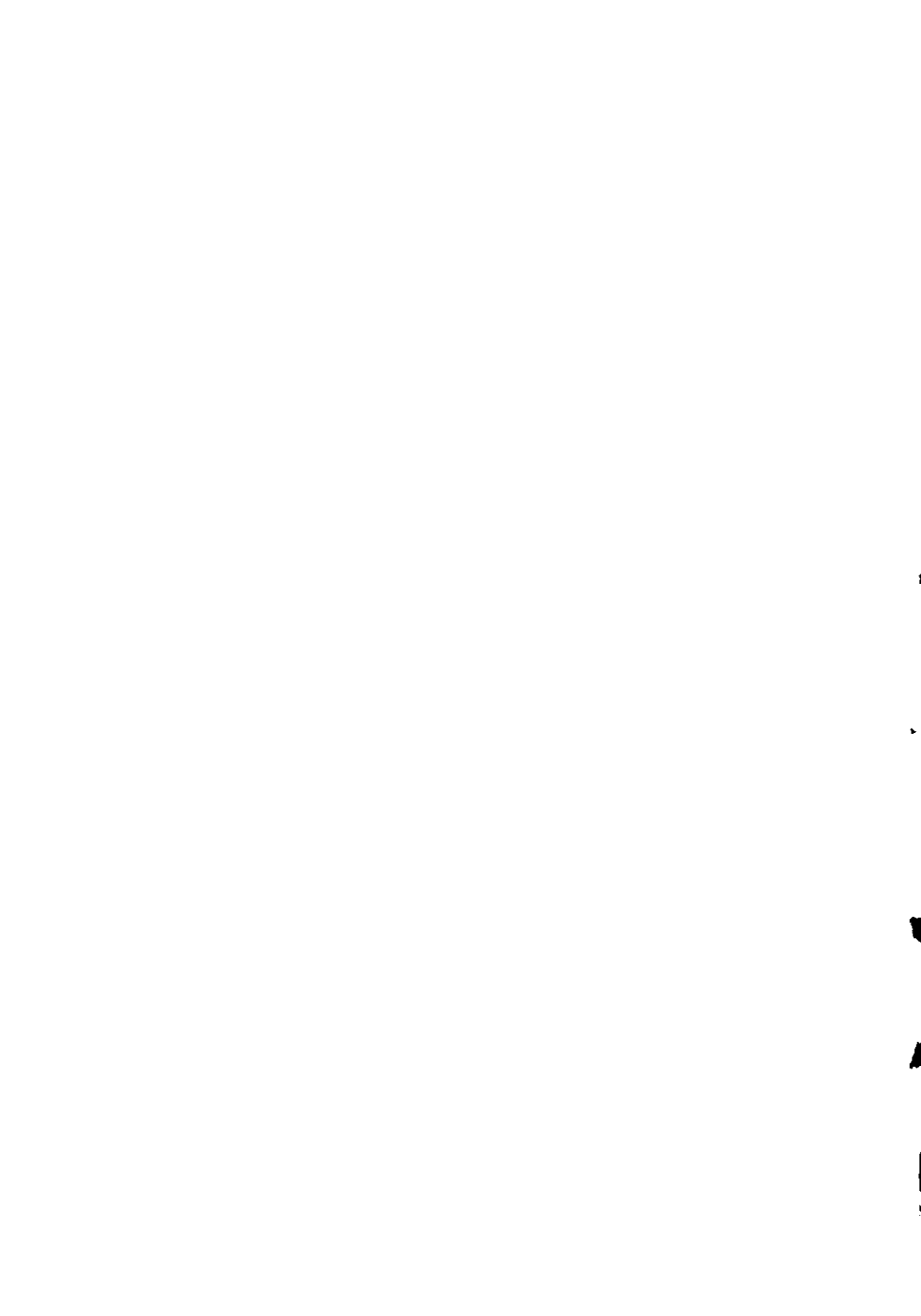
1:100.000



CHU GIẢI

- 1. Đường quốc lộ
- 2. Đường tỉnh
- 3. Đường huyện
- 4. Đường xã
- 5. Đường thôn
- 6. Đường làng
- 7. Đường ngõ
- 8. Đường ngõ xóm
- 9. Đường ngõ xóm
- 10. Đường ngõ xóm
- 11. Đường ngõ xóm
- 12. Đường ngõ xóm
- 13. Đường ngõ xóm
- 14. Đường ngõ xóm
- 15. Đường ngõ xóm
- 16. Đường ngõ xóm
- 17. Đường ngõ xóm
- 18. Đường ngõ xóm
- 19. Đường ngõ xóm
- 20. Đường ngõ xóm
- 21. Đường ngõ xóm
- 22. Đường ngõ xóm
- 23. Đường ngõ xóm
- 24. Đường ngõ xóm
- 25. Đường ngõ xóm
- 26. Đường ngõ xóm
- 27. Đường ngõ xóm
- 28. Đường ngõ xóm
- 29. Đường ngõ xóm
- 30. Đường ngõ xóm
- 31. Đường ngõ xóm
- 32. Đường ngõ xóm
- 33. Đường ngõ xóm
- 34. Đường ngõ xóm
- 35. Đường ngõ xóm
- 36. Đường ngõ xóm
- 37. Đường ngõ xóm
- 38. Đường ngõ xóm
- 39. Đường ngõ xóm
- 40. Đường ngõ xóm
- 41. Đường ngõ xóm
- 42. Đường ngõ xóm
- 43. Đường ngõ xóm
- 44. Đường ngõ xóm
- 45. Đường ngõ xóm
- 46. Đường ngõ xóm
- 47. Đường ngõ xóm
- 48. Đường ngõ xóm
- 49. Đường ngõ xóm
- 50. Đường ngõ xóm
- 51. Đường ngõ xóm
- 52. Đường ngõ xóm
- 53. Đường ngõ xóm
- 54. Đường ngõ xóm
- 55. Đường ngõ xóm
- 56. Đường ngõ xóm
- 57. Đường ngõ xóm
- 58. Đường ngõ xóm
- 59. Đường ngõ xóm
- 60. Đường ngõ xóm
- 61. Đường ngõ xóm
- 62. Đường ngõ xóm
- 63. Đường ngõ xóm
- 64. Đường ngõ xóm
- 65. Đường ngõ xóm
- 66. Đường ngõ xóm
- 67. Đường ngõ xóm
- 68. Đường ngõ xóm
- 69. Đường ngõ xóm
- 70. Đường ngõ xóm
- 71. Đường ngõ xóm
- 72. Đường ngõ xóm
- 73. Đường ngõ xóm
- 74. Đường ngõ xóm
- 75. Đường ngõ xóm
- 76. Đường ngõ xóm
- 77. Đường ngõ xóm
- 78. Đường ngõ xóm
- 79. Đường ngõ xóm
- 80. Đường ngõ xóm
- 81. Đường ngõ xóm
- 82. Đường ngõ xóm
- 83. Đường ngõ xóm
- 84. Đường ngõ xóm
- 85. Đường ngõ xóm
- 86. Đường ngõ xóm
- 87. Đường ngõ xóm
- 88. Đường ngõ xóm
- 89. Đường ngõ xóm
- 90. Đường ngõ xóm
- 91. Đường ngõ xóm
- 92. Đường ngõ xóm
- 93. Đường ngõ xóm
- 94. Đường ngõ xóm
- 95. Đường ngõ xóm
- 96. Đường ngõ xóm
- 97. Đường ngõ xóm
- 98. Đường ngõ xóm
- 99. Đường ngõ xóm
- 100. Đường ngõ xóm

| STT | Tên địa phương | Diện tích (km ²) | Dân số (người) | Mật độ dân số (người/km ²) |
|-----|----------------|------------------------------|----------------|--|
| 1 | Đình Bảng | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 2 | Hòa | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 3 | Đông | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 4 | Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 5 | Phủ Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 6 | Phủ Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 7 | Phụng | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 8 | Đại | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 9 | Phú Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 10 | Võ Nhai | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 11 | Đông Hồ | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 12 | Hữu Lũng | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 13 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 14 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 15 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 16 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 17 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 18 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 19 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 20 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 21 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 22 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 23 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 24 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 25 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 26 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 27 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 28 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 29 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 30 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 31 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 32 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 33 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 34 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 35 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 36 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 37 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 38 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 39 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 40 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 41 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 42 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 43 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 44 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 45 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 46 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 47 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 48 | Phước Lương | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 49 | Phước Yên | 100,0 | 100.000 | 1.000 |
| 50 | Phước Bình | 100,0 | 100.000 | 1.000 |



Đạo. Dưới đạo là trấn, lộ rồi đến phủ, huyện, châu và cuối cùng là xã. Năm Quang Thuận thứ bảy (1466), Lê Thánh Tông định lại bản đồ cả nước, từ 5 đạo được chia nhỏ thành 12 đạo Thừa Tuyên, Thái Nguyên là một trong 12 đạo Thừa Tuyên và được gọi là Thái Nguyên Thừa Tuyên.

Trên cơ sở chính sách của triều đình nhà Lê, năm 1467, nhà Lê tiến hành điều tra địa hình, địa giới của các Thừa Tuyên, hoàn thành việc lập bản đồ quốc gia Đại Việt vào năm 1469 (năm Quang Thuận thứ 10), khẳng định chặt chẽ hơn lãnh thổ và biên giới đất nước, đổi Thái Nguyên Thừa Tuyên thành Ninh Sóc Thừa Tuyên, gồm 3 phủ Phú Bình, Thông Hoá, Cao Bằng. Đến đời Hồng Đức (1483), Ninh Sóc Thừa Tuyên được đổi thành xứ Thái Nguyên; năm 1533, xứ Thái Nguyên được đổi thành trấn Thái Nguyên.

Từ thời Lê Trung Hưng (1533-1789), đến hết thời Nguyễn Gia Long, Thái Nguyên vẫn gọi là trấn. Năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677), phủ Cao Bằng được tách khỏi trấn Thái Nguyên đặt tên riêng là trấn Cao Bằng. Từ đó, trấn Thái Nguyên còn hai phủ Phú Bình và Thông Hoá.

Thủ phủ tỉnh Thái Nguyên lúc này được đặt tại xã Bình Kỳ, huyện Thiên Phúc (vùng đất huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội ngày nay). Năm 1813 (sau khi huyện

Thiên Phúc tách khỏi trấn Thái Nguyên nhập về tỉnh Bắc Ninh). thủ phủ trấn Thái Nguyên được chuyển về thành Đông Mô, huyện Đông Hỷ (nay thuộc địa phận phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên).

Dưới thời Nguyễn Gia Long, Thái Nguyên thuộc tổng trấn Bắc Thành. Năm 1831, 1832, Minh Mạng chia cả nước làm 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên. Dưới tỉnh là phủ, huyện (miền xuôi), châu (miền núi), tổng và cuối cùng là làng xã. Trấn Thái Nguyên được đổi thành tỉnh Thái Nguyên. Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), lập phủ Tông Hoá⁽¹⁾ trên cơ sở 1 châu, 3 huyện (châu Định, huyện Văn Lãng, Đại Từ và Phú Lương), đưa Thái Nguyên lên 3 phủ, 9 huyện và 2 châu.

Dưới thời Pháp thuộc, từ năm 1890, để dễ bề cai trị và đàn áp những cuộc nổi dậy của nhân dân ta, chúng tách huyện Bình Xuyên khỏi tỉnh Thái Nguyên để lập tỉnh Vĩnh Yên và thực thi chế độ quân quản, chia nhỏ địa bàn Thái Nguyên nhập vào các Tiểu Quân khu thuộc các đạo quan binh:

- Phủ Tông Hoá, phủ Phú Bình nhập với một số địa hạt khác thuộc Lục Nam, Bắc Ninh lập thành Tiểu Quân khu Thái Nguyên (một trong ba Tiểu Quân khu

⁽¹⁾ - Đại Nam Nhất Thống chí - Tập IV-NXB KHXH, Hà Nội - 1971 viết là phủ Tùng Hoá.

thuộc Đạo Quan binh I Phả Lại thành lập ngày 9/9/1891).

- Phủ Thông Hoá nhập với Lạng Sơn, Cao Bằng và một phần Tuyên Quang lập thành Đạo Quan binh II Lạng Sơn.

Như vậy, từ tháng 10/1890 đến tháng 9/1892, tỉnh Thái Nguyên bị xoá bỏ, phân tán vào các địa bàn khác nhau đặt dưới quyền quản lý của giới cầm quyền quân sự Pháp.

Theo các Nghị định của toàn quyền Đông Dương ký vào các ngày 10 và 15/10/1892, các địa hạt trên (trừ Bình Xuyên) lại trở về tỉnh Thái Nguyên đặt dưới quyền một Công sứ.

Đến ngày 12/6/1894, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đưa các châu Cẩm Hoá và Chợ Rã (mới tách từ châu Bạch Thông) vào Tiểu quân khu Cao Bằng thuộc Đạo Quan binh II, đồng thời tổ chức một đơn vị gọi là Tiểu quân khu Cai Kinh, gồm 13 tổng thổ, trong đó có 5 tổng tách từ Thái Nguyên sang.

Ngày 11/4/1900, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Bắc Cạn trên cơ sở toàn bộ phủ Thông Hoá của Thái Nguyên.

Để mở rộng địa giới tỉnh Bắc Cạn, ngày 25/6/1901, chúng cất tổng Yên Đĩnh khỏi huyện Phú Lương, phủ Tông Hoá (Thái Nguyên), sáp nhập về châu Bạch

Thông-Bắc Cạn. Năm 1913, chúng cắt tiếp tổng Nghĩa Tá khỏi châu Định Hoá nhập về huyện Chợ Đồn (Bắc Kạn) và cắt hai xã Phúc Lâm, Tự Lập khỏi tổng Định Biên Thượng, châu Định Hoá (Thái Nguyên) sáp nhập về huyện Sơn Dương (Tuyên Quang).

Trước Cách mạng tháng 8/1945, Thái Nguyên là tỉnh nằm trong căn cứ địa cách mạng Việt Bắc. Trong kháng chiến chống Pháp, Thái Nguyên cùng với các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Cạn trở thành trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc- Thủ đô kháng chiến của cả nước.

Từ ngày 19/8/1956, Thái Nguyên là một trong sáu tỉnh và là thủ phủ của Khu tự trị Việt Bắc⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, từ ngày 1/7/1965, tỉnh Thái Nguyên hợp nhất với tỉnh Bắc Cạn thành tỉnh Bắc Thái, gồm 13 đơn vị hành chính huyện, thành, thị trực thuộc. Ngày 29/12/1978, Quốc hội khoá VI nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết tách 2 huyện Ngân Sơn và Chợ Rã (nay là Ba Bể) khỏi tỉnh Bắc Thái, sáp nhập vào tỉnh Cao Bằng. Bắc Thái còn 11 đơn vị hành chính trực thuộc với diện tích 6.500 km².

⁽¹⁾ Khu Tự trị Việt Bắc gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang.

Địa hình Thái Nguyên mang đặc trưng 3 vùng : vùng trung du gồm thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các huyện Phổ Yên, Phú Bình; vùng núi gồm huyện Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương, Đông Hỷ; vùng cao là huyện Võ Nhai⁽¹⁾.

Phía bắc tỉnh Thái Nguyên giáp tỉnh Bắc Cạn; phía đông nam giáp tỉnh Bắc Giang; phía đông bắc giáp tỉnh Lạng Sơn; phía nam giáp thành phố Hà Nội; phía tây nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc và phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang.

Với vị trí địa lý như vậy, Thái Nguyên trở thành điểm tiếp giáp, là cầu nối giữa đồng bằng châu thổ sông Hồng với các tỉnh vùng núi phía Bắc (Tuyên Quang, Bắc Cạn, Lạng Sơn). Thái Nguyên có ba quốc lộ: Quốc lộ số 3 chạy suốt theo chiều dài tỉnh Thái Nguyên từ nam (cầu Đa Phúc - Phổ Yên) lên bắc (cầu Ó Gà - Phú Lương) qua tỉnh Bắc Cạn lên tỉnh Cao Bằng. Quốc lộ 1B từ cầu Gia Bẩy (thành phố Thái Nguyên) qua hai huyện Đông Hỷ, Võ Nhai lên tỉnh Lạng Sơn. Quốc lộ 19 chạy từ Hiệp Hoà (Bắc Giang) sang Thái Nguyên. Ngoài ra, Thái Nguyên còn có hai đường sắt Hà Nội - Quan Triều - Núi Hồng và Lưu Xá (Thái Nguyên)-Kép (Bắc Giang)-Uông Bí (Quảng Ninh) cùng

⁽¹⁾ - Theo Quyết định 42 UB-QĐ-ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và miền núi, tỉnh Thái Nguyên có 122 xã, thị trấn thuộc khu vực miền núi, vùng cao.

nhiều tuyến giao thông nội tỉnh, liên tỉnh thuận tiện. Đó là đường 13A từ Bồ Đậu (Phú Lương) qua Đại Từ, vượt đèo Khế sang Tuyên Quang... Do đó, đứng về mặt quân sự mà xét, có thể nói Thái Nguyên là cửa ngõ đi vào Việt Bắc...".⁽¹⁾

Thái Nguyên có nhiều sông, suối phân bố tương đối đều trên địa bàn tỉnh, trong đó lớn nhất là sông Cầu và sông Công. Sông Cầu bắt nguồn từ huyện Chợ Đồn (Bắc Cạn) chảy xuống địa bàn Thái Nguyên suốt từ Bắc xuống Nam qua các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Đông Hỷ, thành phố Thái Nguyên, Phú Bình và Phổ Yên, tạo nên gần như là trục đối xứng cả về lãnh thổ và hướng dốc của tỉnh. Dưới thời Pháp thuộc, sông Cầu là tuyến giao thông chủ yếu và quan trọng để địch vận chuyển lực lượng, vũ khí, lương thực và phương tiện chiến tranh từ phía Nam lên phía Bắc tỉnh. Sông Công bắt nguồn từ xã Điềm Mặc (Định Hoá) chảy theo hướng bắc nam qua huyện Đại Từ, một phần thành phố Thái Nguyên xuống huyện Phổ Yên, hợp lưu với sông Cầu ở xã Thuận Thành (Phổ Yên). Trên sông Công có hồ Núi Cốc, hàng năm cung cấp nước tưới cho trên 12.000 ha lúa hai vụ của các huyện phía nam tỉnh. Ngoài ra, Thái Nguyên còn có nhiều sông ngắn và nhỏ

"... Thư gửi UBND thị xã Thái Nguyên của đồng chí Trường Chinh, 7/5/1948

nhũ: sông Đu, sông Nghinh Tường, sông Dong, sông Chu, sông Khe Mo, Huống Thượng.... và nhiều suối nhỏ khác. Các sông, suối Thái Nguyên hàng năm cung cấp cho đồng ruộng ven sông một khối lượng phù sa rất lớn, làm cho đất đai thêm phì nhiêu, màu mỡ, giữ được độ ẩm quanh năm, thuận lợi cho việc gieo trồng các loại cây lương thực và hoa màu.

Địa hình tỉnh Thái Nguyên rất phong phú và đa dạng. Bên cạnh những dãy núi đá vôi cao là những đồi núi đất thoải thoải, nhấp nhô. Xen kẽ giữa núi, đồi là những thung lũng nhỏ hẹp khác nhau, lại có những vùng đất đai địa hình tương đối bằng phẳng. Các dãy núi cao chủ yếu tập trung ở các huyện Võ Nhai, Đại Từ, Phú Lương, Định Hoá. Dãy núi đá vôi kéo dài từ La Hiên qua Lâu Thượng, Đình Cả (Võ Nhai) đến Bắc Sơn (Lạng Sơn). Dãy Tam Đảo sừng sững phía tây nam chạy dài theo đường địa giới hai tỉnh Thái Nguyên và Vĩnh Phúc, đỉnh cao nhất tới 1591mét. Ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên địa hình bằng phẳng hơn, phần lớn là những đồi, gò hình bát úp, thoải thoải, độ cao trung bình chỉ trên dưới 100m. Nhìn tổng thể, tỉnh Thái Nguyên có độ dốc bắc nam theo chiều dài của tỉnh.

Lượng mưa hàng năm ở Thái Nguyên trung bình từ 1800 - 2500 mm. Chế độ mưa ở Thái Nguyên cũng chia

làm 2 mùa rõ rệt: mùa nóng mưa nhiều, mùa lạnh mưa ít. Điều này cũng có thuận lợi cho việc phát triển kinh tế ở vùng núi. Tuy nhiên, khí hậu nhiệt đới cũng sản sinh ra sự khắc nghiệt như bão, lũ, hạn hán, sâu bệnh... ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng và phát triển của các loại cây trồng.

Do đặc điểm địa hình tự nhiên tỉnh Thái Nguyên vừa miền núi, vừa trung du, nên tiềm năng đất đai rất đa dạng cả về đất nông nghiệp, đất công nghiệp, đất rừng và tài nguyên khoáng sản.

Đất Thái Nguyên chủ yếu thuộc loại Feralit, đất đá vôi và đất ruộng thích hợp cho việc phát triển cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Trong lòng đất có nhiều khoáng sản quý như than, vàng, chì... Thái Nguyên là tỉnh có nhiều mỏ nhất Việt Nam⁽¹⁾. "Vàng ở huyện Võ Nhai có mỏ Kim Hỷ, mỏ Thuần Mang, mỏ Bảo Nang⁽²⁾. Sắt có ở các huyện Phổ Yên, Đông Hỷ, Phú Lương. Than gỗ có sẵn ở huyện Đông Hỷ. Chè nam có sẵn ở các huyện Phú Lương, Đông Hỷ, Đại Từ, Phổ Yên, vị ngon hơn chè các nơi khác. Nhựa thông, nhựa trám có sẵn ở huyện Tư Nông (nay là huyện Phú Bình). Nhung hươu, mật gấu, sáp ong.. các huyện đều có". "Huyện Định Hoá có bạc.

⁽¹⁾ -Từ điển Lịch sử văn hoá Việt Nam - NXB Văn hoá thông tin 1997

⁽²⁾ -Hiện nay mỏ Kim Hỷ, Thuần Mang, Bảo Nang thuộc tỉnh Bắc Cạn.

đồng, chì, vàng. Huyện Đại Từ có than. Huyện Phổ Yên có vượn trắng"⁽¹⁾.

Thái Nguyên nổi tiếng là vùng đất giàu tài nguyên khoáng sản. Các mỏ sắt, vàng, chì, kẽm...ở Thái Nguyên từ lâu đã là nguồn hấp dẫn đối với nhiều nhà khai khoáng trong và ngoài nước. Chỉ tính riêng khoảng thời gian trị vì của 4 triều vua: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, cả nước có 4 mỏ chì được khai thác thì mỏ chì ở Quan Triều-Thái Nguyên là mỏ có trữ lượng lớn rất được chú trọng. Đây là một trong những công trường khai mỏ có quy mô, tập trung hàng trăm công nhân. Lực lượng lao động ở các hầm mỏ thời đó gồm cả binh lính, công tước và dân phu, sản xuất theo chế độ lao dịch, cường bức với tiền công rất thấp.

Làm chủ một tỉnh giàu tài nguyên khoáng sản, là 8 dân tộc anh em (Kinh, Tày, Nùng, Dao, H Mông, Sán Chí, Sán Dìu, Hoa...) ⁽²⁾ trong đó dân tộc ít người chiếm 24,49% dân số toàn tỉnh. Người dân bản địa ở Thái Nguyên so với các tỉnh khác không nhiều, song qua các thời kỳ lịch sử, thành phần dân tộc và dân số Thái Nguyên đã gia tăng. Tính riêng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp - với vị trí là căn cứ địa, là thủ

⁽¹⁾ -Đại Nam Nhất thống chí - sách đã dẫn.

⁽²⁾ - Không kể một số các dân tộc có số lượng ít

đô kháng chiến của cả nước, Thái Nguyên đã đón tiếp 21.672 đồng bào các tỉnh bạn tản cư đến⁽¹⁾.

Mặc dù mỗi thành phần dân tộc ở Thái Nguyên mang những đặc điểm riêng về tiếng nói, trình độ sản xuất, bản sắc văn hoá, song tất cả đều có những nét tương đồng, hoà nhập trong một cộng đồng và chung sống trên một lãnh thổ.

Thời Vua Hùng dựng nước, cư dân Thái Nguyên chủ yếu là người Việt cổ từ các bộ lạc đồng bằng di cư lên, sống xen kẽ cùng với tổ tiên người Cao Lan. Sán Chí, H' Mông, Nùng, Dao, Hoa, Tày từ phía Bắc thiên di xuống, sống dọc theo các triền núi đá. Đa số cư dân nơi đây sống bằng nghề nông, chủ yếu là làm nương rẫy.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, các dân tộc ở Thái Nguyên cũng như bao dân tộc khác trong cả nước bị áp bức bóc lột rất nặng nề, đặc biệt là một số dân tộc vùng núi chủ yếu còn sống du canh, du cư, đời sống kinh tế, văn hoá nghèo nàn, lạc hậu. Song vượt lên mọi khó khăn gian khổ, các dân tộc Thái Nguyên đã đoàn kết chế ngự thiên nhiên, chống kẻ thù xâm lược, giải phóng quê hương. Hoà bình lập lại, các dân tộc nơi đây lại sát cánh gắn bó với nhau hơn bởi hệ tư tưởng xã

⁽¹⁾ - Tổng kết chiến tranh du kích Thái Nguyên - Tr 218

hội chủ nghĩa, bởi mục tiêu cách mạng chung, cùng nhau xây dựng và bảo vệ Thái Nguyên ngày một giàu đẹp, vững chắc.

Ở Thái Nguyên, dân tộc Kinh (hay còn gọi là Việt) có 800.481 người (chiếm 75,50%) . Đây là dân tộc mang nguồn gốc bản địa, chiếm số lượng đông nhất. Dân tộc Kinh gồm nhiều bộ phận hợp thành: dân bản địa, dân được tuyển mộ vào làm công trong các mỏ đồng điền, có bộ phận là người di cư từ các vùng đồng bằng lên. Địa bàn cư trú của người Kinh rộng khắp từ vùng trung du phía nam đến các vùng núi rừng hẻo lánh phía bắc, trong đó tập trung nhiều ở thành phố. Người Kinh có kinh nghiệm sản xuất và khả năng tiếp thu nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Tổ chức xã hội của người Kinh cũng rất chặt chẽ, từ thành thị đến nông thôn mang nét đặc thù tiêu biểu của cơ cấu xã hội Việt Nam. Xuất phát từ đặc điểm cư trú, người Kinh có truyền thống trồng lúa nước, làm nông nghiệp và các nghề thủ công.

Dân tộc có số người đông thứ hai ở Thái Nguyên là Tày có 113.325 người (bằng 10,69%). Cũng như người Kinh, người Tày ở Thái Nguyên có từ rất lâu đời. Tổ tiên của người Tày vốn là cư dân bản địa ở Bắc Việt Nam và miền giáp ranh biên giới Việt - Trung. Nền

văn hoá của họ gọi chung là văn hoá Tày-Thái. Người Tày tiếp thu những yếu tố ngôn ngữ, văn hoá của các dân tộc khác để ngày một phát triển ngôn ngữ của mình một cách phong phú. Đặc biệt người Tày có quan hệ gần gũi với người Nùng, Cao Lan, Sán Chỉ, bởi họ có sự tương đồng về ngôn ngữ, văn hoá. Địa bàn cư trú của người Tày rộng khắp trong phạm vi toàn tỉnh, song chủ yếu ở những huyện miền núi, vùng cao: Định Hoá, Phú Lương, Đại Từ, Võ Nhai. Ngoài việc trồng lúa, người Tày còn trồng rất nhiều ngô, khoai, sắn để nâng cao đời sống. Người Tày có truyền thống về một số ngành nghề thủ công như đan lát, dệt vải...

Dân tộc Nùng ở Thái Nguyên có 54.383 người (bằng 5,13%) dân số toàn tỉnh. Người Nùng có nhiều chi tộc: Nùng Phần Sinh, Nùng Cháo, Nùng Inh. Phạm vi cư trú của người Nùng gần như người Tày. Ở tất cả các huyện, thị trong tỉnh đều có người Nùng, song tập trung đông nhất là ở Đồng Hỷ, Võ Nhai và Đại Từ.

Ngoài ra, Thái Nguyên còn có 25.972 người dân tộc Sán Dìu, 22.686 người dân tộc Dao và 43.252 người thuộc các thành phần dân tộc khác: H'Mông, Hoa, Thái... sống rải rác ở khắp các địa phương trong tỉnh. Mỗi dân tộc đều có vốn văn hoá mang bản sắc rất phong phú và đa dạng. Dân tộc Dao ở Thái Nguyên có

4 nhóm chính: Dao Đỏ, Dao Tiền, Dao Lô gang, Dao quần chẹt⁽¹⁾. Người Dao chủ yếu sống trên núi cao, nơi có khí hậu khá khắc nghiệt, địa hình phức tạp rất khó khăn cho việc giao lưu. Do vậy tư liệu sản xuất chính của đồng bào Dao là đất đồi, rừng. Khả năng canh tác của họ tuy đa dạng, phong phú với các loại rau đậu, các loại cây lương thực ...song vì cuộc sống của họ không ổn định, cho nên gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, hiện nay trình độ dân trí của người Dao đã được nâng cao hơn nhiều so với trước. Văn hoá Dao có nhiều nét độc đáo như hát lượn "pả dzung" trong các ngày lễ, tết...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, những tinh hoa văn hoá, truyền thống tốt đẹp của mỗi dân tộc ngày càng được phát huy, đồng thời hạn chế dần những mặt tiêu cực. Những thành quả của các cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hoá đã cơ bản xác lập trong tất cả các vùng, các dân tộc những cơ sở cần thiết của một nền văn hoá mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Ngoài truyền thống cần cù lao động, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên còn có truyền thống hiếu học. Ở những thế kỷ trước, khi quê hương đất nước còn triền miên trong cảnh tranh giành quyền lực của các triều

⁽¹⁾ -Địa lý tỉnh Thái Nguyên - Sở Giáo dục và đào tạo Thái Nguyên. XB lần 1-1998-Tr82.

đình phong kiến, nạn ngoại xâm thường xuyên đe dọa, nhân dân phải sống trong đói khổ, áp bức thì ở Thái Nguyên đã có hàng chục vị đại khoa, tiến sỹ (học vị cao nhất dưới thời phong kiến), góp phần vào sự hưng thịnh của quốc gia⁽¹⁾.

Nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên vốn có truyền thống văn hoá lâu đời. Đến nay chúng ta còn lưu

⁽¹⁾ - 1- Trình Hiến - thuộc xứ Thái Nguyên đỗ Tiến sỹ năm 1429.

2- Nguyễn Cầu, quê Phổ Yên. đỗ Tiến sỹ năm 1463, được truy phong chức Khám sai đại thần chỉ huy sứ thị vệ long quân Cần hầu, Chính đô đốc đốc bác quận công.

3- Đỗ Cận (tự là Hữu Khúc) người xã Thống Thượng (nay là xã Minh Đức) - Phổ Yên. ông đỗ Tiến sỹ năm 1478, được thăng tới chức Thượng thư - một trong sáu vị quan đứng đầu bộ máy hành chính dưới triều vua Lê Thánh Tông.

4- Phạm Nhì, quê huyện Đông Hỷ, đỗ Tiến sỹ năm 1493, được bổ nhiệm làm quan tới chức Phủ doãn phủ Phụng Thiên (viên quan đứng đầu kinh thành Thăng Long).

5- Đàm Chí, quê Túc Duyên- Đông Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên), đỗ Tiến sỹ năm 1535, làm quan tới chức Thừa Chính sứ, tước Văn Trai bá (Bá Tước).

6- Dương Úc, quê Hoá Trung- Đông Hỷ, đỗ Tiến sỹ năm 1541, làm quan tới chức Thừa Chính sứ.

7- Đông Doãn Giai, quê Hùng Sơn-Đại Từ, đỗ Tiến sỹ năm 1763, làm quan Hàn Lâm hiệu thảo, sau đó sung chức Đốc Đồng trấn Lạng Sơn....

giữ được rất nhiều chứng cứ vật chất để xác định đã có sự sống của loài người cách chúng ta chừng 2 - 3 vạn năm. Khu di tích Thần Sa thuộc xã Thần Sa huyện Võ Nhai với các di chỉ Phiêng Tụng, hang đá Ngườm, Thâm Chong, Nà Ngần đã chứng minh sự tồn tại của một nền văn hoá cổ ở Việt Nam nói riêng và ở cả vùng Đông Nam Á nói chung - Văn hoá Thần Sa. Ngoài ra, các nhà khảo cổ học còn phát hiện ở một số xã của huyện Võ Nhai chính là quê hương của các nền văn hoá thời kỳ đồ đá: Văn hoá Hoà Bình, văn hoá Bắc Sơn... và phát hiện ra trống đồng Đông Sơn ở Hoà Bình - Võ Nhai. Điều đó chứng tỏ Thái Nguyên không chỉ là quê hương của người Việt mà còn là quê hương của nền văn hoá đa sắc tộc rất đáng tự hào. Những hiện vật khảo cổ cho thấy các bộ tộc người nguyên thủy sinh sống bằng nghề hái lượm và săn bắt. Có những bộ tộc nguồn gốc ở đây và cũng có những bộ tộc di cư từ nơi khác tới kiếm sống rồi sinh cơ lập nghiệp.

Thái Nguyên đẹp bởi cái đẹp của thiên nhiên và cái đẹp của truyền thống. Trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc có biết bao sự kiện lịch sử đã ghi dấu ấn trên mảnh đất này⁽¹⁾.

⁽¹⁾ -Bắc Thái 40 năm đấu tranh và xây dựng (1945-1985) - Sở Văn hoá Thông tin Bắc Thái-1985.

Là trung tâm của vùng chiến lược phía Bắc sông Hồng, sông núi hiểm trở, nên trong lịch sử Thái Nguyên thường xuyên phải đối mặt với các thế lực ngoại bang và cả các tầng lớp phản nghịch trong nước luôn uy hiếp trật tự an ninh. Từ xa xưa, ông cha ta đã từng coi Thái Nguyên là phen giậu phía Bắc của kinh thành Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, là điểm xuất phát triển khai lực lượng chống giặc ngoại xâm ở miền biên giới. Chính vì vậy, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã sớm xây dựng cho mình bản lĩnh bất khuất, kiên cường trước hoạ ngoại xâm và bất công xã hội.

Theo sử cũ, từ cuối thế kỷ thứ II trước Công nguyên, khi nhà Hán (Trung Quốc) tiến đánh đất Nam Việt của Triệu Đà, nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã theo thủ lĩnh Tây Vu Vương nổi dậy nhằm khôi phục nền độc lập cho đất nước. Không may Tây Vu Vương bị giết, nước Nam Việt bị diệt, đất đai Âu Lạc bị chuyển sang tay nhà Hán. Năm 40 sau Công nguyên, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên lại tập hợp dưới bóng cờ nghĩa của hai vị anh hùng dân tộc (Trung Trắc, Trung Nhị) chiến đấu chống quân xâm lược nhà Đông Hán, giành quyền độc lập trong 3 năm. Khi chúng tiến quân sang đánh Âu Lạc lần 2, khởi nghĩa của hai bà Trưng thất bại, chúng lập ách thống trị trên đất nước ta. Chính sách nô dịch và đồng hoá của chúng được đẩy mạnh hơn trước. Chế độ lạc tướng cha

truyền con nối của người Việt bị bãi bỏ. Nhà Hán âm mưu muốn biến đất Việt thành những châu, quận, huyện do chúng trực tiếp cai trị. Vậy là trong hơn một ngàn năm dưới ách thống trị của phong kiến phương Bắc, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên cũng như cả nước phải chịu nhiều nỗi cơ cực. Nhân dân Thái Nguyên đã nhiều lần nổi dậy hoà cùng phong trào khởi nghĩa lớn ở các địa phương. Những phong trào đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta lúc đó dựa trên nền tảng công xã của người Việt là một vật cản to lớn hạn chế phạm vi thống trị của kẻ địch, khiến cho chính sách thống trị của chúng rút cuộc vẫn chỉ là chính sách "ràng buộc" lỏng lẻo.

Cuối thế kỷ thứ IX, đầu thế kỷ X, triều đình nhà Đường suy yếu, nạn cát cứ của các tập đoàn phong kiến ngày càng ác liệt, phong trào nông dân bùng nổ ngày thêm mạnh mẽ, nhân dân Thái Nguyên sát cánh cùng với nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Lê Hoàn đánh tan quân xâm lược Tống. Thắng lợi đó đã góp phần củng cố vững chắc nền độc lập, thống nhất của đất nước và tô thắm thêm truyền thống yêu nước, tự cường, bất khuất của dân tộc.

Thế kỷ thứ XI, XII, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Thái Nguyên đã góp sức người, sức của chống quân Tống xâm lược, tham gia trận đánh địch trên sông Như Nguyệt. Bao người con ưu tú của quê

huong Thái Nguyên đã phải đổ xương máu hy sinh cả tuổi thanh xuân để gìn giữ độc lập cho Tổ quốc. Tiêu biểu là Dương Tự Minh- một võ quan của triều đình nhà Lý. Ông trực tiếp tham gia chiến đấu góp phần đánh tan quân xâm lược Tống trên phòng tuyến sông Cầu. Khi Đào Hữu Lượng cầm đầu giặc Tống sang cướp phá châu Quảng Nguyên, vâng lệnh triều đình, Dương Tự Minh cùng Nguyễn Như Mai, Lý Nghĩa Vinh cầm quân đánh giặc. Chỉ một thời gian ngắn, ông đã chỉ huy đánh tan quân Đào Hữu Lượng, đem lại sự bình yên cho đất nước. Cuộc đời và sự nghiệp của ông là biểu tượng, tượng trưng cho tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc trong buổi đầu xây dựng quốc gia phong kiến Đại Việt. Với những đóng góp của mình, Dương Tự Minh đã được Vua gả hai công chúa Diễm Bình và Thiệu Dung, được phong chức Phò Mã Lang, trông coi toàn bộ việc quân, dân suốt một vùng khe động dọc biên giới phía Bắc và được sắc phong là Thượng đẳng thần, được nhân dân ghi ơn, lập đền thờ cúng ở núi Đuóm (xã Động Đạt-huyện Phú Lương)⁽¹⁾.

⁽¹⁾ -Theo Đại Việt Sử ký toàn thư - tập I - trang 134: Năm Đại Định thứ 11 (1150), Dương Tự Minh cùng với Điện Tiền chỉ huy sứ Vũ Đái, Tri Minh Vương, Bảo Ninh Hầu bắt gian thần Đỗ Anh Vũ. Việc không thành, Dương Tự Minh bị Đỗ Anh Vũ trả thù cho lưu đày ở khu vực núi Đuóm (huyện Phú Lương ngày nay) và chết ở đó.

Đầu thế kỷ thứ XIII, triều Lý sụp đổ, triều Trần được thành lập. Trên nền tảng được xây dựng từ triều Lý, triều Trần tiếp tục việc dựng nước, trước hết là củng cố quốc gia thống nhất, lo đối phó với nạn ngoại xâm. Ở thế kỷ này, nhân dân Thái Nguyên góp phần cùng với triều Trần ba lần kháng chiến chống quân Nguyên Mông thắng lợi.

Khi nhà Minh xâm lược và nô dịch nước ta (thế kỷ XV), khắp nơi trên đất nước, nhân dân các dân tộc lại vùng lên đấu tranh. Tập hợp dưới ngọn cờ của các nghĩa quân là đông đảo mọi tầng lớp, từ quý tộc quan lại yêu nước đến nông dân, nô tỳ; từ dân tộc đa số ở miền xuôi đến dân tộc thiểu số ở miền núi. Các nghĩa quân hoạt động ráo riết dưới nhiều hình thức. Bên cạnh những cuộc bạo động lẻ tẻ, từ cuối năm 1407, đã xuất hiện một số cuộc khởi nghĩa lớn, phạm vi hoạt động rộng. Ở Thái Nguyên, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc cũng bùng lên mạnh mẽ. Mở đầu là cuộc khởi nghĩa của Trần Nguyên Khoáng, Nguyễn Đa Bí nổ ra năm 1408; tiếp theo là hàng loạt cuộc nổi dậy của Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chấn, Nguyễn Trà, Ông Lão... Tiêu biểu nhất là nghĩa quân Ông Lão, đã chiến đấu và xây dựng được căn cứ ở Đông Hỷ. Tháng 6/1410, quân Ma Bá Hổ tấn công huyện Đông Hỷ, nghĩa quân của ông bị thất bại. Tuy nhiên, từ năm

1410, đến tháng 3/1412. Ông Lão vẫn tiếp tục củng cố lực lượng và chiến đấu ở Lạng Giang, Cổ Lũng (Hữu Lũng-Lạng Sơn).

Phong trào chống giặc Minh xâm lược của nhân dân cả nước ngày một lan rộng. Các nghĩa quân lợi dụng địa hình hiểm trở của núi rừng chặn đánh địch rất hiệu quả, điển hình là phong trào "áo Đỏ" (hay còn gọi là nghĩa binh Hồng Y), hình thành từ năm 1410. Từ Thái Nguyên, phong trào lan rộng ra khắp vùng Việt Bắc, Tây Bắc, vào đến tận miền núi rừng Thanh - Nghệ. Đây là cuộc đấu tranh có quy mô rộng lớn, tiêu biểu cho tinh thần dũng cảm, bền bỉ của nhân dân các dân tộc miền núi, buộc giặc Minh phải rất khó khăn, vất vả trong nhiều năm mà vẫn không duy trì được bộ máy thống trị vững chắc trên đất ta.

Trong khi những cuộc khởi nghĩa của các quý tộc họ Trần và nhiều phong trào yêu nước ở Thái Nguyên và một số tỉnh lân cận tạm lắng xuống thì ở miền Tây Thanh Hoá lại bùng lên cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, do hào trưởng Lê Lợi lãnh đạo.

Ngày 7/2/1418, tại Lam Sơn-Thọ Xuân- Thanh Hoá, Lê Lợi cùng toàn thể nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa. Ngọn cờ Lam Sơn thu hút nhiều hào kiệt quy tụ, trong đó có Lưu Nhân Chú (con trai Lưu Trung - một gia đình nhiều đời làm quan nhỏ ở vùng An Thuật-hạt

Đại Từ-Thái Nguyên)⁽¹⁾. Ông cùng với cha và em rể - Phạm Cuồng là những người có mặt rất sớm trong cuộc khởi nghĩa⁽²⁾.

Lưu Nhân Chú giữ chức phó chỉ huy vệ kỵ binh trong đội quân thiết đột⁽³⁾. Suốt từ năm 1418 đến năm 1423, nghĩa quân hoạt động bền bỉ, chịu đựng gian khổ ở miền rừng núi Thanh Hoá và Hoà Bình. Lưu Nhân Chú là người trực tiếp tham gia chỉ huy hai trận đánh ở Khả Lưu và Bồ ải (1424) giành thắng lợi lớn, phá được vòng vây, diệt nhiều địch và thu nhiều vũ khí. Đặc biệt, là trận đánh tháng 10/1424, Lưu Nhân Chú là một trong 11 vị tướng chỉ huy bắt sống được tướng giặc Chu Kiệt và giết tướng Hoàng Thành. Năm 1426, Lưu Nhân Chú cùng các tướng Bùi Bị, Lê Trương, Lê Ninh chỉ huy 2000 nghĩa quân và một thớt voi chiến chặn đường rút chạy của giặc Minh ở Tràng An, Thiên Trường, Kiến Xương để giải phóng vùng hạ lưu sông Nhị. Tháng

⁽¹⁾ - Vùng An Thuật nay là xã Văn Yên huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên.

⁽²⁾ - Có tài liệu ghi ba cha con (Lưu Nhân Chú, Lưu Trung và Phạm Cuồng) cùng dự hội thề Lũng Nhai (1416), song cũng có những tài liệu ghi chỉ có Lưu Nhân Chú dự Hội thề Lũng Nhai (1416), còn Lưu Trung và Phạm Cuồng không dự Hội thề mà tham gia khởi nghĩa từ những ngày đầu (1418)- Xem Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú - Viện Sử học Việt Nam và Sơ Văn hoá thông tin tỉnh Thái Nguyên xuất bản tháng 10/2001.

⁽³⁾ - Danh tướng Việt Nam (tập II) - Danh tướng Lam Sơn - NXB Giáo dục 1997 - Tr 79.

10/1427, ông lại cùng Lê Sát, Lê Ninh, Lê Thụ, Đinh Liệt đem một vạn quân cùng voi lên mai phục ở ải Chi Lăng (Lạng Sơn), tiêu diệt toàn bộ toán quân kỵ binh do Liễu Thăng cầm đầu....Một số trận tiếp theo do ông chỉ huy cũng đều giành thắng lợi xuất sắc. Ông là một trong số không nhiều các tướng của Lam Sơn được vinh dự tham gia chỉ huy hầu như tất cả các cuộc tập kích suốt từ Chi Lăng đến Xương Giang và đều lập công lớn nhờ dũng khí xông pha trận mạc và bản lĩnh kiên cường của ông trước kẻ thù. Ngày 3/1/1428, đội binh cuối cùng của quân Minh đã rút khỏi nước ta, đất nước được hoàn toàn giải phóng. Sau chiến thắng, Lưu Nhân Chú được Lê Lợi ban thưởng lớn, phong chức "Tư không nhập nội, thượng tướng quân" và ban cho Quốc tính (họ nhà vua). Cùng nghĩa khí với ông - người cha và em rể cũng có công rất lớn cho thắng lợi của cuộc khởi nghĩa và được phong chức tước xứng đáng với công lao, được xếp vào hạng công thần khai quốc của triều Lê⁽¹⁾.

⁽¹⁾ -Trong số 93 vị công thần khai quốc, Lưu Nhân Chú đứng ở hàng thứ 5 (năm 1429) và đến năm 1431 ông được phong Nhập nội Tư khấu. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), vua Lê Thánh Tông truy tặng Lưu Nhân Chú làm Thái phó, tước Vinh Quốc công - Danh tướng Việt Nam - (Tập II - Danh tướng Lam Sơn) - NXB Giáo dục 1997 - Tr 86.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung phế truất triều Lê, lập ra triều Mạc. Tướng nhà Mạc chia nhau chiếm đóng tỉnh ta (Mạc Kính Dung chiếm đóng thành Thái Nguyên, Mạc Kính Khoan chiếm đóng Đại Từ). Nhân cơ hội này, các cựu thân nhà Lê nổi quân chống lại. Đại Việt lại lâm vào tình trạng chiến tranh nội bộ, nhà Minh một lần nữa tìm cách đe dọa, khống chế ta.

Trước tình hình đó, nhà Mạc không có lập trường, tư tưởng đối phó vưng vàng mà tỏ ra hèn hạ trước sự đe dọa của giặc Minh. Chiến tranh liên tiếp xảy ra giữa Lê-Trịnh-Mạc rồi Trịnh-Nguyễn suốt thế kỷ XVI, XVII và XVIII. "Trần Thái Nguyên cùng với Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Hưng Hoá (lúc bấy giờ được xem là ngoại trấn) cũng như cái phen giậu của Nhà nước"⁽¹⁾. Các tập đoàn phong kiến đối lập dùng chiến tranh để tiêu diệt lẫn nhau, dẫn đến tình trạng chia cắt đất nước, làm cho đời sống nhân dân vô cùng cực khổ. Nhân dân ở khắp mọi nơi liên tiếp nổi dậy khởi nghĩa chống lại triều đình.

Bước vào thế kỷ XIX, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa, như khởi nghĩa của Dương Đình Cúc (năm 1806) duy trì được gần 20

⁽¹⁾ -Địa chí Lạng Sơn - Ban Tuyên giáo Lạng Sơn xuất bản năm 1999

năm: khởi nghĩa của Nông Văn Vân (1833 - 1835), chống lại triều đình nhà Nguyễn mà Thái Nguyên là một địa bàn rộng lớn của nghĩa quân, là tấm lá chắn phía Nam bảo vệ căn cứ địa của cuộc khởi nghĩa ở Vân Trung, Ngọc Mạo (Báo Lạc-Cao Bằng). Nghĩa quân nhanh chóng chiếm lại được tỉnh Thái Nguyên, làm chủ cả vùng Việt Bắc, bắt quan lại nhà Nguyễn ở tỉnh thành thích vào mặt đồng chữ "quan tỉnh hay ăn hối lộ" rồi đuổi về... Song tất cả các cuộc khởi nghĩa ở thời kỳ này đều bị các vua nhà Nguyễn thắng tay đàn áp.

Trên thực tế, gần một thế kỷ triều đình nhà Nguyễn lập lại ách thống trị trên đất nước ta với một bộ máy chính trị mang nặng tính chất quan liêu, độc đoán và sâu mọt. Đó chính là nhà nước quân chủ chuyên chế tuyệt đối, tập trung cao độ với một chế độ chính trị lạc hậu, phản động. Chúng nắm trong tay mọi quyền hành, ra sức đàn áp những người dân lương thiện. Dưới triều Nguyễn, tổ chức xã thôn đã trở thành công cụ của bọn cường hào, địa chủ nông thôn. Nó trói buộc người nông dân trong những quan hệ địa phương hẹp hòi, có lợi cho sự bóc lột của nhà nước phong kiến và cản trở sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá, làm cho nền kinh tế nước ta bị suy đốn trầm trọng về mọi mặt. Những chính sách phản động, những cuộc đàn áp đẫm máu của nhà Nguyễn khiến cho đời sống nhân dân ngày càng

khó cực. Mâu thuẫn giữa giai cấp phong kiến thống trị với nhân dân, chủ yếu là nông dân đã trở nên vô cùng gay gắt, hàng loạt cuộc khởi nghĩa nổ ra và là thời điểm thích hợp cho thực dân Pháp xâm lược nước ta.

Ngày 01-9-1858, Liên quân Pháp - Tây Ban Nha từ tàu chiến ở ngoài cửa biển Đà Nẵng (Quảng Nam) bắn đại bác lên các đồn Điện Hải, An Hải và cho quân đổ bộ đánh chiếm bán đảo Sơn Trà, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

Sau khi đánh chiếm xong các tỉnh Nam Kỳ và đồng bằng Bắc Kỳ, thực dân Pháp mở các cuộc tấn công đánh chiếm các tỉnh thượng du Bắc Kỳ.

Ngày 17 tháng 3 năm 1884 từ Bắc Ninh, thực dân Pháp đem quân đánh chiếm Thái Nguyên. Chúng đã "vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của quân Việt Nam"⁽¹⁾ do Nguyễn Quang Khoáng chỉ huy. Chiều 19/3, Nguyễn Quang Khoáng tử trận, quân Việt Nam buộc phải rút lui ra khỏi Thành Thái Nguyên cùng với nhân dân Thái Nguyên tổ chức đánh du kích, tiêu hao dần lực lượng quân đội Pháp. Quân Pháp ồ ạt tiến vào

⁽¹⁾ -A.Echinard: Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên. Cùng trong thành Thái Nguyên lúc này có khoảng 2000 quân Mãn Thanh (Trung Quốc), 200 quân "Cờ đen" của Lưu Vĩnh Phúc và 600 quân Việt Nam (quân triều đình Huế). Khi Pháp nổ súng đánh thành Thái Nguyên, 2000 quân Mãn Thanh bỏ chạy.

trong Thành Thái Nguyên cướp 39 khẩu đại bác (trong đó có 25 khẩu bằng đồng), 20 súng máy, 200 súng trường cùng nhiều đạn dược thuốc súng và tiền, gạo dự trữ. Tuy chiếm được thành Thái Nguyên nhưng chúng thường xuyên bị quân và dân Thái Nguyên đánh du kích quấy rối, nên ngày 21/3/1884 sau khi phá thành Thái Nguyên, quân Pháp phải rút về Bắc Ninh.

Sáng 15/4/1884, hai đại đội quân Pháp và một số quân nguy từ Đa Phúc hành quân qua Phổ Yên lên đánh chiếm Thái Nguyên. Đến Lưu Xá, bị chặn đánh quyết liệt nên mãi đến 13 giờ 10 phút ngày hôm sau (16/4), chúng mới chiếm được Thành. Quân ta rút khỏi thành, nhưng vẫn tiếp tục tổ chức bao vây cắt đứt các đường tiếp tế lương thực, thực phẩm của quân Pháp. Bị hãm vào tình thế khó khăn, ngày 19/4/1884, quân Pháp lại phải bỏ thành Thái Nguyên rút theo đường đi Phú Bình về Bắc Ninh.

Sau hai lần đánh chiếm vẫn không giữ được thành Thái Nguyên, ngày 10/5/1884, từ Bắc Ninh quân Pháp lại tổ chức một cánh quân lớn do trung tá Đon-ni-ê chỉ huy, đánh chiếm Thái Nguyên lần thứ 3. Từ sau đó, chúng mở rộng phạm vi chiếm đóng trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XIX, giặc Pháp đã hoàn thành việc đánh chiếm tỉnh Thái Nguyên, nhưng chưa kịp thiết lập, củng cố bộ máy

thống trị đến các làng, các tổng thì chúng đã vấp phải phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta. Hưởng ứng phong trào chống Pháp của Phùng Bá Chi, nhân dân Thái Nguyên đã tập hợp dưới ngọn cờ của Mã Sinh Long (tức Mã Mang) nổi dậy chống Pháp. Cùng lúc đó, nghĩa quân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, từ Bắc Giang tràn sang Thái Nguyên. Nhân dân các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Võ Nhai, Phú Lương... hăng hái tiếp tế lương thực, thực phẩm và dẫn đường cho nghĩa quân. Nhiều người tình nguyện đứng vào hàng ngũ nghĩa quân đánh Pháp. Trong những tháng đầu năm 1896, dưới sự chỉ huy của Đề Đình, chỉ tính riêng trên địa bàn huyện Đại Từ, nhân dân đã ủng hộ, giúp đỡ, tham gia cùng nghĩa quân Yên Thế đánh 16 trận, tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên địch, khiến cho quân Pháp đóng ở đồn Lục Ba, Cát Nê hoang mang, nom nớp lo sợ bị tấn công. Trên địa bàn các huyện Phổ Yên, Phú Bình cũng diễn ra nhiều trận đánh ác liệt giữa nghĩa quân Yên Thế và giặc Pháp.

Ở các huyện phía Bắc, ngày 10/1/1897, nghĩa quân Mã Mang phục kích một đoàn vận tải của địch từ thị xã Thái Nguyên ngược Sông Cầu lên Chợ Mới, đánh thiệt hại nặng đơn vị hộ tống, thu toàn bộ vũ khí và hàng hoá. Trong những tháng đầu năm 1897, nghĩa quân Mã Mang đã phát triển lên tới trên 300 người, liên tiếp đánh địch ở huyện lỵ Phú Lương, nam chợ Giang

Tiên... trừng trị thích đáng tên sỹ quan Pháp Giám binh Thái Nguyên, tên Tri huyện Phú Lương và hàng chục lính địch. Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Thái Nguyên đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước của binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp đóng ở Thái Nguyên. Cuối năm 1892, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp đóng ở đồn Hùng Sơn (Đại Từ) dưới sự chỉ huy của Cai Bát⁽¹⁾ đã nổi dậy làm binh biến, chiếm đồn, thu vũ khí của địch. Cuộc khởi nghĩa của binh lính đồn Hùng Sơn (Đại Từ) được nhân dân Thái Nguyên hưởng ứng rất nhanh. Từ một số ít binh lính nổi dậy cuối năm 1892, đến tháng 3/1894, lực lượng đã phát triển lên tới 350 người. Dựa vào sườn núi Tam Đảo điệp trùng, hiểm trở thuộc địa giới các tỉnh Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang, nghĩa quân Cai Bát đã liên tiếp đánh Pháp từ năm 1892 đến năm 1896.

Sau khi dập tắt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta, thực dân Pháp ráo riết xây dựng bộ máy đàn áp, cai trị. Chúng chia tỉnh Thái Nguyên thành 7 huyện (Tư

⁽¹⁾ -Cai Bát là một hạ sỹ quan chỉ huy đồn Hùng Sơn, ông rất căm ghét bọn chỉ huy người Pháp. Ông đồng tình với phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta nên đã lãnh đạo, chỉ huy binh lính trong đồn nổi dậy đánh chiếm đồn, thu vũ khí của địch. Ông đã ra lời kêu gọi nhân dân ta hưởng ứng cuộc binh biến do ông chỉ huy.

Nông, Phổ Yên, Đông Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ, Văn Lãng, Phú Lương) và Châu Định Hoá với 51 tổng, 199 làng⁽¹⁾ Ngoài tỉnh lỵ Thái Nguyên và 7 huyện lỵ, 1 châu lỵ, thực dân Pháp còn đặt thêm ở Thái Nguyên 3 trung tâm hành chính là Chợ Chu (Định Hoá), Phương Độ (Phú Bình) và Hùng Sơn (Đại Từ).

Bộ máy cai trị ở cấp tỉnh gồm có một viên Công sứ người Pháp thuộc ngạch quan cai trị hạng ba làm chủ tỉnh; một viên Phó Công sứ thuộc ngạch quan cai trị hạng tư; hai tham tá; ba thanh tra lính khố xanh (trong đó có một đại diện Công sứ tại Hùng Sơn, tám trưởng trại lính khố xanh, hai nhân viên thuế đòan và độc quyền, một nhân viên ngành công chính, một nhân viên bưu điện, một viên chức ngạch quan cai trị hạng năm đại diện Công sứ tại Chợ Chu, một Tham tá bậc nhất đại diện Công sứ tại Phương Độ). Giúp việc cho bộ máy hành chính cai trị của Pháp, là quan lại người Việt từ tỉnh xuống các châu, huyện gồm một án sát mang hàm Tuần phủ phụ trách chung toàn tỉnh; một thượng tá phụ tá cho án sát; hai Tri Phủ (Phú Bình và Đại Từ);

⁽¹⁾ - Tổng là đơn vị hành chính trung gian giữa huyện hoặc châu với các làng (thôn) trực thuộc. Một huyện hoặc châu có nhiều tổng. Làng (thôn) là cấp cơ sở của chính quyền Nhà nước. Cuối năm 1904 đến năm 1905 các huyện Tư Nông (8 tổng, 45 làng), Phổ Yên (6 tổng, 24 làng), Đông Hỷ (5 tổng, 28 làng), Võ Nhai (5 tổng, 15 làng), Đại Từ (5 tổng, 21 làng), Phú Lương (7 tổng, 21 làng); châu Định Hoá (9 tổng, 33 làng).

bốn tri huyện (Phú Lương, Phổ Yên, Võ Nhai, Đông Hỷ) và Tri châu (Định Hoá). Tại trung tâm hành chính Phương Độ (Phú Bình), có một quan lại mang hàm Tri Phủ cùng với đại diện của công sứ Pháp phụ trách chung: một giáo thụ; một thông ngôn (phiên dịch); một lại mục; một nhân viên bưu điện Chợ Chu; một nhân viên bưu điện Chợ Mới. Ở các tổng, có các Chánh tổng, Phó tổng cai quản; ở các làng (thôn) có Lý trưởng, phó Lý trưởng và Hội đồng kì hào, kỳ mục điều hành công việc. Hầu hết các viên quan nắm quyền cai trị từ cấp làng (thôn) trở lên ở Thái Nguyên đều thuộc giai cấp địa chủ, phong kiến cấu kết và làm tay sai cho thực dân Pháp.

Bên cạnh bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn thiết lập bộ máy đàn áp với một lực lượng quân sự lớn được bố trí ở 37 đồn binh rải khắp tỉnh. Dưới ách thống trị tàn bạo của chính quyền thực dân, phong kiến, đời sống của các tầng lớp nhân dân và các dân tộc tỉnh ta vô cùng cực khổ, điêu đứng. Chỉ tính đến năm 1918, chính quyền thực dân Pháp đã cướp của nông dân Thái Nguyên 80.756 ha đất để lập 24 đồn điền. Các mỏ khoáng sản cũng bị chúng cướp đoạt và khai thác bừa bãi. Tại các mỏ than Làng Cẩm, mỏ kềm Làng Hít, công nhân phải làm việc từ 10 giờ đến 12 giờ mỗi ngày, không có phương tiện bảo hộ và nhận đồng lương rẻ

mặt (trung bình từ 0,20đ đến 0,22đ/ngày). Đối với công nhân là phụ nữ thì cuộc sống lại càng cơ cực. Cùng một công việc như nam giới, nhưng họ được nhận tiền lương ít hơn, ngoài ra họ còn bị bọn cai, bọn chủ chọc ghẹo, hăm hiếp bất kỳ lúc nào. Việc cúp lương, đánh đập, sa thải công nhân thường xuyên xảy ra trong các hầm mỏ ở tỉnh Thái Nguyên. Ở mỏ than Phấn Mễ, năm 1924 số công nhân lên tới 2000 người, nhưng do khủng hoảng kinh tế nên ngay những năm sau đó bọn chủ mỏ đã sa thải tới 1650 người⁽¹⁾. Số còn lại tuy có việc làm nhưng đồng lương cũng vô cùng rẻ mạt, không đủ nuôi sống bản thân, lại phải ăn gạo "ngũ" - một thứ gạo của bọn đốc công, vợ con cai, ký mua với giá 0,05 đồng rồi bán lại cho họ với giá đắt gấp từ 1,5 lần đến 2 lần. Tại các mỏ Làng Cẩm, Phấn Mễ, sắt Trại Cau, Linh Nham, hàng nghìn công nhân sống trong các lán trại, không chăn màn, giường chiếu, áo quần rách rưới, mùa đông không có áo rét, phải khoác áo tơi, bao tải đi làm, khi ốm đau bệnh tật không được thuốc thang, cứu chữa... nhiều người đã bị chết do cách đối xử vô trách nhiệm và tàn bạo của bọn chủ. Trận dịch năm 1923 đã có hàng

(1) - Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương 1930-1945 - huyện Phú Lương xuất bản 1996 - Tr 20.

trăm công nhân ở Thái Nguyên thiệt mạng, trong đó có ngày 173 công nhân chết vì sốt rét và ngã nước...

Cùng với các thủ đoạn cướp ruộng đất làm đồn điền, khai thác mỏ để vơ vét tài nguyên khoáng sản, thực dân Pháp đã đặt ra nhiều thứ thuế bất công, vô lý để bóc lột nhân dân Thái Nguyên. Trong các loại thuế khoá đó, thuế đinh (còn gọi là thuế thân) là thứ thuế vô nhân đạo, đánh vào nam giới từ 18 tuổi trở lên. Sau thuế đinh là thuế điền đánh vào ruộng đất. Ngoài 2 loại thuế điển hình trên, nhân dân Thái Nguyên còn phải nộp cho chúng nhiều loại thuế khác, đó là thuế môn bài, thuế trâu bò, thuế gà vịt cùng với nhiều loại phu, phen, tạp dịch khác nữa. Năm 1931, tỉnh Thái Nguyên chỉ có hơn 80.000 dân, nhưng đã phải nộp cho thực dân Pháp tới 286.413 đồng tiền thuế các loại.

Ngoài nỗi khổ về vật chất, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên còn bị thực dân Pháp đẩy đoạ về tinh thần. Để dễ bề cai trị chúng thực hiện chính sách "ngu dân", kìm hãm nhân dân ta trong vòng ngu dốt, lạc hậu. Một thời gian dài kể từ ngày đánh chiếm tỉnh Thái Nguyên, thực dân Pháp đã không mở trường học. Sau này, do nhu cầu đào tạo tay sai, chúng phải mở một vài trường, lớp ở thị xã Thái Nguyên và một số thị trấn, nhưng cũng chỉ hạn chế ở bậc sơ học (tức tiểu học). Dưới thời Pháp thuộc, cả huyện Phú Lương cũng chỉ có

3 trường tiểu học không toàn cấp (ở Phú Lý, Đu và Yên Ninh), với tổng số chưa đến 100 học sinh. Cả huyện Phú Bình chỉ có 2 trường tiểu học (ở Hà Châu và Phương Độ), ở các huyện Phổ Yên, Định Hoá, Đông Hỷ, mỗi huyện cũng chỉ có 1 trường tiểu học với khoảng 100 học sinh ... Năm học 1932 - 1933 được coi là đỉnh cao của nền giáo dục của thực dân Pháp ở Đông Dương thì số học sinh ở tỉnh Thái Nguyên cũng chỉ đạt 1,8% so với dân số, riêng huyện Định Hoá thì tỷ lệ ấy còn chưa được 1%. Đa số học sinh vào học ở các trường này là con em giai cấp thống trị, địa chủ và những nhà giàu có; còn tuyệt đại đa số con em nhân dân lao động tỉnh Thái Nguyên không được đi học, tỷ lệ mù chữ trong nhân dân tỉnh ta chiếm tới trên 95%, có nhiều dân tộc 100% số dân mù chữ, trình độ hiểu biết thấp kém.

Để đầu độc nhân dân về văn hoá, thực dân Pháp đã khuyến khích duy trì những phong tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời, mê tín dị đoan, tuyên truyền phổ biến lối ăn chơi truy lạc, trác táng. Chúng bắt nhân dân ta phải uống "rượu ty" của chúng đưa về, làng bản nào không tiêu thụ hết số rượu của chúng vẫn phải trả tiền và bị coi là phiến loạn. Chúng dùng thuốc phiện để đầu độc nhân dân ta và làm suy yếu giống nòi. Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, thuốc phiện được bán công khai, nhiều

tiệm hút, tiệm rượu, sòng bạc được mở ra để thu hút, lôi kéo thanh niên vào con đường nghiện ngập, ăn chơi sa đọa, mòn mỏi về thể xác và tinh thần, lãng quên con đường đấu tranh cách mạng. Năm 1910, nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã phải tiêu thụ 43.626 lít rượu cồn, 710 kg thuốc phiện... mang lại nguồn lãi lớn cho bọn thực dân phong kiến.

Công tác y tế, chăm lo bảo vệ sức khỏe cho nhân dân không được chính quyền thực dân chú ý. Trong toàn tỉnh chúng cũng thành lập một Ban y tế do viên Công sứ (chủ tỉnh) làm chủ tịch và 6 ủy viên gồm: 1 thầy thuốc người Pháp, 1 nhân viên công chính người Pháp, 1 thầu khoán ngành vận tải người Pháp và 3 người Việt là án sát, tri huyện Đồng Hỷ và Trưởng phố; nhưng đến năm 1932, cả tỉnh Thái Nguyên cũng chỉ có một nhà thương với 30 giường bệnh đặt tại thị xã Thái Nguyên và một bệnh xá 30 giường bệnh đặt ở Chợ Chu (Định Hoá); các huyện Phú Lương, Phú Bình mỗi huyện có 1 nhà thương nhỏ dành cho bọn quan lại; huyện Phổ Yên chỉ có 1 y tá, cả huyện Đồng Hỷ không có 1 cơ sở y tế nào...

Người dân ốm đau, bệnh tật chỉ biết trông chờ vào sự may rủi, đồng bào các dân tộc thiểu số thường mời thầy cúng về "cúng ma"...Tình trạng hữu sinh, vô

dưỡng gần như là phổ biến trong nhân dân các dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên, nhất là trong đồng bào dân tộc Dao.

Trong khi ra sức tìm hãm giáo dục, không phát triển y tế và tăng cường đầu độc nhân dân ta bằng rượu cồn và thuốc phiện, thực dân Pháp lại ra sức đầu tư xây dựng nhà tù. Từ năm 1903, tại trung tâm thị xã Thái Nguyên, chúng đã xây dựng một nhà tù lớn do viên Công sứ (chủ tỉnh) trực tiếp phụ trách. Sau đó, năm 1922 chúng xây dựng thêm nhà tù Chợ Chu (Định Hoá), Càng Bá Vân (Đông Hỷ) v.v Kinh phí xây dựng và tu bổ nhà tù (chưa kể các khoản chi cho việc giam giữ và khủng bố tù nhân) đã gấp hơn 10 lần kinh phí chi cho giáo dục (năm 1931 chi cho giáo dục là 2335 đồng, chi cho xây dựng và tu bổ nhà tù là 23.553 đồng).

Bị áp bức bóc lột thậm tệ, nên ngay những năm đầu của thế kỷ XX, nhân dân tỉnh ta đã nổi dậy đấu tranh. Tháng 11 năm 1913 trên 300 công nhân mỏ Hích đấu tranh chống cúp lương, chống đánh đập và sa thải thợ. Tiếp đó là cuộc đấu tranh chống phạt vạ vô lý của công nhân than Phấn Mễ. Trong các cuộc đấu tranh này, nhiều tên tay sai đắc lực của bọn chủ mỏ đã bị công nhân trừng trị đích đáng.

Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh chống Pháp ở Thái Nguyên thời gian này là cuộc khởi nghĩa của binh lính do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo nổ ra vào đêm 30 rạng sáng 31/8/1917.

Trịnh Văn Cấn tên thật là Trịnh Văn Đạt, sinh năm 1881, quê ở làng Yên Nhiên (còn gọi là làng Nhán), tổng Thượng Nhung, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc). Sinh ra và lớn lên trong gia đình có bố, mẹ là người làm việc cho gia đình viên cai tổng Đặng Văn Ngoan (một người hưởng ứng phong trào Cấn Vương chống Pháp từ năm 1885) nên Trịnh Văn Cấn đã sớm có lòng yêu nước và chí căm thù giặc ngoại xâm. Ông phải làm lính khố xanh từ thời còn rất trẻ và từ năm 1910 ông bị điều động lên đóng quân ở nhiều nơi trên đất Thái Nguyên. Trước khi về đóng quân ở thị xã Thái Nguyên, ông đóng quân ở Chợ Chu, Định Hoá. Khi buộc phải đi cầm súng đàn áp nghĩa quân Yên Thế, ông đã cảm phục và chịu ảnh hưởng của nhiều tấm gương anh hùng, bất khuất của nghĩa quân Đê Thám. Sau khi Đê Thám hy sinh, cuộc khởi nghĩa Yên Thế thất bại, ông đã nung nấu ý chí tiếp tục sự nghiệp của người anh hùng đất Yên Thế: Hoàng Hoa Thám. Ông kết bạn với những người đồng ngũ là Cai

Mánh, Đội Trường, Cai Xuyên, Đội Giá... và cùng với họ bàn bạc kế hoạch khởi nghĩa. Ông đã nhiều lần định cùng với binh lính nổi dậy khởi nghĩa nhưng chưa thực hiện được.

Lương Ngọc Quyến, hiệu là Lương Lập Nham, con trai thứ hai của Lương Văn Can - người sáng lập ra phong trào Đông Kinh nghĩa thực, sinh năm 1885 ở phố Hàng Đào-Hà Nội. Năm 1905 ông sang Nhật học và sau đó tốt nghiệp vào loại ưu ở trường Quán sự Chấn Vũ.

Năm 1908 ông bị Nhật trục xuất, về Trung Quốc ông vào học trường Lục quân Quảng Đông và trường Quan quân học hiệu tại Bắc Kinh.

Từ năm 1911 đến 1913, ông phục vụ trong quân đội Trung Quốc với quân hàm thiếu tá. Năm 1912, ông tham gia thành lập Việt Nam quang phục hội phụ trách Ban Quán vụ. Sau vụ Việt Nam Quang phục hội đánh bom khách sạn Hà Nội năm 1913 thực dân Pháp bắt cụ Lương Văn Can và hàng trăm người khác, ông bị thực dân Pháp kết án tử hình vắng mặt. Cuối năm 1914, ông bị cảnh sát Anh bắt tại Hồng Kông trục xuất về Quảng Châu rồi báo cho mật thám Pháp bắt. Đầu năm 1915, ông bị Pháp kết án chung thân cấm cố, bị đưa đi giam ở Hỏa Lò - Hà Nội, rồi các nhà tù Sơn Tây, Cao Bằng, Phú Thọ.... bị hành hạ đến mức bại liệt

vân bị xiềng chân và nhốt trong xà lim. Từ tháng 7/1916, ông bị đưa về giam ở nhà tù Thái Nguyên. Tại đây ông bị Công sứ Đắc lơ đâm thủng bàn chân và luôn dấy sắt vào khoá lại và bị nhốt trong xà lim suốt ngày đêm. Tại đây ông đã liên hệ được với Trịnh Văn Cấn và hai người đã bàn bạc cùng với các đồng sự quyết định khởi nghĩa.

Theo đúng kế hoạch, đêm 30/8, nghĩa quân hạ thủ tên giám binh Nộn và Phó quản Lạp. Ngay sau đó, Đội Cấn đã ra lệnh tập hợp toàn bộ binh lính khố xanh tuyên bố khởi nghĩa. Trong số 175 lính khố xanh, 34 người sợ hãi bỏ trốn, 10 người già yếu nộp súng xin về quê, còn lại 131 người ở lại đã hoàn toàn làm chủ trại lính khố xanh. Nghĩa quân đã nhanh chóng toả đi đánh chiếm các mục tiêu khác. Đội nhất Dương Văn Giá chỉ huy mấy chục nghĩa quân đánh chiếm nhà tù, giết giám ngục Lôê, phá nhà giam, giải phóng 180 tù nhân. Nhiều tù nhân bị xiềng, còng lâu ngày không đi được phải bò sang trại lính khố xanh. Lương Ngọc Quyến "được những người lính khiêng trên tay, đã diễn thuyết về lòng ái quốc và dạy binh sỹ cách đào hầm hào ..." ⁽¹⁾. Toàn bộ 180 tù nhân được đưa về trại lính khố xanh,

⁽¹⁾ AOM - Fonds RST, F86, S. Số 36280

thay quần áo và trang bị vũ khí, tất cả đều hăng hái tham gia nghĩa quân. Rạng sáng ngày 31/8/1917, nghĩa quân tiếp tục đánh chiếm sở Lục lộ, sở Điện bạ, Toà án, Nhà Đoan, kho vũ khí. Chiều 31/8, Đội Năm chỉ huy 50 nghĩa binh đánh chiếm kho bạc. Nghĩa quân đã hoàn toàn làm chủ tỉnh lỵ (trừ trại lính Tây), thu 92 súng mứt cơ tông, 75 súng trường, 197 súng các bin, 1 súng lục, 16 thanh kiếm, 92.175 viên đạn các loại và 72.501 đồng tiền Đông Dương. Những vũ khí và tiền bạc mà nghĩa quân thu được có ý nghĩa to lớn trong việc phòng thủ và chống trả quân địch trong thời gian sau.

Sau khi làm chủ tỉnh lỵ, nghĩa quân Thái Nguyên tuyên bố thành lập Quang phục quân do Trịnh Văn Cấn làm đại đô đốc, Lương Ngọc Quyến làm quân sư, đặt Quốc hiệu là Đại Hùng, định Quốc kỳ nền vàng 5 ngôi sao đỏ, định quân kỳ là cờ 5 sao với hàng chữ "Nam bình phục quốc". Ngày 31/8, Quang phục quân đại đô đốc Trịnh Văn Cấn ra lời kêu gọi: "Hỡi đồng bào! Chúng ta phải cùng nhau gắng công, ra sức, phen này hẳn làm tròn sự nghiệp vĩ đại, lá cờ Ngũ tinh được pháp phối về vang khắp cả năm châu, không phụ lòng trông mong, tin cậy của Tổ quốc.

Hỡi đồng bào! Mọi quốc gia tân tạo, bền vững thiên thu vạn tuế bắt đầu xây dựng từ ngày hôm nay.

Toàn thể đồng bào cùng có trách nhiệm tháo ách nô lệ dè dặt, cướp cổ chúng ta bấy lâu"⁽¹⁾.

Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở thị xã Thái Nguyên, sáng 31/8/1917, 312 người thuộc các tầng lớp nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên (trong đó có 50 người là công nhân Làng Cẩm và mỏ kềm Làng Hích) đã nô nức tham gia nghĩa quân, cùng nghĩa quân "nổi dậy đánh đổ quân thù" trong "trận chiến đấu độc lập, tự do", đưa tổng số nghĩa quân lên 623 người (gồm 131 lính khố xanh, 180 tù nhân, 312 nhân dân). Với 623 nghĩa binh và với số vũ khí thu được, lực lượng của nghĩa quân đã mạnh hơn đại đội lính khố đỏ lúc bấy giờ. Với lực lượng đó, nghĩa quân đã chia làm 8 đội, lập thành 8 tuyến phòng thủ (5 tuyến phòng thủ vòng ngoài do Lương Ngọc Quyến chỉ huy, 3 tuyến giữ thành trì trong tỉnh lỵ và chi viện các phòng tuyến khác do Đội Cận chỉ huy). Nghĩa quân đào hầm hào trên các trục đường đi vào thị xã, chuẩn bị đánh giặc, cố thủ tỉnh lỵ Thái Nguyên lâu dài.

(1) - Đào Trinh Nhất-Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917-Quốc dân Thư xã xuất bản-Hà Nội 1946 - Tr 128.

Về phía địch tại Thái Nguyên, nghe súng nổ bọn lính Tây trong đồn không dám xông ra chống cự mà chỉ ở trong đồn bắn vu vơ ra ngoài, còn bọn nhân viên thì bỏ công sở liều chết chạy về đồn lính Tây. Ở Hà Nội sau khi nhận được tin Thái Nguyên khởi nghĩa, Thống sứ Bắc Kỳ đã ra lệnh báo động khẩn cấp cho toàn bộ các đồn bốt ở xung quanh tỉnh lỵ Thái Nguyên, báo động cho công sứ các tỉnh xung quanh Thái Nguyên thực hiện các biện pháp canh phòng, cho quân canh gác, đóng chốt trên các trục đường về Hà Nội. 04 giờ sáng ngày 31/8, Thống sứ Bắc Kỳ trực tiếp gọi điện cho công sứ Đắc Lơ đang ở Hải Phòng trở về Thái Nguyên, đồng thời y cũng ra xe ô tô đi lên Thái Nguyên. Cùng thời gian trên, tướng Mi sa (tư lệnh tối cao quân đội Bắc Kỳ) cũng lập tức lên Thái Nguyên để thị sát và tìm cách đối phó. Thực dân Pháp huy động một lực lượng lớn gồm 1086 sỹ quan và lính người Âu, 1626 hạ sỹ quan và binh lính nguỵ, 1139 lính tập, lính đông, lính cơ... được trang bị đầy đủ vũ khí, phương tiện, có pháo binh, tàu chiến yểm trợ và toàn bộ hệ thống chính quyền từ cấp làng, tổng trong 10 tỉnh (Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Bắc Cạn, Phúc Yên, Phú Thọ, Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên), đàn áp

cuộc khởi nghĩa. Dưới ngọn cờ Ngũ tinh, nghĩa quân đã chiến đấu rất anh dũng chống trả các cuộc tấn công của địch. Sáng 2/9, một đại đội địch tấn công vào các đơn vị của nghĩa quân do Cai Mánh chỉ huy. Kẻ địch thừa nhận "Cuộc chống cự của quân phiến loạn đã diễn ra ác liệt ngay từ trận đọ độ đầu tiên"⁽¹⁾.

Hôm sau (3/9), được bổ sung thêm một đại đội lính Pháp, một trung đội sơn pháo 80, một đội công binh, 150 lính khố đỏ, địch tổ chức nhiều đợt tiến công liên tiếp và dữ dội. Nghĩa quân chống trả quyết liệt và giữ vững trận địa, ngay buổi tối 3/9 đã tập kích táo bạo vào đại bản doanh của địch ở Gia Sàng, giết được tên giám binh Đomactini cùng một số tên khác.

Ngày 4/9, khoảng 300 lính Pháp, có 4 khẩu pháo lớn yểm trợ, mở cuộc tấn công ác liệt vào thị xã Thái Nguyên theo hai hướng Đông Nam và Tây Nam. Nghĩa quân kiên cường kháng cự một cách oanh liệt, bẻ gãy nhiều đợt tấn công của địch. Tại dinh công sứ, nghĩa quân do Đô Ba - một cựu tướng lĩnh Đền Thám - chỉ huy, đã chiến đấu với giặc đến người cuối cùng. Lương Ngọc Quyến đang chỉ huy nghĩa quân chiến đấu ở tỉnh lỵ tại trại lính khố xanh thì bị một mảnh đại bác của

⁽¹⁾ - Alfred Echénard - Lịch sử chính trị, quân sự tỉnh Thái Nguyên, 1934 - Tr 98.

địch bắn vào đầu, đã hy sinh anh dũng (khi đó ông mới 32 tuổi).

Đến trưa ngày 5/9, mặt trận của lực lượng khởi nghĩa bị phá vỡ, quân Pháp hoàn toàn chiếm được tỉnh lỵ Thái Nguyên. Nghĩa quân buộc phải vừa rút lui, vừa chiến đấu trên địa bàn các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Sơn Tây, Bắc Giang và cuối cùng lại quay về Thái Nguyên. Trận chiến đấu quyết liệt tại núi Pháo (Đại Từ) ngày 10/1/1918, đã kết thúc bi hùng cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Đội Cận và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. Kéo dài trong 4 tháng 11 ngày⁽¹⁾

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam, một cuộc khởi nghĩa diễn ra tại một tỉnh, có tuyên bố nền độc lập, đặt ra Quốc kỳ, thành lập quân đội riêng. "Cuộc khởi nghĩa của Thái Nguyên là cuộc khởi nghĩa lớn nhất nổ ra ở Việt Nam trong thời kỳ thế giới đại chiến lần thứ nhất"⁽²⁾. Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên tuy cuối cùng thất bại, nhưng ảnh hưởng của nó vẫn

⁽¹⁾ - Gần 4 tháng vừa rút lui vừa chiến đấu qua nhiều tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ, Đội Cận cùng một số ít nghĩa quân còn lại rút về cô thủ ở khu vực núi Pháo (Đại Từ). Trong các trận chiến đấu bảo vệ căn cứ núi Pháo, Đội Cận đã bị thương ở chân trái; vết thương đã bị nhiễm trùng nặng, đã chuyển sang giai đoạn viêm tấy, hư hoại, mủ chảy xuống tận gót chân. Thầy đại sự không thành và kiên quyết không để rơi vào tay giặc nên Đội Cận đã tự sát ngày 5/1/1918 tại núi Pháo (Đại Từ) để lại tiếng thơm muôn thuở trong lòng nhân dân và trên các trang sử sách của dân tộc Việt Nam ta.

⁽²⁾ - Trần Huy Liệu - Khởi nghĩa Thái Nguyên.

còn vang vọng mãi trong những năm sau này, cổ vũ nhân dân các dân tộc Thái Nguyên tiếp tục vững bước trên con đường đấu tranh chống xâm lược, hun đúc truyền thống bất khuất, kiên cường của nhân dân Thái Nguyên. Truyền thống ấy đã được phát huy và nhân lên gấp bội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

Dưới ảnh hưởng công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, giai cấp công nhân Việt Nam đã ra đời. Trong những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), để bù đắp sự thiệt hại do chiến tranh gây ra, thực dân Pháp đẩy mạnh chương trình khai thác thuộc địa. Điều đó đã làm cho giai cấp công nhân Việt Nam phát triển nhanh chóng cả về chất lượng và số lượng, đủ điều kiện tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê Nin. Ngay sau ngày tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp (tháng 12/1920), đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Tháng 11/1924, với cương vị là uỷ viên Bộ Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để xây dựng phong trào cách mạng ở Đông Nam Á. Tại đây Nguyễn Ái Quốc bắt liên lạc với những người thanh niên yêu nước trong tổ chức Tâm Tâm xã, bồi dưỡng cho họ về chủ nghĩa

Mác - Lênin, về cách mạng Tháng Mười, về Quốc tế cộng sản, về chủ nghĩa xã hội... Đầu năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã lập ra "một nhóm bí mật gồm 9 hội viên". Lựa chọn trong những thanh niên yêu nước ấy, một số người được cử về nước để bắt liên lạc với các tổ chức cách mạng. Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một nhóm chiến sỹ trẻ tuổi trong tổ chức Tâm Tâm xã và một số thanh niên yêu nước mới sang, thành lập tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội, trong đó có tổ chức Cộng sản đoàn làm nòng cốt. Hội có nhiệm vụ truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Nhờ các hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội, đến năm 1929, phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ và sâu rộng. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân khác nổ ra liên tục trong phạm vi cả nước. Trước tình hình đó, việc thành lập đảng cộng sản trở thành một yêu cầu khách quan, cấp bách. Sự tồn tại của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội không còn phù hợp. Vì vậy, Việt Nam thanh niên Cách mạng

đồng chí Hội và Tân Việt Cách mạng đảng lần lượt tan rã để hình thành ba tổ chức cộng sản: (Đông Dương cộng sản Đảng (06/1929); An Nam cộng sản Đảng (07/1929); Đông Dương cộng sản liên đoàn (09/1929). Ba tổ chức đều tích cực đi sâu vận động công nhân và nông dân, nhưng lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng, thậm chí còn công kích nhau, gây tác hại cho sự phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước. Trước tình hình đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc với tư cách là đại biểu của Quốc tế cộng sản đã kịp thời triệu tập và đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước. Sau 5 ngày làm việc (từ 3 đến 7/2/1930), Hội nghị nhất trí tán thành hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau Hội nghị, các đại biểu về nước thực hiện kế hoạch thống nhất các cơ sở Đảng ở trong nước.

Tất cả các sự kiện trọng đại nói trên đã có tác động sâu sắc và cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, tình hình ở Thái Nguyên có nhiều khó khăn. Sau khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, thực dân Pháp tăng cường bộ máy đàn áp và khống chế nhân dân. Mật thám Pháp giăng

khắp nơi, nhất là ở các khu mỏ, đồn điền và hoạt động ráo riết. Điều đó khiến cho việc tuyên truyền giác ngộ quần chúng trong thời gian cuối năm 1929 đầu năm 1930 ở tỉnh Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Năm 1929, nhân dịp kỷ niệm cách mạng Tháng Mười Nga, bộ phận Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở Bắc Giang tổ chức rải truyền đơn ở bến đò Hà Châu (Phù Bình), nhưng bị địch phát hiện nên không có ảnh hưởng gì đáng kể với phong trào cách mạng ở địa phương. Tháng 9/1933, cơ sở Đảng ở đồn điền Tú Tảo (Đa Phúc - Phúc Yên) giao cho một tá điền mang truyền đơn về làng Phù Lôi (nay thuộc Thuận Thành - Phố Yên) cũng bị địch phát hiện và khủng bố. Tại các khu mỏ, đồn điền, thị trấn, địch tăng cường kiểm soát, không chế. Ở những vùng giáp ranh với các tỉnh bạn, chúng dựng nên một "hàng rào" ngăn chặn phong trào cách mạng từ các nơi khác tràn vào Thái Nguyên.

Từ sau phong trào Cách mạng 1930 - 1931, với đỉnh cao phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, thực dân Pháp và tay sai tiến hành khủng bố trắng. Cơ sở Đảng và cơ sở cách mạng ở nhiều nơi bị phá vỡ. Nhiều đảng viên công sản và những người yêu nước bị địch khủng bố, lùng bắt.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, các đồng chí Vũ Hưng và Nguyễn Đình Chiêm⁽¹⁾ quê ở Hà Nam, để tránh địch khủng bố, đã tạm lánh lên vùng Định Hoá (Thái Nguyên) tiếp tục hoạt động. Bị mất liên lạc với Đảng, song với tinh thần của người đảng viên Cộng sản, các đồng chí Vũ Hưng, Nguyễn Đình Chiêm vừa đi làm thuê kiếm sống, vừa tích cực tuyên truyền giáo dục, giác ngộ quần chúng. Trong những năm 1932, 1933, đồng chí Vũ Hưng đã gây dựng được một cơ sở quần chúng trung kiên ở xã Bộc Nhiêu (huyện Định Hoá).

Cùng thời gian trên, một số đảng viên ở Thái Bình cũng bị truy lùng, khủng bố ráo riết, phải tạm lánh lên đồn điền Ga ri (Bình Thuận - Đại Từ) để sinh sống và tiếp tục hoạt động, nhưng vì bị địch kìm kẹp khắc nghiệt, nên cũng chưa hoạt động được gì.

Như vậy, từ ngày đảng Cộng sản Việt Nam thành lập (3-2-1930) đến những năm 1932 - 1935, một số

(1) -Đồng chí Vũ Hưng tên thật là Vũ Văn Uyên (còn có tên là Đỗ Văn Đoài hoặc Hải Cao), quê ở tổng Yên Khê, huyện Duy Tiên (Hà Nam) tham gia tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội từ năm 1927, những năm 1930 - 1931, được bầu vào Tỉnh uỷ Hà Nam và giữ cương vị Bí Thư Tỉnh uỷ. Cuối năm 1931, Đảng bộ Hà Nam bị khủng bố, đồng chí phải tạm lánh lên Hà Đông, năm 1932 lánh lên vùng Định Hoá (Thái Nguyên) để sinh sống và tiếp tục hoạt động. Đồng chí Nguyễn Đình Chiêm quê ở Hà Nam cùng hoạt động với đồng chí Vũ Hưng tại quê nhà cũng bị địch truy lùng ráo riết, phải tạm lánh lên Định Hoá (Thái Nguyên).

đảng viên của các cơ sở Đảng ở các tỉnh khác đến Thái Nguyên hoạt động, nhưng bị địch truy lùng, ngăn chặn ráo riết nên hoạt động gặp nhiều trở ngại. Năm 1934, Ban lãnh đạo của Đảng ở ngoài nước (làm nhiệm vụ như một Ban chấp hành Trung ương) được thành lập ở Trung Quốc. Ban lãnh đạo Đảng ở ngoài nước đã bắt liên lạc và củng cố các cơ sở Đảng ở trong nước, đồng thời chỉ đạo các chi bộ Long Châu mở rộng phạm vi hoạt động để phát triển phong trào cách mạng trong các dân tộc thiểu số (Chi bộ Long Châu còn được gọi là đặc uỷ Cao - Lạng - Thái).

Nhờ những hoạt động của Ban lãnh đạo Đảng ở ngoài nước, nhiều cán bộ được đào tạo, các cơ sở Đảng được khôi phục và phát triển, các đầu mối lãnh đạo của Đảng được thống nhất. Trên cơ sở đó, ngày 27/3/1935, Đại hội đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương lần thứ nhất được khai mạc tại Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội nhận định "Thắng lợi rất to lớn trong thời kỳ cải tạo khó khăn là Đảng đại khái đã khôi phục được hệ thống Đảng khắp toàn Đông Dương, đã khôi phục được các tổ chức của cơ quan chỉ đạo bị đế quốc phá tan hồi năm 1931. Đảng đã đào tạo được cán bộ mới để thay thế cho những chiến sỹ chém giết, tù đầy", "Tuy số Đảng viên còn kém hồi cao trào cách mạng 1930 - 1931, nhưng thế lực của Đảng hiện thời đã lan rộng đến địa hạt hậu

tiến các miền dân tộc thiểu số⁽¹⁾. Đại hội còn nêu rõ một số thiếu sót, khuyết điểm của các cấp ủy Đảng chưa đặt trọng tâm công tác xây dựng Đảng, phát triển cơ sở cách mạng vào các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, các trung tâm kinh tế, văn hoá. Trong Đảng, số đảng viên xuất thân từ thành phần công nhân còn chiếm tỷ lệ thấp; chưa đưa được những đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân vào các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; kỷ luật Đảng chưa chặt chẽ; mối liên hệ giữa các giai cấp chưa thật thiết.

Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra Nghị quyết: Khôi phục các tổ chức Đảng đã bị địch phá; nối lại liên lạc với đảng viên bị địch khủng bố, đưa họ trở lại hoạt động; ra sức xây dựng các cơ sở cách mạng và phát triển Đảng vào các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, các trung tâm kinh tế, văn hoá, các trục giao thông trọng yếu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ nhất, chi bộ Đảng ở Long Châu (Trung Quốc) quyết định đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động⁽²⁾. Tỉnh Thái Nguyên là một trong những nơi có nhiều hầm mỏ, đồn điền, tập trung công nhân, nên được chi bộ hải ngoại của Đảng ở Long châu chú ý gây dựng cơ sở.

(1) - Văn kiện Đảng tập 1 - BNCLSD Trung ương xuất bản, HN, 1997, tr 181.
(2) - Chi bộ Long Châu được hình thành từ những năm 1930 - 1931, đến năm 1932 đồng chí Lê Hồng Phong đến Long Châu hoạt động, kết nạp một số đồng chí vào Đảng và công nhận chi bộ Long Châu do đồng chí Hoàng Đình Giọng làm Bí thư.

Chương I

XÂY DỰNG CƠ SỞ ĐẢNG ĐẦU TIÊN VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM Ở THÁI NGUYÊN (1936 - 8/1945)

Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp tại Mát-xcơ-va tháng 7 - 1935 đã chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới lúc này là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh giành dân chủ và bảo vệ hoà bình. Nhiệm vụ của Đảng Cộng sản các nước dựa trên nền tảng khối liên minh công nông vững chắc thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi, thống nhất hành động chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hoà bình và cải thiện đời sống.

Sau Đại hội của Quốc tế Cộng sản, các Đảng Cộng sản ra sức phấn đấu thực hiện mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít. Ở Pháp, mặt trận nhân dân Pháp mà Đảng Cộng sản Pháp là nòng cốt được thành lập tháng

1-1936. Trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4-1936 Đảng Cộng sản giành thắng lợi lớn và một Chính phủ mặt trận nhân dân cầm quyền có Đảng Cộng sản Pháp tham gia (6-1936). Thực hiện cương lĩnh Mặt trận nhân dân đề ra, Chính phủ Pháp buộc phải thi hành một số quyền lợi cho quần chúng lao động ở trong nước và các thuộc địa. Diễn biến mới này ở Pháp tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Dương.

Trước tình hình trên, ngày 26-7-1936 đồng chí Lê Hồng Phong, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, triệu tập Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ nhất họp tại Hương Cảng (Trung Quốc), Hội nghị định ra đường lối, phương pháp tổ chức và đấu tranh cách mạng trong thời kỳ mới. Hội nghị chủ trương triệt để lợi dụng những khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tuyên truyền, tổ chức quần chúng, đồng thời củng cố và phát triển tổ chức bí mật của Đảng và tổ chức Mặt trận dân chủ, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng, qua đó giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, chi bộ hải ngoại Long Châu quyết định đưa cán bộ, đảng viên về nước hoạt động, trong đó đồng chí Đặng Tùng được cử về gây dựng cơ sở, phát triển phong trào cách mạng ở Thái Nguyên.

Đặng Tùng (dân tộc Tày) tên thật là Đinh Ngọc Đạt, ngoài ra còn có các tên Luân, Con, Pạc Pán Lý (Lã Hồng Tú), sinh năm 1914. Nguyên quán xóm Lũng Na, xã Chí Thảo huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng. Sinh quán xã Lê Trung huyện Hoà An, Cao Bằng, con một gia đình khá giả nên lúc nhỏ Đặng Tùng được theo học tại trường Pháp - Việt thị xã Cao Bằng. Tháng 8-1932 Đặng Tùng được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Những năm 1933 - 1934 Đặng Tùng là đảng viên của Đảng bộ xã Hưng Đạo, huyện Hoà An (Cao Bằng), sinh hoạt và công tác tại địa phương. Trong cuộc khủng bố ngày 26-8-1935 của địch, Đặng Tùng bị bắt tại thị xã Cao Bằng. Nhờ mưu trí và dũng cảm, đồng chí thoát được nhanh vượt giặc. Để bảo vệ một đồng chí đã bị lộ, Đảng bộ Cao Bằng bố trí cho Đặng Tùng tạm lánh ra nước ngoài. Cuối năm 1935 Đặng Tùng đến Long Châu (Trung Quốc) và được bố trí sinh hoạt trong chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Hoàng Đình Giỏi làm Bí thư. Lãnh đạo chi bộ bố trí cho Đặng Tùng ở trong một gia đình họ Đường, dân tộc Nùng ở Bản Khiếc. Bó Cục (Long Châu, Quảng Tây, Trung Quốc)⁽¹⁾ có bà con sinh cơ lập nghiệp tại Bắc Sơn (Lạng Sơn) và La Bằng (Đại

⁽¹⁾ - Vùng này có cơ sở mạnh của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc và nhân dân ở đây tích cực ủng hộ giúp đỡ phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Từ). Hàng năm bà con ở Đại Từ, Bắc Sơn thường về thăm quê ở Long Châu, nên Đặng Tùng có quen biết và kết thân với người họ Đường ở La Bằng.

Nhận nhiệm vụ do chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Long Châu giao, Đặng Tùng bí mật tìm đường về Đại Từ đến nhà đồng chí Đường Nhất Quý. Do đã có sự liên hệ từ Long Châu, Đặng Tùng đến La Bằng không gặp trở ngại, được anh em họ Đường sinh sống ở đây dùm bọc, giúp đỡ. Đặng Tùng bắt đầu công việc gây dựng cơ sở cách mạng ở đây bằng việc giác ngộ anh em nhà họ Đường, qua đó vận động và tổ chức những người trong làng có quan hệ tình cảm sâu sắc với gia đình họ Đường vào Hội nông dân tương tế, một tổ chức mang tính chất xã hội do Đảng ta chủ trương thành lập, hoạt động công khai giúp đỡ lẫn nhau trồng cây, gặt, việc hiếu, việc hỷ v.v... tập hợp nhau nghe đọc báo công khai của Đảng và Mặt trận dân chủ xuất bản, tiến đến mức cao hơn là tham gia đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng - Hình thức tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, mục đích thiết thân với mọi người nên dễ thu hút quần chúng ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ - Tổ Tương tế lúc đầu gồm có Đường Văn Hôn (Đường Nhất Quý), Lý Tác Phú, Hoàng Văn Nghiệp, Nông Triều Đông, Nông Văn Ái, Lý Kim, Lý Thu, Nông Văn Đệ... do Đường Văn Hôn làm tổ trưởng.

Cuối năm 1936, các đồng chí Đường Nhất Quý, Đường Văn Ngân, Nông Văn Ái, Hoàng Văn Nghiệp được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cơ sở cách mạng đầu tiên của tỉnh được xây dựng ở vùng rừng núi hẻo lánh phía Tây.

Sau khi được kết nạp vào Đảng, các đảng viên ở La Bằng đẩy mạnh công tác vận động quần chúng thu hút người vào Hội tương tế, giáo dục, tổ chức và rèn luyện họ thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh cách mạng.

Trong quá trình vận động, xây dựng cơ sở cách mạng ở La Bằng, Đặng Tùng biết mối quan hệ gia đình và bạn bè của Đường Nhất Quý tại Võ Nhai ⁽¹⁾, đầu năm 1937, Đường Nhất Quý đưa Đặng Tùng sang Phú Thượng (Võ Nhai). Vốn là người có trình độ văn hoá, có năng lực và kinh nghiệm vận động quần chúng; Đặng Tùng nhanh chóng chiếm được tình cảm của một số thanh niên ở Võ Nhai, tích cực tuyên truyền đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ của Đảng cho họ. Nhờ nhiều yếu tố cả về chủ quan và khách quan thuận lợi, chỉ sau một thời gian ngắn ba thanh niên xã Phú Thượng Chu Văn Tấn, Nông Văn Cận và Lục Văn Đú

⁽¹⁾ - Vì Đường Nhất Quý là anh trai bà Đường Thị Ân lúc đó là vợ chưa cưới của đ/c Chu Văn Tấn, sau này giữ chức Hội trưởng hội Liên Hiệp phụ nữ Khu Tự trị Việt Bắc.

được Đặng Tùng tuyên bố kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Một cơ sở Đảng cộng sản thứ hai được thành lập ở tỉnh ta. Vùng đất Võ Nhai vốn có truyền thống yêu nước chống Pháp. Nhiều lớp thanh niên thuộc các dân tộc Nùng, Tày, Hoa đã từng tham gia các phong trào đấu tranh cùng nghĩa quân Yên Thế (1893 - 1913), khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Trong số ba đảng viên, Chu Văn Tấn là người ít nhiều có học vấn, hơn hẳn nhiều thanh niên cùng trang lứa ở Võ Nhai lúc bấy giờ, do làm nhân viên đặc điền, thâu gô... có mối quan hệ, là người có ý chí, sau khi được giác ngộ, được kết nạp vào Đảng. Chu Văn Tấn hoạt động rất tích cực đóng vai trò quan trọng trong việc gây dựng, phát triển phong trào quần chúng cách mạng ở Võ Nhai. Sau này Chu Văn Tấn được Trung ương, Xứ uỷ Bắc Kỳ tin cậy giao cho trực tiếp lãnh đạo Đảng bộ và phong trào Võ Nhai - Bắc Sơn. Đồng chí là một trong những cán bộ chủ chốt của căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, một cán bộ chỉ huy xuất sắc của Cứu quốc quân từ 1941 đến 1945.

Do sự hoạt động tích cực của các đồng chí đảng viên Phú Thượng, năm 1937 các đồng chí Trừ Văn Thòong (tức Hoà) Phan Văn Cọ (tức Giường) và Cam Văn Quỳnh (Chân) ở xã Tràng Xá; Lê Dục Tôn, Chu Quốc Hưng, Chu Viết Phong ở xã Phú Thượng được kết nạp vào Đảng. Thời gian này Đặng Tùng ở hẳn Võ



*Bia di tích lịch sử: Địa điểm thành lập cơ sở Đảng đầu tiên
của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên cuối năm 1936
tại xã La Bằng huyện Đại Từ*



Nhai, lấy nơi này làm trung tâm chỉ đạo phong trào các nơi.

Việc thành lập chi bộ Võ Nhai vào mùa Xuân năm 1937 đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc Võ Nhai nói riêng và toàn tỉnh nói chung. Hội truyền bá chữ quốc ngữ, nhóm đọc báo chí tiến bộ hoạt động sôi nổi ở Đình Cả, Tràng Xá, La Hiên, thu hút nhiều thanh niên đủ các thành phần dân tộc trong huyện tham gia. Tuy gầy dựng sau, nhưng phong trào cách mạng và cơ sở chính trị ở Võ Nhai phát triển nhanh và vững vàng. Võ Nhai lại giữ vị trí án ngữ một chặng đường hiểm yếu trên con đường giao thông liên lạc có ý nghĩa chiến lược giữa cách mạng Việt Nam với nước ngoài.

Vì thế, sau khi nhận được báo cáo của Đặng Tùng về phong trào Võ Nhai⁽¹⁾ tháng 4-1938 đồng chí Hoàng Văn Thụ về Thái Nguyên kiểm tra các cơ sở ở Võ Nhai. Đại Từ, Phú Lương (mỏ Phấn Mễ). Trước khi về Hà Nội, đồng chí Hoàng Văn Thụ mở một lớp huấn luyện chính trị ở Võ Nhai cho số thanh niên địa phương đã giác ngộ cách mạng. Tiếp theo đó, Trung ương và Xứ uỷ Bắc kỳ lần lượt cử nhiều cán bộ lên giúp Võ Nhai và

⁽¹⁾ - Cuối năm 1937 Đặng Tùng cử đồng chí Chu Văn Lương, đảng viên xã Phú Thượng ra Long Châu (Trung Quốc) báo cáo đồng chí Hoàng Văn Thụ. Một thời gian sau Đặng Tùng cũng đi Liễu Châu (Quảng Tây, Trung Quốc), theo Trương Bội Công (Quốc dân Đảng).

Bắc Sơn. Mùa hè năm 1938, theo chỉ thị của đồng chí Hoàng Vĩnh Tuy (Hoàng Văn Nọn) Bí thư Xứ uỷ, đồng chí Lê Xuân Thụ, cán bộ Xứ uỷ nhận nhiệm vụ lên gây dựng cơ sở, mở rộng phong trào cách mạng, đánh thông con đường liên lạc của Đảng từ Hà Nội, qua Thái Nguyên, Lạng Sơn, ra nước ngoài. Ở Võ Nhai, tuy không được đồng chí Bí thư Xứ uỷ giao nhiệm vụ, nhưng nhận thấy cơ sở quần chúng còn yếu, một trong những nhân tố quan trọng để triển khai chủ trương của Đảng, đồng chí Lê Xuân Thụ đã cùng với cơ sở Đảng xúc tiến việc thành lập Đoàn thanh niên dân chủ. Một số thanh niên hăng hái ở địa phương được thu hút vào tổ chức Đoàn. Trong đó Nông Văn Cún (Thái Long), một trong những thanh niên đầu tiên của tỉnh ta được kết nạp vào Đoàn thanh niên dân chủ, trở thành người giúp việc tin cậy của đồng chí phái viên Xứ uỷ.

Nông Văn Cún hoạt động hăng hái. Vì thế từ đầu năm 1939 đồng chí đã bị mật thám Lạng Sơn để ý. Chúng cho tên tay sai Nguyễn Văn Phúc bám sát, theo dõi Nông Văn Cún. Trong một lần công tác ở Hương Vũ (Bắc Sơn), Nông Văn Cún sa vào tay giặc (7-1939). Bị bọn mật thám tra tấn rất dã man, Nông Văn Cún một mực không khai, giữ vững khí tiết của người đoàn viên Đoàn thanh niên dân chủ, người đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Trước toà án giặc ở Lạng Sơn, khi

viên chánh án hỏi: "Nghe thầy đồ Thành tức Cao (đồng chí Lê Xuân Thụ) nói về thuyết Cộng sản anh có hiểu và tán thành không?". Nông Văn Cún đã trả lời khẳng khái: "Tôi hiểu và tán thành chủ nghĩa ấy"⁽¹⁾.

Tháng 8 - 1938, Trung ương Đảng, Xứ uỷ Bắc Kỳ cử đồng chí Nguyễn Văn Minh, Xứ uỷ viên lên Võ Nhai kiểm tra cơ sở, nắm tình hình phong trào, góp ý kiến với các đồng chí phụ trách địa phương. Để giúp cán bộ, đảng viên ở đây nâng cao trình độ và giác ngộ cách mạng, đồng chí xứ uỷ viên đã mở lớp huấn luyện chính trị cho gần mười cán bộ, đảng viên về Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương và lịch sử phong trào công nhân quốc tế.

Được sự quan tâm của Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ, trong thời gian ngắn từ nửa cuối năm 1938 đến đầu năm 1939, tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng cách mạng ở tỉnh ta được củng cố và phát triển khá. Tại Võ Nhai cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng từ Phú Thượng phát triển rộng ra các xã Lâu Thượng, Tràng Xá, La Hiến... Riêng số đảng viên ở các cơ sở này có tới gần 30 đồng chí. Cùng thời gian này tổ chức Đảng ở Đại Từ có 6 đảng viên; Định Hoá có các đồng chí Vũ Hưng, Phó Bí thư Tỉnh uỷ Hà Nam, Nguyễn Đình

⁽¹⁾ - Hồ sơ mật thám Pháp - (vụ án Nông Văn Cún tháng 9 - 1939), tài liệu lưu trữ của cơ quan LSD Thái Nguyên.

Chiêm cùng hoạt động với đồng chí Vũ Hưng ở Hà Nam, năm 1931 Đảng bộ Hà Nam bị địch khủng bố, hai đồng chí thoát hiểm lên Định Hoá, tiếp tục hoạt động, giác ngộ quần chúng, gây dựng cơ sở cách mạng. Giữa Đại Từ, Định Hoá, Võ Nhai về danh nghĩa không hình thành một tổ chức thống nhất nhưng thực tế đã có sự chỉ đạo thống nhất mà trung tâm là Võ Nhai. Vùng nam Phú Bình, Phố Yên có một số cán bộ của Đảng bộ Bắc Giang và Xứ uỷ Bắc Kỳ đi lại hoạt động, xây dựng được một số cơ sở quần chúng cách mạng, nhưng chưa hình thành được tổ chức cần thiết⁽¹⁾. Những cuộc đấu tranh tiêu biểu của tỉnh thời kỳ này chủ yếu nổ ra ở Võ Nhai. Định Hoá do cơ sở Đảng và đảng viên ở đây lãnh đạo.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (mở rộng) lần thứ tư, (tháng 3-1938), trong khi nhất quán chĩa mũi nhọn vào chủ nghĩa phát xít đã chủ trương đòi cho dân chúng Đông Dương được các quyền tự do dân chủ, cải thiện sinh hoạt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ tiếp tục phát triển sôi nổi, rộng khắp trong cả nước.

Thực hiện chủ trương của Đảng, hưởng ứng cuộc

⁽¹⁾ - Cuối năm 1938, đồng chí Hoàng Văn Thái (sau này là Đại tướng Tổng tham mưu trưởng QĐND Việt Nam) giác ngộ Nguyễn Văn Nội (Cao Nhật) xã Kha Sơn, người thanh niên đầu tiên của Phú Bình tham gia cách mạng.

đấu tranh của nhân dân các nơi. Đầu năm 1938, để hoàn thành gấp con đường chiến lược thuộc địa số 1B qua Võ Nhai lên Lạng Sơn và mở đường quân sự Chợ Chu (Định Hoá) sang Thành Cốc (Tuyên Quang), thực dân Pháp bắt nhân dân các dân tộc hai huyện Võ Nhai, Định Hoá phải bỏ công việc đồng áng lên công trường. Nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công, dựa vào thế lực bọn cầm quyền, chủ thầu thực hiện chế độ cưỡng bức làm việc đối với dân phu. Họ bị đánh đập tàn nhẫn trong khi số thù lao ít ỏi bị bớt xén, ăn chặn, không được cấp công cụ lao động, phải lo lấy nơi ăn nghỉ. Đảng bộ Võ Nhai cũng như các đảng viên ở Định Hoá nhận thấy đây là cơ hội tốt phát động anh em dân phu nổi dậy đấu tranh. Đảng bộ Võ Nhai lãnh đạo vận động tất cả dân phu nhất loạt ký tên đòi cấm đánh đập phu, trừng trị bọn ăn chặn thù lao của phu, chống bắt phu ngày mùa... mũi nhọn đả kích nhằm vào tên tri châu gian ác và tham nhũng. Kế hoạch phát động đấu tranh bị lộ, nên cuộc đấu tranh nổ ra sớm hơn dự định. Trong khi đoàn đại biểu mang đơn và chữ ký của nhân dân các xã về toà sứ, hàng trăm dân phu mang cuốc, xẻng... kéo về châu lỵ La Hiên gây áp lực. Trước quy mô và khí thế của cuộc đấu tranh, bọn thực dân phải nhượng bộ, việc làm đường phải tạm hoãn, tên tri châu Đèo Văn Long bị đổi đi nơi khác.

Trên công trường làm đường Chợ Chu - Thành Cốc, dân phu đưa yêu sách tăng tiền công từ 0,17 đồng lên 0,25 đồng/ngày, cho mượn dụng cụ làm đường. Cuộc đấu tranh bắt đầu từ đoàn dân phu xã Bộc Nhiều rồi lan ra khắp công trường. Chính quyền thực dân để cho bọn cai thầu đàn áp cuộc đấu tranh, dân phu toàn công trường đồng lòng đứng lên đánh lại bọn cai ký, chủ thầu, tuyên bố nghỉ việc, kéo về dinh tri châu đòi giải quyết yêu sách và bồi thường cho những người bị đánh đập. Trước làn sóng căm phẫn của dân phu, viên tri châu phải đứng ra chấp nhận giải quyết toàn bộ yêu sách do dân phu đưa ra.

Cuối năm 1938 bọn thực dân Pháp lại ráo riết bắt phu, nhằm hoàn thành tuyến đường phải bỏ dở do cuộc chống phu mùa hè. Đảng bộ Võ Nhai phát động cuộc đấu tranh mới, quyết liệt hơn. Hai mươi đảng viên và thanh niên tích cực dẫn đến hơn 300 dân phu vác xẻng, cuộc về châu lỵ La Hiên đòi tăng tiền công, không được bắt phu trong ngày mùa, không được đánh đập dân phu, đồng thời cử đại biểu về Hà Nội gặp Thanh tra lao động của chính quyền thực dân, tố cáo tội ác và tệ tham nhũng của quan chức địa phương, các nhà thầu, tổ chức lân công toàn công trường. Vi Văn Méo, tri châu Võ Nhai cho lính đàn áp và bắt giam một số người trong đoàn biểu tình. Các đồng chí đảng viên bí mật

động viên quần chúng xiết chặt hàng ngũ bao vây công đường. Trong khi đó, tại Hà Nội, các đại biểu nhân dân kiên trì đấu tranh buộc thực dân Pháp phải ra lệnh không bắt dân đi phu vào ngày mùa, tăng tiền công lên 0,30 đồng một ngày. Tri châu Vi Văn Méo phải đổi đi nơi khác.

Những cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc Võ Nhai, Định Hoá trên công trường làm đường do cơ sở Đảng lãnh đạo giành thắng lợi có ý nghĩa to lớn. Một mặt làm thất bại kế hoạch làm đường quân sự của địch. Mặt khác, qua đấu tranh, cán bộ, đảng viên và quần chúng được rèn luyện về nhiều mặt, ý thức đoàn kết đấu tranh giữa các dân tộc được tăng cường. Hơn thế, thắng lợi này có sức cổ vũ, động viên rất lớn đối với nhân dân trong tỉnh, thúc đẩy họ vùng dậy đấu tranh. Hàng trăm tá điền và nông dân ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đông Hỷ, Định Hoá đứng lên đấu tranh chống phụ thu, lạm bố, bãi thị phản đối chính sách thuế khoá vô lý của chính quyền thực dân, phong kiến. Đáng chú ý là cuộc đấu tranh của nhân dân xã Tràng Xá (Võ Nhai) do các đảng viên ở đây lãnh đạo chống lại bọn kỳ hào tăng thuế, lấy tiền bỏ túi. Trước những bằng chứng không thể chối cãi, bọn họ phải nhượng bộ bán trâu bò và thóc để nộp phạt và trả lại tiền cho dân.

Cùng với những cuộc đấu tranh sôi nổi, tranh thủ

điều kiện thuận lợi của phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trên toàn cõi Việt Nam các đồng chí đảng viên trong tỉnh ta đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng vào các tổ chức Hội tương tế, Hội ái hữu nhằm tập hợp nhân dân, xây dựng lực lượng cách mạng, phát triển nhiều nhóm mua và đọc sách báo công khai của Đảng, như báo "tin tức", "đời nay"... nhờ đó, đường lối chủ trương của Đảng nhanh chóng phổ cập sâu rộng trong quần chúng. Hội truyền bá chữ quốc ngữ hoạt động rộng rãi ở thị xã Thái Nguyên và nhiều huyện trong tỉnh thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân. Hoạt động tích cực của Hội truyền bá chữ quốc ngữ làm phong phú thêm tính đa dạng của cuộc vận động dân chủ, nêu cao truyền thống hiếu học của nhân dân ta. Các tổ chức cơ sở Đảng trong tỉnh phát động quần chúng hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội, vận động lấy chữ ký đòi ân xá tù chính trị, ủng hộ mặt trận nhân dân Pháp, ủng hộ nhân dân Tây Ban Nha đấu tranh chống phát xít v.v...

Cuộc vận động dân chủ do tổ chức Đảng và đảng viên của Đảng lãnh đạo giành được những thắng lợi bước đầu. Nhà cầm quyền Pháp buộc phải thực hiện một số cải cách trên lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các chủ đồn điền, chủ mỏ Làng Cẩm, Phấn Mễ giảm bớt đánh đập công nhân, công bố giờ làm việc không quá 10

giờ/ngày... chức sắc các làng bót hống hách, ức hiếp nhân dân, có nơi chúng làm ngơ không hối thúc nộp tô, thuế gặt gao như trước, có nơi chúng mời người đứng đầu Hội tương tế đứng ra hoà giải các vụ tranh chấp của bà con trong xóm làng như ở Tràng Xá, Phú Thượng thuộc huyện Võ Nhai.

Cuộc vận động Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936 - 1939) thật sự là một cao trào dân chủ rộng lớn trong cả nước cũng như riêng ở tỉnh Thái Nguyên. Qua phong trào đấu tranh của nông dân, trước hết là nông dân thuộc các dân tộc thiểu số ở vùng núi xa xôi hẻo lánh xuất hiện nhiều quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ đóm lúa đầu tiên ở La Bằng (Đại Từ) lan sang Võ Nhai. Số đảng viên từ 4 đồng chí cuối năm 1936 đã tăng lên hơn 40 người đầu năm 1939, thành lập được một chi bộ (Võ Nhai). Thêm nữa, phong trào cách mạng trong tỉnh (Định Hoá, Đại Từ, Võ Nhai) đã liên lạc được với nhau, thống nhất sự chỉ đạo. Trong quá trình lãnh đạo phong trào quần chúng, trình độ chính trị và trình độ công tác của cán bộ, đảng viên đã được mở rộng và nâng cao, tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chủ trương của Đảng và của Quốc tế Cộng sản được phổ biến rộng rãi.

Trong cao trào này, chi bộ Đảng Võ Nhai và các đảng viên hoạt động độc lập ở các huyện coi trọng

công tác tuyên truyền tư tưởng Mác - Lênin không chỉ trong nội bộ mà ra cả ngoài quần chúng rộng rãi, mạnh dạn dùng các hình thức tuyên truyền công khai, hợp pháp qua sách báo, qua các lớp truyền bá chữ quốc ngữ... Nhờ đó uy tín của Đảng trong nhân dân các dân tộc được nâng cao. Nhân dân ngày càng thấy rõ Đảng cộng sản là một tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật, đấu tranh vì lợi ích của nhân dân.

Một ưu điểm khác của tổ chức Đảng cơ sở là trong đấu tranh đã nêu những khẩu hiệu thiết thực đến lợi ích cụ thể của các tầng lớp xã hội, nhất là với nhân dân các dân tộc thiểu số về quyền bình đẳng, tự do, dân chủ, nhờ đó đã thu hút được đông đảo quần chúng tham gia.

Trong cao trào đấu tranh, nhân dân trong tỉnh, trước hết là nông dân các dân tộc miền núi ngày càng biểu lộ ý thức tự giác đi theo đường lối, chủ trương giải phóng dân tộc của Đảng. Tất nhiên, bên cạnh đó không sao tránh khỏi thiếu sót. Bộ phận đảng viên ở Đại Từ không mở rộng được phong trào, tăng cường lực lượng, không phấn đấu trở thành chi bộ; chưa chú ý đúng mức đến phong trào công nhân và tá điền, một lực lượng đông tới nhiều vạn người ở tỉnh ta.

Tóm lại, trong phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936 - 1939) nhân dân các dân tộc trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng đã góp phần xứng

đáng vào phong trào chung của cả nước. Những diễn biến của các cuộc đấu tranh trong những năm 1936 - 1939 thực sự là ngày hội của quần chúng cách mạng trong tình, làm tiền đề cho cao trào cách mạng giải phóng dân tộc trong những năm tiếp theo.

*
* *
*

Ngày 1-9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Ngày 3-9-1939, chính phủ Pháp tuyên chiến với Đức. Bước vào vòng chiến, chính phủ Pháp liền trở mặt, ban bố lệnh tổng động viên, ra sức bắt người cướp của ném vào lò lửa chiến tranh, khủng bố Đảng cộng sản cũng như các tổ chức tiến bộ khác ở chính quốc và thuộc địa. Ở Đông Dương chúng ra tay đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Báo chí tiến bộ bị đóng cửa. Các tổ chức dân chủ và những quyền lợi mà nhân dân ta đấu tranh giành được trong những năm 1936 - 1939 đều bị thủ tiêu. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Ca- tơ- ru (Catroux) ra nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn, tịch thu giấy tờ và tài sản các tổ chức đó. Những cuộc khám xét, bắt bớ của đế quốc diễn ra hàng loạt. Nhiều nhà tù được mở rộng, nhiều trại tập trung mới được lập thêm để

giam giữ những người cộng sản và những người yêu nước tiến bộ ở khắp các nơi trong nước, riêng Thái Nguyên chúng lập Căng Bá Văn, trại giam Phấn Mê, mở rộng nhà tù thị xã, nhà tù Chợ Chu.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng đã kịp thời chỉ thị cho các cán bộ, đảng viên hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp nhanh chóng rút vào bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, dựa vào nông thôn để tiến hành công tác, phát triển mạnh mẽ lực lượng cách mạng cả nông thôn và thành thị.

Tiếp đó từ ngày 6 đến 8 tháng 11 năm 1939, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 6 tại Bà Điểm, huyện Hóc Môn (Gia Định). Hội nghị đã giải quyết vấn đề chuyển hướng đường lối và phương pháp cách mạng trong tình hình mới, xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập, tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, chủ trương tạm gác khẩu hiệu lập chính quyền Xôviết công nông binh, thay bằng lập chính quyền cộng hoà dân chủ.

Do nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là đánh đổ đế quốc và tay sai, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ.

Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng đánh dấu một sự chuyển hướng đúng đắn quan trọng nhất về chỉ đạo chiến lược.

Tiếp thu tinh thần Nghị quyết 6 của Trung ương Đảng và do sự thúc đẩy của tình thế, nhiều cán bộ của Trung ương, của Xứ uỷ Bắc Kỳ đến Phú Bình, Phổ Yên hoạt động, xây dựng cơ sở chính trị. Các cơ sở cách mạng ở tỉnh ta kịp thời chuyển từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được bố trí, sắp xếp lại nhằm tránh mũi nhọn khủng bố của kẻ thù, tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh cùng nhân dân cả nước bước vào cuộc đấu tranh mới.

Tháng 6 - 1940, Pháp đầu hàng Đức, nước Pháp bị quân đội phát xít Hít - le chiếm đóng. Nhân cơ hội đó, tháng 9-1940, phát xít Nhật xâm lược Đông Dương. Thực dân Pháp đầu hàng quân Nhật.

Ngày 22-9-1940, toàn quyền Đờ-cu ký một hiệp ước đầu hàng Nhật gồm các điều khoản chính như sau:

1- Quân Nhật được quyền sử dụng 3 sân bay lớn ở Bắc bộ là Gia Lâm, Hải Phòng và Phủ Lạng Thương.

2- Nhật có quyền đóng 6.000 quân ở bắc Hồng Hà

3- Quân Nhật được quyền đi qua Bắc Kỳ để sang đánh quân Tưởng Giới Thạch ở Vân Nam (Trung

Quốc) và quân Nhật ở Quảng Tây (Trung Quốc) có quyền đi qua Bắc Kỳ để ra biển.

4- Tổng số quân Nhật đóng ở Đông Dương không lúc nào được quá 25 ngàn người...

Tuy hiệp ước đã được ký lúc 15 giờ ngày 22-9-1940, nhưng Nhật vẫn hạ lệnh cho sư đoàn quân Nhật đóng ở Quảng Tây cùng bọn Phục quốc tay sai do Trần Trung Lập và Đoàn Kiếm Điểm lúc 17 giờ cùng ngày vượt biên giới Trung - Việt đánh vào Lạng Sơn gây áp lực. Quân Pháp ở Lạng Sơn có hơn một sư đoàn, có pháo binh cơ giới yểm trợ do viên tướng Mây - Nơ - ra chỉ huy. Nhưng khi quân Nhật tràn vào biên giới, lính Pháp hoang mang tháo chạy. Cuối cùng, 10 giờ sáng ngày 25-10-1940, viên tư lệnh quân Pháp ở Lạng Sơn kéo cờ trắng xin hàng quân Nhật ở Đồng Mỏ (Lạng Sơn).

Sau khi Pháp đầu hàng, Nhật cho Pháp được đặt lại chính quyền ở Lạng Sơn và bỏ rơi bọn Phục quốc cho Pháp thẳng tay tiêu diệt.

Nhật đánh Lạng Sơn, các tù chính trị và thường phạm phá nhà tù chạy ra ngoài, trong đó có ba đảng viên cộng sản ở Bắc Sơn là Hoàng Đình Ruệ, Đường Văn Thức và đồng chí Nông Văn Cún (Thái Long) ở Đảng bộ Võ Nhai. Lúc này một đơn vị quân Pháp ở thị xã Lạng Sơn tháo chạy theo đường Điềm He - Bình Gia

- Bắc Sơn về Thái Nguyên, nhân dân hai bên đường đổ ra đuổi bắt thu vũ khí, gây náo loạn một vùng, bọn quan lại địa phương cũng bỏ nhiệm sở chạy tháo thân.

Sáng ngày 27 - 9 - 1940, các đồng chí Ruệ, Thức và Thái Long về đến Bắc Sơn, nhận thấy thời cơ thuận lợi, ba đồng chí họp bàn với chỉ bộ Bắc Sơn, phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Sau cuộc họp, Thái Long về ngay Võ Nhai vận động nhân dân ủng hộ Bắc Sơn.

Tối ngày 27 - 9 - 1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ. Hướng ứng cuộc khởi nghĩa ở một địa phương vốn có quan hệ mật thiết về nhiều mặt, Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai đã kịp thời đẩy mạnh hoạt động mở rộng cơ sở, cử cán bộ, đảng viên lên Bắc Sơn tham gia chiến đấu, vận động nhân dân trong huyện ủng hộ lương thực, thực phẩm.

Khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra giữa lúc tình hình trong nước và thế giới có nhiều khó khăn nên bị kẻ thù đàn áp đẫm máu. Tuy vậy, tiếng súng Bắc Sơn đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng trong cả nước, trực tiếp nhất là phong trào cách mạng tỉnh ta.

Tháng 11 - 1940, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ bảy, họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh) đã thảo luận và quyết định hai vấn đề bức thiết trước mắt: Phát triển ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn. Hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ.

Về vấn đề thứ nhất, Hội nghị quyết định duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, thành lập những đội du kích, dùng hình thức vũ trang công tác, khi cần thì chiến đấu chống khủng bố, bảo vệ sinh mạng, tài sản của nhân dân, phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập căn cứ địa du kích, lấy vùng Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm do Trung ương trực tiếp chỉ đạo. Ngay sau đó Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ đã cử nhiều cán bộ có trình độ chính trị và năng lực tổ chức, vận động quần chúng tăng cường cho Bắc Sơn - Võ Nhai.

Cuối năm 1940, Trung ương Đảng cử đồng chí Hoàng Văn Thụ tới Tỉnh Tây (Trung Quốc) báo cáo với đồng chí Nguyễn Ái Quốc và xin chỉ thị về việc triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

Ngày 8-2-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đến ở hang Cốc Bó (làng Pác Bó, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng), với bí danh Già Thu ⁽¹⁾.

Được chỉ thị của Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Hoàng Văn Thụ về nước cùng Trung ương khẩn trương chuẩn bị nội dung Hội nghị Trung ương lần thứ 8, triệu tập đại biểu về dự hội nghị. Trung ương giao cho các đồng

⁽¹⁾ - Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử, tập 2, trang 124- Nhà XB Chính trị Quốc gia Hà Nội - 1993.

chỉ lãnh đạo căn cứ du kích Bắc Sơn - Võ Nhai⁽¹⁾ bảo vệ và tìm đường đưa các đại biểu đi họp Hội nghị Trung ương lần thứ 8 ở Pắc Bó (Cao Bằng). Ngày 5-2-1941, đoàn Đại biểu Trung ương, Xứ uỷ Bắc Kỳ và Trung Kỳ lên tới xã Phú Thượng, Võ Nhai, gồm các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ, đại biểu Trung ương; các đồng chí Trần Đăng Ninh, Nguyễn Thành Diên và Công đại biểu Xứ uỷ Bắc kỳ; đồng chí Bùi San và Thảo, đại biểu Xứ uỷ Trung kỳ. Đoàn đã dừng lại ở Võ Nhai. Bắc Sơn ít ngày nghe báo cáo tình hình địa phương và có ý kiến trực tiếp chỉ đạo phong trào.

Ngày 23-2-1941, các đồng chí Trung ương đã họp với Ban lãnh đạo khu căn cứ du kích Bắc Sơn - Võ Nhai tại Khuổi Nọi (xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn) phổ biến chủ trương của Trung ương phát triển đội du kích Bắc Sơn làm lực lượng nòng cốt bảo vệ căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, gồm 27 cán bộ, chiến sĩ trong đó có 10 người là người Võ Nhai, số còn lại là người Bắc Sơn, Cao Bằng và Thái Bình do Trung ương điều lên. Đồng chí Lương Văn Tri được cử làm chỉ huy trưởng, Chu Văn Tấn làm chỉ huy phó.

Nhận nhiệm vụ Trung ương giao, Đảng bộ Võ Nhai cử đồng chí Hoàng Tài, một đảng viên hăng hái và có

⁽¹⁾ - Chu Văn Tấn và Lương Văn Tri.

kinh nghiệm đi rừng dẫn đường cùng một tổ Cứu quốc quân do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy bảo vệ đoàn cán bộ đi họp Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đến địa điểm an toàn.

Đường đi của các đồng chí rất gian khổ và nguy hiểm, phần lớn là đêm đi, ngày nghỉ, nhiều khi đêm tối giữa rừng lạc nhau, mất phương hướng. Sau tám ngày luồn rừng, vượt qua nhiều đôn bốt giặc trên chặng đường Bắc Sơn - Bình Gia - Thất Khê (Lạng Sơn) qua biên giới Việt - Trung đi Long Châu, qua Tĩnh Tây, Cốc Mã (Quảng Tây, Trung Quốc) vào Hà Quảng, Cao Bằng. Đây là chiến công lớn đầu tiên của Cứu quốc quân, có sự góp sức của Đảng bộ Võ Nhai.

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương họp lần thứ 8 tại Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đại biểu của Quốc tế Cộng sản chủ trì. Phân tích tình hình trong nước và quốc tế, Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc.

"Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật"⁽¹⁾. "Trong lúc

⁽¹⁾ - Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) Văn kiện Đảng 1930 - 1945, tập III. Ban NCLS ĐTW, 1977- trang 195, 196, 217.

này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"⁽¹⁾.

Theo đề nghị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) thay cho Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương bao gồm các hội cứu quốc của các tầng lớp nhân dân và áp dụng một sách lược hết sức mềm dẻo để phân hoá kẻ thù và tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được nhằm cứu nước, giải phóng dân tộc, khẳng định chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại. Hội nghị nhận định, khi thời cơ đến, "với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đầu cho cuộc tổng khởi nghĩa to lớn"⁽²⁾. Hội nghị quyết định đẩy mạnh

¹ - Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII Đảng cộng sản Đông Dương (5-1941) Văn kiện Đảng 1930 - 1945, tập III. Ban NCLS ĐTW, 1977- trang 195, 196, 217.

² - Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) Văn kiện Đảng 1930 - 1945, tập III. Ban NCLSĐTW- 1977- trang 195,196,217.

việc củng cố phát triển hai trung tâm cách mạng là Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai. Đồng chí Phùng Chí Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng được cử về làm chỉ huy trưởng căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và Đội du kích Bắc Sơn sau đổi thành Trung đội Cứu quốc quân thứ nhất (hay Cứu quân một).

Hội nghị đã bầu bổ sung một số đồng chí vào Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư, các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương.

Tháng 6 năm 1941, các đại biểu rời nơi họp, theo đường cũ về xuôi, vì thiếu cơ sở dọc đường, đi đông nên không giữ được bí mật. Lý do thứ hai, tên Công lúc đó là Thường vụ Xứ uỷ Bắc Kỳ, nguyên là một tên mật thám của Pháp, chui vào hàng ngũ Đảng, đi dự Hội nghị Trung ương 8 về đã mật báo cho Pháp bắt Nguyễn Thành Diên, xứ uỷ viên Xứ uỷ Bắc Kỳ, đồng chí Bùi San, Thảo Xứ uỷ Trung kỳ. Do không chịu nổi đòn tra tấn của mật thám, Diên đã khai đường về của các đồng chí Trung ương⁽¹⁾. Địch lập tức triển khai kế hoạch vây bắt các đồng chí Trung ương, đánh phá căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai.

⁽¹⁾ - Khi cùng đoàn về đến Lạng Sơn, Công đã tách khỏi đoàn đi xe hoá về Hà Nội trước để mật báo cho Pháp.

Ngày 16-6-1941 các đồng chí Trung ương về đến Bắc Sơn thì ngày 17 đế quốc Pháp tập trung 4.000 quân từ Thái Nguyên lên Lạng Sơn về bao vây căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Tại một số nơi như Cầu Rắn, Đình Công, Chùa Xả, Đình Cả, Ngả Hai (Võ Nhai) chúng lập các phòng tra tấn, nơi lấy cung và nhà tạm giam, một hệ thống đồn bốt chạy dài từ La Hiên, Đình Cả, Nà Phái, Nà Pheo, Mỏ Gà lên Mỏ Nhài (Bắc Sơn). Quyết tâm của chúng là bắt cho được các đồng chí Trung ương, phá tan căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.

Trước tình thế hiểm nghèo này, Ban chỉ huy căn cứ đồng thời cũng là Ban chỉ huy Trung đội Cứu quốc quân⁽¹⁾ quyết định tập trung lực lượng Cứu quốc quân bảo vệ Trung ương, bảo vệ cơ quan, đặt dưới sự chỉ huy của đồng chí Phùng Chí Kiên và Lương Văn Tri. Đồng chí Chu Văn Tấn về Võ Nhai lãnh đạo chống khủng bố, chuẩn bị địa điểm đón Trung ương về Võ Nhai; bố trí lực lượng bảo vệ và tìm đường đưa Trung ương về xuôi. Nhờ mưu trí và dũng cảm, các cán bộ, đảng viên Võ Nhai được cử lên Bắc Sơn đón đồng chí Tổng Bí thư và hai đồng chí Thường vụ Trung ương về Núi Lèo xã Tràng Xá (Võ Nhai) an toàn vào cuối tháng 6-1941.

Phát hiện Trung ương đã xuống Võ Nhai, địch lập

⁽¹⁾ - Ban chỉ huy lúc này có ba đồng chí, Phùng Chí Kiên chỉ huy trưởng, Chu Văn Tấn, Lương Văn Tri chỉ huy phó.

tức dồn đại bộ phận lực lượng về bao vây khủng bố Võ Nhai. Ngày 4-7-1941 chúng tràn vào xã Phú Thượng bắt một số cán bộ, đảng viên, đốt nhà các đồng chí Chu Văn Tấn, Chu Quốc Hưng, Lê Dục Tôn, Hoàng Thượng, Thái Long... bắt thân nhân Cứu quốc quân giam ở chân đôn Đình Cả, nhân dân làng Lầm, làng Cao, làng Phật bị dồn vào trại tập trung Nà Pheo.

Trước tình hình địch đánh phá ác liệt, vòng vây địch ngày càng khép chặt, đạn dược, lương thực thiếu thốn, đồng chí Phùng Chí Kiên quyết định đưa đơn vị Cứu quốc quân ra biên giới ⁽¹⁾. Không còn mục tiêu, địch dồn cả lực lượng về Võ Nhai, đông tới 4 ngàn quân đủ cả lính Pháp, lính Lê Dương, lính khố đỏ, khố xanh, cùng hàng đoàn mật thám, cường hào phản động, lính đồng thọc sâu vào giữa hai triền núi đá của căn cứ Võ Nhai, bịt chặt các ngã đường lên Lạng Sơn, sang Bắc Giang về thị xã Thái Nguyên. Đi đến chỗ nào chúng cũng tàn bạo đốt sạch làng bản, bắn giết gia súc, chặt phá cây ăn quả, dồn hết dân của các xã La Hiền, Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá vào các trại tập trung.

⁽¹⁾ - Đơn vị Cứu quốc quân rút ra biên giới bị địch phục kích tổn thất nặng nề, đồng chí Phùng Chí Kiên hy sinh, đồng chí Lương Văn Trí bị thương, sau bị địch bắt cũng hy sinh, 7 đồng chí bị bắt sau chúng cũng sát hại, còn lại 4 đồng chí thoát được về Võ Nhai (Đường Văn Phụng, Đường Văn Thức, Hà Quốc Vinh và Nguyễn Cao Đàm).

Riêng tại làng Giữa chúng dồn hơn 3000 dân của 5 xã tổng Trảng Xá vào một khoảnh đất chưa đầy một ki-lô-mét vuông, chung quanh 13 lần hàng rào nữa, có lính canh gác 2 cổng ra vào.

Thóc gạo của các gia đình chúng bắt để tập trung, giờ nấu ăn chúng cho lấy theo khẩu của từng gia đình, các nhu yếu phẩm khác cũng chỉ được mua hạn chế tính theo đầu người, 8 giờ sáng chúng đánh kèn mở cổng cho dân đi làm, 4 giờ chiều mọi người phải về trại.

Dồn dân vào trại tập trung, đế quốc nhằm hai mục đích: cắt đứt mọi sự liên hệ giữa nhân dân và Cứu quốc quân, không còn mối liên hệ này Cứu quốc quân mất luôn nguồn tiếp tế lương thực, không có thông tin về ta và địch, đường dây liên lạc với Trung ương, với Xứ uỷ và phong trào bên ngoài bị bịt kín; khủng bố, uy hiếp tinh thần nhân dân các dân tộc không chỉ ở Võ Nhai mà cả vùng Việt Bắc. Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai đứng trước tình hình hết sức nghiêm trọng.

Trong hoàn cảnh đó, trước khi lên đường về xuôi, đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư và hai đồng chí Thường vụ Trung ương đã có nhiều ý kiến chỉ đạo quý báu đối với Đảng bộ và Cứu quốc quân hoạt động ở Võ Nhai. Đó là: phải chống khủng bố một cách tích cực và chủ động, dựa vào nhân dân và bám sát cơ sở, tích cực

chống khủng bố ngay tại chỗ, hết sức tôn trọng các nguyên tắc và kỷ luật về công tác bí mật. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đẩy mạnh huấn luyện quân sự cho Cứu quốc quân và thanh niên địa phương; trừ gian, diệt phản động, đẩy mạnh công tác binh vận.

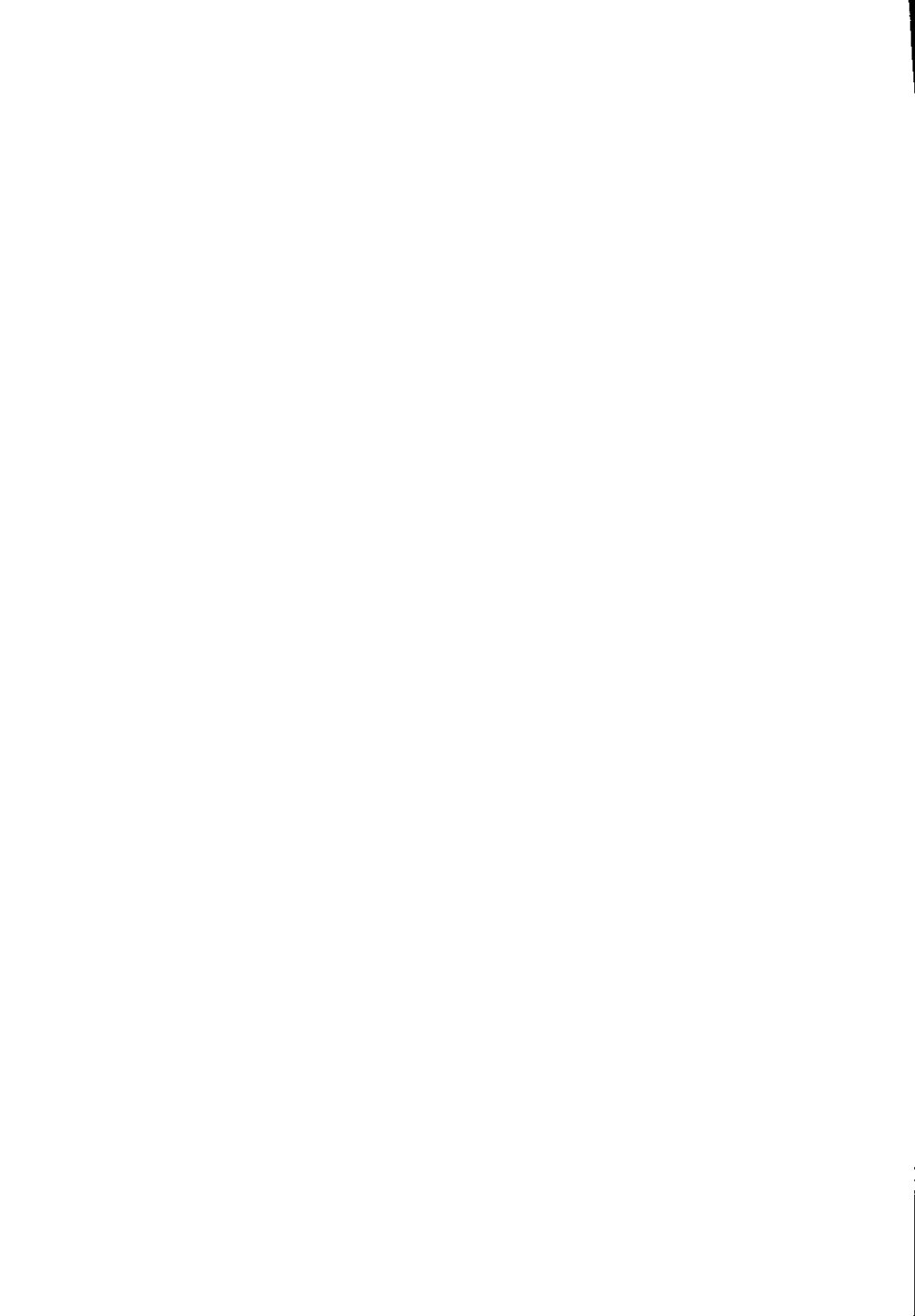
Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ở lại căn cứ một thời gian để giúp Đảng bộ Võ Nhai quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới và tổ chức lực lượng nhằm đối phó với cuộc khủng bố ngày càng ác liệt của địch vào căn cứ.

Thực hiện chủ trương trên, hạ tuần tháng 8-1941, một tiểu đội Cứu quốc quân bảo vệ mở đường bí mật đưa hai đồng chí Trường Chinh và Hoàng Văn Thụ về xuôi. Ngày 25-8-1941, tại Ván Bàng xã Tràng Xá (Võ Nhai) đồng chí Hoàng Quốc Việt đã truyền đạt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Chương trình, Điều lệ Việt Minh cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ Cứu quốc quân và tự vệ các xã lân cận.

* Đối với Đảng bộ Võ Nhai và bộ phận Cứu quốc quân I ở lại khu căn cứ, Nghị quyết 8 của Trung ương là ánh sáng soi đường đi tới, là nguồn cổ vũ lớn trong cuộc đấu tranh một mất, một còn với đế quốc.

Ngay sau khi học tập, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ

1. Thành lập trung đội CCQ2 tại vùng Khe Giã, Mũi Chông Ngòi, Mỹ xã Trảng Núi 15-9-1941.



Cứu quốc quân phân tán thành những nhóm nhỏ về cơ sở ổn định tư tưởng, vận động đồng bào giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong lúc giặc già, chuẩn bị tư tưởng cho quân chúng trước khi bước vào cuộc đấu tranh với kẻ thù.

Do những hoạt động tích cực, khẩn trương của cán bộ, đảng viên và chiến sĩ Cứu quốc quân, nhiều cơ sở cách mạng đã được xây dựng và củng cố. Giữa nanh vuốt giặc quân chúng vẫn hướng về cách mạng.

Trên cơ sở phong trào cách mạng vẫn được giữ vững, ngày 15-9-1941, tại rừng Khuôn Mánh, làng Ngọc Mỹ, xã Tràng Xá, Trung đội Cứu quốc quân II được thành lập, gồm 47 người (có 3 nữ). Bên cạnh những đồng chí đã tham gia từ những ngày đầu khởi nghĩa Bắc Sơn, đã chiến đấu trong trung đội Cứu quốc quân I, những chiến sĩ mới đều là đội viên tự vệ, đã qua đấu tranh chống địch ở cơ sở. Đảng bộ Võ Nhai đã cử hầu hết cán bộ, đảng viên của mình vào Cứu quốc quân.

Tại buổi lễ thành lập, thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã công nhận và giao nhiệm vụ cho Cứu quốc quân. Trong điều kiện địch khủng bố ác liệt, trước hết Đảng yêu cầu Cứu quốc quân đẩy mạnh hoạt động du kích, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch giữ vững căn cứ, bảo vệ lực lượng, bảo vệ cơ sở cách mạng, đồng thời duy trì "tiếng sừng

Bắc Sơn" để cổ vũ phong trào cách mạng của cả nước và thiết thực góp phần ủng hộ công cuộc chống phát xít của nhân dân thế giới mà Liên Xô là trụ cột.

Trung đội Cứu quốc quân II được chia thành 5 tiểu đội do đồng chí Chu Văn Tấn làm chỉ huy trưởng, Trần Văn Phấn, chỉ huy phó; đồng chí Nguyễn Cao Đàm chính trị chỉ đạo viên; các đồng chí Lê Dục Tôn, Trừ Văn Thòong, Hà Văn Lợi, Hứa Đình Khánh và Chu Quốc Hưng làm tiểu đội trưởng.

Từ tháng 9 - 1941 trở đi, cuộc khủng bố của thực dân Pháp ở Võ Nhai trở nên dữ dội. Chúng củng cố các đồn cũ, lập thêm hệ thống đồn binh bố gác chạy dài từ Bình Long qua La Chẽ, làng Vác, làng Giang, làng Giữa đến Phú Thượng, Lâu Thượng xuống La Hiên. Mũi nhọn của chúng là Trảng Xá. Ở Bắc Sơn (Lạng Sơn) Hữu Lũng, Yên Thế (Bắc Giang) Đồng Hỷ chúng cũng lập thêm nhiều đồn bốt tạo thành thế bao vây, phong toả Võ Nhai. Mạng lưới mật thám được tung xuống các bản làng hẻo lánh để dò xét tình hình.

Với niềm phấn khởi và khí thế mới, ngày 16-9-1941, một tổ Cứu quốc quân phục kích địch ở đèo Bấp, bắn chết một tên tay sai đắc lực của giặc, có nhiều nợ máu với nhân dân.

Ngày 16-9-1941, một tổ Cứu quốc quân bảo vệ đồng chí Hoàng Quốc Việt vượt vòng vây địch, về xuôi an toàn.

Cứu quốc quân II ra đời và đẩy mạnh hoạt động cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc trong huyện. Ngược lại kẻ địch hốt hoảng và càng lỏng lẻo điên cuồng.

Nhằm đối phó với phong trào cách mạng nói chung và Cứu quốc quân nói riêng, quân địch bao vây chặt ba xã: Tràng Xá, Phú Thượng, Lâu Thượng, âm mưu "triệt quân du kích tận gốc".

Tình hình ngày càng khẩn trương và khó khăn, nhưng Cứu quốc quân không chùn bước.

Ngày 2-10-1941, địch cho hai trung đội Lê Dương càn quét Khuôn Kẹn (Tràng Xá). Cứu quốc quân chặn đánh quyết liệt, buộc chúng phải rút lui. Ngày 15-10, địch cho một trung đội lính khố đỏ sục sạo Khuôn Xóm (Tràng Xá). Mặc dù lực lượng rất chênh lệch, Cứu quốc quân đã dũng cảm đánh địch. Theo chúng thú nhận, trong trận này một lính khố đỏ bị chết, nhiều tên khác bị thương. Ngày 25-10, bốn cán bộ chiến sĩ Cứu quốc quân đã mưu trí, dũng cảm chặn đánh một trung đội địch loại khỏi vòng chiến đấu chín tên, buộc chúng phải bỏ dở cuộc hành quân.

Để giúp đỡ Cứu quốc quân trong cuộc đấu tranh không cân sức với quân thù, Ban Thường vụ Trung ương Đảng thường xuyên theo dõi tình hình Bắc Sơn - Võ Nhai, kịp thời chỉ đạo và tăng cường cán bộ cho

đơn vị. Ngay sau khi đồng chí Hoàng Quốc Việt về xuôi, Trung ương cử đồng chí Đào Văn Trường, Ủy viên Thường vụ Xứ uỷ Bắc Kỳ lên Võ Nhai phụ trách căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai (10-1941).

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, Cứu quốc quân tiến hành chỉnh đốn tổ chức phiên chế lại lực lượng. Ủy ban quân sự - chính trị ra đời làm nhiệm vụ lãnh đạo khu căn cứ và Cứu quốc quân⁽¹⁾. Chi bộ Đảng trong đơn vị Cứu quốc quân được củng cố. Chi bộ có các tổ Đảng làm nhiệm vụ nòng cốt trong các tiểu đội.

Ủy ban quân sự - chính trị chủ trương vừa đánh du kích trong vòng vây của địch vừa tiếp tục mở rộng cơ sở chính trị, vận động nhân dân, kể cả những người bị nhốt trong trại tập trung đấu tranh chống địch khủng bố. Một tổ Cứu quốc quân do đồng chí Chu Quốc Hưng phụ trách trở lại Bắc Sơn, khơi lại ngọn lửa đấu tranh trong nhân dân. Một tổ sang Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang) và Đồng Hỷ gây dựng cơ sở, giữ đường dây liên

⁽¹⁾ - Ủy ban quân sự - chính trị căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai do đồng chí Đào Văn Trường làm chủ nhiệm kiêm chỉ huy trưởng Cứu quốc quân, Chu Văn Tấn phó chủ nhiệm kiêm chỉ huy phó Cứu quốc quân, Nguyễn Cao Đàm chính trị chỉ đạo viên, các đồng chí Lê Dục Tôn, Trần Văn Phấn chỉ huy phó Cứu quốc quân.

Đơn vị Cứu quốc quân II được phiên chế thành 5 tiểu đội, do các đồng chí Hà Văn Mạnh (Loi), Hứa Đình Khánh (Chi), Hoàng Xuân, Hà Văn Kỳ, Hoàng Văn Phổ làm đội trưởng.

lạc với Trung ương Đảng và Xứ uỷ ở dưới xuôi. Ngày 19-11-1941, một tổ Cứu quốc quân gồm các đồng chí Nguyễn Cao Đàm, Chu Việt Phóng, Phương Cương, Đường Thị Ân, Hoàng Thị Môn, Hoàng Thị Ngoan vượt vòng vây của địch sang Đại Từ, Định Hoá và Sơn Dương (Tuyên Quang) tìm bắt liên lạc với các đảng viên đang hoạt động ở đây phối hợp hoạt động mở rộng cơ sở.

Cũng trong thời gian này đế quốc Pháp bắt 106 thân nhân Cứu quốc quân quê ở Võ Nhai đưa sang giam cầm ở nhà tù Chợ Chu nhằm lung lạc ý chí chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân. Mặc dù cơ sở cách mạng ở Định Hoá đã bí mật giúp đỡ về lương thực, quần áo, thuốc men, nhưng do nơi giam giữ quá chật hẹp cộng với chế độ hà khắc của nhà tù đế quốc, nhiều người đã chết trong nhà lao.

Tháng 2-1942, tổ Cứu quốc quân đến được Định Hoá. Bằng những mối liên hệ bí mật đã có từ trước, tổ đã nhanh chóng bắt được liên lạc với cơ sở cách mạng ở các xã trong huyện, do đồng chí Vũ Hưng, Nguyễn Đình Chiêm và Trịnh Bá Song xây dựng những năm trước đây.

Cuộc đấu tranh của dân phu Định Hoá làm đường Chợ Chu - Thành Cốc thắng lợi có tiếng vang ra ngoài huyện. Biết được cuộc đấu tranh này do các đồng chí

dảng viên bí mật lãnh đạo, các đồng chí ở La Bằng (Đại Từ) tìm cách liên hệ. Cuối năm 1938, hai cơ sở cách mạng La Bằng và Quán Vuông - Báo Cường (Định Hoá do đồng chí Vũ Hưng xây dựng) đã liên lạc được với nhau.

Đầu năm 1940, đồng chí Vũ Hưng trở lại Hà Nam tìm cách bắt liên lạc với Đảng để có sự giới thiệu chính thức với tổ chức Đảng ở Thái Nguyên. Đây là lần thứ 3 đồng chí Vũ Hưng tìm bắt liên lạc với Đảng, kể từ khi bị khủng bố, phải chạy lên Định Hoá. Gặp được đồng chí Hoàng Quốc Việt tại Hà Nam, đồng chí Vũ Hưng được trao nhiệm vụ trở lại Định Hoá, sau đó đồng chí Hoàng Quốc Việt cử đồng chí Trịnh Bá Song, cán bộ của Xứ uỷ lên kiểm tra sự hoạt động của đồng chí Vũ Hưng, sau đó đồng chí Vũ Hưng được Xứ uỷ giới thiệu với tổ chức Đảng ở Vĩ Nhai, với đồng chí Chu Văn Tấn. Khoảng tháng 10-1940 đồng chí Hoàng Quốc Việt, Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập một số đảng viên đang hoạt động ở các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên về Vĩ Nhai để nghe phổ biến tình hình nhiệm vụ. Đồng chí Hoàng Quốc Việt phân công đồng chí Vũ Hưng phụ trách phong trào huyện Định Hoá và cử đồng chí Trịnh Bá Song ở lại Định Hoá cùng đồng chí Vũ Hưng, Nguyễn Đình Chiêm xây dựng, phát triển phong trào.

Sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8

(5-1941), đồng chí Nguyễn Ái Quốc cử đồng chí Trương Văn Thiết và Nông Văn Quang, cán bộ của Tỉnh uỷ Cao Bằng mang thư của Người về liên lạc với đồng chí Vũ Hưng. Đến Định Hoá đúng lúc địch vây bắt đồng chí Vũ Hưng, hai đồng chí vội quay trở lại Cao Bằng. Việc bắt liên lạc với đồng chí Vũ Hưng không thành.

Cứu quốc quân luôn luôn bám lấy dân, đến với từng gia đình, từ gia đình này mở sang với gia đình khác. Quân thù cần đi quét lại, dồn dân vào trại tập trung, triệt nơi nương tựa của Cứu quốc quân. Song nhân dân các dân tộc Võ Nhai, Định Hoá, Đại Từ không nao núng tinh thần, vẫn chia sẻ với Cứu quốc quân từ ống gạo, hạt muối, tấm áo, que diêm, vẫn động viên con em mình tìm đến Cứu quốc quân, xin được cầm súng giết giặc.

Nhờ dựa được vào dân nên Cứu quốc quân đã gây dựng cả cơ sở bí mật trong hàng ngũ binh lính địch. Nhiều toán quân đã chống lệnh của chỉ huy, không đánh phá cách mạng hoặc đánh động để quân ta biết, cố cố cho chúng bỏ dở cuộc vây càn.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban quân sự - chính trị, Cứu quốc quân đẩy mạnh hoạt động quân sự. Ngày 12-12-1941, một tổ Cứu quốc quân chặn đánh một toán địch khoảng 60 tên, bắn chết và bị thương hơn 10 tên,

buộc chúng phải rút lui. Đêm 31-12-1941 ta bắn phá vào đồn Trảng Xá, ngày 12-1-1942 phục kích ở Suối Bùn, diệt một tên đội và một tên mật thám...

Để phân hoá và phá vỡ cơ sở của địch, Cứu quốc quân dựa vào sự theo dõi của quân chúng, lập danh sách và cảnh cáo những tên phản động có nhiều nợ máu với nhân dân. Bằng việc làm này và trước gương nhiều tên ngoan cố đã bị trừng trị, chúng phải co lại. Một số tên hoang mang xin làm giấy cam đoan hứa lập công chuộc tội. Một số kẻ ngoan cố chạy trốn vào đồn giặc. Về cơ bản âm mưu dùng bọn tay sai người địa phương chống phá cách mạng của đế quốc mất tác dụng.

Chú trương phát động quân chúng đấu tranh chống địch bằng nhiều hình thức linh hoạt như nổi trống mõ, đưa đơn kiện khi bị lính địch cướp bóc tài sản làm cho bọn chúng lúng túng. Riêng trong các trại tập trung dựa vào phong tục, tập quán dân tộc đấu tranh đòi nói lỏng sự kìm kẹp, đòi trở về làng cũ và giúp đỡ những gia đình gặp khó khăn vì chế độ hà khắc của trại tập trung.

Trước sự hoạt động táo bạo, dũng cảm của Cứu quốc quân và sự đấu tranh quyết liệt không khuất phục của nhân dân các dân tộc trong khu căn cứ, bọn thực dân Pháp phản ứng điên cuồng. Đầu tháng 2 năm 1942 chúng tập trung lực lượng, quyết tâm tiêu diệt căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và Cứu quốc quân II, liên tiếp mở

các cuộc hành quân càn quét sâu vào các khu rừng, thả sức cho binh lính đốt phá, cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc. Chúng lập thêm nhiều đồn bốt, bao vây và cắt đứt mọi đường dây liên lạc giữa khu căn cứ với Trung ương và các tổ công tác ở Đại Từ, Định Hoá; đồng thời chúng bao vây, phong toả kinh tế. Độc ác hơn, chúng cho chân tay đào mồ mả tổ tiên của cán bộ, chiến sĩ, đánh vào tình cảm thiêng liêng của đồng bào⁽¹⁾. Thêm vào đó, sau trận ta bắn phá đồn Trảng Xá đêm 31-12-1941 chỉ huy quân Pháp ra yết thị: Nếu một lính của chúng bị giết, chúng sẽ đem 4 người thân của Cứu quốc quân trong trại tập trung ra bắn.

Đời sống của hàng ngàn người ở trong các trại tập trung đang chịu đựng nhiều thiếu thốn, cực khổ, bệnh tật lan tràn, cụ già, em nhỏ sống trong cảnh màn trời chiếu đất giữa ngày đông, tháng giá. Hàng trăm người chết do đói, rét... hàng ngày còn bị địch đánh đập, khùng bố về tinh thần. Một bộ phận nhân dân chạy lên núi cũng đứng trước hiểm hoạ thiếu ăn, thiếu mặc. Thêm vào đó đầu năm 1942, thực dân Pháp điều lên Võ Nhai một tiểu đoàn lính người Thượng, phần lớn là người Êđê. Chúng phao tin người Êđê không biết tiếng

⁽¹⁾ - Thực hiện hành động hèn hạ này chúng phao tin: Mồ mả của người thân bị đào bới lên sẽ làm cho người đó phát điên cuồng, rồ dại. Chúng đã đào 7 ngôi mộ, có ngôi còn nguyên xương thịt, chúng tưới xăng rồi đốt. Chúng tuyên bố nếu Cứu quốc quân không ra hàng, chúng sẽ khai quật tiếp.

kinh, cộng sản không tuyên truyền được, lính này ăn thịt người....

Hành động dê hèn của giặc, nhân dân càng nhận rõ bộ mặt thú vật của đế quốc, càng hướng về cách mạng, cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân càng sôi sục căm thù, càng quyết tâm chiến đấu. Tuy nhiên hoàn cảnh thực tế lúc bấy giờ không khỏi có người dao động.

Về phía Cứu quốc quân, qua rèn luyện, chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ đã trưởng thành nhiều về bản lĩnh chính trị và kinh nghiệm chiến đấu. Đội ngũ từ 47 người khi mới thành lập, đến tháng 2-1942 đã tăng lên 70 người, vũ khí trang bị tăng gấp 5 lần; nhưng tình hình lương thực, thuốc men ngày càng vơi dần, không còn nguồn cung cấp (tháng 6 và 7 năm 1941, Đảng bộ Võ Nhai vận động nhân dân ủng hộ được 500 nải thóc đưa lên núi làm lương thực dự trữ đã dùng hết, nhân dân trong các trại tập trung tìm mọi cách cung cấp gạo, muối cho Cứu quốc quân, nhưng đến đầu năm 1942, phân lương thực trong dân cũng cạn dần, phân khác địch kiểm soát ngặt nghèo nên sự tiếp tế của dân ngày một ít đi).

Sau khi địch tăng cường lực lượng, vòng vây của chúng xiết chặt, trung tâm khu căn cứ ở núi Lèo thật sự nằm trong tâm súng bộ binh của địch.

Tình thế của khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai (trên

thực tế lúc này là Võ Nhai) và Cứu quốc quân trở nên hết sức nghiêm trọng.

Trong tình hình đó, Ủy ban quân sự - chính trị khu căn cứ chủ trương:

1 - Tạm thời ngừng tiến công quân sự.

2 - Đẩy mạnh tiến công chính trị lọt mặt nạ đế quốc, giác ngộ quần chúng, làm tốt công tác binh vận.

3 - Kiên quyết diệt mặt thám, đánh úp binh lính địch ở ngoài vòng vây trực tiếp như Bắc Sơn, Yên Thế.

Ngày 23-2-1942, đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban quân sự - chính trị về báo cáo và xin chỉ thị của Trung ương. Nhưng trên đường đi đồng chí sa vào tay giặc. Trong tình hình ấy, ngày 27-2-1942 Pháp sử dụng một lực lượng lớn lính lê Dương đánh sâu vào căn cứ, bao vây Suối Bùn, tiến đến tận Suối Giường. Cứu quốc quân đang bị đẩy vào tình thế bất lợi nhiều mặt.

Ngày 14-3-1942, Ban chỉ huy Cứu quốc quân họp đánh giá tình hình và quyết định tạm rút đơn vị lên biên giới Việt - Trung.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 18-3-1942 một tiểu đội Cứu quốc quân hành quân về vùng Cây Thị (Đồng Hỷ) rồi đi sang Bắc Giang đánh lạc hướng theo dõi của địch; còn bốn mươi hai cán bộ, chiến sĩ bí mật rời căn cứ rút lên biên giới để chấn chỉnh tổ chức.

Tám tháng hoạt động du kích ở căn cứ Bắc Sơn - Võ

Nhai cho thấy dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta có thể lập được căn cứ địa ở miền núi, có thể đánh du kích tiêu hao địch và giữ gìn lực lượng ta. Tuy nhiên, đây mới chỉ là chiến đấu du kích trên một địa bàn, một vùng và chưa có sự kết hợp đấu tranh chính trị rộng rãi của quần chúng nhân dân trong vùng. Phong trào chung cả nước chưa lên, kẻ thù có thể dồn quân khủng bố dài ngày. So sánh lực lượng đôi bên quá chênh lệch...

Cuộc chiến đấu của Cứu quốc quân đã để lại lòng tin và niềm hy vọng trong nhân dân, để lại ý nghĩa to lớn và bài học quý báu cho cách mạng:

"1 - Nhân dân Đông Dương có thể đánh du kích chống nhau với Nhật - Pháp mặc dù chúng có máy bay, trái phá.

2 - Mặt trận dân tộc chống phát xít Nhật - Pháp đã thực hiện ngay trên trường đấu tranh võ trang.

3 - Cầm khí giới chống nhau với phát xít, đội quân du kích Bắc Sơn, Đình Cả thực tế đã ủng hộ Liên Xô kháng chiến.

Sau 8 tháng chiến đấu làm cho quân địch phải chật vật và thiệt hại, quân ta không đủ điều kiện tấn công, đã phá vòng vây của Pháp, tạm rút lui và để lại cho ta một bài học quý báu. Nó dạy ta muốn thắng:

a - Phải làm cho chiến tranh du kích sinh sôi nảy nở

thành cuộc khởi nghĩa của nhân dân toàn xứ.

b - Phải luôn luôn tấn công quân địch và giữ địa vị chủ động.

c - Phải phối hợp với dân chúng quấy rối sau lưng quân địch không để cho chúng bao vây về kinh tế cũng như về quân sự⁽¹⁾.

Về mặt xây dựng cơ sở chính trị hai huyện phía nam của tỉnh như Phú Bình, Phổ Yên ở thời kỳ đầu có khó khăn, từ năm 1940 trở đi, nhất là sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8, phong trào hai huyện chuyển biến tích cực.

Tại huyện Phổ Yên, từ năm 1939, nhờ có nhiều cán bộ của Trung ương và Xứ uỷ về hoạt động, khôi phục lại phong trào, giữa năm 1940 đơn vị tự vệ đầu tiên của huyện được thành lập tại làng Tiên Thù. Tuy điều kiện luyện tập và hoạt động gặp nhiều khó khăn, nhưng được sự giúp đỡ của các đồng chí cán bộ của Xứ uỷ, cuối năm 1940 tự vệ Tổng Tiên Thù đã phát triển thành trung đội. Tháng 8 năm 1941, tự vệ Phổ Yên rải truyền đơn dọc quốc lộ số 3 kêu gọi nhân dân đấu tranh, cầm cờ đỏ búa liềm trên đôi Thông Hạc cổ vũ quân chúng cách mạng, ủng hộ Cứu quốc quân Đình Cả (Võ Nhai), góp phần thức tỉnh những người chưa giác ngộ.

⁽¹⁾ - Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp từ ngày 25 đến 28 tháng 2 năm 1943

Nhận thấy phong trào Phổ Yên phát triển khá nên cuối năm 1941, Ban Thường vụ Xứ uỷ Bắc Kỳ chọn Tiên Thù (nay thuộc xã Tiên Phong) làm địa điểm mở lớp học Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 cho cán bộ. Lớp học bị địch phát hiện, nhưng nhờ có quần chúng bảo vệ nên đồng chí Tổng Bí thư và các cán bộ của Đảng đều thoát khỏi cuộc vây quét của địch an toàn. Tháng 6 năm 1942 các đồng chí Ngô Hải Long, Trần Văn Khoan, Nguyễn Ích Giáp được tổ chức Đảng Hiệp Hoà (Bắc Giang) kết nạp vào Đảng, đánh dấu bước ngoặt mới của phong trào cách mạng huyện Phổ Yên.

Cùng với huyện Phổ Yên, phong trào cách mạng ở Phú Bình phát triển khá. Nhân dân trong huyện liên tiếp nổi dậy đấu tranh, nhà nhà đấu tranh chống địch bắt phu, thu thuế. Nhiều thanh niên ở xã Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng, Mai Sơn .v.v... hăng hái tham gia Hội thanh niên cứu quốc, tự vệ chiến đấu. Từ một tổ tự vệ hơn 10 người được tổ chức ở Kha Sơn Hạ năm 1941, đã tăng lên hơn 50 người vào năm 1943. Từ Kha Sơn ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh đã toả rộng ra nhiều xã trong huyện. Trước sự phát triển của phong trào, để từng bước tiến tới thống nhất lực lượng cách mạng trong huyện, đầu năm 1943, đồng chí Lương Văn Đài, cán bộ Xứ uỷ Bắc Kỳ trực tiếp chỉ đạo phong trào cách

mạng huyện Phú Bình đã triệu tập hội nghị cán bộ các xã phía Nam huyện (họp tại chùa Mai Sơn). Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh Tổng Phương Sơn, bao gồm các làng từ Phương Độ đến Kha Sơn Hạ⁽¹⁾. Đây là Tổng đầu tiên của tỉnh ta thành lập Mặt trận Việt Minh cấp Tổng.

Nhằm xây dựng nòng cốt cho phong trào cách mạng huyện Phú Bình, tháng 4 năm 1943, Ban cán sự ATK2, đã quyết định lựa chọn những thanh niên hăng hái nhất trong phong trào quần chúng thành lập Tổ trung kiên để tập trung bồi dưỡng về chính trị, từng bước nâng cao nhận thức về cách mạng, về mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Sau một thời gian bồi dưỡng, thử thách, tháng 7 năm 1943, đồng chí Ngô Thế Sơn, xứ ủy viên Xứ ủy Bắc kỳ đã triệu tập các đồng chí Nguyễn Văn Nội (Cao Nhật), Nguyễn Bình Sơn và Nguyễn Văn Xứ, là những thanh niên trong tổ trung kiên bí mật đến Rừng Giác (Kha Sơn Hạ) tổ chức kết nạp ba đồng chí vào Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng thời tuyên bố thành lập chi bộ Kha Sơn Hạ, do đồng chí Ngô Thế Sơn trực tiếp làm bí thư. Đây là chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên được thành lập ở huyện Phú Bình, đánh dấu một bước phát triển về chất phong trào cách mạng ở địa phương.

⁽¹⁾ - Ban Chấp hành Mặt trận Việt Minh tổng Phương Sơn gồm 5 người, do đồng chí Bình Sơn làm Chủ nhiệm.

Nhận thấy phong trào cách mạng ở Phú Bình, Phổ Yên khá lên, cơ sở Đảng và Mặt trận Việt Minh đứng vững, vị trí thuận tiện liên lạc với các nơi, nên Trung ương Đảng quyết định lựa chọn vùng tiếp giáp của ba huyện: Hiệp Hoà (Bắc Giang), Phú Bình, Phổ Yên (Thái Nguyên) để xây dựng khu vực tương đối an toàn gọi tắt là ATK2⁽¹⁾. Việc xây dựng ATK là nhằm tạo nên một chỗ đứng chân tương đối ổn định cho tổ chức cách mạng. Từ đây, cơ quan Trung ương Đảng, Xứ uỷ Bắc Kỳ có được thông tin thông suốt, nhanh chóng với Căn cứ địa Việt Bắc, trước hết với 2 trung tâm Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai, với ATK1, với phong trào cách mạng trong cả nước. Điều kiện cần thiết để thành lập ATK là: trong vùng đó có cơ sở cách mạng vững chắc, có tổ chức vũ trang mạnh, có những điều kiện thuận tiện cho giao thông liên lạc (bí mật), cho công tác bảo vệ. Phổ Yên, Phú Bình có đủ những điều kiện như vậy.

ATK2, nơi đặt các cơ quan của Trung ương và Xứ uỷ, như cơ sở in tài liệu, báo "Cờ giải phóng", đóng ở chùa Mai Sơn, nơi cất giữ tài liệu (chùa Kha Sơn Hạ), đầu mối giao thông, liên lạc từ Trung ương, Xứ uỷ toả đi các địa phương. Hầu hết các tài liệu của Đảng, báo "Cờ giải phóng" từ cơ quan ấn loát được giao thông bí

⁽¹⁾ - ATK₁ là vùng bao quanh Hà Nội.

mặt trong ATK2 chuyển trực tiếp đến các cơ sở, theo chỉ thị của Trung ương và của Xứ uỷ.

ATK2 là nơi đón, đưa cán bộ từ các tỉnh miền xuôi lên Căn cứ địa Việt Bắc và ngược lại, bố trí nơi ăn, nghỉ và bảo vệ các đồng chí phụ trách phong trào các địa phương về báo cáo với Trung ương và Xứ uỷ, đón tiếp cá đồng chí bị đế quốc giam giữ trong các nhà lao trốn thoát về với Đảng, với dân⁽¹⁾...

ATK2 là nơi Trung ương, Xứ uỷ mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, quân sự cho cán bộ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư đã nhiều lần về đây chỉ đạo và trực tiếp giảng bài cho lớp học.

Để ATK2 hoàn thành nhiệm vụ nặng nề nói trên, Trung ương quyết định thành lập Ban cán sự ATK, do đồng chí Ngô Thế Sơn Xứ uỷ viên Xứ uỷ Bắc Kỳ làm Trưởng ban (khi đồng chí Ngô Thế Sơn được Trung ương điều động đi nhận công tác khác, đồng chí Nguyễn Trọng Tình thay). Trưởng ban cán sự được giao phụ trách cả phong trào huyện Phú Bình. Tổ chức Đảng Phú Bình, Phố Yên đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban cán sự ATK2.

Từ ngày được chọn làm nơi xây dựng ATK2, hai

⁽¹⁾ - Ngày 28 -8-1944, tám đồng chí Hà Kế Tấn, Hoàng Bắc Dũng, Nguyễn Văn Mỏ, Phạm bá Thoan, Bùi Văn Hánh, Trần Kiên, Nguyễn Danh Đình, Nông Văn Đỗ vượt Càng Bá Văn được đón về ATK2 (Kha Sơn).

huyện Phú Bình và Phố Yên đã tỏ ra xứng đáng với sự tin cậy của Trung ương và của Xứ uỷ, giữ gìn an toàn cho cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng cho đến ngày Cách mạng Tháng Tám thành công.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ cực kỳ quan trọng nói trên, cơ sở Đảng và nhân dân hai huyện Phú Bình và Phố Yên gặp không ít trở ngại, khó khăn, hy sinh mất mát, bởi vì bọn mật thám và chính quyền tay sai đế quốc đã đánh hơi thấy hoạt động của những người cách mạng. Tháng 3-1943, Pháp đưa quân về khủng bố Phố Yên. Một số cán bộ và quần chúng trung kiên bị bắt. Nhiều gia đình bị binh lính địch đốt phá, cướp bóc dã man. Phần lớn cơ sở cách mạng ở Phố Yên bị vỡ, một số người hoang mang dao động, phong trào lắng xuống. Để giúp Phố Yên vượt qua thách thức, Trung ương, Xứ uỷ đã cử nhiều cán bộ về cơ sở bị địch khủng bố ổn định tình hình, sốc phong trào. Từ nửa cuối năm 1943, nhiều cán bộ trong đội công tác khu an toàn đến Phố Yên.

Có sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương, của Xứ uỷ và Ban cán sự ATK2 phong trào được hồi phục và phát triển. Các trạm và đường dây liên lạc bị địch phá được xây dựng lại. Các tổ chức quần chúng được khôi phục hoặc tổ chức mới tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Phong trào vừa được khôi phục thì cuối năm 1944 địch lại khủng bố. Cuộc khủng bố này bắt đầu từ Phú Bình.

Ngày 16-9-1944, trong một cuộc tuần tiễu địch đã bắt được đồng chí Trương Công Lệnh (Trương Văn Lĩnh), Ủy viên uỷ ban Quân - Chính Bắc Kỳ ở bến đò Hà Châu. Tiếp đó, ngày mồng 3 và 4 tháng 10-1944, địch mở cuộc càn quét lớn vào Kha Sơn (Phú Bình), Tiên Phong (Phổ Yên) phá cơ sở in đặc biệt khu ở Mai Sơn, nơi cất dấu tài liệu ở Kha Sơn Hạ, bắt một số cán bộ, đảng viên của cơ quan in, của Đảng bộ Phú Bình, Phổ Yên. Hàng chục quân chúng trung kiên sa vào tay giặc. Phong trào cách mạng ở Phú Bình, Phổ Yên và ATK2 đứng trước thử thách hết sức nghiêm trọng.

Chính trong tình thế hiểm nghèo này, Xứ uỷ và Ban cán sự ATK2 đã chỉ đạo Đảng bộ Phú Bình, Phổ Yên kịp thời ổn định tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đưa những đảng viên, cán bộ đã bị lộ rời khỏi cơ sở, chuyển địa điểm đặt cơ sở ẩn lốt, đồng thời vận động nhân dân đấu tranh chống địch khủng bố. Nhờ đó phong trào cách mạng Phú Bình, Phổ Yên vượt qua đợt khủng bố của địch, tiếp tục phát triển.

Đặc biệt, trong hoàn cảnh bị khủng bố, truy nã gắt gao, cơ sở Đảng ở Phú Bình vẫn cố gắng bám đất, bám dân tìm mọi cách giác ngộ quân chúng mở rộng cơ sở cách mạng, mở rộng ảnh hưởng của Đảng. Tháng 2-1943, chi bộ Kha Sơn Hạ kết nạp hai quân chúng trung

kiên ở làng Kha Sơn Thượng vào Đảng⁽¹⁾, ngay sau đó Ban cán sự ATK2 điều đồng chí Bình Sơn (đảng viên chính thức của chi bộ Kha Sơn Hạ) sang cùng sinh hoạt với 2 đồng chí ở Kha Sơn Thượng để đủ điều kiện thành lập chi bộ Kha Sơn Thượng do đồng chí Trần Độ (sau này là Trung tướng) cán bộ Xứ uỷ làm Bí thư chi bộ. Tiếp đó từ tháng 3 đến tháng 12-1944, hai chi bộ Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng đã kết nạp thêm 8 đảng viên mới, có đồng chí được kết nạp ngay thời điểm địch đang khủng bố ác liệt phong trào cách mạng ở địa phương (10-1944).

Thấy rõ sự vững vàng qua đấu tranh thử thách của đảng viên hai chi bộ Kha Sơn Hạ và Kha Sơn Thượng, nhất là từ cuối năm 1943 đã có vai trò như đầu mối, trung tâm của phong trào cách mạng trong toàn huyện Phú Bình, tháng 7-1945, Xứ uỷ Bắc Kỳ đồng ý cho Ban cán sự ATK2 lấy hai chi bộ này làm nòng cốt thành lập Đảng bộ huyện Phú Bình để thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn huyện. Ban cán sự huyện Đảng bộ được thành lập, do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm trưởng ban. Khác với Phú Bình, cơ sở Đảng Tiên Thù (Tiên Phong) do không chú ý đến công tác phát triển Đảng, nên khi một vài đồng chí bị địch bắt thì cơ

⁽¹⁾ - Đồng chí Nguyễn Tâm và Nguyễn Thị Lung.

sở đảng hầu như không còn.

Mặc dầu trải qua hai đợt dịch khủng bố ác liệt, cán bộ, đảng viên người bị bắt, người bị giết hại, dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự ATK2, sự chỉ đạo trực tiếp của cán bộ công tác đội, nhân dân Phổ Yên vẫn vững tin ở Đảng, ở cách mạng. Các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh tiếp tục phát triển, lực lượng tự vệ chiến đấu được tăng cường cả về quân số, vũ khí.

Âm mưu đẩy lùi cách mạng bằng đàn áp dã man những người yêu nước mà thực dân Pháp tiến hành ở Phú Bình, Phổ Yên trong năm 1943, 1944 đã đưa đến kết quả hoàn toàn trái ngược với ý muốn chủ quan của chúng: Cách mạng không những không bị đẩy lùi mà còn phát triển mạnh mẽ và quyết liệt hơn.

Ngoài ra, phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng của đông đảo nhân dân các dân tộc ở Định Hoá, Võ Nhai, Đông Hỷ, Đại Từ trong năm 1944 đã buộc địch phải xé nhỏ, phân tán lực lượng để đối phó, chúng không thể tập trung lực lượng để tiến hành những cuộc càn quét lớn.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941), Việt Bắc trở thành Căn cứ địa Cách mạng của cả nước. Và trong căn cứ rộng lớn này đã hình thành hai trung tâm căn cứ địa là Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai. Việc xây dựng, củng cố các căn cứ và nối liền với nhau được

đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Trước hết Người cho rằng, cần phải mở "những con đường quân chúng" nối liền các trung tâm căn cứ trong lòng Việt Bắc với nhau làm cơ sở vững chắc cho việc xây dựng Căn cứ địa Việt Bắc trở thành một căn cứ địa vững chắc của sự nghiệp cách mạng của cả nước. Công việc này càng trở nên cấp thiết, bởi vì: tình hình thế giới có những chuyển biến mau lẹ, có lợi cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc ta. Cách mạng từ Việt Bắc phải khẩn trương phát triển mở rộng xuống phía Nam và phía Tây của Căn cứ địa.

Thực hiện Chỉ thị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, tháng 9 năm 1942, tại Cao Bằng, Ban xung phong "Nam tiến" được thành lập, những cán bộ hăng hái, có kinh nghiệm vận động quần chúng, gồm nhiều thành phần các dân tộc khác nhau được lựa chọn để thành lập các đội "Nam tiến".

Tại Võ Nhai, sau khi Cứu quốc quân rút lên biên giới (2-1942), quân Pháp mất mục tiêu khủng bố về quân sự, từ tháng 3-1942, chúng rút phần lớn binh lính ra khỏi căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, chỉ để lại một số lính cần thiết trong các đồn bốt và gài mật thám tay sai ở các địa phương. Cuộc khủng bố của địch lắng dịu dần. Một số đảng viên của chi bộ Võ Nhai và chiến sĩ Cứu quốc quân được phân công ở lại đã theo sát lãnh đạo

nhân dân để duy trì và củng cố cơ sở quần chúng, phát động quần chúng liên tiếp đấu tranh đòi giải tán trại tập trung, thả người bị bắt, đòi tự do đi lại, họp chợ. Có cuộc đấu tranh thu hút hàng trăm người các xã Phú Thượng, Tràng Xá, Lâu Thượng, La Hiền kéo về thị xã Thái Nguyên buộc viên công sứ phải thả 71 thân nhân Cứu quốc quân bị giam giữ ở Chợ Chu (Định Hoá) và trại tập trung Đình Cả, trở về làm ăn sinh sống.

Cuối năm 1942, bộ phận Cứu quốc quân công tác ở bên hữu ngạn Sông Cầu cũng thu được nhiều kết quả. Bất mỗi liên lạc với cán bộ địa phương, dựa vào cơ sở cũ, bộ phận này đã nhanh chóng xây dựng, phát triển các Hội cứu quốc ở Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, Đông Hỷ (Thái Nguyên) Sơn Dương, Yên Sơn, (Tuyên Quang), nam Chợ Đồn (Bắc Kạn) bắc Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang), Phong trào mở rộng, tình hình có biến đổi, các đồng chí ở Võ Nhai cử người sang biên giới Việt - Trung⁽¹⁾ báo cáo với Ban chỉ huy Cứu quốc quân, đề nghị đưa toàn bộ Cứu quốc quân về nước hoạt động. Năm được tình hình, tháng 10-1942, Ban chỉ huy Cứu quốc quân đưa đơn vị về nước, riêng đồng chí Chu Văn Tấn, chỉ huy trưởng vào Pác Bó để gặp Nguyễn Ái Quốc và liên lạc với Trung ương. Cuối tháng giêng 1943, đồng chí Chu Văn Tấn đến Pác Bó thì được biết

⁽¹⁾ - Đồng chí Phương Cường và Nhật Quý

Nguyễn Ái Quốc đã di công tác xa. Đồng chí Chu Văn Tấn được đưa đến Lũng Hoài (Hoà An, Cao Bằng) gặp các đồng chí trong Tổng bộ Việt Minh, (Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan, Vũ Anh) và lãnh đạo tỉnh Cao Bằng, đang họp bàn kế hoạch "Nam tiến". Đồng chí chỉ huy Cứu quốc quân dự luôn cuộc họp này. Hội nghị Lũng Hoài quyết định: Giữ vững cơ sở vùng biên giới Việt - Trung, đánh thông từ đó về Bình Gia, Bắc Sơn (Lạng Sơn) về Võ Nhai; xúc tiến việc thành lập các đội xung phong "Nam tiến" (19 đội) do đồng chí Văn (Võ Nguyên Giáp) chỉ huy, đồng chí Nông Văn Quang làm Bí thư chi bộ "Nam tiến". Cứu quốc quân cử một tiểu đội lên Cao Bằng để cùng các đội xung phong "Nam tiến" đánh thông đường về xuôi; Cứu quốc quân mở 3 con đường "Bắc tiến": từ Bình Gia (Lạng Sơn) sang Na Rì (Bắc Kạn); từ Võ Nhai lên Na Rì; từ Định Hoá lên Chợ Đồn (Bắc Kạn) và một con đường "Đông tiến" từ Tràng Định (Lạng Sơn) lên Đông Khê (Cao Bằng). Đồng thời tìm bắt liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương ở dưới xuôi.

Quyết định của Hội nghị Lũng Hoài có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự củng cố phát triển khu căn cứ cách mạng ở Việt Bắc, phù hợp với nghị quyết về xây dựng căn cứ địa cách mạng của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng tháng 2-1943.

Về đến căn cứ Võ Nhai, Ban chỉ huy Cứu quốc

quân liên phân công các tổ công tác của Cứu quốc quân toả đi các địa phương củng cố và phát triển các Hội Cứu quốc, các đội tự vệ. Dựa vào cơ sở cũ do cán bộ, đảng viên ở địa phương và do bộ phận ở lại xây dựng, các tổ công tác của Cứu quốc quân phối hợp với cán bộ địa phương nhanh chóng phát triển phong trào Việt Minh, phong trào tự vệ thành làn sóng mạnh mẽ ở Đại Từ, Phú Lương, Đông Hỷ, Định Hoá.

Theo hướng "Bắc tiến", từ Định Hoá, Cứu quốc quân mở rộng phong trào Việt Minh lên Nghĩa Tá, Chợ Đồn và Bạch Thông (Bắc Kạn), Vùng Định Hoá, Đại Từ, Sơn Dương trở thành căn cứ mới của Cứu quốc quân (căn cứ Núi Hồng).

Đến năm 1943, công tác "Bắc tiến" của Cứu quốc quân đã thu được kết quả tốt đẹp. Từ Định Hoá, Cứu quốc quân phát triển theo hai hướng lên Bắc Kạn để đón các mũi "Nam tiến". Một hướng lên Chợ Đồn, Ba Bể (Bắc Kạn), giữa tháng 10 - 1943, đội xung phong "Nam tiến" mang tên Trần Phú do đồng chí Nông Văn Quang phụ trách đã gặp đội "Bắc tiến" do đồng chí Hoàng Thượng chỉ huy tại Bản Bằng (Chợ Đồn, Bắc Kạn). Đến tháng 11 năm 1943, các mũi "Bắc tiến" đã gặp các đội xung phong "Nam tiến" như kế hoạch đã định, "con đường quân chúng" từ trung tâm căn cứ Cao Bằng đã nối liền với trung tâm căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Căn cứ địa

Việt Bắc được củng cố, phát triển mở rộng và vững chắc.

Nhiệm vụ bắt liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương cũng được Cứu quốc quân xúc tiến khẩn trương. Ban chỉ huy Cứu quốc quân tổ chức nhiều mạng lưới liên lạc qua cơ sở quần chúng, qua nhà tù đế quốc... theo nhiều hướng. Tháng 8-1943, Cứu quốc quân đã bắt được liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương qua chi bộ Đảng ở "Căng" Bá Vân (Đồng Hỷ).

Đầu năm 1941 thực dân Pháp chọn Bá Vân (xã Bình Sơn thuộc thị xã Sông Công ngày nay), nơi khi đó còn là "rừng thiêng nước độc" lập một trại giam để giam giữ những đảng viên cộng sản, có người đã mãn hạn tù, có người chưa thành án, có một số người thuộc thành phần đảng phái khác như Quốc dân đảng, Đại Việt... Trong này có một số bị bắt từ các địa phương khác còn phần lớn là từ nhà tù Sơn La, Phú Thọ chúng đưa về đây. Theo báo cáo của Sở mật thám Bắc Kỳ ngày 31-8-1943, Căng Bá Vân có 194 người tù⁽¹⁾.

Các đồng chí đảng viên trong Căng đã tập hợp nhau lại thành lập chi bộ Đảng, tự đề ra nguyên tắc: Chỉ đưa vào chi bộ những đảng viên trung kiên; chỉ cho sinh hoạt chi bộ những đảng viên đã qua thử thách. Chi bộ chia ra 3 người thành một tổ Đảng, mỗi đảng viên chỉ được biết đến người thứ ba...

⁽¹⁾ - Tài liệu lưu trữ tại Phòng LSD Thái Nguyên.

Tháng 6-1942, chi bộ "Căng" Bá Ván được thành lập, gồm 10 đảng viên, do đồng chí Hà Kế Tấn làm Bí thư chi bộ.

Ngay sau khi thành lập, chi bộ "Căng" đề ra hai nhiệm vụ cấp bách, một là tìm mọi cách bắt liên lạc với Xứ uỷ; hai là, lập một ban trật tự chung. Tổ chức các ban giáo dục, kinh tế, văn hoá, đấu tranh từng bước tiến tới lập ban tự quản. Các ban đều do một đồng chí chi uỷ phụ trách. Tháng 8 năm 1942, chi bộ Bá Ván bắt được liên lạc với Xứ uỷ Bắc kỳ và được chỉ thị: Biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng để đào tạo cán bộ; vận động và xây dựng cơ sở cách mạng xung quanh Bá Ván, đưa phong trào ở đây phát triển lên. Xứ uỷ sẽ cử người đến cùng phối hợp hoạt động.

Việc bắt liên lạc và nhận được chỉ thị của Xứ uỷ có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động của chi bộ. Từ đây phong trào cách mạng ở Bình Sơn, Tân Quang, Tân Cương, Phúc Trìu đã được sự chỉ đạo của Xứ uỷ. Những người đặt viên gạch đầu tiên để xây dựng nền móng của phong trào cách mạng một vùng rộng lớn phía tây Đông Hỷ (nay là thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công) chính là những người công sản bị đế quốc cầm tù tại "Căng" Bá Ván.

Đang bối rối trước phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân mỗi ngày một phát triển sâu rộng

thêm, để giảm bớt sức nóng, điểm nóng trong tình, ngay sau khi các chiến sĩ cộng sản ở các nhà tù khác vừa đến Căng Bá Vân, viên công sứ đã kéo theo viên tuần phủ Thái Nguyên đến "thăm" Căng. Cùng đi còn có tri huyện Đồng Hỷ, giám binh... Chúng còn cho gọi chánh tổng, lý trưởng các xã lân cận đến; trước đông đảo chính trị phạm, viên công sứ dặn các thuộc hạ: Anh em đây (chỉ các chiến sĩ cộng sản) là những người vì tình thế chiến tranh, nên tạm thời tập trung. Họ là những người nhà quê đến đây an trí, là những người lao động đặc biệt làm tuý sức, ngày nghỉ được ra ngoài chơi, phải gọi anh em đây là các ông, các anh, không được gọi là tù. Mưu toan này và với áo tưởng bằng cách đó chúng có thể làm cho các chiến sĩ cộng sản hàm ơn chúng cam lòng "an trí".

Song, tranh thủ điều kiện trên, chi bộ nhà tù đấu tranh buộc tên cầm đầu ở đây phải để anh em được hưởng chế độ tự quản, được mua và đọc báo Đông - Pháp (sau đổi thành báo Đông - Phát), tiến lên bước nữa bầu Ban trật tự chung của Căng do người của cộng sản đảm nhiệm. Đây cũng là cơ hội thuận lợi để chi bộ Căng đưa đảng viên ra ngoài Căng gây dựng, phát triển phong trào cách mạng như chỉ thị của Xứ uỷ.

Do có kinh nghiệm dày dặn và phong phú của các đảng viên chi bộ Căng về công tác tuyên truyền, vận

động, tổ chức quần chúng và gây dựng cơ sở cách mạng hoạt động bí mật cộng với tình thần yêu nước của nhân dân trong vùng, mà đa số họ là tá điền bị áp bức, bóc lột rất nặng nề nên chỉ trong thời gian ngắn (cuối năm 1942) chi bộ đã có cơ sở cách mạng đầu tiên ở Tân Cương, Cầu Gáo, Mỏ Chè. Đầu năm 1943, Hội thanh niên cứu quốc được thành lập ở Bá Xuyên sau đó mở rộng ra Tân Quang, Bình Sơn, Tân Cương, Mỏ Chè... Nhiều tổ chức tự vệ chiến đấu được thành lập. Tháng 6 năm 1943 hai đơn vị tự vệ của Bá Xuyên và Bình Định được hợp nhất thành liên đội, làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu khi cần thiết. Liên đội được các đồng chí trong chi bộ Bá Vân vốn là những cán bộ quân sự của Đảng như đồng chí Vương Thừa Vũ, Lương Nhân... trực tiếp huấn luyện, diu dắt.

Cùng với tổ chức lực lượng vũ trang, huấn luyện tự vệ chiến đấu, mở rộng cơ sở chính trị trong quần chúng, chi bộ Căn vận động nhân dân trong vùng đấu tranh chống chính sách sưu cao, thuế nặng, đuổi dân cướp đất... nhiều cuộc đấu tranh thu được thắng lợi, quần chúng tin tưởng, phấn khởi.

Phong trào phát triển vững chắc, sâu rộng tạo điều kiện thuận lợi để Xứ uỷ mở rộng giao thông bí mật từ ATK2 và các tỉnh lân cận lên căn cứ Núi Hồng, Cao Bằng, Bắc Sơn - Võ Nhai. Trạm liên lạc bí mật giữa chi

bộ Căng Bá Vân với Xứ uỷ đặt tại đình Bá Vân... Bình Định trở thành nơi an toàn của vùng tây nam Đồng Hỷ lúc bấy giờ. Và đường dây liên lạc qua vùng này, tháng 4 năm 1945 đã đưa đồng chí Võ Nguyên Giáp từ Định Hoá về Hiệp Hoà (Bắc Giang) họp Hội nghị Uỷ ban quân sự - chính trị do đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư của Đảng chủ trì. Tháng 7 năm 1945 đưa đoàn cán bộ các tỉnh đi dự Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân Tân Trào (Tuyên Quang), nhiều chỉ thị quan trọng của Ban Thường vụ Trung ương, của Xứ uỷ Bắc Kỳ từ ATK2 theo đường dây này lên Căn cứ địa Việt Bắc.

Như vậy, đến năm 1942 Thái Nguyên có thêm một vùng rộng lớn (bao gồm toàn bộ các xã phía Tây của thành phố Thái Nguyên và phía Bắc của thị xã Sông Công ngày nay) có phong trào cách mạng phát triển do chỉ bộ Căng Bá Vân xây dựng đặt dưới sự lãnh đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ.

Những thắng lợi to lớn của Hồng quân Liên Xô ở mặt trận Xta - lin - grát (tháng 2 năm 1943) và những mặt trận tiếp theo đã đưa cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II tới bước ngoặt căn bản. Số phận của bè lũ phát xít Đức - Ý - Nhật đang đi tới bước định đoạt cuối cùng. Thời cơ thuận lợi cho các dân tộc bị áp bức vùng dậy đang tới gần và thắng lợi của Hồng quân Liên Xô

cố vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Để kịp thời nắm bắt thời cơ lịch sử, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp từ ngày 25 đến 28 tháng 2 năm 1943, tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên - nay thuộc Hà Nội). Hội nghị cho rằng cần có biện pháp thúc đẩy mau hơn nữa cách mạng đi tới cao trào. Hội nghị nhận định phong trào cứu nước lên khá mạnh ở nông thôn, nhất là ở các tỉnh trung du và miền núi, nhưng còn yếu ở đô thị. Hội nghị quyết định mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất (Mặt trận Việt Minh) chủ trương đẩy mạnh công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, trong đó coi trọng công tác phát triển lực lượng vũ trang cách mạng (tự vệ, du kích, cứu quốc quân...) ra sức xây dựng căn cứ địa ở vùng nông thôn, rừng núi. Hội nghị đã làm sâu sắc thêm tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5 - 1941): chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn cách mạng hiện tại.

Năm 1943, ở Thái Nguyên tổ chức Việt Minh được xây dựng ở hầu khắp các làng xã trong tỉnh, nhiều nơi đã thành lập Ban chấp hành Việt Minh tổng, Việt Minh làng, xã. Đội tự vệ vũ trang được thành lập ở các xã. Các lớp huấn luyện quân sự, chính trị được mở ra liên tiếp. Phong trào "sấm vũ khí đuổi thù chung" sôi nổi trong toàn tỉnh.

Tháng 2 - 1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương đã lên Thái Nguyên, Tuyên Quang kiểm tra tình hình hoạt động của chiến khu Hoàng Hoa Thám và Cứu quốc quân. Sau khi nghe báo cáo và kiểm tra thực tế, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã triệu tập một cuộc họp cán bộ tại Khuổi Kịch (Sơn Dương, Tuyên Quang) để truyền đạt Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (2 - 1943) về xây dựng căn cứ địa, phát triển lực lượng vũ trang, một công việc quan trọng và cần kíp lúc này của Đảng.

Nhận thấy phong trào cách mạng trên địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân đã mở rộng, cuộc họp quyết định thành lập Trung đội Cứu quốc quân ba để có đủ lực lượng nòng cốt kịp thời và phát triển phong trào cách mạng mạnh mẽ hơn nữa⁽¹⁾. Đồng thời cuộc họp quyết định chia Chiến khu Hoàng Hoa Thám thành hai phân khu, lấy Sông Cầu làm ranh giới, để việc chỉ đạo được kịp thời, sâu sát. Phân khu A, gọi là phân khu Quang Trung, gồm Đông Hỷ (ngày nay), Võ Nhai (Thái Nguyên), Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định, Thoát Lãng (Lạng Sơn) Bắc Yên Thế và Hữu Lũng (Bắc

⁽¹⁾ - Trung đội Cứu quốc quân ba (lúc đó gọi là Đệ tam trung đội Cứu quốc quân) được thành lập ngày 25/2/1944 tại rừng Khuổi Kịch. Đồng chí Triệu Khánh Phương người Tràng Xá, Võ Nhai được cử làm trung đội trưởng. Trung đội gồm 30 đồng chí đại đa số là người Thái Nguyên (từ cứu quốc quân 2 sang).

Giang), là địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân II. Phân khu B, gọi là phân khu Nguyễn Huệ, gồm Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, Thành phố Thái Nguyên (ngày nay), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá (Tuyên Quang) và nam Chợ Đồn (Bắc Kạn) là địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân ba. Đồng chí Chu Văn Tấn là Ủy viên Ủy ban Quân - Chính Bắc Kỳ được Trung ương chỉ định làm chỉ huy trưởng chiến khu Hoàng Hoa Thám, trực tiếp phụ trách Phân khu B. Lãnh đạo phân khu A gồm các đồng chí Hà Châm, Chu Quốc Hưng và Trần Thị Vũ.⁽¹⁾

Ngay sau khi được chia thành hai phân khu và ranh giới trách nhiệm hoạt động của đơn vị, hai trung đội Cứu quốc quân chia thành nhiều tổ công tác. Mỗi tổ công tác do một tổ Đảng lãnh đạo, toả về các địa phương. Các tổ công tác của Cứu quốc quân hoà mình trong phong trào quần chúng, thực hiện cùng ăn, cùng ở, cùng lao động sản xuất với bà con các dân tộc để củng cố và phát triển Hội cứu quốc. Công tác xây dựng và phát triển lực lượng tự vệ ở các địa phương cũng được Cứu quốc quân đẩy mạnh. Đến cuối năm 1944, ở hầu hết các xã thuộc địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân đều đã tổ chức được các trung đội tự vệ, tiểu đội

⁽¹⁾ - Đồng chí Trần Thị Vũ nguyên là Bí thư Tỉnh uỷ liên tỉnh Hà Đông - Hoà Bình được Xứ uỷ Bắc Kỳ điều lên phụ trách chính trị phân khu A từ đầu năm 1944.

tự vệ. Lực lượng tự vệ này được Cứu quốc quân huấn luyện về chính trị và quân sự để làm giao thông liên lạc, bảo vệ cơ sở và cán bộ cách mạng, tuyên truyền cách mạng, trừng trị bọn tay sai phản động, tổ chức quần chúng vào Hội cứu quốc. Đây còn là nguồn bổ sung lực lượng rộng lớn của Cứu quốc quân. Phong trào tự sắm, tự trang bị vũ khí trong tự vệ sôi nổi, đảm bảo mỗi đội viên có một vũ khí chiến đấu. Việc liên lạc giữa các tổ công tác với Ban chỉ huy Cứu quốc quân và chiến khu cũng như giữa hai phân khu với nhau đã được tổ chức thành mạng lưới gồm nhiều trạm, nhiều đường liên lạc.

Như vậy, đến tháng 2 - 1944, ở tỉnh Thái Nguyên trừ hai huyện Phú Bình và Phổ Yên là ATK2 của Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ đặt dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự ATK2, còn lại phân khu A và phân khu B thuộc chiến khu Hoàng Hoa Thám do Trung ương trực tiếp chỉ đạo.

Chiến khu Hoàng Hoa Thám đã mở rộng, đòi hỏi có thêm cán bộ để chỉ đạo phong trào, do đó Trung ương chỉ thị cho Xứ uỷ Bắc Kỳ tổ chức đưa các đồng chí bị địch cầm tù trong các trại giam ở Thái Nguyên ra chiến khu hoạt động. Đây là một nhiệm vụ nặng nề và khó khăn. Nhưng với tinh thần chấp hành triệt để chỉ thị của Trung ương, của Xứ uỷ với lòng dũng cảm và mưu trí,

ngày 22-8-1944, Ban cán sự ATK2 và cơ sở cách mạng ở tây nam Đông Hỷ (cũ) và Kha Sơn (Phú Bình) đã tổ chức thành công cuộc vượt ngục, đưa 8 đồng chí ở "Căng" Bá Vân ra chiến khu hoạt động⁽¹⁾. Tiếp đó, ngày 11-10-1944 Cứu quốc quân được sự giúp đỡ của cơ sở Định Hoá cũng tổ chức thành công cuộc vượt ngục, đưa 12 đồng chí cán bộ, đảng viên bị địch giam cầm ở nhà tù Chợ Chu ra tham gia Cứu quốc quân⁽²⁾. Đồng chí Song Hào được Trung ương chỉ định cùng đồng chí Chu Văn Tấn lãnh đạo chiến khu Hoàng Hoa Thám, phụ trách phân khu B (Nguyễn Huệ).

Ở phân khu A, Trung đội Cứu quốc quân hai cùng với cán bộ địa phương đẩy mạnh việc củng cố các Hội cứu quốc và các đội tự vệ làng, xã. Do đó, Mặt trận Việt Minh ở các huyện Võ Nhai, Đông Hỷ... đã tập hợp đông đảo đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Kinh... Các đội tự vệ ở đó cũng phát triển mạnh, đặc biệt, phong trào cách mạng ở Bắc Sơn - Võ Nhai đã vượt qua những khó khăn sau thời kỳ địch khủng bố, nay lại phát triển mạnh.

Tại Võ Nhai, các Hội cứu quốc và các đội tự vệ được củng cố và phát triển nhanh chóng. Bên cạnh việc

⁽¹⁾ - Xem chú thích trang 20.

⁽²⁾ - Đó là các đồng chí Song Hào, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Lê Trung Đình, Trần Thế Môn, Chu Nhữ, Nguyễn Kháng, Hoàng Bá Sơn, Nhị Quý, Trần Tùng, Phạm Ngọc Bồng, Vũ Phong.

đẩy mạnh công tác tổ chức quần chúng, Cứu quốc quân còn chú ý công tác học tập chính trị và huấn luyện quân sự không chỉ cho tự vệ mà cho cả thanh niên, nhất là phong trào học văn hoá rất sôi nổi, thu hút nhiều người theo học, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển sôi động. Các cuộc mít tinh kỷ niệm quốc tế lao động, khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ, Xô Viết Nghệ Tĩnh, cách mạng Tháng Mười Nga được tổ chức gần như công khai, đã có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng phát triển.

Những hoạt động tích cực của Cứu quốc quân và Đảng bộ Võ Nhai đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp. Phong trào cách mạng ở Võ Nhai đã có sự liên hệ chặt chẽ với Đồng Hỷ, Phú Bình (Thái Nguyên), Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang). Kết quả đó đã mở rộng thêm địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân của Phân khu A.

Tuy phong trào cách mạng ở Thái Nguyên lúc này phát triển nhanh, rộng, nhưng việc củng cố không kịp thời và toàn diện. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở còn ít, công tác phát triển Đảng không được chú ý. Công tác giữ bí mật không triệt để. Nhiều địa phương tổ chức mít tinh, tập luyện tự vệ gần như công khai (điển hình là Võ Nhai). Phong trào các vùng phát triển không đồng đều; khi bị địch khủng bố, phong

trào gặp khó khăn thì thiếu cán bộ vững vàng lãnh đạo... những nhược điểm này ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của phong trào.

Trước những hoạt động gần như công khai nói trên làm cho địch chú ý, nhất là sau khi tám đồng chí ở "Căng" Bá Vân thoát khỏi trại giam về ATK2 Phú Bình, chúng điên cuồng tấn công vào phong trào cách mạng ở tỉnh ta.

Ngày 16 tháng 9 năm 1944, kẻ địch bắt được đồng chí Trương Công Lệnh. Để báo thù ngày 11-10-1944, ta trừng trị Đội Vinh, kẻ đã chỉ huy lính khố xanh đồn Hà Châu bắt đồng chí Trương Công Lệnh. Địch mở cuộc khủng bố lớn vào Phú Bình.

Từ Phú Bình, ngày 2-11-1944 địch càn quét vào Cây Thị (Đồng Hỷ) trong nhiều ngày bắt được một số cán bộ và cơ sở bí mật của ta, cắt đứt đường dây liên lạc từ căn cứ về Trung ương. Tiếp đó, ngày 5-11, địch bắt toàn bộ Ban Chấp hành Việt Minh xã Tràng Xá (Võ Nhai). Từ Tràng Xá, kẻ địch khủng bố lan rộng ra các xã Phú Thượng, Lâu Thượng. Lúc này lúa ngoài đồng chín rộ, nhân dân mới thu hoạch được trên 50%. Địch lùng bắt người cả ban ngày, ban đêm. Những cán bộ cơ sở phải chạy vào rừng hoạt động bí mật hoặc ra nhập Cứu quốc quân. Đã có một số dân đưa cả gia đình chạy vào rừng sâu để tránh địch khủng bố. Tình hình hết sức căng

tháng.

Đứng trước cuộc khủng bố lan tràn của địch, các đồng chí lãnh đạo phân khu A đã tổ chức liên tiếp nhiều cuộc họp tìm cách chống địch khủng bố. Ngày 6-11 họp ở Na Hin (Phú Thượng) ngày 10-11 họp ở Đông Mỏ, ngày 12 lại họp ở Chùa Đon (Phú Thượng) v.v... Tại cuộc họp ở Đông Mỏ ngày 10-11, các đồng chí lãnh đạo phân khu A đã quyết định:

1- Cho tự vệ chiến đấu và thanh niên trung kiên có tinh thần tự nguyện thoát ly cơ sở tham gia Cứu quốc quân.

2- Trừng trị nghiêm khắc những tên mật thám, tay sai đắc lực của thực dân Pháp.

3- Cất dấu lương thực vào hang, trên núi để chuẩn bị chiến đấu.

4- Đấu tranh vũ trang chống địch khủng bố, thành lập các ban chuyên môn như ban ám sát, ban phá hoại, ban trình sát, ban vườn không nhà trống... làm nhiệm vụ diệt mật thám tay sai đầu sỏ, phá cầu, đắp ụ cản giao thông, đánh địch hành quân càn quét.

Trong cuộc họp ngày 12-11, ở Chùa Đon, lãnh đạo phân khu A khẳng định một lần nữa quyết tâm chống địch khủng bố, triệt để thực hiện vườn không nhà trống, đưa dân lên núi, đánh địch ở đồn Đình Cả, Tràng Xá,

La Hiên; lệnh cho Cứu quốc quân đang hoạt động ở Bắc Sơn (Lạng Sơn) hoạt động phối hợp, phá cầu, chặn đường tiến công của địch từ Lạng Sơn kéo về Bắc Sơn xuống Võ Nhai.

Lực lượng địch ở Võ Nhai, tính đến ngày 10-11-1944, chúng có hơn 80 lính khố xanh và lính cơ đóng ở các đồn La Hiên, Đình Cả, Tràng Xá. Ngoài ra, đầu tháng 11-1944, chúng đã điều lên đây một đơn vị thuộc "lực lượng cảnh sát đặc biệt" làm nhiệm vụ tuần tiễu. Lực lượng của địch như vậy nhưng trong các đồn bớt nói trên ta đã xây dựng được cơ sở binh vận. Trong bộ máy chính quyền của chúng từ tổng xuống đến các làng xã, Ban lãnh đạo phân khu đã bố trí một số cán bộ, đảng viên nắm một số chức vụ quan trọng.

Đây lòng căm thù giặc Pháp, lại có kinh nghiệm đánh du kích trong tám tháng chống khủng bố trước đây, Cứu quốc quân, tự vệ cùng nhân dân các dân tộc trong huyện đã nhiệt tình hưởng ứng quyết định của Ban lãnh đạo phân khu A. Ngày 8-11, Cứu quốc quân diệt một tên chánh tổng và một phó tổng. Ngày 11-11, Cứu quốc quân phá cầu Trúc Mai (ở cây số 25) cắt đứt đường dây liên lạc của địch từ Thái Nguyên đi Đình Cả. Sáu lần địch cho liên lạc với Thái Nguyên để xin chi viện đều bị ta bắt. Liên tiếp sau đó, Cứu quốc quân cùng tự vệ đánh đồn Quang Thái (Tràng Xá), đồn Đình Cả, thu súng của đồng, bắt 10 tên mật thám ở Lâu

Thượng. Địch phản ứng điên cuồng. Một mặt chúng tập trung lực lượng cấp tốc sửa chữa cầu đường. Mặt khác, chúng tăng cường binh lính đi đàn áp lên đến hàng ngàn tên, gồm lính lê dương, lính khố đỏ, lính khố xanh có cả máy bay và sơn pháo, từ 3 mặt Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn hùng hổ tiến vào Võ Nhai. Chúng đi đến đâu thì nhà cửa, ruộng vườn bị đốt và phá tới đó, nhất là dọc đường 1B từ La Hiên đến Đình Cả. Tình cảnh rất tàn khốc. Nhân dân phải bồng bế con cái chạy lên núi. Không phá địch cũng phá, nhân dân các xã Lâu Thượng, Phú Thượng và Tràng Xá đã tự tay đốt nhà mình làm "vườn không, đồng vắng" kéo nhau vào sống ở các hang núi sâu trong rừng.

Đêm ngày 12-11-1944, quân Pháp cho khoảng 700 lính khố đỏ, tiến từ Thái Nguyên lên Võ Nhai, vừa hành quân vừa sửa chữa cầu đường để ứng cứu đồn Tràng Xá đang bị Cứu quốc quân và tự vệ bao vây. Ngày 13-11, một đơn vị Cứu quốc quân phục kích ở La Hoá (Lâu Thượng) bắn chết 10 tên địch, thu vũ khí. Ngày 15-11 viên quan một chỉ huy đồn Đình Cả về Thái Nguyên xin viện binh, Cứu quốc quân chặn đánh, y phải bỏ xe ô tô chạy tháo thân vào rừng, ta thu ô tô đem đốt. Ngày 17-11, thực dân Pháp cho 300 quân từ Thái Nguyên lên tăng viện cho Võ Nhai có máy bay yểm trợ. Lực lượng ta chỉ có 20 chiến sỹ với 15 khẩu súng trường, đã anh dũng chặn đánh ở Đốc Đò diệt một

số tên, thu 3 khẩu súng. Lực lượng Cứu quốc quân an toàn. Hôm sau, ngày 18, tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận buộc phải lên Võ Nhai nắm tình hình, bị Cứu quốc quân phục kích bắn bị thương phải quay lại Thái Nguyên. Ngay buổi chiều cùng ngày địch đưa một đại đội bộ binh cơ giới từ thị xã lên Võ Nhai. Ngày 21-11 chúng lại điều hai đại đội lê dương lên Võ Nhai. Ngày 26/11 địch tiến vào Làng Hang, bắt 120 dân chạy vào đây về trại tập trung Hang Bụt (La Hiên). Ngày 27-11, Bộ chỉ huy quân Pháp tập trung khá lớn binh lính từ ba mặt Lạng Sơn, Bắc Giang, Thái Nguyên tấn công vào Võ Nhai, đánh vào Hang Mỏ Gà, nơi có hàng trăm dân sơ tán vào đây. Cứu quốc quân và tự vệ đã anh dũng chặn đánh chúng quyết liệt, chặn bước tiến của chúng, bảo vệ dân.

Sau hai ngày vất vả và tổn thất, chúng mới lên đến hang, nhưng chúng đã thất bại, trong hang chỉ còn một số người già yếu, còn tất cả mọi người đã rút đến nơi an toàn. Ngày 29-11 chúng cho đơn vị Âu - Phi đánh vào Lân Han, Cứu quốc quân chặn đánh, chúng lùi ra xa thiết lập vòng vây. Đêm đến, lợi dụng trời tối Cứu quốc quân cùng bà con sơ tán bí mật rút sang Cây Hồng (Phú Thượng).

Lực lượng của địch từ chỗ chỉ có hơn 80 tên đóng ở La Hiên, Đình Cả, Tràng Xá, Quang Thái, trong vòng

10 ngày đã tăng vọt lên hàng ngàn tên đủ các sắc lính lê dương, khố đỏ, khố xanh⁽¹⁾ thuộc nhiều binh chủng, được trang bị cả đại bác, cơ giới và máy bay yểm trợ. Ngoài ra một chi nhánh mật thám được thành lập tại chỗ, với hàng chục tên có sừng có mỏ của Sở mật thám Bắc Kỳ về Võ Nhai tác oai, tác quái.

Sau gần một tháng vũ trang chống địch khủng bố, đánh đồn, chặn viện, phục kích, chặn địch tấn công, phá cầu, cắt đứt giao thông liên lạc, diệt mật thám, tay sai, bảo vệ nhân dân, lực lượng Cứu quốc quân vừa phát triển lực lượng vừa giành thắng lợi.

Nhưng cuộc chiến đấu của Cứu quốc quân ngày càng gặp khó khăn. Từ đầu tháng 12 năm 1944, địch huy động thêm quân lính, liên tiếp mở những cuộc tấn công, càn quét vào tận rừng sâu. Các xã La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, Liên Minh, Tràng Xá ngày đêm chìm trong khói lửa, đạn bom. Nhân dân một số bị giam, nhốt trong các trại tập trung màn trời, chiếu đất, đời sống rất khổ cực, nhiều cụ già, trẻ nhỏ đã chết trong trại do bị đói, rét, hệnh tật; một số phải ẩn náu trong rừng sâu, hang đá, lương thực cạn dần. Cứu quốc quân thiếu vũ khí, nhất là đạn không đủ để kéo dài cuộc

⁽¹⁾ - Ngoài các tiểu đoàn lính khố xanh của Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, cuối tháng 11 năm 1944 chúng phải điều cả tiểu đoàn lính khố xanh của tỉnh Hải Dương lên Võ Nhai

chiến đấu, vừa phải lo đánh địch lại vừa phải bảo vệ và tổ chức đời sống cho hàng ngàn dân nên lực lượng chiến đấu bị phân tán. Trong khi đó, đường dây liên lạc với các nơi bị cắt đứt, Cứu quốc quân phải chiến đấu cô độc trong vòng vây của địch; lòng tin ở thắng lợi của cuộc chiến đấu giảm sút.

Nhận được báo cáo của Ban chỉ huy chiến khu Hoàng Hoa Thám đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng đã cử đồng chí Ngô Thế Sơn Ủy viên Thường trực Ủy ban quân - chính Bắc Kỳ làm phái viên đặc biệt theo đường dây giao thông quân sự lên Võ Nhai, để truyền đạt chỉ thị của Trung ương về việc rút lui cuộc đấu tranh vũ trang. Ngày 7-12-1944, đồng chí phái viên đặc biệt của Trung ương Đảng triệu tập các đồng chí lãnh đạo phân khu A họp tại xóm Cây Bàng (Tràng Xá) bàn việc thực hiện nghiêm chỉnh chỉ thị của Trung ương Đảng, ngừng tiếng súng, chuyển sang đấu tranh chống địch khủng bố bằng những hình thức thông thường, đưa dân về làng cũ làm ăn, ổn định đời sống.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, Ban lãnh đạo phân khu A đã nhanh chóng lãnh đạo Cứu quốc quân và nhân dân chuyển hướng đấu tranh. Cứu quốc quân được chia làm ba bộ phận. Một bộ phận chuyển sang phân khu B. Một bộ phận ở lại Võ Nhai chia thành các tổ bí mật cùng dân trở về La Hiên, Lâu Thượng,

Phú Thượng, Trùng Xá, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống bắt người, cướp của, đòi giải tán các trại tập trung để dân về làng cũ làm ăn. Còn đại bộ phận (72 người) chuyển sang Bắc Yên Thế và Hữu Lũng (Bắc Giang) để củng cố.

Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã biểu dương tinh thần bất khuất của Cứu quốc quân và nhân dân các dân tộc Võ Nhai. Tiếng súng đánh địch ở Võ Nhai đã có sức cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước và cách mạng không chỉ ở Võ Nhai mà lan rộng ra cả vùng Việt Bắc, cả nước, làm cho kẻ địch hoang mang lo sợ. Cuộc chiến đấu đã đào luyện cho cách mạng một đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh vững vàng, đóng góp nhiều bài học kinh nghiệm, bổ ích vào kho tàng lý luận của Đảng.

Đồng thời, Ban Thường vụ Trung ương cũng nghiêm khắc phê bình chủ trương chống địch khủng bố của các đồng chí lãnh đạo phân khu A, bộc lộ lực lượng quá sớm. Trong bài "Chúng ta đã học tập được những gì trong cuộc đấu tranh vũ trang ở Thái Nguyên", đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng, đã nêu ba ưu điểm, hai khuyết điểm và viết: "Các đồng chí Võ Nhai coi thường bạo động. Đáng lẽ chỉ vận động quần chúng đấu tranh chống đồn làng và bắt người, chống khủng bố theo những hình thức thông thường, thì các đồng chí

ấy đã căn cứ vào hai tin không chắc chắn... mà phát động du kích một cách cô độc. Các đồng chí Võ Nhai tưởng có thể tiến thẳng lên khởi nghĩa, nên đã hạ lệnh cho quân chúng thực hành "đồng không, nhà vắng" đến triệt để, đưa một số dân chúng không thể chiến đấu lên núi và do đó tự đeo thêm quả tạ vào chân bộ đội, du kích"⁽¹⁾.

Do Trung ương Đảng kịp thời chỉ thị uốn nắn nên cơ sở cách mạng ở Võ Nhai vẫn được giữ vững. Kết quả đó tạo điều kiện rất thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Võ Nhai sau này.

Bộ phận Cứu quốc quân rút sang Bắc Yên Thế và Hữu Lũng, do lực lượng đông 72 người, điều kiện cung cấp lương thực, thực phẩm và che dấu đơn vị gặp nhiều khó khăn, các đồng chí lãnh đạo phân khu cử người về ATK2 báo cáo Ban Thường vụ Trung ương Đảng, xin cho đơn vị tạm rút lên biên giới Việt - Trung. Cán bộ liên lạc về tới Kha Sơn (Phú Bình) thì nhận được chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, liền quay về báo cáo với các đồng chí lãnh đạo phân khu. Nhận được chỉ thị, các đồng chí đưa ngay đơn vị trở lại Võ Nhai phát động nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền.

Đúng như dự đoán của Đảng ta, những mâu thuẫn

⁽¹⁾ - Cờ giải phóng, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1956, trang 116

đối kháng ngày càng gay gắt giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương và tình thế khốn quẫn của Nhật ở Thái Bình Dương đã buộc phát xít Nhật đêm ngày 9-3-1945 nổ súng, lật đổ Pháp cùng một lúc trên toàn cõi Đông Dương, cũng là ngăn ngừa mối hậu hoạ sau lưng khi quân đồng minh tiến vào Đông Dương.

Ngay trong đêm 9-3-1945, giữa lúc Nhật nổ súng đánh Pháp, Hội nghị mở rộng của Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Hội nghị chủ trương đưa khẩu hiệu "đánh đuổi phát xít Nhật" thay cho khẩu hiệu "đánh đuổi Pháp, Nhật" trước đây, phát động cao trào chống Nhật, cứu nước mạnh mẽ tiến tới tổng khởi nghĩa. Toàn bộ những quyết định sáng suốt được ghi rõ trong bản chỉ thị lịch sử "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ra ngày 12-3-1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Đầu năm 1945, thực dân Pháp đã điều lên thị xã Thái Nguyên một binh đoàn chủ lực, tăng cường, trang bị vũ khí hiện đại, giữ lấy vị trí chiến lược của cửa ngõ phía Bắc Hà Nội. Nhưng đêm 9-3, nghe tin Nhật nổ súng đánh Pháp tại nhiều nơi, bọn Pháp ở đây hoảng loạn, sáng ngày 10-3 toàn bộ quân Pháp cùng bọn cai trị dân sự vội vã lên xe ô tô tháo chạy qua Đại Từ vượt đèo Khế sang Tuyên Quang, tìm đường lên Tây Bắc.

Thấy quân Pháp từ thị xã Thái Nguyên hành quân trong hoảng loạn, chạy sang Tuyên Quang và nghe tiếng đại bác từ Việt Trì (Phú Thọ) vọng sang, biết giặc Nhật, Pháp đã cắn xé nhau. Tuy chưa nhận được chỉ thị của Trung ương, nhưng căn cứ vào các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương đề ra trước đây, đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy một đơn vị Cứu quốc quân có sự phối hợp của lực lượng tự vệ Đại Từ phục kích tại đèo Khế, trên đường liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang. Đây là một cái đèo nằm ở giữa địa giới hai tỉnh, địa hình hiểm trở độ dốc cao, vực sâu. Khoảng 9 giờ sáng ngày 10-3 khi toán quân Pháp vượt qua đèo, Cứu quốc quân nổ súng chặn đánh. Bị đồn bắt ngờ, quân Pháp hốt hoảng vứt súng, toán chạy vào rừng hai bên đèo, toán liền chết chạy lên Tuyên Quang, một bộ phận, trong đó có tên chánh sứ, phó chánh sứ và những thuộc hạ quay vội xe chạy trở lại thị xã Thái Nguyên. Nhân dân hai bên đường đánh chống mõ, hò la càng làm cho quân Pháp náo loạn vứt hết súng ống, trang bị chạy thoát thân. Ta thu được rất nhiều vũ khí, đạn dược vũ trang ngay cho Cứu quốc quân và tự vệ Đại Từ. Ngay sau đó, Cứu quốc quân kéo lên Định Hoá, xuống Đại Từ tịch thu súng của đồng, sổ sách giấy tờ của tổng lý, kỳ hào giải phóng xóm làng.

Trưa ngày 10-3-1945, quân Nhật vượt cầu Đa Phúc

tiên vào Thái Nguyên, binh lính và quan chức Pháp trong thị xã bạc nhược, mất hết tinh thần, tên công sứ vội vàng cử tên phó chánh sứ cùng thuộc hạ vác cờ trắng xuống Gia Sàng đón Nhật. Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, quân Nhật vào chiếm thị xã Thái Nguyên trong tay Pháp không cần nổ súng.

Sau khi hất cẳng Pháp, phát xít Nhật giữ nguyên bộ máy tay sai cũ của Pháp để giúp chúng bóc lột và thống trị nhân dân ta⁽¹⁾. Một mặt chúng thực hành chính sách lừa gạt nhân dân ta, một mặt tìm cách phá hoại, tiêu diệt phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Nhận được chỉ thị của Trung ương, lãnh đạo phân khu A lập tức đưa đơn vị Cứu quốc quân từ Đông Vương (Yên Thế, Bắc Giang) hành quân cấp tốc trở lại Võ Nai, với khí thế của người chiến thắng, ngày 13 tháng 3 năm 1945, đơn vị về đến Đình Cả phối hợp ngay với tự vệ cơ sở đánh tan một tiểu đội địch, phá kho thóc và kho muối ở đây chia cho nhân dân. Tối 15 tháng 3 ta lại phá kho thóc ở đồn điền Boóc-đe ở xã Phú Thượng chia cho dân.

Trong lúc nhân dân trong huyện đang bị nạn đói đe dọa, hậu quả của cuộc khủng bố tàn khốc của giặc Pháp

⁽¹⁾ Chúng chỉ đổi tên gọi tuân phủ là tỉnh trưởng; tri huyện là huyện trưởng; lính khố xanh đổi thành bảo an binh...

cuối năm 1944, khẩu hiệu phá kho thóc, kho gạo đem chia cho nhân dân của ta có ý nghĩa chính trị rất lớn, có sức cổ vũ, tập hợp đông đảo quần chúng tham gia khởi nghĩa giành chính quyền.

Tối ngày 17 tháng 3 năm 1945, Cứu quốc quân chia làm hai lực lượng, một lực lượng cùng tự vệ bao vây đồn Đình Cả (lúc này trong đồn địch có một đại đội lính khố xanh), một bộ phận có lực lượng tự vệ và quần chúng hỗ trợ tiến đánh châu lỵ La Hiên. Tại đây quân địch có khoảng gần 100 tay súng của lính khố xanh, lính cơ và tráng đồng ở các tổng, xã trong châu và một số tên mật thám, có tường cao, hào sâu. Đêm 20 tháng 3, lực lượng vũ trang cách mạng và quần chúng ào ào xông vào châu lỵ. Trước thế áp đảo, binh lính trong châu không dám chống cự, ta giải phóng hoàn toàn châu lỵ. Sáng 21 tháng 3, viên tri châu đem toàn bộ vũ khí, sổ sách nộp cho quân cách mạng; ngay sau đó một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại châu lỵ nghe đại diện cách mạng tuyên bố xoá bỏ bộ máy chính quyền địch, thành lập uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời châu. Đây là chính quyền cách mạng châu được thành lập đầu tiên ở tỉnh ta.

Cùng ngày 21 tháng 3, một đơn vị Cứu quốc quân đã tiêu diệt đồn Tràng Xá. Sau khi hạ đồn, đơn vị này cùng nhân dân xã Tràng Xá kéo ra đánh đồn Đình Cả, ta vừa đánh vừa kêu gọi chúng hạ vũ khí đầu hàng.

Địch dùng kế hoãn binh để chờ viện quân ở tỉnh lên giải vây. Ngày 27 tháng 3, tên đồn trưởng trá hàng, mời cán bộ ta lên đồn trao vũ khí. Đồng chí Thái Long (Nông Văn Cún) một cán bộ chỉ huy Cứu quốc quân dũng cảm, một đảng viên rất kiên cường của Đảng bộ Võ Nhai cùng Nhật Sơn, một cai lính cơ vừa ra hàng và nhập vào hàng ngũ cách mạng nhận lời lên đồn. Quân thù đã phản phúc, chúng bắn chết đồng chí Thái Long và Nhật Sơn ở cổng đồn sau khi gặp chúng ra về. Sự đe dọa của chúng làm sôi lên lòng căm phẫn của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Võ Nhai, tiếp tục siết chặt vòng vây. Run sợ trước nguy cơ bị tiêu diệt, 3 giờ sáng ngày 10 tháng 4, chúng liều mở đường máu, rút chạy về tỉnh lỵ Thái Nguyên. Cứu quốc quân lập tức truy kích chúng ở Đèo Khế thuộc xã Khe Mo (Đồng Hỷ) bắn chết 10 tên và nhiều tên khác bị thương thu 2 súng trung liên, 19 súng trường và nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng. Số còn lại chạy tan tã vào rừng. Võ Nhai hoàn toàn giải phóng, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các xã trong châu lần lượt ra đời.

Ở Định Hoá, tối 25 tháng 3 năm 1945, một trung đội Cứu quốc quân do đồng chí Tạ Xuân Thu và đồng chí Chu Phóng chỉ huy, có lực lượng tự vệ phối hợp bao vây đồn khố xanh⁽¹⁾ và châu lỵ, 3 giờ sáng 26 tháng 3,

⁽¹⁾ - Sau khi chiếm tỉnh lỵ Thái Nguyên (10/3/1945), Nhật gọi tên đồn trưởng Chợ Chu về tỉnh, tổng giám. Bình lính trong đồn mất kẻ chỉ huy.

ta nổ súng đánh đồn lính khố xanh, như rắn mất đầu, binh lính hốt hoảng bỏ đồn tháo chạy. Tiếng súng đánh đồn khố xanh của Cứu quốc quân làm cho bọn lính cơ và đông bảo vệ dinh tri châu cũng bỏ chạy tán loạn. Tên tri châu sợ hãi trốn khỏi châu lỵ, ngày hôm sau (27-3) xin ra đầu thú. Châu lỵ Định Hoá hoàn toàn giải phóng. Cứu quốc quân phá nhà lao giải thoát cho hơn 200 tù nhân, trong đó có 30 tù chính trị, phá kho thóc chia cho dân để cứu đói. Theo lệnh của Cứu quốc quân, bọn chức dịch khắp các tổng, xã trong châu đem sổ sách, bằng triện về châu lỵ nộp cho cách mạng. Bộ máy tay sai trong toàn châu bị xoá bỏ. Ngày 18 tháng 4 năm 1945, Đại biểu 18 xã trong châu đã họp bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu, theo đó chính quyền cách mạng các xã cũng được thành lập.

Ở Đại Từ, sau sự kiện ngày 10 tháng 3, hầu hết các xã ở phía bắc huyện đã được giải phóng, số còn lại bộ máy chính quyền tay sai thực chất đã tê liệt. Viên tri huyện, bọn sai nha và lính tráng co lại, không dám ra khỏi huyện lỵ. Ngày 25 tháng 3 năm 1945, lãnh đạo phân khu B họp và quyết định phát động quần chúng vùng dậy khởi nghĩa, lật đổ chính quyền tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng trong toàn huyện trước khi Nhật kéo đến. Chiều cùng ngày một

cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại phố Văn Lăng. Sau cuộc mít tinh, một số cán bộ được phân công về các cơ sở xung quanh huyện lỵ xây dựng lực lượng, phát động quần chúng sẵn sàng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa giành chính quyền huyện.

Ngày 29 tháng 3 năm 1945, đơn vị Cứu quốc quân do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy có lực lượng tự vệ các xã phía bắc phối hợp và hàng trăm quần chúng sôi sục khí thế cách mạng kéo về bao vây huyện lỵ Đại Từ. Vốn đã hoàn toàn suy sụp về tinh thần, lại bị lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng áp đảo, bộ máy thống trị của địch lập tức bị sụp đổ. Quan, quân vút tài liệu, súng ống chạy tháo thân.

Sáng ngày 31 tháng 3 năm 1945, Cứu quốc quân tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng ở phủ lỵ, tuyên bố chính quyền địch từ huyện đến làng, xã đã bị xoá bỏ, hiệu triệu mọi người góp công góp sức ủng hộ cách mạng, xây dựng chính quyền mới. Sau cuộc mít tinh, Cứu quốc quân dẫn đầu đoàn người, kéo đi phá kho thóc Hùng Sơn đem chia cho nhân dân.

Hai huyện Phú Bình, Phổ Yên là đất an toàn khu, thực hiện chỉ thị của Trung ương, sau đợt thực dân Pháp khủng bố tháng 10 - 1944, Ban cán sự ATK đã trực tiếp chỉ đạo đẩy mạnh công tác củng cố, mở rộng phong trào cách mạng trong phạm vi toàn huyện, tích cực tổ

chức và huấn luyện dân quân tự vệ, sẵn sàng phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến và cố chỉ thị của Trung ương: Không được bộc lộ lực lượng quá sớm, đảm bảo an toàn các hoạt động của Trung ương, của Xứ uỷ.

Ngày 13 tháng 3 năm 1945, đồng chí Lê Thành Nghị, Xứ uỷ Bắc Kỳ dự Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (mở rộng) về đến Kha Sơn đem theo tinh thần Chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" truyền đạt cho chi bộ Kha Sơn. Sau khi tiếp thu tinh thần chỉ thị. Ngay chiều ngày 13, chi bộ Kha Sơn họp và quyết định: Diệt bọn việt gian đầu sỏ, có tội ác để đẩy mạnh khí thế cách mạng của quần chúng, thu bằng triệu của chánh tổng, lý trưởng lập chính quyền cách mạng, thu súng của tráng đồng trang bị cho tự vệ; mở rộng hoạt động của Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc ra ngoài phạm vi xã, thành lập thêm nhiều tiểu đội tự vệ, hậu thuẫn cho quần chúng phá kho thóc của Nhật đem chia cho dân để cứu đói. Phân công cán bộ, đảng viên đến các làng Kha Sơn Thượng, Mai Sơn, Bằng Cầu thống nhất hành động.

Đêm 13 tháng 3, chi bộ họp lần cuối cùng đánh giá tình hình mọi mặt để ra các giải pháp cụ thể xử lý khi tình hình diễn biến, trước khi hành động.

Đúng 8 giờ sáng ngày 14-3-1945, từ Kha Sơn Hạ

mệnh lệnh khởi nghĩa được ban bố. Không khí cách mạng tràn ngập xóm làng. Tự vệ chiến đấu Kha Sơn Hạ truy lùng bọn tay sai đắc lực của giặc, trấn áp bọn phản động, làm nòng cốt, chỗ dựa cho quần chúng nổi dậy. Đến 12 giờ, lực lượng cách mạng đã hoàn toàn làm chủ, ngay sau đó một cuộc mít tinh quần chúng được tổ chức tại đình Kha Sơn Thượng, có gần một ngàn người tham gia. Tại cuộc mít tinh, đại diện Mặt trận Việt Minh xã tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai, thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng xã. Đây là xã đầu tiên trong tỉnh ta giành được chính quyền và thành lập chính quyền cách mạng trong cao trào cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Hoàng sợ trước sự nổi dậy của nhân dân, lại không thấy được ngọn trào cách mạng của nhân dân ta đã khác nhiều so với thời kỳ cuối năm 1944. Đêm 14 tháng 3, bọn tay sai hung hăng đưa lính về khủng bố cách mạng ở Kha Sơn Hạ, nhưng chúng đã bị lực lượng tự vệ chặn đánh quyết liệt, chúng phải tháo chạy.

Trên đà thắng lợi, chi bộ Kha Sơn Hạ tích cực hỗ trợ Kha Sơn Thượng. Mai Sơn phát động quần chúng đồng loạt nổi dậy giành chính quyền thắng lợi trong ngày 15 tháng 3. Tiếp đó là các xã Dương Thành, Lương Phú, Thắng Lợi, Bảo Lý, Đào Xá, Đồng Liên... cũng đập tan chính quyền tay sai phát xít, thành lập chính quyền

cách mạng vào cuối tháng 3 năm 1945.

Tình hình ở huyện Phổ Yên sau sự kiện ngày 9 tháng 3 có diễn biến bất thường. Phát xít Nhật sau khi chiếm đóng Thái Nguyên, chúng phong toả và bảo vệ nghiêm ngặt tuyến quốc lộ số 3 từ Đa Phúc tới thị xã Thái Nguyên - một con đường huyết mạch nối giữa Bộ tư lệnh quân Nhật ở Hà Nội với đạo quân ở Thái Nguyên, không chế cửa ngõ phía nam căn cứ địa Việt Bắc. Đạo quân này còn có nhiệm vụ quan trọng là từng bước lấn sâu vào Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc phá hoại phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Về phía ta, ngay từ cuối năm 1944, Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ đã thấy ở Việt Bắc và các tỉnh lân cận Việt Bắc có những dấu hiệu của cao trào cách mạng, đã đề ra nhiều chủ trương quan trọng, trong đó có việc tăng cường cán bộ về Phổ Yên để cùng với cơ sở cách mạng huyện Đại Từ xây dựng và bảo vệ tuyến giao thông liên lạc từ ATK1 (Đông Anh, Phúc Yên), men theo sườn phía đông dãy núi Tam Đảo lên chiến khu Việt Bắc. Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, một mặt không bộc lộ lực lượng, mặt khác đẩy mạnh hoạt động gây dựng cơ sở, khôn khéo và bí mật làm tê liệt bộ máy tay sai của địch ở các làng xã. Trong một thời gian ngắn, ta đã xây dựng được nhiều cơ sở Mặt trận Việt Minh, tổ tự vệ chiến đấu ở Đắc Sơn, Thành

Công, Cải Đan, Phúc Thuận.v.v... được nhân dân ủng hộ, che chở ta đã xây dựng và bảo vệ an toàn tuyến giao liên từ tháng 4 năm 1945 đến ngày tổng khởi nghĩa thành công. Tuyến giao liên này đã đưa, đón nhiều đoàn cán bộ của Trung ương Đảng, Xứ uỷ Bắc Kỳ, Tổng bộ Việt Minh từ xuôi lên ngược và từ ngược về xuôi, đưa và bảo vệ an toàn cho đoàn đại biểu các miền Bắc, Trung, Nam đi dự Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng và Đại hội quốc dân Tân Trào (8-1945).

Lợi dụng khi bộ máy chính quyền tay sai của Nhật ở các xã nam Đại Từ và tây bắc Phổ Yên bị ta vô hiệu hoá, khi ta chưa thiết lập chính quyền cách mạng, một số tên du thủ du thực đứng ra chiêu tập những tên lưu manh, đầu trộm đuôi cướp tổ chức ra đội quân "Đồng minh". Nhân dân đã chỉ tên chúng là đồng minh giả, gồm hơn 40 tên, trang bị súng kíp, giáo mác và một số súng trường. Hành động của chúng như thổ phỉ: cướp của, giết người, tống tiền, hãm hiếp phụ nữ... Nhân dân các xã Thành Công, Phúc Thuận, Cải Đan (Phổ Yên) điêu đứng vì chúng.

Trước tình hình trên, để bảo vệ nhân dân, bảo vệ an toàn tuyến giao liên quan trọng của Trung ương, lãnh đạo chiến khu Nguyễn Huệ giao cho trung đội Phạm Hồng Thái đang hoạt động ở các xã phía nam huyện Đại Từ tiêu diệt bọn "Đồng minh" giả.

Trung đội Phạm Hồng Thái mà tiền thân là đội du kích Cao Sơn được thành lập đầu tháng 4 năm 1945, tại xã Quán Chu huyện Đại Từ. Cán bộ, chiến sĩ của đội khi mới thành lập là những thanh niên Cứu quốc trung kiên hoạt động ở Quán Chu, Cát Nê, Ký Phú (Đại Từ). Những người trong Đội đều mang tên kép có chữ Sơn phía sau: như Thạch Sơn, Trường Sơn, Thái Sơn, Hồng Sơn, Ngân Sơn, Kim Sơn,... đồng chí Trường Sơn là Đội trưởng, đồng chí Thạch Sơn là Đội phó. Sau ngày 15-5-1945 Đội đổi tên thành Quân Giải phóng.

Tuy mới thành lập nhưng Đội hoạt động rất hăng hái, tinh thần chiến đấu mưu trí, dũng cảm lập được nhiều chiến công. Đội đã bảo vệ an toàn cho nhiều đoàn cán bộ trên đường giao liên nói trên, đập tan bọn "đồng minh" giả, thu toàn bộ vũ khí, nhân dân quanh vùng phấn khởi, tin tưởng, tham chiến nhiều trận, diệt nhiều tên Nhật tán công vào khu giải phóng. Chiến công vang dội của Đội mà sau này báo chí phương Tây nhắc đến là trận đánh quân phát xít Nhật ở Tam Đảo ngày 17-7-1945, diệt toàn bộ quân Nhật và lính bảo an binh ở đây thu 80 khẩu súng trường, một trung liên, một súng phóng lựu đạn và rất nhiều đạn dược, quân trang, 6000 đồng tiền Đông Dương. Ta đã giải phóng cho 20 người là quan chức, giáo sư người Pháp bị phát xít Nhật bắt giam tại đây trong cuộc đảo chính (9-3-1945).

Tại huyện Đông Hỷ, được sự chỉ đạo trực tiếp của

Xứ uỷ, đến cuối tháng 3-1945 tất cả các xã phía tây nam huyện: Bá Xuyên, Tân Cương, Bình Sơn, Tân Quang... đều đã có Ban chấp hành Mặt trận Việt Minh xã, các Hội thanh niên, phụ nữ, nông dân Cứu quốc được thành lập và hoạt động rất hăng hái. Những thanh niên hăng hái, tích cực nhất trong hội trở thành nòng cốt trong các đội tự vệ.

Đến nửa cuối tháng 4-1945, nhiều cơ sở của Mặt trận Việt Minh được xây dựng ở Phúc Xuân, Thịnh Đức, Thịnh Đán, Tích Lương, Đông Quang... ở các xã miền núi vùng Đông Bắc của huyện từ sau tháng 4 (1945), được sự giúp đỡ của Cứu quốc quân chính quyền cách mạng các xã Cây Thị, Hợp Tiến, Văn Hán, Khe Mo được kiện toàn thêm một bước và đẩy mạnh hoạt động, các xã Minh Lập, Hoá Trung đã có chính quyền cách mạng...

Nhìn chung, phong trào cách mạng của Đông Hỷ đến tháng 5-1945 đã thực sự trở thành cao trào. Tuy vậy sự chỉ đạo phong trào của huyện vẫn chia cắt mà sông Cầu làm ranh giới. Các xã nằm ở hữu ngạn Sông Cầu do cán bộ Xứ uỷ chỉ đạo, các xã bên tả ngạn Sông Cầu do Cứu quốc quân phụ trách. Để thống nhất sự lãnh đạo phong trào cách mạng trong huyện, đáp ứng nhu cầu phát triển của cao trào kháng Nhật, cứu nước gấp rút chuẩn bị cho cuộc nổi dậy của toàn dân, đầu tháng 7-1945 Xứ uỷ Bắc kỳ và Ban lãnh đạo Khu giải phóng quyết định thành lập Ban cán sự Đảng và Ủy ban

dân tộc giải phóng huyện Đông Hỷ⁽¹⁾.

Sự ra đời của Ban cán sự Đảng và Ủy ban dân tộc giải phóng huyện mở ra một bước ngoặt lớn cho nhân dân các dân tộc Đông Hỷ trên con đường cùng toàn dân vùng dậy xoá bỏ ách thống trị của phát xít Nhật và tay sai, giành lại độc lập dân tộc.

Cũng như Phổ Yên, sau khi vào chiếm đóng tỉnh lỵ Thái Nguyên phát xít Nhật cho quân lên chốt ở Giang Tiên, Phấn Mễ, Đu và đồn điền Na, huyện Phú Lương để bảo vệ quốc lộ 3 và các mỏ than ở đây. Ngoài ra chúng còn thành lập những đội quân thường xuyên tuần tiễu trên đường từ thị xã lên km 31. Về phía cách mạng ngày 10-3-1945 nhân cơ hội quân Nhật chân ướt, chân ráo vào tỉnh lỵ, chưa kịp kiểm soát tình hình, ta vận động viên cai ngục mở cửa nhà tù. Một số cán bộ cách mạng bị giam giữ ở đây nhanh chóng trở về địa phương lãnh đạo phong trào, trong này có một số đồng chí về Phú Lương nắm quân chúng, phát động nhân dân đấu tranh.

Cuối tháng 3 (1945), đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân sau khi hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Chợ Chu được lệnh cấp tốc hành quân sang hoạt động ở các xã phía bắc và tây bắc huyện Phú Lương⁽²⁾.

⁽¹⁾ - Thành lập tại xã Tân Cương.

⁽²⁾ - Trong đơn vị Cứu quốc quân về Phú Lương có các đồng chí Nguyễn Văn Rạng, Phương Cường, Phan Văn Đắc, Lê Đình Nhậm, Kim Anh.

Đơn vị được giao nhiệm vụ: Xoá bỏ chính quyền của địch, thành lập chính quyền cách mạng ở các xã, trước hết là các xã ven đường số 3, xây dựng các đơn vị tự vệ chiến đấu, lập phương án đánh Nhật trên đường Thái Nguyên- Chợ Mới (Bắc Kạn) và Thái Nguyên - Chợ Chu. Vận động nhân dân ủng hộ thóc gạo làm quỹ binh lương, tích trữ lương thực vùng quanh núi Chúa để nuôi quân, đánh Nhật. Mở đường liên lạc sang Võ Nhai, Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang).

Với khí thế của đội quân chiến thắng, được sự phối hợp tích cực của cán bộ cơ sở và được nhân dân ủng hộ, phong trào cách mạng ở Phú Lương bùng phát mạnh mẽ, lan khắp các xã trong huyện. Ngày 5-4-1945, một cuộc mít tinh quần chúng được tổ chức tại sân đình Khau Chứa (xã Ôn Lương). Tại cuộc mít tinh, đại diện Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai của phát xít Nhật, thành lập chính quyền cách mạng xã Ôn Lương. Đây là chính quyền cách mạng xã đầu tiên của huyện Phú Lương được thành lập. Sự kiện quan trọng này mở ra bước ngoặt lớn trong cao trào khởi nghĩa giành chính quyền bộ phận ở huyện Phú Lương. Như vết dầu loang, những ngày sau đó, nhân dân tất cả các xã phía bắc huyện đã lần lượt đập đổ chính quyền tay sai, thiết lập chính quyền cách mạng. Ngọn trào cách mạng tràn xuống các xã phía nam, nhân dân và tự vệ các xã Động Đạt, Cổ

Lũng, Phấn Mễ, Túc Tranh, Sơn Cầm... được sự giúp đỡ của quân giải phóng nổi dậy trừng trị bọn việt gian, phản động bất chánh tổng, lý trưởng, nộp sổ sách, bằng triện đem tiêu huỷ, cử ra Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, chấm dứt thời kỳ nô lệ, chuẩn bị cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh tham gia giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Những ngày từ giữa tháng 3 đến cuối tháng 4 năm 1945, phong trào nổi dậy của quần chúng đã trở thành cao trào khởi nghĩa giành chính quyền từng phần ở tỉnh ta và đã thu được thắng lợi hết sức to lớn. Toàn bộ vùng nông thôn được giải phóng, có chính quyền cách mạng ở hầu hết các xã, có lực lượng vũ trang, có đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Bộ máy thống trị do phát xít Nhật dựng lên chỉ còn ở cấp châu, huyện và tỉnh nhưng không có giá trị trong thực tế.

Dưới chiêu bài "Đồng văn, đồng chủng", "khởi thịnh vượng chung Châu Á", "trả lại độc lập cho nhân dân Việt Nam", nhưng thực chất phát xít Nhật chống lại nhân dân Việt Nam, chống lại sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta, đàn áp dã man cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Đến thị xã Thái Nguyên chúng dung dưỡng những đảng viên Quốc dân đảng, Đại Việt và những kẻ hoạt đầu đứng ra gây rối chính trị, vu cáo cách mạng, lừa bịp nhân dân.

Các tổ chức Đảng trong tỉnh và những đồng chí hoạt động bí mật trong thị xã đã kịch liệt vạch trần những thủ đoạn lừa bịp của bọn phát xít Nhật, những luận điệu khiêu khích và phá hoại của bọn thân Nhật, trừng trị thích đáng những kẻ tay sai đắc lực.

Sau khi tạm thời ổn định bộ máy tay sai ở tỉnh lỵ, củng cố lực lượng, Bộ chỉ huy quân Nhật ở Thái Nguyên đưa quân đánh chiếm các huyện lỵ trong tỉnh. Ngày 5-4-1945, chiếm đóng huyện lỵ Đại Từ, Chợ Chu, ngày 9-5 chiếm La Hiên (Võ Nai), Phương Độ (Phú Bình), Huyện lỵ Phổ Yên, Phú Lương chúng đã chiếm giữ ngay sau ngày 10-3-1945. Phát xít Nhật đã cho binh lính từ tỉnh lỵ và huyện lỵ đột nhập sâu vào các làng, xã. Lúc đầu chúng cho những đơn vị nhỏ đi do thám, thăm dò lực lượng ta, tuần tiễu từng địa phương. Nhưng chúng đã bị quân cách mạng chặn đánh, gây nhiều thiệt hại cho chúng. Nhân dân ta thực hiện "vườn không nhà trống", cùng Cứu quốc quân bao vây kinh tế, phá hoại giao thông, làm cho quân Nhật gặp nhiều khó khăn chồng chất.

Cao trào chống Nhật, cứu nước của nhân dân ta phát triển một cách mạnh mẽ "Tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ - Văn kiện Đảng (1939 - 1945) Nhà xb Sự Thật, Hà Nội, 1963, trang 494.

Do đó, ngày 15 tháng 4 năm 1945, Ban Thường vụ Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (họp ở Hiệp Hoà, Bắc Giang), do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Hội nghị quyết định phát triển mạnh mẽ lực lượng vũ trang cách mạng, thống nhất lực lượng vũ trang thoát ly thành Việt Nam giải phóng quân (gọi tắt là Quân giải phóng). Xuất phát từ nhận định "chúng ta đang ở vào giai đoạn chiến lược phát động du kích". Hội nghị quyết định thành lập 7 chiến khu trong cả nước⁽¹⁾ phát động chiến tranh du kích để "chuẩn bị phát động tổng khởi nghĩa". Nghị quyết Hội nghị đã được Ban Thường vụ Trung ương Đảng thông qua.

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, ngày 15 tháng 5 năm 1945, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và đội Cứu quốc quân, đại diện cho các lực lượng vũ trang của cả nước tổ chức lễ thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân. Buổi lễ có đông đảo cán bộ, chiến sĩ hai đội và nhân dân các dân tộc huyện Định Hoá tham dự, hết sức phấn khởi thấy lực lượng vũ trang cách mạng đã phát triển, ngày một lớn mạnh. Bộ đội chủ lực Việt Nam giải phóng quân lên tới 13 đại đội. Ở các huyện trong tỉnh,

⁽¹⁾ - 7 chiến khu đó là: chiến khu Lê Lợi, chiến khu Hoàng Hoa Thám, chiến khu Quang Trung, chiến khu Trần Hưng Đạo (miền Bắc), chiến khu Trưng Trắc, chiến khu Phan Đình Phùng (miền Trung) chiến khu Nguyễn Tri Phương (miền Nam).

ta cũng tổ chức được một huyện một trung đội.

Bộ tư lệnh đầu tiên của Quân giải phóng gồm có đồng chí Võ Nguyên Giáp (chỉ huy trưởng) Trần Đăng Ninh (chỉ huy phó), Chu Văn Tấn (chính uỷ).

Sau lễ thống nhất, đồng chí Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn đưa đơn vị đi đón và bảo vệ Nguyễn Ái Quốc từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn về Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang). Ngày 17 tháng 5 năm 1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp gặp Bác ở Nà Kiến (xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn). Sau khi nghe đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình chung và kết quả Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, Người chỉ thị: Vùng giải phóng miền núi Bắc bộ, địa thế nối liền nhau, thì thành lập một khu căn cứ kháng Nhật kiểu mẫu, lấy tên là khu giải phóng, không nên chia thành nhiều khu như vậy.

Chấp hành chỉ thị của Nguyễn Ái Quốc, ngày 4 tháng 6 năm 1945, Tổng bộ Việt Minh đã triệu tập hội nghị cán bộ các tỉnh đã được giải phóng, tuyên bố chính thức thành lập Khu giải phóng gồm 6 tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng, do Nguyễn Ái Quốc đứng đầu. Mười chính sách lớn của Việt Minh được đem thực hiện ngay trong Khu giải phóng, nhằm xây dựng Khu

giải phóng vững mạnh về mọi mặt, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá xã hội.

Mười chính sách lớn của Việt Minh:

1- Giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trên nền tảng hoàn toàn độc lập.

2- Vô trang nhân dân. Phát triển Quân giải phóng Việt Nam.

3- Tịch thu tài sản của giặc nước và của Việt gian, tùy từng trường hợp sung công làm của quốc gia hay chia cho dân nghèo.

4- Bỏ các thứ thuế do Pháp, Nhật đặt ra; đặt một thứ thuế công bằng và nhẹ.

5- Ban bố những quyền của dân cho dân: Nhân quyền; tài quyền (quyền sở hữu). Dân quyền: Quyền phổ thông bầu phiếu, quyền tự do dân chủ, dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền.

6- Chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm địa tô, giảm lợi tức, hoãn nợ, cứu tế nạn dân.

7- Ban bố luật lao động: ngày làm 8 giờ, định lương tối thiểu, đặt xã hội bảo hiểm.

8- Xây dựng nền kinh tế quốc dân, phát triển nông nghiệp. Mở quốc gia ngân hàng.

9- *Xây dựng nền quốc dân giáo dục; chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ cấp. Kiến thiết nền văn hoá mới.*

10- *Thân thiện và giao hảo với tất cả các nước đồng minh và các nước nhược tiểu dân tộc để giành lấy sự đồng tình và ủng hộ của họ.*

Dưới sự lãnh đạo của Khu giải phóng, các tổ chức Đảng, Mặt trận Việt Minh các cấp ở tỉnh ta đã động viên nhân dân ra sức xây dựng Khu giải phóng. Nhiều công tác lớn được tiến hành như bầu cử chính quyền cách mạng, phát động phong trào tăng gia sản xuất; thanh toán nạn mù chữ, thực hiện đời sống mới; các dân tộc bình đẳng, đoàn kết; nam nữ bình quyền, một số nơi có phong trào mạnh như Định Hoá, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Bình... đã tiến hành chia lại đất công, vận động giảm tô, giảm tức, hoãn nợ... Những chính sách của Khu giải phóng có giá trị to lớn cổ vũ mạnh mẽ quân và dân ta trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, góp phần tạo ra tiền đề cho cuộc nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Trước thanh thế của cách mạng ngày càng lên cao và sau những trận đánh vào Đại Từ, Định Hoá bằng những đơn vị nhỏ, không có hiệu quả, lại bị thiệt hại, như trận Ký Phú (Đại Từ) ngày 24 tháng 4 năm 1945, 4

tên bị chết. Trung tuần tháng 5 năm 1945, phát xít Nhật tổ chức một cuộc tấn công có quy mô lớn tấn công vào Đại Từ, Định Hoá đánh vào căn cứ Núi Hồng. Từ thị xã Thái Nguyên, phát xít Nhật huy động hơn 1000 tên, chia làm hai cánh quân. Một cánh tiến lên Đại Từ, đánh theo dọc sườn phía tây núi Hồng. Một cánh tiến lên Định Hoá, đánh dọc theo sườn phía đông núi Hồng. Tất cả các mũi tấn công của quân Nhật đều bị quân giải phóng và lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh quyết liệt, gây nhiều thiệt hại, làm thất bại âm mưu của chúng. Cánh quân tiến lên Định Hoá bị quân giải phóng và tự vệ địa phương phục kích từ km 31 (Quốc lộ 3) đến cầu Tà Ma (cách Chợ Chu 2 km) đánh nhiều trận. Quân Nhật vào được Chợ Chu nhưng bị thiệt hại nặng, bị bao vây, cát đường tiếp tế chúng không tiến quân vào núi Hồng được, phải co lại trong thị trấn Chợ Chu.

Hướng Đại Từ, để trả thù cho 11 đồng bào ở Cát Nè bị chúng giết hại ngày 26 tháng 4 năm 1945, quyết tâm bảo vệ khu giải phóng, ngày 25 tháng 5, lực lượng vũ trang cách mạng đã chặn đánh một trung đội Nhật từ Định Hoá sang Na Mao, một tên chết và 8 tên bị thương. Ngày hôm sau, 26 tháng 5, cánh quân từ Hùng Sơn kéo lên bị quân giải phóng chặn đánh ở Vai Cày,

Phú Minh. Tiêu biểu là trận Hoàng Nông ngày 29 tháng 5. Trong trận này ta diệt 9 tên Nhật. Mũi tiến công này bị bể gãy.

Trong tháng 5 và tháng 6 năm 1945, Giải phóng quân và tự vệ còn đánh phục kích, tập kích quân Nhật ở Chợ Chu (Định Hoá), Sa Lung, Linh Sơn (Võ Nhại) diệt và làm bị thương nhiều tên, buộc chúng phải rút chạy về huyện lỵ.

Hai huyện phía nam của tỉnh là Phú Bình, Phổ Yên cũng sôi nổi khí thế tấn công kẻ thù. Ngày 3 tháng 6 năm 1945, được sự giúp đỡ của quân giải phóng, lực lượng tự vệ Phú Bình, Phổ Yên và Hiệp Hoà (Bắc Giang) đánh đồn Chã (Phổ Yên). Tất cả anh em lính bảo an ở đây được ta tuyên truyền giác ngộ, đã hạ vũ khí đầu hàng. Tên chỉ huy ngoan cố chống cự bị trừng trị, ta thu 40 súng, giành lại cho nhân dân nhiều tài sản bị chúng cướp trong những cuộc càn quét trước đó. Tại Phú Bình, ngày 24 tháng 6 (1945), ta phá kho thóc Cầu Mây đem khoảng 300 tấn thóc chia cho dân cứu đói. Ngày 25 tháng 6, lực lượng vũ trang ta phục kích tại kè Đức Lân, thu 5 xà lan chở đầy hàng hoá của Nhật, bắt gọn bọn lính áp tải hàng. Cùng ngày, tự vệ Phú Lương phục kích bắt sống tên chỉ huy đồn Bảo An, Phấn Mễ. Thế theo nguyện vọng của nhân dân, chính quyền cách

mạng đã thành lập toà án đặc biệt, mở phiên toà xét xử tên tay sai đắc lực này của Nhật. Phiên toà gây tiếng vang lớn. Quần chúng phấn khởi. Bọn tay sai Nhật càng hoang mang. Tên huyện trưởng bỏ nhiệm sở, chạy trốn. Chính quyền tay sai của Nhật ở Phú Lương với việc tên huyện trưởng bỏ chạy đã tan gĩa. Quân Nhật lúc này co cụm lại trong các đồn Giang Tiên, Phấn Mễ, đồn điền Na.

Sang tháng 7 năm 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước ở tỉnh ta đã đạt tới đỉnh cao. Ở huyện nào, xã nào cũng có phong trào vũ trang ở nông thôn, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, hoạt động du kích ở khắp các nơi, nhất là trên các trục đường giao thông. Tự vệ Phổ Yên phục kích ở Thanh Xuyên chặn đánh đoàn xe quân sự chở đầy lính Nhật, bắt sống hai tên, bọn còn lại quay đầu tháo chạy. Tự vệ Đại Từ phá kho thóc ở Tràng Dương (Vạn Thọ), Tràng Lang đem chia cho dân. Ngày 18 tháng 7 năm 1945, quân ta dũng cảm đột kích vào thị trấn Chợ Chu, đốt doanh trại Nhật. Trong thế bị bao vây cô lập, đường giao thông liên lạc với thị xã Thái Nguyên thường xuyên bị phục kích, thiếu thốn lương thực, thuốc men, đạn dược, lại bị lực lượng vũ trang ta liên tục quấy rối, uy hiếp. Không chịu nổi tình trạng căng thẳng kéo dài, ngày 8 tháng 8 năm 1945, bọn Nhật bỏ cứ điểm Chợ Chu tháo chạy. Định Hoá hoàn toàn giải phóng.

Cao trào kháng Nhật, cứu nước của nhân dân ta càng dâng lên mạnh mẽ khi được thắng lợi của Hồng quân Liên Xô cổ vũ.

Sau khi đại thắng phát xít Đức, bẻ gãy gọng kìm phía Tây của trục phát xít quốc tế, Hồng quân Liên Xô mở mặt trận phía Đông tiêu diệt phát xít Nhật. Ngày 9 tháng 8 năm 1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Chỉ trong một tuần lễ, quân đội Xô Viết anh hùng đã tiêu diệt hoàn toàn đạo quân Quan Đông của Nhật gồm một triệu tên. Giải phóng hoàn toàn vùng Đông Bắc Trung Quốc và Bắc Triều Tiên, buộc Nhật phải đầu hàng không điều kiện.

Hoảng sợ trước sự nổi dậy của nhân dân Việt Nam và những thiệt hại nặng nề của cuộc chiến chống lại sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta, cùng với thất bại nặng nề của quân Nhật ở mặt trận Thái Bình Dương, quân đội Nhật ở Đông Dương mất tinh thần, hoang mang, rệu rã. Chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim hoàn toàn tê liệt từ trên xuống dưới. Thời cơ ngàn năm có một để nhân dân ta vùng lên giành lấy độc lập, tự do đã đến, "Chúng ta không thể chậm trễ"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ - Hồ Chí Minh: Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa, Tuyển tập, tập I Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội tr 748.

Trong thời điểm lịch sử đó, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân nắm chắc thời cơ chiến lược, nổi dậy giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và bọn tay sai, trước khi quân đội của đế quốc Anh và quân đội của Tưởng Giới Thạch vào Đông Dương, trước khi quân Pháp kịp tập hợp tàn quân và đưa quân viễn chinh vào xâm chiếm nước ta một lần nữa.

Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang), gồm đại biểu các đảng bộ và một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài. Hội nghị nhận định: "Những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương đã chín muồi... Quân lính Nhật tan rã, mất tinh thần, hàng ngũ chỉ huy quân Nhật ở Đông Dương chia rẽ đến cực điểm, bọn Việt gian thân Nhật hoảng sợ, toàn dân tộc đang sôi nổi đợi giờ khởi nghĩa giành quyền độc lập"⁽¹⁾. Hội nghị chủ trương kịp thời lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền và cử ra Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

Đêm 13 tháng 8 năm 1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra quân lệnh số một. Bản quân lệnh nhấn mạnh: "Giờ tổng khởi nghĩa đã đánh..., hãy tập trung lực lượng, kịp đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân

⁽¹⁾ - Văn kiện Đảng (1930 - 1945) BNCLSDTW, 1977, trang 413, 414.

địch; đánh chặn các đường rút lui của chúng, tước hết vũ khí của chúng"⁽¹⁾.

Hội nghị toàn quốc của Đảng (họp từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 8) bế mạc thì Đại hội quốc dân cũng họp ngay tại Tân Trào. Tham dự Đại hội có hơn 60 đại biểu bắc, trung, nam và đại biểu kiều bào ta ở nước ngoài, đại biểu các đảng phái, các đoàn thể nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo. Đại hội nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng cộng sản Đông Dương và 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh. Đại hội quyết định thành lập Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam tức chính phủ lâm thời, do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội qui định Quốc Kỳ, Quốc ca.

14 giờ 30 ngày 16 tháng 8 năm 1945, một đơn vị Giải phóng quân trong đó có một bộ phận bộ đội Việt - Mỹ, dưới cây đa Tân Trào làm lễ xuất phát, hướng về Thái Nguyên. Trong những ngày này các châu, huyện trong tỉnh cũng được lệnh của Ủy ban khởi nghĩa đưa lực lượng của địa phương phối hợp với Quân giải phóng đánh chiếm thị xã Thái Nguyên.

Trong khu giải phóng, thị xã Thái Nguyên là một

⁽¹⁾ - Văn kiện Đảng (1930 - 1945) BNCLSĐTW 1977, trang 413, 414.

đô thị lớn có nhiều đồn trại, nhà ở kiên cố và có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất. Vì vậy, kể từ sau thất bại của các trận tấn công vào Khu giải phóng trong tháng 5 năm 1945, quân Nhật đã biến thị xã Thái Nguyên thành cứ điểm mạnh, án ngữ cửa ngõ phía nam Khu giải phóng, ngăn làn sóng cách mạng từ Việt Bắc tràn xuống trung châu.

13 giờ ngày 19 tháng 8 năm 1945, bộ đội giải phóng đã có mặt đông đủ ở làng Thịnh Đán (nay thuộc phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên), lực lượng gồm 3 đại đội. Tất cả khoảng 450 người, được tổ chức thành một chi đội do đồng chí Lâm Cẩm Như (tức Lâm Kính) làm chi đội trưởng⁽¹⁾. Bộ chỉ huy trận đánh có hai đồng chí Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh. Giúp việc có các đồng chí Phan Mỹ, Nguyễn Chính, Châu Ký và Hùng Việt.

Tối ngày 19 tháng 8 năm 1945, Bộ chỉ huy quân giải phóng triệu tập một cuộc họp chung với cán bộ lãnh đạo tỉnh để thống nhất lực lượng và hoạt động chung "Khởi nghĩa giải phóng thị xã Thái Nguyên". Ban Tỉnh uỷ lâm thời Thái Nguyên cũng được thành lập gồm các đồng chí Nhị Quý, Trung Đình, Hoàng Thế Thiện, Đào An Thái, Nguyễn Thị Tân.

⁽¹⁾ Đồng chí Lâm Kính là cháu đích tôn của cụ Nguyễn Thượng Hiền.

Lúc này, địch trong thị xã đóng thành hai cụm, một cụm lính Nhật và một cụm lính bảo an.

Quân Nhật khoảng 120 tên, do một tên quan tư chỉ huy, trong số đó có từ 60 đến 70 tên đóng tại trại lính khổ xanh cũ và dinh công sứ Pháp trên đồi cao, có công sự kiên cố. Số còn lại đóng ở các điểm lẻ trong những ngôi nhà gạch lớn, có cấu trúc kiên cố như nhà Gô-chi ê, ty liêm phóng, kho gạo và đồn điền Gia Sàng.

Khoảng hơn 400 lính bảo an với hơn một trăm lính cơ, cảnh sát đóng ở trại lính tây cũ, bảo vệ dinh tỉnh trưởng, huyện trưởng Đồng Hỷ.

Hai giờ chiều ngày 19 tháng 8 năm 1945, một cuộc mít tinh quần chúng đông tới hơn năm ngàn người trong thị xã và các xã lân cận của Đồng Hỷ. Tại sân vận động thị xã ⁽¹⁾ đồng chí chỉ huy trưởng đội vũ trang tuyên truyền ⁽²⁾ quyết định biến cuộc mít tinh thành cuộc biểu tình biểu dương lực lượng. Đi đầu là đội vũ trang tuyên truyền. Đồng bào vừa đi vừa hô khẩu hiệu "Đả đảo phát xít Nhật", "đả đảo bọn bù nhìn tay sai", "ủng hộ Việt Minh". Không khí cách mạng hùng hực. Đoàn biểu tình rầm rộ kéo qua các phố, kéo theo cả trí thức, quan lại tham gia. Quân Nhật trong thị xã "án

⁽¹⁾ - Có tư liệu nói cuộc mít tinh có hàng vạn người.

⁽²⁾ Đồng chí Hoàng Thế Thiện, sau này là Trung tướng

binh bất động". Cuộc biểu dương lực lượng kết thúc vào khoảng 17 giờ. Ngay sau đó đội tự vệ trừ gian thị xã lùng bắt gần 40 tên tay sai thân Nhật và xử bắn tên vệ sĩ của Cung Đình Vận.

Các đoàn thể quần chúng, nhất là Hội phụ nữ Cứu quốc, Hội thanh niên Cứu quốc tích cực chuẩn bị cơ sở hậu cần đón quân giải phóng.

22 giờ ngày 19 tháng 8 Bộ chỉ huy bàn xong kế hoạch tác chiến có toán sĩ quan Mỹ, trong đó có thiếu tá A.K Tô-Mát tham gia ý kiến.

24 giờ (cùng ngày) bộ đội được lệnh xuất quân chiếm lĩnh vị trí chiến đấu. 4 giờ 30 ngày 20 tháng 8, các trận địa bố trí xong và sẵn sàng chiến đấu.

Sở chỉ huy đặt tại đình Hàng Phố. Trong khi Quân giải phóng đang bao vây áp sát quân Nhật thì đại đội tự vệ Phú Bình đã đánh chiếm đồn điền Gia Sàng và tiến vào thị xã.

5 giờ 30 phút ngày 20 tháng 8 năm 1945, Bộ chỉ huy quân giải phóng gửi tối hậu thư cho tỉnh trưởng Bùi Huy Lượng. Tiếp được tối hậu thư, Bùi Huy Lượng chần chừ không trả lời.

Trung đội trưởng Lương Thịnh dẫn đầu một trung đội Giải phóng quân tấn công vào dinh tỉnh trưởng có

một trung đội lính bảo an bảo vệ, bắt tình trưởng Bùi Huy Lượng, tên chỉ huy bảo an và toàn bộ trung đội của y; ta buộc Bùi Huy Lượng phải trao chính quyền cho Ủy ban khởi nghĩa, đồng thời buộc tên chỉ huy bảo an ra lệnh cho tất cả binh lính đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí cho Quân giải phóng. Hầu hết lính bảo an do Quán Khiêm chỉ huy tuân theo lệnh của Quân giải phóng giao nộp toàn bộ súng đạn và gần 600 súng trường, một số súng máy và đạn dược. Hơn 400 lính bảo an tập hợp nghe Bộ chỉ huy Quân giải phóng giải thích đường lối cứu nước và chính sách khoan hồng của Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam. Hơn 60 anh em binh sĩ tự nguyện tham gia Quân giải phóng, đánh địch. Trong số này có 7 người đã anh dũng hy sinh khi tiến công vào đồn Nhật. Phần lớn còn lại xin về quê được cấp tiền ăn và giấy đi đường. Anh em rất cảm kích tấm lòng bao dung của cách mạng. Số vũ khí thu được chuyển về phía nam thị xã trang bị ngay cho tân binh đã tuyển mộ từ Bắc Giang lên để thành lập chi đội mới.

Giải quyết xong trại bảo an, Quân giải phóng tập trung lực lượng tiến công quân Nhật trong trại lính khố xanh. Đúng 7 giờ 30 phút, các cỡ súng của Quân giải phóng nhất loạt nổ vào cứ điểm của địch. Nhiều tên Nhật trong trại phải đền tội. Cuộc đọ súng quyết liệt

kéo dài 30 phút. Ta ngừng bắn để cho tỉnh trưởng mang tối hậu thư của ta hẹn quân Nhật cử đại diện ra gặp ta để thương lượng. Cuộc đàm phán kéo dài hơn một giờ. Phía Nhật viện cố là sẽ phải nộp vũ khí cho quân Đồng Minh, không muốn giao nộp cho ta. Thực chất là chúng muốn kéo dài thời gian để chờ viện binh từ Hà Nội lên.

Bộ chỉ huy Quân giải phóng đặt điều kiện cho phía Nhật nếu đến 2 giờ chiều không trả lời dứt khoát sẽ lại bị tấn công và cho phép hai phái viên của Nhật trở về trại. Để phòng quân Nhật trá trở, sở chỉ huy được chuyển ngay về Nhà Đèn thị xã. Bọn Nhật không chấp hành tối hậu thư. 2 giờ chiều quân ta nổ súng đánh Nhật trong trại khố xanh, tiêu diệt 3 ổ đề kháng của địch ở ty Liêm Phóng, kho gạo và nhà Gô-chi-ê diệt nhiều tên thu toàn bộ vũ khí. Quân Nhật hoàn toàn bị vây hãm trong trại. Sau đó, sự đi lại trong thành phố tương đối an toàn.

Ngày chiều 20 tháng 8 năm 1945, ta tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng tại sân vận động thị xã; đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc tuyên bố bãi bỏ chính quyền của Nhật và tay sai, thành lập chính quyền nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Thái Nguyên, thực hiện các chính sách của Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam. Ủy ban nhân dân cách

mạng lâm thời tỉnh do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch ra mắt trước hàng vạn quần chúng nhân dân.

Do tình hình khẩn trương, đồng chí Võ Nguyên Giáp tuyên bố thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh, chỉ định đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch, ra mắt quốc dân trong tỉnh chiều ngày 20 tháng 8 năm 1945 phục vụ nhiệm vụ chính trị trước mắt. Sau đó, ngày 23 tháng 8 năm 1945, hội nghị lãnh đạo tỉnh họp quyết định thành phần Ủy ban nhân dân tỉnh gồm có đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch, các đồng chí Ma Đình Tương, Đặng Đức Thái, Phạm Đình Huệ làm phó Chủ tịch; các đồng chí Lương Đình Oánh, Hoàng Thế Thiện, Chu Quốc Hưng, Lê Phương, Phạm Hoài, Trường Sơn làm uỷ viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 1945, tỉnh tổ chức một cuộc mít tinh lớn ở sân vận động thị xã, hàng vạn nhân dân các huyện trong tỉnh về dự lễ ra mắt chính thức Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh.

Mọi người hô vang các khẩu hiệu, vui mừng phấn khởi vì từ nay chấm dứt chế độ quan lại phong kiến thực dân phát xít.

Sau khi chính quyền tỉnh được thành lập, Quân giải phóng tiếp tục bao vây quân Nhật. Các đoàn thể cứu quốc thị xã vừa mới được tổ chức, bắt tay ngay vào hoạt

động; chị em phụ nữ lo tiếp tế cơm nước cho bộ đội giải phóng; anh em thanh niên, công nhân nhà máy điện, học sinh, viên chức và nhân dân ngả cây to, khiêng bàn tủ, lật xe bò, xe ngựa xuống đường làm chướng ngại vật cản giặc, phối hợp chiến đấu với Quân giải phóng dưới làn đạn địch; chị em phụ nữ dũng cảm đưa cơm nước đến từng chiến hào; các em thiếu nhi kiên cường vừa sát cánh với cha, anh đánh địch, vừa đảm nhiệm xuất sắc công tác thông tin liên lạc. Nhiều em dũng cảm chiến đấu, oanh liệt hy sinh của các em đã góp phần cổ vũ quân và dân thị xã xông lên diệt địch. Sau ngày giải phóng, năm thiếu niên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh khen ngợi. Nhân dân thị xã quý mến tặng các em danh hiệu "năm tiểu anh hùng".

Tối ngày 22 tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Tân Trào về đến thị xã Thái Nguyên. Người chưa khỏi bệnh, còn mệt nhiều, nhưng ngay tối hôm đó Người cho gọi các đồng chí lãnh đạo tỉnh đến báo cáo và Người căn dặn những việc cần làm của chính quyền cách mạng còn non trẻ.

Bị quân và dân thị xã siết chặt vòng vây và tiến công chủ yếu bằng hoả lực, quân Nhật không có lương ăn và thiếu nước uống nghiêm trọng. Ta vừa tiến công vừa làm công tác binh vận. Bị vây hãm chặt, ngày 24 tháng 8

phía Nhật đề nghị gặp ta và chịu nhận một số điều kiện: Giao nộp vũ khí ở các đồn lẻ Hùng Sơn (Đại Từ), Phán Mễ, Giang Tiên (Phú Lương), Đá Gân, Phương Độ (Phú Bình), La Hiên (Võ Nhai) cho ta. Riêng số vũ khí của lính ở thị xã chúng xin lùi lại một thời gian để xin lệnh cấp trên, chịu "án binh bất động" không can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân ta. Ngay sau đó, tên sĩ quan Nhật đưa đồng chí Trung Đình đến các đồn lẻ tiếp nhận vũ khí của chúng, còn lính đưa về tập trung tại thị xã.

Trại Nhật vẫn bị bao vây, song chúng đã được nhân dân ta tiếp tế cho lương ăn, nước uống.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945, Tổng khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi trong cả nước. Phái viên của Bộ tư lệnh Nhật cùng phái viên Bộ tham mưu của ta ở Hà Nội lên Thái Nguyên để giải quyết, quân Nhật chịu chấp nhận các điều kiện, để vũ khí lại cho Quân giải phóng, còn binh lính thì được ta phụ trách đưa về Hà Nội. Tỉnh Thái Nguyên đã hoàn toàn được giải phóng.

Chế độ thực dân thống trị gần 90 năm và chế độ quân chủ hàng ngàn năm đã bị nhân dân ta lật nhào.

Cách mạng Tháng Tám thành công đã đưa nước ta vào kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ



*Chinh quyền Cách mạng làm thời mình Thái Nguyên
ra mắt ngày 20/8/1945 tại sân vận động thị xã*



nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân ta từ người nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Nước ta từ một nước thuộc địa và nửa phong kiến trở thành nước độc lập và dân chủ. Với kết quả như trên, cách mạng Tháng Tám đã mở ra một chân trời mới cho nhân dân ta tiến lên xây dựng cuộc sống ấm no và hạnh phúc.

Cách mạng Tháng Tám ở Thái Nguyên là một bộ phận của cuộc Tổng khởi nghĩa do Đảng, Bác Hồ lãnh đạo. Nó không những là kết quả trực tiếp của cuộc vận động giải phóng dân tộc thời kỳ 1939 - 1945 mà còn là kết quả của quá trình vận động cách mạng từ năm 1932 - 1933, khi những đảng viên cộng sản từ các tỉnh miền xuôi lên hoạt động, nhất là khi tổ chức Đảng đầu tiên ra đời năm 1936. Trải qua hơn 10 năm chiến đấu đầy hy sinh gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, bất chấp sự tàn sát, khủng bố của kẻ thù, những người cộng sản Thái Nguyên đã kiên trì vận động và lãnh đạo quần chúng (công nhân, nông dân và đồng bào các dân tộc ít người) nổi dậy đấu tranh trong cao trào 1936 - 1939, trong Bắc Sơn khởi nghĩa, trong 8 tháng hoạt động du kích (7-1941 đến 3 - 1942), trong khởi nạn của cuộc đấu tranh chống khủng bố cuối năm 1944... Những cuộc đấu tranh đó thực sự là những cuộc diễn tập của

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Qua các cao trào đấu tranh đó, Đảng bộ Thái Nguyên đã tích lũy được những kinh nghiệm phong phú về nhiều mặt, nhất là biết dựa vào dân, tin cậy ở dân, gắn bó máu thịt với dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra trang sử mới trong lịch sử của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên, đồng thời tạo ra những tiền đề quan trọng để nhân dân tỉnh ta bước vào giai đoạn tiếp theo - Giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Chương II

LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH BẢO VỆ, CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN (9/ 1945 - 9/1947)

I- TÌNH HÌNH THÁI NGUYÊN SAU NGÀY THÀNH LẬP CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG:

Ngày 2/9/1945, tại cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, chính thức khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Từ đó, cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên bước vào thời kỳ xây dựng chế độ mới.

Sự nghiệp đấu tranh giữ vững quyền tự do, độc lập, xây dựng chế độ mới của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước đã có nhiều thay đổi lớn:

Phe xã hội chủ nghĩa đã trở thành một hệ thống thế giới. Liên Xô bước ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới thứ

hai với uy tín và ảnh hưởng to lớn, ngày càng có vị trí quan trọng trên vũ đài chính trị quốc tế.

Cách mạng giải phóng dân tộc phát triển rộng rãi, làm lay chuyển mạnh mẽ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống diễn ra sôi nổi.

Như vậy, sau chiến tranh thế giới thứ hai, các lực lượng hoà bình, dân tộc, dân chủ trên thế giới đang trên đà tiến công mạnh mẽ vào chủ nghĩa đế quốc và phản cách mạng. Song, các thế lực đế quốc và phản động cũng đang tìm mọi cách để phục hồi và phát triển vai trò của mình, phản kích mạnh mẽ các lực lượng hoà bình, dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cuộc đấu tranh gay gắt và phức tạp giữa các lực lượng hoà bình, dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội với các nước đế quốc và lực lượng phản động do Mỹ cầm đầu tác động lớn đến cách mạng Việt Nam. Vừa mới ra đời, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động liên kết với nhau bao vây, chống phá quyết liệt.

Dưới danh nghĩa đại diện lực lượng Đồng minh vào làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, các thế lực đế quốc và phản động đã dồn dập kéo vào Việt Nam.

Sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, khoảng 50.000 quân Tưởng trong Quân đoàn 93 thuộc

Phương diện quân thứ nhất kéo vào địa phận tỉnh Thái Nguyên. Chúng chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thị xã Thái Nguyên và dọc đường số 3 từ thị xã đến cầu Đa Phúc. Đi tới đâu, chúng cũng đều cướp bóc, tàn phá, chiếm nhà dân, quán chợ, bắt chúng ta tiêu tiền Quan kim. Quốc tệ đã mất giá trị. Chúng tập hợp bọn tay chân, thành lập “ Nam Dương Hoa kiều hiệp hội ” ở nhiều nơi, nhất là những nơi có đông bào Hoa sinh sống. Chúng xúi giục người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc và không thực hiện nghĩa vụ công dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà... Lợi dụng danh nghĩa Đồng minh, quân Tưởng đòi ta phải cung cấp lương thực, thực phẩm, phương tiện vận tải, đi lại cho chúng.

Nhân lúc tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp, các thế lực phản cách mạng nổi dậy chống phá. Một số tên đặc vụ Tưởng ở thị xã Thái Nguyên (Cóc Lương Sồi, Tô Văn Sâm) nằm vùng từ những năm 40, bắt đầu lộ diện. Một số phần tử phản động lợi dụng đạo Thiên chúa ở xứ Nhã Lộng (Phú Bình) đứng ra tổ chức “Liên đoàn thanh niên chống cộng”. Bọn “Đại Việt quốc gia liên minh” tích cực hoạt động, lôi kéo quần chúng, giành ảnh hưởng với Việt Minh.

Chúng tổ chức diễn kịch phản tuyên truyền, ngấm ngầm chuẩn bị vũ khí, chờ thời cơ nổi dậy lật đổ chính quyền cách mạng. Ở một số nơi, như Tân Hoà (Phú Bình), Minh Lập (Đồng Hỷ) v.v... bọn lưu manh, trộm cắp, thổ phỉ xuất hiện, đe dọa cuộc sống của người dân.

Bên cạnh sự hoạt động chống phá của kẻ thù, từ sau ngày giành được chính quyền về tay nhân dân, tỉnh Thái Nguyên cũng đứng trước nhiều khó khăn lớn về kinh tế, văn hoá.

Phần lớn ruộng đất (hầu hết là ruộng đất tốt) nằm trong tay giai cấp địa chủ. Tình hình này cùng với hậu quả của những năm chiến tranh và chính sách vơ vét, bóc lột của đế quốc - phát xít Pháp - Nhật làm cho đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh vốn đã cực khổ, lại càng cực khổ hơn. Thêm vào đó, trận lụt lớn xảy ra trong tháng 8/ 1945 và tiếp theo là hạn hán kéo dài đã dẫn đến tình trạng đồng ruộng phải bỏ hoang. Thương nghiệp ngừng trệ, hàng hoá trên thị trường khan hiếm. Tài chính cạn kiệt: Ngân khố tỉnh chỉ có 20.000 đồng Đông Dương⁽¹⁾. Nạn đói khủng khiếp do Nhật - Pháp gây nên hồi cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục thì nguy cơ một nạn đói mới lại xuất hiện.

Chế độ thực dân - phong kiến còn để lại một di sản văn hoá - giáo dục hết sức tai hại: Hơn 90% dân số không biết chữ; các tệ nạn xã hội cũ cùng với các phong tục, tập quán lạc hậu tồn tại rất phổ biến.

Trong khi đó, chính quyền cách mạng mới được thành lập, chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý. Lực lượng vũ trang cách mạng còn nhỏ bé, trang bị vũ khí rất thô sơ và thiếu thốn.

⁽¹⁾ Lịch sử công an nhân dân Bắc Thái (1945-1954), xb 1993, tr.32.

Bên cạnh những khó khăn, trở ngại, sau ngày thành lập chính quyền, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên cũng có nhiều thuận lợi rất cơ bản.

Là một trong những địa phương thuộc địa bàn căn cứ địa và khu giải phóng, cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Nguyên được rèn luyện trong cao trào cách mạng. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh sớm được hưởng những quyền lợi do cách mạng đem lại. Đồng bào ta hiểu rõ giá trị cao quý của những quyền lợi ấy và một lòng gắn bó, quyết tâm bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ mới. Đây là nguồn sức mạnh vô địch, giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua mọi khó khăn, đẩy lùi mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù.

Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo, ý thức giác ngộ về quyền lợi dân tộc, về vận mệnh của đất nước được nâng cao trong mỗi người dân. Nhiều cán bộ và quần chúng trung kiên xuất hiện và trở thành những cán bộ nòng cốt cho phong trào ở các địa phương. Đây là những nhân tố rất thuận lợi, giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Trong hoàn cảnh vừa phải lo đối phó với giặc ngoài, thù trong, vừa phải lo giải quyết khó khăn về kinh tế, văn hoá, xã hội, chăm lo đời sống nhân dân, vấn đề xây dựng Đảng trở thành một yêu cầu bức thiết.

Bản Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” (25/11/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhấn mạnh:

“Phải duy trì tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng: tuyển thêm đảng viên. Đặc biệt chú trọng gây cơ sở xí nghiệp của Đảng cho thật rộng, làm sao cho sự phát triển của Đảng ăn nhịp với sự phát triển của Công nhân Cứu quốc... Phải tổ chức các tổ nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác bao gồm tất cả các phần tử có khuynh hướng cộng sản hay có tình cảm với cộng sản do người cộng sản điều khiển... Các tổ chức của Đảng phải sinh hoạt cho đều và không vì lẽ gì để cho nó rời rạc, loại choạc. Tổ chức các chi bộ trong các cơ quan hành chính hay trong các hội hợp pháp; củng cố các đảng đoàn trong đó... phải phối hợp sự hoạt động bí mật với sự hoạt động công khai...”⁽¹⁾

Tại Thái Nguyên, trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), việc phát triển Đảng chưa mạnh. Sau ngày giành được chính quyền, tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh mới có 40 đồng chí. Mặt khác, do yêu cầu công tác, một số cán bộ, đảng viên có kinh nghiệm lại được cấp trên điều động đi nơi khác. Do vậy số lượng đảng viên của Thái Nguyên đã mỏng, lại càng mỏng hơn.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, sau khi quân Nhật rút khỏi thị xã Thái Nguyên (28/ 8/1945), vào khoảng giữa tháng 9/ 1945, một cuộc Hội nghị cán bộ toàn

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng-Tập I- Ban NCLSĐTW xuất bản-Hà Nội 1978, tr.30, 31



*Đồng chí Ngô Nhị Quý
Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên*



trình được tổ chức tại xóm Trường Xô (xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương). Hội nghị đã công bố Nghị quyết của Xứ uỷ Bắc Kỳ (do đồng chí Trần Quốc Hoàn - Thường vụ Xứ uỷ - ký) chỉ định Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, gồm các đồng chí:

1- Ngô Nhị Quý - Bí thư.

2- Lê Trung Đình - Uỷ viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân lâm thời tỉnh.

3- Hoàng Bá Sơn - Uỷ viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh.

4- Hoàng Thế Thiện - Uỷ viên, phụ trách công tác tuyên truyền và thanh niên.

5- Đào An Thái - Uỷ viên, phụ trách huyện Võ Nhai.

6- Vũ Thị Bảo Ngọc - Uỷ viên, phụ trách công tác phụ nữ.

7- Vũ Hưng - Uỷ viên, phụ trách huyện Định Hoá.

8- Nguyễn Bá Cương - Uỷ viên, phụ trách Nông hội⁽¹⁾

⁽¹⁾ Theo tài liệu của đ/c Đào An Thái cung cấp 15/6/1964. Cũng theo tài liệu này: Sau Hội nghị Trường Xô, cấp trên điều động đ/c Nguyễn Bá Sơn đi công tác nơi khác; phân công đ/c Đào An Thái sang phụ trách Mặt trận Việt Minh; đ/c Nguyễn Bá Cương về huyện phụ trách huyện Võ Nhai; bổ sung đ/c Thái Bảo vào BCH Đảng bộ tỉnh, phụ trách huyện Phổ Yên; đ/c Lê Trọng Mưu (tức Mò) phụ trách huyện Đông Hill; đ/c Trung Thành phụ trách huyện Đại Từ.

Khoảng nửa tháng sau, đ/c Đào An Thái lại được cấp trên điều sang phụ trách Trường Quân chính; đ/c Bảo Ngọc chuyển sang phụ trách Tỉnh bộ Việt Minh. Được một tháng, Trường Quân chính chuyển về thị xã Thái Nguyên, đồng chí Đào An Thái được phân công vừa phụ trách Trường, vừa phụ trách Tỉnh bộ Việt Minh.

Hội nghị còn thảo luận và thông qua một số chủ trương, biện pháp đối phó với quân Tưởng, về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, thành lập các tổ chức cơ sở của Đảng ở những nơi xét thấy đủ điều kiện, tăng cường đảng viên cho các ngành trọng yếu của tỉnh. Hội nghị Trường Xô có ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng bộ Thái Nguyên. Đây là mốc đánh dấu sự thống nhất lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn toàn tỉnh.

Ngay sau khi thành lập, Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh mở hội nghị và quyết định: Kiện toàn các cơ quan giúp việc Tỉnh uỷ, ra sức xây dựng Huyện uỷ; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên và thành lập các chi bộ cơ sở.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, từ tháng 11/1945, Đảng bộ Thái Nguyên tập trung lãnh đạo các cấp bộ Đảng chuyển vào hoạt động bí mật. Tại thị xã Thái Nguyên, “Hội văn hoá Mác xít” được thành lập. Ở các huyện, Uỷ ban tuyên truyền chủ nghĩa Mác cũng lần lượt ra đời. Thông qua hoạt động của các tổ chức này, một số tài liệu về chủ nghĩa Mác - Lênin và tờ báo “Sự Thật”, cơ quan ngôn luận của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương (bộ phận hoạt động công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương) được phổ biến trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Mặc dù còn có những hạn chế do chưa có kinh nghiệm và phương tiện tuyên truyền, sự hoạt động của các tổ chức nói trên đã

tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng Đảng không những về chính trị tư tưởng, mà cả về tổ chức.

Từ cuối năm 1945 đầu năm 1946, cuộc vận động xây dựng Đảng bắt đầu được đẩy mạnh. Những cán bộ và quần chúng trung kiên đã từng tham gia hoạt động trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập đều lần lượt đứng vào đội ngũ của Đảng. Những đảng viên này chính là hạt nhân cho việc xây dựng cơ sở Đảng ở các huyện. Đến tháng 6/1946, Ban cán sự Đảng ở các huyện đều chính thức chuyển thành Huyện uỷ.

Cùng với việc xây dựng cấp uỷ ở huyện, Đảng bộ tỉnh chú trọng công tác phát triển đảng viên. Theo kế hoạch của Tỉnh uỷ, việc bồi dưỡng đối tượng và kết nạp đảng viên trong năm 1946 được chia làm 4 đợt: Từ tháng 1 đến tháng 3; từ tháng 4 đến tháng 7; từ tháng 8 đến tháng 10; từ tháng 11 đến tháng 12. Mỗi đợt đều tổ chức sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nên số lượng đảng viên kết nạp đợt sau đều tăng hơn đợt trước.

Số lượng đảng viên tăng dần đã tạo điều kiện cho việc xây dựng tổ chức Đảng ở các cấp cơ sở. Do vậy, liên tiếp trong tháng 9 và tháng 10/ 1946, Tỉnh uỷ Thái Nguyên ra nhiều chỉ thị, nghị quyết quan trọng nhằm tăng cường công tác phát triển đảng viên và thành lập các tổ chức cơ sở của Đảng. Bên cạnh việc củng cố, kiện toàn từng bước cơ quan Tỉnh uỷ, Huyện uỷ, Đảng đoàn và các Tiểu ban, đến cuối năm 1946, Đảng bộ Thái Nguyên đã thành lập được 28 chi bộ cơ sở (trong

đó có 23 chi bộ xã, 2 chi bộ cơ sở và 3 chi bộ xí nghiệp, hầm mỏ). Số lượng đảng viên tăng lên rõ rệt. Không kể số đảng viên trong các lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, đến cuối năm 1946, riêng các cơ quan, xí nghiệp thuộc tỉnh và các chi bộ nông thôn đã có 728 đảng viên.

Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhận thức về chính trị, về quan điểm giai cấp cho cán bộ, đảng viên được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Chính vì thế, dù còn thiếu cán bộ nghiêm trọng, Đảng bộ vẫn quyết tâm cử nhiều đảng viên đang đảm nhiệm trọng trách ở tỉnh và huyện tham dự các lớp bồi dưỡng dài hạn do Trung ương và Xứ uỷ tổ chức. Đồng thời, Đảng bộ cũng mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Chương trình huấn luyện, bồi dưỡng bao gồm lí luận sơ giản về chủ nghĩa cộng sản, lịch sử Đảng, lí luận về cách mạng dân chủ mới và tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới... Hàng chục cán bộ, đảng viên, thông qua các lớp huấn luyện, được trang bị thêm những nhận thức mới, thực sự phát huy được vai trò lãnh đạo trong mọi hoạt động ở địa phương.

Công tác xây dựng Đảng tuy được đẩy mạnh, nhưng kết quả vẫn còn nhiều hạn chế. Tổ chức cơ sở Đảng chưa được xây dựng đều khắp. Nhiều nơi chưa có chi bộ, tổ Đảng. Trình độ lí luận cũng như trình độ giác ngộ giai cấp trong cán bộ, đảng viên còn thấp...Tuy nhiên, với những kết quả đạt được trong công tác xây

dụng Đảng, sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh được nâng lên. Điều này đã giúp cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

Sau thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, đứng trước tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã vạch ra phương hướng, biện pháp cơ bản về xây dựng chế độ mới và đối phó với các lực lượng đế quốc và phản động kéo vào nước ta. Theo phương hướng đó, ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ và nêu lên 6 việc cấp bách cần làm ngay:

Một là, phát động ngay một chiến dịch tăng gia sản xuất để chống đói. Trong khi chờ đợi ngô, khoai và các thứ lương thực phụ khác phải ba, bốn tháng mới có, để nghị mở một cuộc lạc quyên. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

Hai là, mở ngay một phong trào chống nạn mù chữ do bọn thực dân đã gây ra đối với đồng bào ta.

Ba là, tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

Bốn là, mở một phong trào giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư tật xấu do chế độ thực dân để lại.

Năm là, bỏ ngay ba thứ thuế: Thuế thân, thuế chợ, thuế đò; tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Sáu là, tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết.

Ngày 25/11/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”, nêu rõ nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam là phải đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bài trừ nội phản, xây dựng nền móng chính quyền và giải quyết mọi khó khăn về kinh tế, tài chính...

Tại Thái Nguyên, từ giữa tháng 9/1945, Tỉnh uỷ lâm thời mở hội nghị và đề ra chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm giữ gìn trật tự, trị an, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Quán triệt chủ trương của Trung ương, Tỉnh uỷ Thái Nguyên tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện những nhiệm vụ chính trị trước mắt.

Ngày 25/12/1945, với niềm phấn khởi, tự hào vì được sống trong độc lập tự do, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên hăng hái đi bỏ phiếu, bầu những đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà⁽¹⁾. Tỉnh Thái

⁽¹⁾ Theo chủ trương của Trung ương, cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào ngày 25/12/1945. Để có thêm thời gian chuẩn bị, Trung ương quyết định lùi cuộc Tổng tuyển cử vào ngày 6/1/1946. Song, một số địa phương, trong đó có Thái Nguyên không nhận được lệnh hoãn, nên vẫn tổ chức bầu cử theo thời gian trước.

Nguyên có 3 đại biểu (ông Lê Trung Đình - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, ông Đặng Đức Thái - đại biểu trí thức, ông Nguyễn Trung Thành - đại biểu dân tộc) do Mặt trận Việt Minh giới thiệu đã trúng cử vào Quốc hội khoá đầu tiên của nước ta.

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp bộ Đảng, nhân dân trong tỉnh nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân đã đập tan âm mưu chia rẽ, phá hoại và lật đổ của các thế lực phản cách mạng; đồng thời có tác dụng nâng cao lòng yêu nước, phát huy ý thức làm chủ trong mọi tầng lớp nhân dân. Ủy ban hành chính các cấp được thành lập thay thế cho Ủy ban nhân dân lâm thời. Các ban chuyên môn của chính quyền dần dần hình thành và đi vào hoạt động tích cực. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân từ xã đến tỉnh từng bước được củng cố và kiện toàn.

Bên cạnh Ủy ban hành chính, thực hiện chủ trương của Trung ương, Ủy ban bảo vệ các cấp trong tỉnh cũng được thành lập. Thành phần Ủy ban này gồm có một uỷ viên Ủy ban hành chính cùng cấp biệt phái, một đại diện lực lượng vũ trang và một uỷ viên Hội đồng nhân dân.

Để tăng cường sức mạnh Nhà nước dân chủ nhân dân, vấn đề mở rộng khối đoàn kết toàn dân trở thành

một yêu cầu cấp bách trước mắt. Các tổ chức cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh tiếp tục phát triển, tập hợp thêm nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Bộ máy tổ chức của Mặt trận Việt Minh được củng cố và kiện toàn từ tỉnh xuống đến xã, thôn.

Mặc dù Mặt trận Việt Minh đã được mở rộng, có cơ sở rộng khắp cả nước, nhưng vẫn có một số tầng lớp và cá nhân yêu nước chưa tham gia. Do vậy, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 29/5/1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) chính thức ra đời. Đây là một hình thức rộng rãi của Mặt trận dân tộc thống nhất trong thời kì mới. Hội có mục đích đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước và đồng bào yêu nước không đảng phái, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc để làm cho nước Việt Nam được độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường. Hơn bao giờ hết, “ bao nhiêu thành kiến giai cấp, bao nhiêu phân tranh đảng phái, bao nhiêu đố kỵ về tôn giáo và nòi giống phải hất ra khỏi con đường tiến triển của dân tộc Việt Nam. Từ nay quốc dân Việt Nam đã liên hiệp, không phải chỉ liên hiệp ở trong Chính phủ, mà còn liên hiệp ở quảng đại quần chúng nhân dân... Thống nhất dân tộc là một vũ khí sắc bén chống lại kẻ thù dân tộc. Vũ khí ấy, ta phải giữ như một cửa báu... Lúc này bí quyết của sự thành công ở chỗ tinh thần đoàn kết ”.

Tại Thái Nguyên, vào nửa sau năm 1946, Hội Liên Việt được tổ chức. Tham gia Ban lãnh đạo Hội Liên Việt gồm đại biểu trí thức, tư sản dân tộc, tiểu thương, viên chức... Tuy nhiên, trong những năm đầu, tổ chức của Hội phát triển chậm. Đến năm 1948, cơ sở của Hội cũng chỉ mới được xây dựng ở một số nơi, chủ yếu là ở thị xã Thái Nguyên và huyện Phú Bình.

Tại thị xã Thái Nguyên, Hội Liên Việt đã kết nạp được 300 hội viên, bao gồm các nhân sĩ, viên chức, tiểu thương... Dù còn có một số hạn chế trong các hình thức hoạt động, Hội Liên Việt có ảnh hưởng lớn đến các tầng lớp nhân dân, cổ vũ mọi tầng lớp xã hội hăng hái đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Ở Phú Bình, sau khi thành lập (cuối năm 1946), Hội Liên Việt được đông đảo mọi người yêu nước tham gia, nhất là giáo viên tiểu học, hương sư, viên chức và các nhà phú hào. Hội còn gây được ảnh hưởng trong nhà thờ.

Cùng với việc thành lập Hội Liên Việt, một số tổ chức quần chúng (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng Xã hội Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam) cũng lần lượt ra đời.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, khoảng cuối tháng 8, đầu tháng 9/1947, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên được thành lập, do bà Cát Hanh Long (tức Nguyễn Thị Năm) làm Hội trưởng. Đồng chí Lê Thị

Định (tức Nguyễn Thị Hà Châu), Tỉnh uỷ viên. Bí thư Ban chấp hành Đoàn Phụ nữ Cứu quốc tỉnh, giữ chức Hội phó Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh. Nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào phụ nữ, Tỉnh uỷ quyết định thành lập Đảng đoàn phụ nữ, do đồng chí Lê Thị Định làm Bí thư.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ (15/3/1948) về việc củng cố và phát triển các đoàn thể quần chúng, tại Thái Nguyên, từ tháng 6/1948, đại hội Việt Minh các cấp được tổ chức để bầu lại các Ban chấp hành, kiện toàn bộ máy tổ chức Hội cứu quốc các giới. Từ đó trở đi, phong trào Việt Minh có bước phát triển mới. Tính đến tháng 10/1949, toàn tỉnh có 101.840 hội viên cứu quốc, chiếm trên 50% tổng số dân trong tỉnh. Hội Liên Việt cũng phát triển được 2.376 hội viên.

Sự ra đời và hoạt động của Hội Liên Việt góp phần cùng với Mặt trận Việt Minh tăng thêm sức mạnh đoàn kết toàn dân. Đây là nhân tố cơ bản có tính quyết định cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì mới, trước mắt là chống “giặc đói” và “giặc dốt”.

Đứng trước những khó khăn về kinh tế, nhất là hậu quả của nạn đói cũ đang hoành hành, nguy cơ nạn đói mới đang đe dọa, trong phiên họp ngày 3/9/1945, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ quyết định phải chống “giặc đói”, phát động ngay một phong trào tăng gia sản xuất.

Phát huy truyền thống đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. “ lá lành đùm lá rách ”, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “ Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem số gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo ”⁽¹⁾. Nhiều sáng kiến cứu đói được thực hiện, như tổ chức lạc quyền, tổ chức “ Ngày đồng tâm ” nhịn ăn để dành gạo cứu đói, lập hũ gạo cứu đói. Tuyệt đại đa số các gia đình trong tỉnh đều có “ Hũ gạo tiết kiệm ”, dành dụm từng nắm gạo để giúp đỡ những gia đình đang bị nạn đói đe dọa. Ở một số huyện, các xã đều thành lập Ban cứu đói, Ban cứu tế, tích cực vận động, tổ chức phong trào lạc quyền. Tại trung tâm thị xã Thái Nguyên có trại tế bần, gồm nhiều lán trại, làm nơi trú chân cho những người gặp nạn đói từ các nơi phiêu bạt đến. Hằng ngày, chị em phụ nữ thị xã đi quyền góp gạo ở các gia đình, nấu cháo mang đến trại để cứu giúp bà con.

Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh còn tích cực vận động nhân dân thực hiện tốt các biện pháp hành chính do Chính phủ đề ra để cứu đói, như không dùng gạo vào việc nấu rượu, xoá bỏ mọi cản trở trong việc lưu thông lương thực giữa các địa phương trong cả nước, không tích trữ gạo... Đồng thời, tỉnh ra lệnh tịch thu số

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh tuyển tập - Tập I - Nhà xuất bản Sự Thật - Hà Nội - 1980, tr.365.

thóc còn lại trong các đồn điền Gia Sàng, Kép Le, Cầu Mây và kí vay thóc, gạo của các nhà buôn ở thị xã.

Thông qua những biện pháp trên, nguy cơ “giặc đói” từng bước được đẩy lùi. Song, để giải quyết triệt để nạn đói, biện pháp cơ bản là phải phát triển sản xuất. Khẩu hiệu “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!” đã trở thành hành động của quần chúng. Khắp nơi đều tổ chức phong trào khai hoang, phục hoá theo tinh thần “Không để ruộng đất bị bỏ hoang”, “Tắc đất tắc vàng”. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua nhiều khó khăn, khai phá thêm đôi nương, soi bãi, mở rộng diện tích trồng cây lương thực và hoa mầu ngăn ngày.

Tinh uỷ Thái Nguyên chủ trương tịch thu toàn bộ đồn điền của thực dân Pháp giao cho Ban Dân sinh kinh tế tỉnh và thành lập Ban Quản trị đồn điền để trực tiếp quản lí, tổ chức sản xuất. Hằng năm, những đồn điền này cung cấp một khối lượng thóc khá lớn cho quỹ cứu tế và dự trữ lương thực.

Nhờ sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ các cấp, nhờ sự nỗ lực của toàn dân trong tỉnh, ngay trong năm đầu tiên thực hiện chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ, diện tích canh tác cũng như sản lượng lương thực trong tỉnh tăng lên rõ rệt. Nạn đói bước đầu được đẩy lùi. Đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước ổn định.

Chiến thắng “ giặc đói ” thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần nâng cao uy tín và ảnh hưởng của Đảng và Nhà nước cách mạng trong quần chúng.

Vào những ngày đầu sau khi thành lập, Nhà nước cách mạng gặp nhiều khó khăn về tài chính. Để khắc phục tình trạng này, Đảng và Nhà nước kêu gọi toàn dân tham gia quyên góp xây dựng “Quỹ Độc lập” và phát động “ Tuần lễ vàng ” (17 - 24/9/1945).

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, công tác tuyên truyền, vận động được tiến hành sâu rộng trong đồng bào các dân tộc. Nhờ đó, dù đời sống còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ.

Với ý thức xây dựng đất nước, đông đảo bà con các dân tộc trong tỉnh tình nguyện đóng góp tiền của, vàng, bạc ủng hộ Nhà nước. Nhiều chị em phụ nữ mang cả những vật kỉ niệm trong đời tư (nhẫn cưới, hoa tai...) ủng hộ Nhà nước với một tình cảm cách mạng trong sáng, mong sao Nhà nước nhanh chóng vượt qua cơn hiểm nghèo. Chỉ trong một tuần lễ, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã quyên góp, ủng hộ Nhà nước được trên 5 kg vàng, không kể hàng vạn đồng tiền mặt và các loại nổi đồng, chấu đồng...

Song song với nhiệm vụ diệt “ giặc đói ”, Đảng bộ Thái Nguyên tập trung lãnh đạo phong trào thanh toán nạn mù chữ do Nhà nước phát động từ ngày

8/9/1945. Đảng bộ phân công một số cán bộ có năng lực chuyên trách chỉ đạo cuộc vận động to lớn này. Nhiều cán bộ được phái xuống các thôn xóm, tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.

Do làm tốt công tác tuyên truyền, đông đảo nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đều nhận rõ sự cần thiết “phải có kiến thức mới để tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”. Bởi vậy, ngay sau khi Chính phủ lâm thời phát động phong trào thanh toán nạn mù chữ (8/9/1945), bà con các dân tộc trong tỉnh sôi nổi hưởng ứng. Việc học tập văn hoá trở thành một phong trào quần chúng sâu rộng. Hội viên Thanh niên cứu quốc và Phụ nữ cứu quốc là những người đi đầu trong phong trào diệt dốt. Chỉ trong một thời gian ngắn, các lớp bình dân học vụ được tổ chức khắp nơi, đến tận từng thôn xóm, thu hút hàng vạn người thuộc các lứa tuổi đến học.

Cùng với phong trào bình dân học vụ thanh toán nạn mù chữ, ngành Giáo dục phổ thông được Đảng bộ đặc biệt chú ý xây dựng và phát triển. Vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã tự xây dựng được nhiều trường, lớp cho con em đến học.

Tháng 9/1945, trong ngày khai trường năm học đầu tiên sau khi Cách mạng thành công, tại tỉnh Thái

Nguyên, hàng chục trường, lớp đã mở rộng cửa đón nhận hàng ngàn con em nhân dân lao động. Tính đến năm học 1946 - 1947, toàn tỉnh có 97 trường với khoảng 3.812 học sinh⁽¹⁾. Nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy từng bước được cải tiến theo hướng dân tộc, dân chủ.

Thắng lợi bước đầu trong phong trào thi đua diệt "giặc đói" không chỉ góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, mà còn có ý nghĩa to lớn về chính trị. Nó tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân lao động tham gia ngày càng nhiều vào công việc quản lí nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của mình.

Cuộc vận động đời sống mới nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc cướp nước, yêu lao động, yêu chính nghĩa, căm ghét bóc lột và xây dựng đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Đảng bộ lãnh đạo các đoàn thể quần chúng vận động đồng bào các dân tộc ra sức xoá bỏ các tệ nạn cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan... do chế độ cũ để lại. Nhờ có sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ, phong trào vận động thực hiện đời sống mới thu được kết quả bước đầu: Tình trạng ma to, cưới lớn, hội hè linh đình đã giảm bớt. Tại các làng, xã, cuộc sống mới lành mạnh bước đầu được xây dựng và ngày càng phát triển.

¹ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái-Tập I-1980, tr.190.

Công tác y tế, chăm lo sức khoẻ của nhân dân cũng được coi trọng. Ngay sau khi thành lập, Ty Y tế tỉnh đã cố gắng xây dựng các phòng phát thuốc ở một số huyện và dành một phần kinh phí mua thuốc chữa bệnh để phát cho nhân dân. Tập quán mời thầy đến nhà “ cúng ma ” mỗi khi có người ốm đau trong các vùng nông thôn từng bước giảm dần.

Những kết quả bước đầu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội không những có tác dụng cải thiện một bước đời sống của nhân dân, mà còn làm tăng thêm lòng tin yêu của nhân dân đối với chế độ mới. Uy tín, ảnh hưởng của Đảng, của chính quyền dân chủ nhân dân ngày càng được nâng cao và mở rộng trong đồng bào các dân tộc. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố ngày càng vững chắc. Đó là những nhân tố rất thuận lợi giúp cho Đảng bộ tổ chức và lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi cuộc đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực phản cách mạng.

Vào những tháng đầu sau khi giành được độc lập, trên lãnh thổ nước ta có mặt nhiều thế lực đế quốc và phản động trong phe Đồng minh. Phía bắc vĩ tuyến 16 có 20 vạn quân Tưởng và bám theo gót chúng là các tổ chức phản cách mạng Việt Quốc, Việt Cách. Phía nam vĩ tuyến 16 là 1 vạn quân Anh và theo chúng là thực dân Pháp với số lượng ngày càng tăng. Ngoài ra, trên đất nước ta lúc bấy giờ còn có khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ ngày về nước. Tuy có những động cơ khác

nhau, nhưng tất cả bọn chúng đều chung một mục đích là tiêu diệt Nhà nước cách mạng Việt Nam để ngăn chặn ảnh hưởng của nó đối với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước trong khu vực.

Trong hoàn cảnh ấy, lại đứng trước nhiều khó khăn về mọi mặt, để bảo vệ vững chắc Nhà nước cộng hoà non trẻ, Đảng ta chủ trương tránh trường hợp cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

Quán triệt chủ trương sách lược của Trung ương Đảng, Tỉnh uỷ Thái Nguyên kịp thời đề ra chỉ thị đối phó với quân Tưởng. Nhiều cán bộ có năng lực được cử xuống cơ sở, chủ yếu là thị xã và những nơi có quân Tưởng qua lại, giải thích cho đồng bào ta hiểu rõ và thực hiện chủ trương tạm thời hoà hoãn với quân Tưởng; đồng thời phổ biến kế sách đối phó nhằm tránh xung đột vũ trang không có lợi cho ta.

Để đề phòng âm mưu nham hiểm của quân Tưởng, từ tháng 9/1945, cơ quan Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân lâm thời tỉnh và các đoàn thể quần chúng đã tạm thời chuyển ra khỏi thị xã. Trong thị xã Thái Nguyên lúc đó chỉ có đại diện của Mặt trận Việt Minh và của Uỷ ban nhân dân vừa làm nhiệm vụ giao tiếp với bọn chỉ huy quân Tưởng, vừa động viên nhân dân khôn khéo đấu tranh, ứng phó kịp thời và linh hoạt để hạn chế sự quấy rối của chúng.

Trong quan hệ với quân Tưởng, Tỉnh uỷ chủ trương kiên quyết đấu tranh buộc chúng phải tôn trọng chủ quyền của dân tộc, không được can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân Việt Nam; đồng thời có sự nhân nhượng cần thiết, cung cấp cho chúng một số lương thực, thực phẩm, phương tiện vận tải, đi lại⁽¹⁾. Mặt khác, dựa vào sức mạnh quần chúng, Đảng bộ phát động nhân dân tổ chức bãi thị, tẩy chay đồng bạc Quan kim, Quốc tệ, mít tinh phản đối yêu sách vô lí của quân Tưởng.

Thực hiện Sắc lệnh số 8 (ngày 5/9/1945) về việc giải tán các đảng phái phản động, Sắc lệnh ngày 13/9/1945 về việc đưa đi an trí những phân tử phản cách mạng nguy hiểm, lực lượng công an tỉnh phối hợp cùng lực lượng vũ trang và nhân dân đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên mặt trận chống phản cách mạng. Hơn 80 tên mật thám, chỉ điểm, 43 quan lại cường hào, 5 cai có tội ác, 3 tên cầm đầu phi đảng bị bắt và đưa đi an trí⁽²⁾.

Những tên đặc vụ Tưởng, bọn cầm đầu các tổ chức phản động (Nam Dương Hoa kiều hiệp hội, Đại Việt quốc gia liên minh...) đều bị bắt giữ. Một số tên Việt gian phản quốc có nhiều tội ác với nhân dân bị nghiêm trị. Tuần phủ Cung Đình Vận - một tên tay sai của thực

⁽¹⁾ Gồm 50 tấn gạo, 100 con trâu, bò; nhiều lợn, gà; 30 thuyền vận tải; 2 xe ô tô.

⁽²⁾ Lịch sử Công an nhân dân Bắc Thái 1945-1954. Lưu hành nội bộ. 1993. Tr. 35.

dân Pháp khét tiếng gian ác, có nhiều nợ máu với cách mạng, đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử tử hình.

Dựa vào lực lượng quần chúng nhân dân, lực lượng vũ trang cùng với công an dẹp tan bọn phỉ ở Minh Lập (Đồng Hỷ) do anh em Hoàng Bính Trai, Hoàng Bính Ki cầm đầu, trừng trị bọn lưu manh giả danh Việt Minh để cướp của, những nhiều nhân dân ở Đồng Bẩm (Đồng Hỷ), Kè Đá Gân (Phú Bình)...

Với sự lãnh đạo khéo léo và kiên quyết của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên từng bước đập tan âm mưu thâm hiểm của quân Tưởng, ngăn chặn những hành động chống phá của bè lũ tay sai phản cách mạng, bảo vệ vững chắc chính quyền dân chủ nhân dân. Từ giữa tháng 12/1945, đơn vị cuối cùng của quân Tưởng đã phải rời khỏi địa phận Thái Nguyên, rút về Hà Nội.

Trong lúc cuộc đấu tranh chống Tưởng đang diễn ra ở phía bắc vĩ tuyến 16, tại miền Nam, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bắt đầu từ 23/9/1945.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, cùng đồng bào cả nước hưởng về cuộc kháng chiến miền Nam, phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến diễn ra sôi nổi trong các ngành, các giới và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Khắp các địa phương, nhân dân ta đều tổ chức mít tinh, biểu tình phản đối chiến tranh xâm lược. Băng cờ, biểu ngữ, khẩu hiệu

“Đả đảo thực dân phản động Pháp xâm lược”, “Ủng hộ Nam Bộ kháng chiến”, “Nước Việt Nam của người Việt Nam” v.v... được giương lên khắp các thị xã, huyện lỵ cho đến tận các thôn xóm.

Hàng ngàn thanh niên con em các dân tộc trong tỉnh nô nức đến các “Phòng Nam Bộ” ghi tên xung phong tòng quân lên đường vào Nam đánh giặc. Các đội quân Nam tiến được gấp rút xây dựng. Những vũ khí và trang bị tốt nhất, những cán bộ và chiến sĩ ưu tú nhất được ưu tiên cho các đơn vị Nam tiến.

Nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên còn vận động quyên góp tiền bạc, quần áo, thuốc men... ủng hộ đồng bào miền Nam. Các hình thức quyên góp, gây công quỹ ủng hộ Nam Bộ được thực hiện. Có những phụ nữ tuy nghèo, nhưng vẫn bỏ tiền mua một viên đạn giá 345 đồng để góp vào công quỹ⁽¹⁾. Nhiều nữ thanh niên “đã đi bán bánh và huy hiệu suốt ngày để lấy tiền giúp quỹ Nam Bộ”⁽²⁾.

Sự tham gia đóng góp của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã góp một phần quan trọng làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu cho đồng bào miền Nam.

⁽¹⁾ Theo báo Cứu Quốc ra ngày 12/6/1946: trong cuộc mít tinh ở Thái Nguyên để vận động đóng góp tiền ủng hộ Nam Bộ, chị Nguyễn Thị Tư đã trả giá 345 đồng một viên đạn. Hành động của chị đã khích lệ nhiều người cùng góp tiền vào Quỹ Nam Bộ

⁽²⁾ Theo báo Cứu Quốc số 19/6/1946.

Hiệp định sơ bộ (6/3) và Tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946) kí chưa ráo mực, thực dân Pháp đã ngang nhiên bội ước. Chúng liên tiếp gây ra các hoạt động khiêu khích, xâm lược ngày càng trắng trợn. Ngược lại, với bản chất và thiện chí hoà bình, chúng ta đã ép lòng nhân nhượng. “ Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa ”⁽¹⁾

Để bảo vệ nền độc lập của dân tộc và chủ quyền của đất nước, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng họp tại Vạn Phúc (Hà Đông) vào ngày 18 - 19/12/1946 quyết định phát động cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Từ đêm 19/12/1946, hưởng ứng chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã bùng nổ trước tiên tại Hà Nội và sau đó lan nhanh khắp cả nước.

Trên địa phận Thái Nguyên, từ ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ đến thượng tuần tháng 10/1947, chiến sự vẫn chưa lan tới. Tranh thủ thời gian hoà bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh Toàn tập 1945-1947. NXB Sự Thật Hà Nội. 1984, tr.202.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong công tác chuẩn bị kháng chiến là tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang.

Sau khi Bộ Quốc phòng ra Thông tư (19/2/1947) quy định tổ chức và nhiệm vụ của dân quân, tự vệ, du kích, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương trong tỉnh được triển khai nhanh chóng. Tỉnh uỷ chủ trương động viên sức người, sức của của nhân dân để củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Noi gương các thế hệ ông, cha, con em đồng bào các dân tộc nô nức xung phong tòng quân. Nhờ đó, chỉ trong thời gian ngắn, hầu hết các xã, các huyện đều xây dựng, phát triển lực lượng tự vệ rộng rãi, tự vệ chiến đấu và du kích tập trung.

Ban lãnh đạo Chiến khu I cũng giúp tỉnh về tổ chức biên chế, quản lý bộ đội và huấn luyện quân sự. Các đội du kích tập trung, các đội tự vệ chiến đấu được biên chế thành các tiểu đội, trung đội, có quân báo, liên lạc, cứu thương...

Từ cuối năm 1946, lực lượng du kích được đặc biệt chú ý phát triển. Các đội du kích huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đông Hi, Đại Từ được trang bị tương đối tốt, có chỉ huy chặt chẽ. Cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích được huấn luyện cách đánh giáp lá cà, gài mìn, cắm chông, phá hoại giao thông địch, sử dụng vũ khí thông thường...

Chấp hành chỉ thị thành lập các trung đoàn, tiểu đoàn độc lập, đồng bào các dân tộc tỉnh Thái Nguyên tích cực đóng góp sức người, sức của xây dựng Trung đoàn độc lập 22 (Thái Nguyên, Phúc Yên), thuộc Chiến khu I.

Theo Thông tư ngày 19/2/1947 của Bộ Quốc phòng, ngày 15/4/1947, Ban chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân được thành lập. Tại buổi lễ ra mắt được tổ chức ở sân vận động thị xã, các đồng chí Nhị Quý - Bí thư Tỉnh uỷ và đồng chí Lê Trung Đình - Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến tỉnh đã đến dự và giao nhiệm vụ cho Ban chỉ huy Tỉnh đội. Tỉnh uỷ phân công đồng chí Lê Văn Lương - Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, làm Tỉnh đội trưởng.

Cùng với việc thành lập và từng bước kiện toàn Ban chỉ huy Tỉnh đội, các cơ quan giúp việc Ban chỉ huy cũng hình thành và đi vào hoạt động. Ngoài các cơ quan chuyên môn còn có một trung đội bảo vệ cơ quan Tỉnh đội bộ. Các Ban chỉ huy Huyện đội, Xã đội bộ dân quân cũng được tổ chức.

Như vậy, từ tháng 4/1947, với sự ra đời của Tỉnh đội bộ dân quân, Tỉnh uỷ và Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên đã có một cơ quan tham mưu phụ trách về công tác quân sự địa phương, trước mắt là củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng kế hoạch tác chiến, sẵn sàng đập tan mọi mưu mô và hành động quân sự của địch.

Cuộc chiến tranh ngày càng lan rộng, chiến sự ngày càng trở nên ác liệt. Việc tổ chức cho nhân dân rời khỏi nơi có chiến sự, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống của nhân dân là một nhiệm vụ cấp bách. Đó cũng là vấn đề được Đảng và Chính phủ quan tâm ngay từ đầu.

Chỉ một tuần lễ sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị mỗi tỉnh, huyện, xã đều phải thành lập Ủy ban tản cư, tiếp cư để động viên và tổ chức đồng bào tản cư sớm ổn định đời sống và tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc.

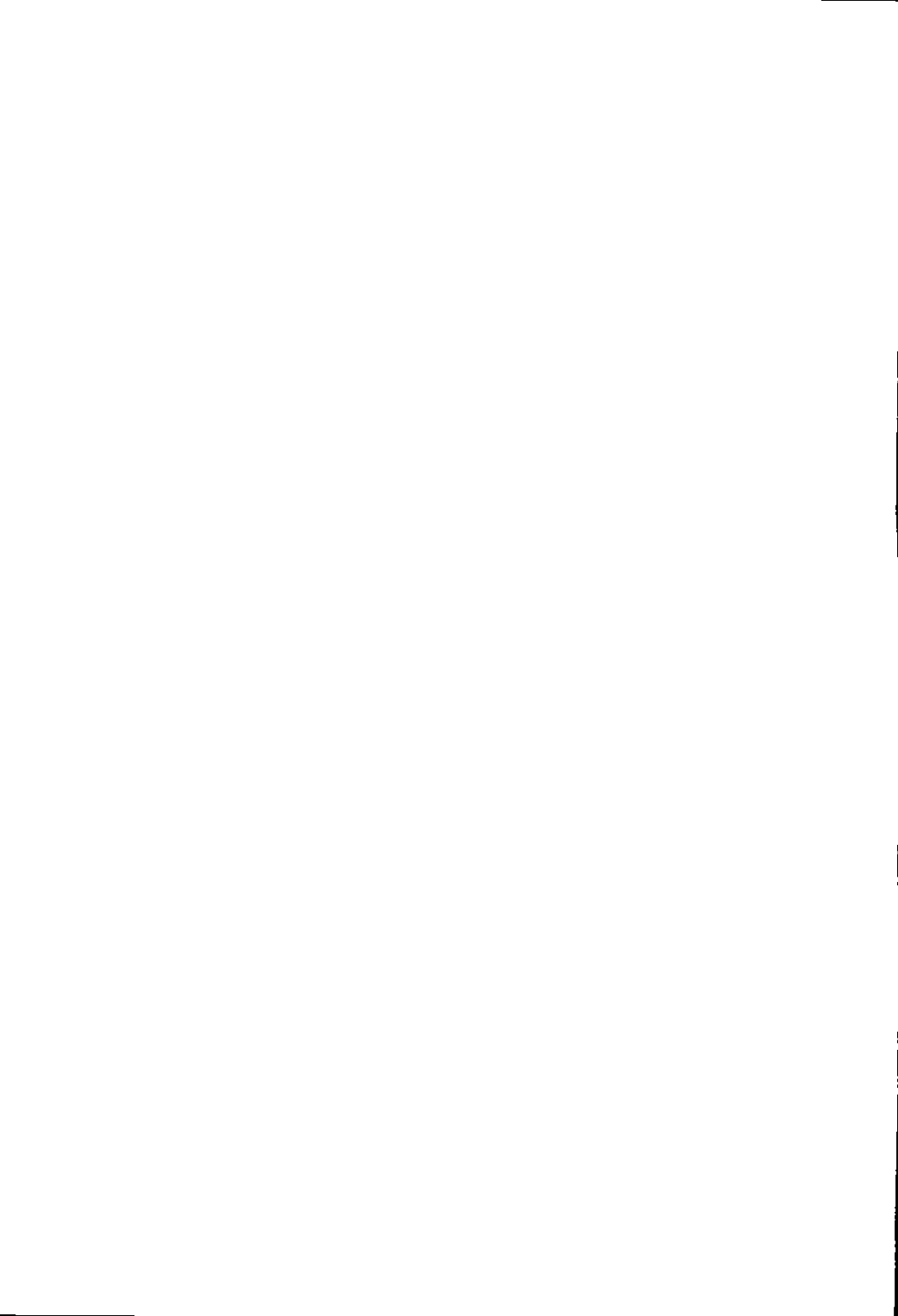
Ngày 31/12/1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 5 - SL thành lập Ủy ban tản cư. Đầu năm 1947, Ủy ban tản cư, tiếp cư của các tỉnh, huyện, xã đều được tổ chức, đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính các cấp.

Trong năm đầu toàn quốc kháng chiến, Thái Nguyên được coi là hậu phương an toàn, cho nên đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên ngày càng đông. Việc tiếp nhận đồng bào tản cư, chăm lo ổn định đời sống và việc làm cho đồng bào là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên. Ủy ban tản cư, tiếp cư của tỉnh và các huyện, xã nhanh chóng được thành lập, có sự tham gia của các ngành, các giới, chủ yếu là Mặt trận Việt Minh.

Chấp hành chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Vô luận thế nào, các Ủy ban hành chính không được



Nhật đoàn Thái Nguyên phá cầu Giã Bay "Tiêu thổ Kháng chiến" năm 1947.



bỏ dân bơ vơ”, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và Mặt trận khẩn trương triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, phân chia khu vực định cư, ổn định cuộc sống. Đến tháng 2/1947, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp đón 12.000 đồng bào từ các tỉnh tản cư đến⁽¹⁾. Ban tiếp cư tỉnh đã san sẻ số tiền cứu tế gồm hàng triệu đồng cho đồng bào tản cư.

Với truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã chia sẻ cho đồng bào tản cư từ bát gạo, củ sắn, bắp ngô, đến cà, chuối, ruộng đồng, soi bãi..., giúp đồng bào sớm ổn định đời sống và sản xuất. Đồng bào tản cư còn được Đảng bộ và chính quyền địa phương giúp đỡ thành lập các trại sản xuất ở Phúc Xuân (Đông Hi), Phúc Thuận (Phố Yên). Sự quan tâm giúp đỡ tận tình của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đối với đồng bào tản cư đã làm cho đồng bào an tâm, phấn khởi, gắn bó với quê hương mới, coi đó là quê hương thứ hai của mình. Do đó, ngay sau khi ổn định nơi ăn, chốn ở, đồng bào tản cư tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc ở địa phương, hăng hái vận động con, em gia nhập bộ đội, dân quân, du kích.

Song song với việc tổ chức tản cư, di cư và tiếp cư, chấp hành chủ trương của Trung ương, Tỉnh uỷ chỉ đạo

⁽¹⁾ Bắc Thái: Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái xuất bản 1990, tr. 75.

các cơ quan chuyên môn tiến hành công tác phá hoại nhằm “triệt để làm cho địch đói, khát, què, điếc, mù, cảm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản”. Cuối năm 1946, Ban phá hoại tỉnh được thành lập. Đến đầu năm 1947, Ban phá hoại của các huyện, xã cũng lần lượt ra đời và đi vào hoạt động.

Theo chủ trương của Tỉnh uỷ, công tác phá hoại sẽ được tiến hành ở những vùng trọng điểm, như thị xã, thị trấn, cầu, cống trên quốc lộ 3. Để thực hiện công tác này, Đảng bộ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động trong các tầng lớp nhân dân.

Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo, công tác phá hoại diễn ra trong khí thế sôi nổi, quyết tâm và với niềm tin tất thắng. Tại thị xã Thái Nguyên, những ngôi nhà cao tầng, nơi công cộng, trụ sở cơ quan... bị phá sập trước tiên. Trước nguy cơ đe dọa vận mệnh đất nước, nghe theo tiếng gọi của Đảng, đồng bào thị xã sớm nhận thức được sự hi sinh cần phải có. Khẩu hiệu “Tản cư là yêu nước” trở thành khẩu hiệu hành động của mỗi người dân nơi đây. Nhân dân thị xã lần lượt rời khỏi những nếp nhà xinh xắn để giao cho con em mình trong các đội phá hoại. Phá đến đâu, vật cản và chiến lũy được dựng lên đến đấy.

Ngoài việc phá hoại nhà cửa, cầu, cống, đường giao thông, nhân dân ta còn tự tay mình phá nhà thờ, chùa chiền. Đến giữa năm 1947, công tác phá hoại căn bản hoàn thành. Thị xã Thái Nguyên và một số vùng xung

quanh các huyện lỵ chỉ còn trơ lại những đống gạch vụn. Trên mặt đường số 3, từ đầu cầu Đa Phúc đến thị xã Thái Nguyên, lực lượng dân quân các huyện Phó Yên, Đông Hí, Phú Bình đã đào chi chít các hố chôn. Ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, phong trào toàn dân làm vườn không nhà trống diễn ra rất sôi nổi. Công tác đào hầm, hào, công sự, xây dựng trận địa chiến đấu, tổ chức và hướng dẫn nhân dân vót chông, cắm chông chống quân nhảy dù... được thực hiện khẩn trương. Quân và dân Thái Nguyên trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Là một tỉnh miền núi và trung du, có địa thế hiểm trở “ tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ ”, có cơ sở Đảng và cơ sở quần chúng vững mạnh từ trước, song song với công tác chuẩn bị, tăng cường thực lực để kháng chiến. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên được vinh dự đảm nhận trọng trách đón nhận và bảo vệ các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Quốc phòng-Tổng chỉ huy.

Khi cả nước bước vào kháng chiến, cùng với việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, vấn đề xây dựng căn cứ địa, xây dựng hậu phương được đặt ra rất bức thiết. Trong hoàn cảnh chiến tranh ngày càng lan rộng, hầu hết các thành phố, thị xã và các đường giao thông quan trọng lần lượt bị thực dân Pháp chiếm đóng, thì vấn đề giữ nông thôn, xây dựng những vùng đất tự do đối với kháng chiến lại càng trở nên cần thiết. Trên những vùng đất tự do ấy, phải tạo dựng được

những khu an toàn, chắc chắn và tiện lợi nhất cho việc đặt cơ quan đầu não để lãnh đạo mọi hoạt động kháng chiến - kiến quốc trong cả nước. Điều này càng trở nên quan trọng khi kẻ thù có âm mưu và kế hoạch đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến hòng nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh.

Bởi vậy, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, với tầm nhìn chiến lược sáng suốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân công đồng chí Phạm Văn Đồng cùng một số cán bộ ở lại Việt Bắc một thời gian để củng cố căn cứ địa.

Cuối tháng 10/1946, đồng chí Nguyễn Lương Bằng được giao nhiệm vụ trở lại Việt Bắc để chuẩn bị địa điểm xây dựng căn cứ địa kháng chiến. Một số địa điểm thuộc huyện Định Hoá, Đại Từ, cùng một số nơi khác được chọn làm nơi ở và làm việc của các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ trong trường hợp phải rời khỏi thủ đô Hà Nội.

Tháng 11/1946, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đội công tác đặc biệt, do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách. Đội có nhiệm vụ nghiên cứu việc di chuyển và chọn địa điểm an toàn đặt các cơ quan Trung ương.

Giữa tháng 12/1946, một số cán bộ trong Đội công tác đặc biệt lần lượt lên vùng Việt Bắc làm nhiệm vụ. Sau một thời gian khảo sát thực tế, cân nhắc kỹ lưỡng mọi mặt, Đội quyết định chọn một số địa điểm nằm sâu trong căn cứ địa Việt Bắc, trung tâm là các huyện Định

Hoá (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Sơn Dương, Yên Sơn (Tuyên Quang), làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK) của Trung ương.

Nhận được chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh uỷ Thái Nguyên cử nhiều cán bộ về các huyện Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai cùng với cán bộ địa phương xuống các xã động viên, tổ chức toàn dân tham suốt đường lối kháng chiến của Đảng. Các Đội công tác của Trung ương, của tỉnh quan tâm đến công tác giáo dục, bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp trong nhân dân để xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa nhân dân với cán bộ, bộ đội như cá với nước, giáo dục nhân dân địa phương nêu cao cảnh giác, giữ gìn bí mật, kịp thời phát hiện bọn gián điệp lọt vào căn cứ.

Trong khi các Đội xây dựng ATK và các Tổ công tác của tỉnh tích cực triển khai công tác vận động quần chúng, thì một bộ phận cán bộ được tăng cường về các xã phía nam và tây nam huyện Định Hoá (gồm các xã: Trung Lương, Sơn Phú, Bình Thành, Phú Đình, Điềm Mặc, Đồng Thịnh, Định Biên, Bảo Linh) xây dựng đại bản doanh.

Từ đầu năm 1947, hầu hết các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận, Bộ Quốc phòng, các cơ quan kinh tế, văn hoá, giáo dục... đều có mặt tại căn cứ địa Việt Bắc - ATK.

Nà Mòn (Phú Đình), Phụng Hiến (Điềm Mặc)... là những nơi ở và làm việc của các cơ quan Trung ương

Đảng và Tổng Bí thư Trường Chinh. Thẩm Khám, Thẩm Giác (Phú Đình) là nơi ở và làm việc của Chính phủ và Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng ở và làm việc tại xóm Đồng Chua (Thanh Định), xóm Góc Hồng (Quy Kì), Khẩu Hấu, Khẩu Tràng (Điểm Mặc), Bảo Biên (Bảo Linh), bản Piêng (Yên Thông), Phú Đình, Bình Yên, Quảng Nạp. Bộ Tổng Tham mưu đóng tại Đồng Đầu (Định Biên), bản Quyên (Điểm Mặc), Yên Thông, Phú Đình, Thanh Định... Xương quân giới được xây dựng ở khu vực xóm Hồng Hoàng (Trung Lương), xóm Nong Nia (Định Biên), Du Nghệ (Đồng Thịnh). Một số cơ quan Trung ương đóng tại các huyện Đại Từ, Phú Lương...

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng ở và làm việc tại các xã Điểm Mặc, Phú Đình (Định Hoá), Tràng Xá (Võ Nhai)...

Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của một địa bàn chiến lược được Đảng và Chính phủ chọn làm căn cứ kháng chiến của cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đoàn kết một lòng, sẵn sàng hi sinh hết thảy vì sự nghiệp giải phóng đất nước. Việc xây dựng và bảo vệ ATK Trung ương là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

Được giao nhiệm vụ bảo vệ vòng ngoài, lực lượng công an tỉnh phối hợp với công an xã và bộ phận bảo vệ các cơ quan làm công tác bảo mật phòng gian, xây dựng nội quy đi lại và quản lý chặt chẽ mọi người ra vào khu vực, nắm các mối quan hệ từ bên trong các cơ quan, xí nghiệp với bên ngoài và vùng địch tạm chiếm, đề xuất với lãnh đạo và cấp uỷ điều chuyển những người có quan hệ phức tạp ra khỏi các bộ phận cơ mật, hoặc khéo léo đưa họ ra ngoài cơ quan, xí nghiệp.

Ngay từ những năm đầu toàn quốc kháng chiến, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp bộ Đảng trong tỉnh, lực lượng công an xã và cơ sở quần chúng được chú trọng xây dựng làm nòng cốt cho công tác bảo vệ, làm vô hiệu hoá mọi âm mưu và hoạt động tình báo, gián điệp, chi điểm phá hoại của địch.

Hệ thống tổ chức trật tự xã (công an xã) chủ yếu được xây dựng quanh khu vực cửa ngõ ATK và những nơi có các cơ quan, xí nghiệp, quân đội đóng. Nhiều trật tự xã đã xây dựng được mạng lưới cơ sở trong các thôn xóm. Những cơ sở quần chúng này thực sự là những trạm gác kín đáo, trực tiếp bảo vệ khu vực và những đầu mối giao thông quan trọng.

Ngoài sự bảo vệ của lực lượng cảnh vệ và công an, ATK có thể tồn tại vững chắc trước sự rình rập, tấn công của kẻ thù chính là nhờ sự che chở, đùm bọc của nhân dân địa phương.

Được sự giáo dục, nhắc nhở thường xuyên, đồng bào các dân tộc trong tỉnh coi việc phòng gian, bảo mật, bảo vệ các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương là trách nhiệm của mình. Mọi người dân đều hiểu rõ: Bảo vệ ATK chính là bảo vệ làng, bản, bảo vệ cuộc sống của mình. Mọi người dân, từ cụ già đến em nhỏ, đều tự giác và thực hiện khẩu hiệu “ba không” không nói chuyện làm lộ bí mật, không nghe những điều không có liên quan đến mình, không chỉ đường và cảnh giác với người lạ mặt). Việc theo dõi, cảnh mật ở các địa bàn do quân chúng đảm nhận được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, linh hoạt và sáng tạo. Từ người bán hàng rong, người làm nghề sửa chữa xe đạp, thợ cắt tóc, rèn đúc, đan lát ... được bố trí tại các tụ điểm dân cư, hoặc trên các ngã đường quan trọng, cho đến những người đi đón củi trong rừng, người làm nương rẫy, em bé chăn trâu ... cũng đều là những chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ ATK. Không có một việc gì xảy ra ở đây, không có một người lạ mặt nào ra vào khu vực này lại có thể lọt qua được tai, mắt tinh tường của đồng bào địa phương.

Chính nhờ những thông tin nhanh chóng, chính xác của quân chúng nhân dân, lực lượng công an và bộ đội cảnh vệ mới kịp thời phát hiện và phá tan mọi âm mưu, hành động phá hoại của địch, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các cơ quan Trung ương trong suốt thời kỳ

kháng chiến chống Pháp. Nhân dân địa phương là lực lượng quan trọng, có tính quyết định trong công tác bảo mật, phòng gian, giữ vững sự an toàn cho ATK.

Ngoài công tác bảo vệ, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên còn góp sức xây dựng, cung cấp phục vụ các cơ quan đầu não kháng chiến trong ATK.

Ngay từ những ngày đầu, đồng bào các dân tộc vùng Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương ... đã dành hàng ngàn ngày công, ủng hộ hàng chục vạn cây tre, gỗ, nứa, hàng triệu tâu lá cọ để xây nơi ở và làm việc của các cơ quan kháng chiến và kho tàng, xưởng máy. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh nỗ lực đẩy mạnh tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm để vừa bảo đảm đời sống, vừa cung cấp cho kháng chiến. Trong suốt 8 năm toàn quốc kháng chiến, với phong trào “Toàn dân đóng góp lương thực, thực phẩm”, ngoài việc đóng thóc công lương, điền thổ, đồng bào các dân tộc còn vận động quyên góp, lập “Hũ gạo nuôi quân”, bán “Thóc khao quân” ... Nhiều nơi, nhân dân ủng hộ các cơ quan, xí nghiệp, các đơn vị bộ đội ... ruộng đất, trâu bò để tăng gia tự túc. Nhiều gia đình nhường nhà ở của mình cho các cơ quan kháng chiến làm kho, v.v...

Một trong những tấm gương tiêu biểu cho tấm lòng của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đối với kháng chiến là bà Bá Huy (xã Lục Ba, huyện Đại Từ).

Ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bà đã ủng hộ công, của làm 10 gian nhà gỗ, lợp lá và mua sắm dụng cụ sinh hoạt (giường, chiếu, chăn, màn...) đủ cho 50 thương binh tại Trại an dưỡng đường số 1 (thành lập tháng 7/1947). Ngoài ra, bà còn ủng hộ 3 tấn thóc, 3 mẫu ruộng, 1 con trâu và một số nông cụ cho thương binh; đồng thời vận động chị em phụ nữ giặt giũ quần áo và nấu ăn giúp thương binh. Với sự đóng góp quý báu này, ngày 27/7/1947, bà Bá Huy được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen ngợi “đã hăng hái giúp ruộng, đất, trâu, bò, thóc lúa và tiền bạc để lập một an dưỡng đường cho thương binh”; “Bà đã hi sinh tiền của để giúp đỡ anh em thương binh; như thế là bà đã giúp sức vào công việc giữ gìn Tổ quốc. Tôi thay mặt Chính phủ và anh em thương binh cảm ơn bà và ngợi khen bà”⁽¹⁾.

Nhờ được sự che chở, đùm bọc của nhân dân các dân tộc, ATK Trung ương vẫn tồn tại vững chắc trong vòng vây của kẻ thù và nhờ đó đã phát huy được vai trò trung tâm lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của cả nước.

Giữa lúc mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến đang diễn ra khẩn trương, Tinh uy Thái Nguyên đã triệu tập

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập-Tập V, 1947-1949, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, Tr.177

Đại hội đại biểu toàn tỉnh lần I (từ 10 / 8 đến 12 / 8 / 1947) tại đình An Mĩ (nay là Mĩ Yên, huyện Đại Từ). Tham dự Đại hội có trên 100 đại biểu thay mặt cho hơn 1.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Đức Thọ, đại diện Ban chấp hành Trung ương Đảng, về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ, gồm 11 đồng chí ⁽¹⁾, do đồng chí Lê Trung Đình làm Bí thư. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 3 đồng chí: Lê Trung Đình, Ngô Nhị Quý và Lê Văn Lương. Với Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, Tỉnh uỷ Thái Nguyên được kiện toàn một bước, bảo đảm cho Đảng bộ có đủ khả năng lãnh đạo nhân dân các dân tộc chuẩn bị đối phó âm mưu và hành động mới của thực dân Pháp.

Tóm lại, qua hai năm đấu tranh bảo vệ và xây dựng (9/1945 - 9/1947), Đảng bộ Thái Nguyên đã có một

(1) Ban chấp hành Đảng bộ - Khoá I gồm có các đồng chí:
1- Lê Trung Đình - Bí thư kiêm Chủ tịch UBND tỉnh
2- Ngô Nhị Quý - Ủy viên Ban Thường vụ
3- Lê Văn Lương - Ủy viên Ban Thường vụ
4- Vũ Hưng - Ủy viên Ban Chấp hành
5- Lê Trọng Mưu (tức Mô) - Ủy viên Ban Chấp hành
6- Ngọc Lan - Ủy viên Ban Chấp hành
7- Nguyễn Thị Hà Châu (tức Lê Thị Định) - Ủy viên Ban Chấp hành
8- Lê Phương - Ủy viên Ban Chấp hành
9- Việt Hưng - Ủy viên Ban Chấp hành
10- Quang Huy - Ủy viên Ban Chấp hành
11- Nguyễn Văn Mô (tức Cương) - Ủy viên Ban Chấp hành

bước trưởng thành nhanh chóng cả về số lượng lẫn chất lượng. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, trước hết là Tỉnh uỷ, được thể hiện rõ nét trên mọi hoạt động. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân từ tỉnh xuống đến xã, thôn được củng cố và bước đầu phát huy vai trò tổ chức, hướng dẫn quần chúng tham gia xây dựng chế độ mới, đồng thời tích cực chuẩn bị mọi mặt để bước vào kháng chiến.

Hai năm đấu tranh bảo vệ và xây dựng chế độ mới (9/1945 - 9/1947) đã tạo ra những tiền đề thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên chủ động bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến.

Chương III

LÃNH ĐẠO QUÂN, DÂN TRONG TỈNH TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG, TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRUNG TÂM CĂN CỨ ĐỊA KHÁNG CHIẾN VỮNG MẠNH; ĐỒN SỨC CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (10/1947-7/1954)

Ngày 7-10-1947, giặc Pháp huy động khoảng 12.000 quân gồm 5 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 2 tiểu đoàn pháo, 2 tiểu đoàn công binh, 40 tàu chiến và ca nô, 40 máy bay các loại và khoảng 800 xe cơ giới, chia làm 3 hướng mở một cuộc tấn công lớn lên Việt Bắc - Căn cứ địa kháng chiến của cả nước - nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta, khóa chặt biên giới Việt Trung, ngăn chặn sự liên hệ giữa ta với quốc tế, phá hoại kinh tế và khủng bố nhân dân ta ở vùng Căn cứ địa kháng chiến, thúc đẩy thành lập chính quyền bù nhìn toàn quốc, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Sau khi quân Pháp nhảy dù đánh, chiếm thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới (ngày 7/10/1947) và huyện lỵ

Chợ Đồn (ngày 8/10/1947) mở đầu cho cuộc hành quân Lêa (bước I của chiến dịch tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc Thu Đông 1947), Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban chỉ huy Tỉnh đội tập trung củng cố, xây dựng "được 8 trung đội du kích tập trung thoát ly sản xuất, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu", mỗi trung đội biên chế 35 cán bộ, chiến sĩ. Sau khi được củng cố, kiện toàn đủ quân số và vũ khí, trang bị, trung đội du kích tập trung trực thuộc Ban chỉ huy Tỉnh đội đã cơ động lên xã Yên Ninh (huyện Phú Lương) phối hợp với bộ đội chủ lực và dân quân, du kích huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn) quấy rối và đánh địch ở thị trấn Chợ Mới, chặn đánh các cuộc hành quân, càn quét của địch từ thị trấn Chợ Mới sang các xóm, làng của huyện Phú Lương.

Để đối phó với chiến dịch tấn công quy mô lớn của địch lên Việt Bắc và đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương - Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, Thủ đô kháng chiến của cả nước - Khu ủy khu I đã quyết định phân công đồng chí Lê Hoàng - Khu ủy viên về trực tiếp làm Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên phụ trách công tác Đảng, đồng chí Lê Trung Đình (Bí thư Tỉnh ủy do Ban chấp hành Đảng bộ

tính khóa I bầu) làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Bí thư Đảng - đoàn chính quyền, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh; đồng chí Ngô Nhị Quý (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách công tác Đảng) sang phụ trách Tỉnh bộ Việt Minh. Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định cử 5 đồng chí Tỉnh ủy viên xuống trực tiếp làm Bí thư Huyện ủy các huyện⁽¹⁾ và đưa một số cán bộ các ngành Nông dân, Thanh niên của tỉnh xuống trực tiếp hoạt động ở các xã trọng điểm. Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ của Đảng bộ lúc này là tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác "phá hoại - tiêu thổ kháng chiến", vận động nhân dân thực hiện "vườn không, nhà trống", vận chuyển cơ quan, kho tàng, gấp rút chuẩn bị kháng chiến.

Về phía địch, sau hơn một tháng mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc không đạt được kết quả mong muốn, phán đoán ta có khoảng từ 20 đến 25 tiểu đoàn bộ đội chủ lực đang đóng ở các vùng Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai (thuộc tỉnh Thái Nguyên), Yên Thế (thuộc tỉnh Bắc Giang) và lưu vực sông Đáy, các cơ quan đầu não kháng chiến của ta đóng ở các vùng núi

⁽¹⁾ Vũ Hưng: Bí thư huyện ủy Định Hóa; Quang Huy: Bí thư huyện ủy Đông Hy; Nguyễn Bá Cương: Bí thư huyện ủy Phổ Yên; Nguyễn Vũ: Bí thư huyện ủy Võ Nhai; Lê Nguyên: Bí thư huyện ủy Phú Bình. (Báo cáo tình hình sự thi hành những Nghị quyết "Hội nghị đại biểu toàn tỉnh ngày 10/8/1947" phóng 43, hồ sơ 217 Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng)

dá Võ Nhai, Định Hóa, chúng quyết định sử dụng lực lượng tham gia cuộc hành quân Lêa cùng với Trung đoàn bộ binh Ma rốc số 5 và Trung đoàn Côxtơ mở cuộc hành quân Xanh tuya (xiết chặt) nhằm bao vây, càn quét khu tứ giác Thái Nguyên - Tuyên Quang - Việt Trì - Phú Lạng Thương rộng hơn 8000 km² nhằm " Tiếp tục lùng bắt kỳ được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt chủ lực Việt Minh, phá hoại Căn cứ địa". Hướng bao vây, càn quét chính của cuộc hành quân Xanh tuya là Thái Nguyên, hai hướng khác là Sông Thương - Yên Thế và Chợ Mới - Tuyên Quang xuống đồng bằng.

Ngày 22/12/1947, cuộc hành quân Xanh tuya của địch bắt đầu. Tại Tuyên Quang, binh đoàn Commynan rút khỏi thị xã Tuyên Quang theo đường thủy về Bình Ca và theo đường bộ sang Sơn Dương nhằm uy hiếp đường liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang, hỗ trợ cho quân Bô phrê từ phía Bắc rút về. Tại Bắc Kạn, quân Pháp rút khỏi một số vị trí, tập trung lực lượng về Chợ Mới. Tại thị trấn Chợ Mới, chúng cho quân hành quân nghi binh từ thị trấn Chợ Mới lên thị xã Bắc Kạn và phao tin sẽ rút quân qua thị xã Bắc Kạn lên Cao Bằng để đánh lừa ta; ta đã điều một số đơn vị bồi đội chủ lực từ Định Hóa lên Bắc Kạn chặn, đánh địch. Đêm 24/11/1947, từ thị trấn Chợ Mới, địch cho 1 trung đoàn (khoảng 1.500 tên) bí mật theo Đường số 3 hành quân

xuống cây số 31, ngược theo đường lên thị trấn Chợ Chu chiếm đóng các khu vực Phố Ngũ, Quán Vuông (thuộc huyện Định Hóa).

Ngày 25/12/1947, từ Quán Vuông địch hành quân, càn quét lên chiếm đóng thị trấn Chợ Chu và làm sân bay dã chiến ở cánh đồng Chợ Chu. Cùng ngày (25/11), từ thị trấn Chợ Mới (Bắc Kạn), địch cho 1 tiểu đoàn tấn công qua đồng Danh, làng Muồng càn vào các xã Tân Dương, Tân Thịnh (thuộc vùng đông bắc huyện Định Hóa).

Ngày 26/11/1947, tại huyện Võ Nhai, từ 9 giờ 45 phút đến 11 giờ, giặc Pháp cho 23 máy bay (gồm 11 Ju52 và 12 Dak)⁽¹⁾ ném bom bắn phá và thả khoảng 500 quân dù xuống chiếm đóng thị trấn La Hiên; buổi chiều, 14 máy bay Pháp (gồm 8 Ju52 và 6 Dak)² tiếp tục đến ném bom và thả khoảng 200 quân dù xuống đánh chiếm xã Tràng Xá. Tại huyện Đại Từ, 15 giờ 45 phút, địch cho 15 máy bay (10 Ju52 và 5 Dak)³ ném bom, bắn phá liên tục 1 giờ đồng hồ, sau đó thả gần 1 tiểu đoàn (khoảng 400 quân dù) xuống chiếm đóng các khu vực làng Ngò (xã An Khánh) và Ba Gò (xã Cù Vân). Như vậy, tính đến chiều 26/11/1947, trên địa bàn các huyện Định Hóa, Võ Nhai, Đại Từ của tỉnh đã có khoảng 2.600 quân địch chiếm đóng (Định Hóa 1.500

⁽¹⁾ 2,3 - Theo lịch sử quân dù Pháp - lưu trữ tại thư viện Quân đội.

tên. Võ Nhai 700 tên, Đại Từ 400 tên). Cùng thời gian trên, từ Cầu Đuống (Hà Nội), một binh đoàn bộ binh do Ghi rô chỉ huy chia làm hai mũi: một mũi theo đường số 3 qua cầu Đa Phúc lên đánh chiếm Phù Lôi (Thuận Thành), Thanh Xuyên (Trung Thành), Sơn Cốt (Đắc Sơn)... thuộc huyện Phổ Yên; một mũi qua Phúc Yên, men theo sườn núi Tam Đảo lên đánh chiếm vùng tây nam huyện Đại Từ. Với đợt tấn công mới này hàng nghìn quân Pháp đã tóa ra chiếm đóng 32 điểm trên địa bàn 7 huyện của tỉnh Thái Nguyên.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên đã bình tĩnh đương đầu với cuộc tấn công của địch. Ngày 27/11/1947, một tiểu đoàn địch từ thị trấn Chợ Mới tràn quét sang vùng đông bắc Định Hóa bị du kích xã Tân Dương phục kích tại làng Muông, diệt một số tên, buộc phải vòng lên xã Tân Thịnh. Một đại đội địch tấn công vào Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, bị du kích các xã Tân Dương, Phượng Tiến cùng với tự vệ Nhà máy chặn đánh ngay cách cổng nhà máy 200 mét, diệt 7 tên, chặn đứng cuộc tấn công của chúng. Du kích xã Đông Thịnh phối hợp với tự vệ Xưởng quân giới A4 chặn đánh địch ở Khâu Bao, Đông Môn... buộc chúng phải rút lui.

Sáng ngày 28/11, từ Chợ Chu quân Pháp tập trung toàn bộ lực lượng, chia làm 2 cánh, mở một cuộc tấn công, tràn quét lớn từ vùng tây bắc xuống vùng tây nam

huyện Định Hóa nhằm triệt phá ATK (An toàn khu), lòng bất cơ quan đầu não kháng chiến tiêu diệt chủ lực của ta và liên lạc với quân Pháp từ Đại Từ (Thái Nguyên) lên và từ Sơn Dương (Tuyên Quang) sang. Theo kế hoạch, cánh quân thứ nhất của chúng sẽ càn từ thị trấn Chợ Chu qua các xã Phúc Chu, Đông Thịnh, Định Biên, xuống xã Bình Yên, gặp cánh quân thứ hai càn từ thị trấn Chợ Chu qua các xã Bảo Cường, Trung Hội, Trung Lương xuống. Từ xã Bình Yên, hai cánh quân địch sẽ cùng càn xuống các xã Sơn Phú, Bình Thành, rồi từ xã Bình Thành quét sang xã Phú Đình, vượt núi Hồng sang huyện Sơn Dương (Tuyên Quang). Trước cuộc hành quân, càn quét lớn của địch, dân quân, du kích Định Hóa đã kịp thời cùng với các tiểu đoàn 101, 103, 183 bộ đội chủ lực chặn đánh địch ở Đông Thịnh, Yên Thông, Bãi Cọ, Thẩm Rộc tiêu diệt và làm bị thương hàng chục tên. Du kích xã Trung Lương đã táo bạo chặn đánh địch ngay trên mặt đường.

Bị quân ta chặn đánh liên tiếp, hai cánh quân Pháp bỏ kế hoạch gặp nhau ở xã Bình Yên, càn thẳng qua xã Sơn Phú xuống xã Bình Thành. Chiều ngày 28/11, từ xã Bình Thành quân Pháp chia làm hai mũi, một mũi qua Đông Hoang theo đường đi Tuyên Quang càn vào xã Phú Đình (nơi các cơ quan đầu não kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng, Chính phủ và Quân đội ta vừa từ ATK Võ Nhai chuyển về được ít ngày); một mũi tấn công lên

xã Diêm Mặc. Mũi tấn công của địch vào xã Phú Đình đã bị một trung đội của Tiểu đoàn 131 (bộ đội chủ lực) phối hợp với dân quân, du kích huyện Định Hóa chặn đánh quyết liệt ở Rục Giã, 10 tên bị chết, nhiều tên khác bị thương, buộc phải quay về Quảng Nạp (xã Bình Thành). Trận Rục Giã đánh bại mũi tấn công của địch vào xã Phú Đình là một thắng lợi rất quan trọng của quân và dân ta nói chung, quân và dân Thái Nguyên nói riêng vì nó trực tiếp bảo vệ tuyệt đối an toàn cho các cơ quan đầu não của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân đội và Bác Hồ kính yêu. Trong trận chiến đấu này 7 cán bộ, chiến sĩ bộ đội chủ lực và 1 chiến sĩ du kích huyện Định Hóa đã anh dũng hy sinh.

Cùng thời gian trên, mũi tấn công của địch từ xã Bình Thành lên xã Diêm Mặc cũng bị Đại đội 8 (Tiểu đoàn 103 bộ đội chủ lực) chặn đánh liên tục gần 1 giờ đồng hồ, 10 tên chết, một số tên khác bị thương cũng buộc phải quay lại Quảng Nạp (xã Bình Thành). Hôm sau (29/11), từ Quảng Nạp, quân Pháp càn qua xã Minh Tiến xuống xã Phú Minh (huyện Đại Từ), đến quán Ông Già (xã Minh Tiến) bị tiểu đoàn bộ đội chủ lực do đồng chí Vũ Lăng chỉ huy (còn gọi là tiểu đoàn Vũ Lăng) và Trung đội du kích tập trung huyện Đại Từ chặn đánh diệt 10 tên, số đông quân Pháp phải quay lại Quảng Nạp, số còn lại tiếp tục càn xuống Tảo Dương.

Tại Quảng Nạp, đêm 29/11, quân Pháp bị bộ đội chủ lực và du kích xã Bình Thành tập kích vào nơi trú quân, hàng chục tên bị tiêu diệt và bị thương, sáng hôm sau (30/11), quân Pháp phải cho máy bay vận tải hạ cánh bắt buộc xuống cánh đồng Quảng Nạp để chở những tên chết và bị thương về Hà Nội. Để đảm bảo an toàn cho máy bay vận tải hạ cánh xuống cánh đồng Quảng Nạp, giặc Pháp cho nhiều máy bay chiến đấu bắn phá dữ dội xuống những nơi mà chúng nghi ngờ có bộ đội và dân quân du kích. Bằng súng bộ binh, bộ đội chủ lực và dân quân, du kích thị trấn Chợ Chu đã bắn 1 máy bay B24 của giặc Pháp rơi xuống cánh đồng Chợ Chu, ghi thêm một chiến công oanh liệt mới, cho quân và dân vùng An toàn khu Định Hóa. Cùng ngày (30/11), quân Pháp từ Tào Dương (xã Cảnh Thịnh, huyện Đại Từ) tiếp tục càn xuống xã Phú Minh (huyện Đại Từ) để bắt liên lạc với quân Pháp từ làng Ngò (xã An Khánh) và các xã vùng tây nam huyện Đại Từ lên. Tại thôn Đồng Lực (xã Cảnh Thịnh), chúng bị du kích xã Cảnh Thịnh đánh liên tiếp 2 trận, diệt 7 tên, đến xã Phú Minh chúng lại bị một đơn vị thuộc Trung đoàn 147 bộ đội chủ lực chặn đánh gần 1 giờ đồng hồ, thêm một số tên nữa chết và bị thương.

Sau gần 10 ngày hành quân, càn quét vùng ATK Định Hóa, không phá được ATK của ta, lại bị ta chặn

dánh liên tiếp, nên từ ngày 1 đến ngày 6/12, quân Pháp rút khỏi ATK Định Hóa.

Tại huyện Võ Nhai, ngày 26/11, khi quân Pháp nhảy dù xuống La Hiên, mặc dù bị địch áp đảo cả về quân số lẫn vũ khí trang bị, song cán bộ, chiến sỹ bộ đội chủ lực và Trung đội du kích tập trung huyện Võ Nhai vẫn kiên cường chiến đấu hết đợt này đến đợt khác. Trận đánh diễn ra cực kỳ quyết liệt, 17 cán bộ, chiến sỹ bộ đội chủ lực và du kích bị thương, vong⁽¹⁾ (có 15 đồng chí hy sinh). Tình thế ngày càng trở nên hết sức bất lợi, bộ đội và phần lớn du kích phải rút vào rừng. Một số du kích còn lại lọt vào vòng vây của địch phải rút xuống hầm bí mật. Bị địch phát hiện, ném lựu đạn xuống hầm, lựu đạn chưa nổ, chiến sỹ du kích Lý Việt Va đã bình tĩnh nhặt ném trở lại phía quân địch, diệt 4 tên, rồi bật nắp hầm chạy vào rừng, mang súng của mình và một khẩu súng của đồng đội đã hy sinh về nộp cho ban chỉ huy đơn vị "nêu một tấm gương sáng về tinh thần bảo toàn vũ khí cho cán bộ, chiến sỹ trong toàn liên khu Việt Bắc"⁽²⁾.

⁽¹⁾ Theo Lịch sử quân dù Pháp: "Việt Minh có 14 người chết, mất 10 khẩu súng Romanlông và súng trường tự tạo".

⁽²⁾ Nghị quyết Đảng ủy Liên khu Việt Bắc - lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.

Tại xã Trảng Xá, đêm 26/11, bộ đội chủ lực và du kích xã Trảng Xá tập kích vào nơi trú quân của 2 tiểu đội địch, diệt 6 tên, làm bị thương 5 tên.

Trong các ngày 27.28.29, 30/11, từ các vị trí chiếm đóng ở xã Trảng Xá và thị trấn La Hiên quân địch liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, lùng sục vào các xã lân cận. Sau hơn một tuần tấn công, càn quét địa bàn Võ Nhai không thu được kết quả, đầu tháng 12/1947, quân Pháp từ Trảng Xá, La Hiên rút dân qua huyện Đồng Hỷ, về thị xã Thái Nguyên. Trên đường rút, chúng bị bộ đội chủ lực và dân quân, du kích chặn đánh liên tiếp nhiều trận ở Cúc Đường, Giai Kiết, Hích, Xuân Quang... (thuộc huyện Võ Nhai), Trại Táo, Chùa Hang, Đồng Bẩm... (thuộc huyện Đồng Hỷ). Ngày 9/12 toàn bộ quân Pháp từ huyện Võ Nhai đã qua huyện Đồng Hỷ rút về thị xã Thái Nguyên.

Tại Đại Từ, sau khi đổ bộ xuống cánh đồng làng Ngò (xã An Khánh) và Ba Gò (xã Cù Vân), quân Pháp đã tỏa ra lùng sục, càn quét các vùng lân cận. Càn quét đến đâu quân Pháp cướp bóc của cải, đốt phá nhà cửa, tàn sát nhân dân ta rất dã man đến đó. Quyết tâm đánh địch bảo vệ căn cứ địa kháng chiến, bảo vệ nhân dân, ngày 30/11, tại xóm Cây Thị 1 đại đội bộ đội chủ lực do đồng chí Tô Văn chỉ huy (còn gọi là đại đội Tô Văn) đã chặn đánh một toán quân địch từ làng Ngò (xã An Khánh) theo đường mòn càn lên xã Hùng Sơn, diệt

15 tên. Ngày 1/12, tại cầu Hén, du kích xã An Khánh đánh địch bằng địa lôi, diệt 2 tên. Ngày 2/12 tại đèo Khế, bộ đội chủ lực và du kích tập trung huyện Đại Từ đã phục kích khoảng 1 trung đoàn địch từ huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang) sang huyện Đại Từ, diệt 30 tên, làm bị thương nhiều tên khác.

Sau hơn nửa tháng tấn công, cần quét Thái Nguyên không thu được kết quả, giữa tháng 12/1947, quân Pháp tập trung về huyện Đại Từ và thị xã Thái Nguyên để rút về xuôi. Từ huyện Đại Từ, quân Pháp rút theo hai hướng, một hướng từ thị trấn Hùng Sơn, theo đường qua các xã Ký Phú, Cát Nê xuống huyện Phổ Yên về Hà Nội; một hướng từ làng Ngò (xã An Khánh) về thị xã Thái Nguyên, cùng với quân ở thị xã Thái Nguyên theo đường số 3 về Hà Nội. Trên đường rút, quân Pháp bị bộ đội chủ lực và dân quân, du kích Thái Nguyên chặn đánh liên tiếp. Ngày 16/12, tại xóm Nông Vụ, xã Hợp Thành (nay là xã Vạn Phái) huyện Phổ Yên, quân Pháp bị Trung đội du kích tập trung huyện Phổ Yên do hai đồng chí Trọng Hoè và Đặng Việt Hồ chỉ huy nghi binh, nhử vào làng, rồi bất ngờ nổ súng đánh bật trở lại, diệt 15 tên. Đây là một trong những trận đánh đạt hiệu suất chiến đấu cao của dân quân, du kích Thái Nguyên trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tại Phi Đơn, quân Pháp bị bộ đội và du kích ta



*Bác Hồ, Bác Tôn và đồng chí Trường Chinh ở Quảng Nạp
Định Hóa Thái Nguyên 1948.*



chặn đánh quyết liệt gần 1 giờ đồng hồ, 30 tên chết, nhiều tên khác bị thương, 1 ổ súng máy bị phá hủy.

Ngày 20 và 21/12, toàn bộ quân Pháp ở Thái Nguyên theo hai đường, một đường theo sườn núi Tam Đảo rút về Phúc Yên, một đường theo Quốc lộ 3 qua cầu Đa Phúc rút về Hà Nội, tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược Pháp.

Qua hơn một tháng trực tiếp đương đầu với cuộc hành quân Xanh tuya của địch, quân và dân Thái Nguyên đã cùng với các đơn vị bộ đội chủ lực đánh 123 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt 490 tên địch, làm bị thương hơn 100 tên khác. Riêng "du kích Thái Nguyên đã độc lập chiến đấu 68 trận, tiêu diệt 96 tên Pháp và 3 tên việt gian, phản động, làm bị thương 34 tên khác; phối hợp với bộ đội chủ lực đánh 21 trận, tiêu diệt 80 tên, bắn bị thương 17 tên, thu 2 súng máy, 51 quả đạn móc chiề và nhiều đạn bộ binh, lựu đạn và mìn⁽¹⁾, góp phần quan trọng cùng với quân và dân các tỉnh Việt Bắc đánh bại cuộc tấn công đầy tham vọng của địch lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc Thu Đông 1947.

Tuy nhiên, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên cũng không tránh khỏi những tổn thất do cuộc tấn công, càn quét của địch Thu Đông 1947 gây ra. Toàn tỉnh có "160 người bị giết, 267 người bị bắt, 8.359 ngôi

⁽¹⁾ Biên bản họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ngày 28/2/1948. Hồ sơ 4, cấp 14. Lưu trữ Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Thái Nguyên.

nhà bị đốt, phá; 1.813 con trâu, bò và 2.822 con gà, vịt bị giết hại và hơn 141 tấn thóc bị thiêu hủy. Ngoài ra từ đầu năm 1947, địch còn cho máy bay đánh phá 134 trận, ném 193 quả bom phá, bắn hàng trăm loạt đạn liên thanh xuống địa bàn 8 huyện, thị của tỉnh làm chết 178 người, bị thương 143 người, cháy và hư hỏng 150 nóc nhà, gần 9 tấn thóc, gạo, chết 67 con trâu, bò, ngựa và lợn⁽¹⁾.

Những tổn thất đó đã gây cho nhân dân Thái Nguyên rất nhiều khó khăn về sản xuất và đời sống, đòi hỏi cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết, khắc phục.

Ngay sau khi giặc Pháp rút khỏi Thái Nguyên, từ ngày 26/12/1947 đến ngày 10/1/1948, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đã cử các đoàn cán bộ do đồng chí Lương Đình Oanh (Ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh) phụ trách trực tiếp xuống các xã bị địch càn quét nắm tình hình, động viên cán bộ và nhân dân giữ vững tinh thần và quyết tâm kháng chiến; chỉ đạo cấp ủy, chính quyền cơ sở giải quyết hậu quả chiến tranh: an ủi, giúp đỡ các gia đình có người bị địch sát hại.

Ngày 15/1/1948, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh quyết định thành lập Ban Cứu tế các

⁽¹⁾ Biên bản họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ngày 28/2/1948. Hồ sơ 4. cấp 14 Lưu trữ Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Thái Nguyên.

cấp từ tỉnh xuống các huyện, xã làm nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh điều tra, nắm tình hình thiệt hại của nhân dân trong thời kỳ giặc Pháp tấn công, cần quét: phát tiền trợ cấp cho các nạn nhân và gia đình nạn nhân chiến tranh gặp khó khăn.

Nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã nhanh chóng khắc phục được khó khăn, ổn định tư tưởng và đời sống, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực tham gia kháng chiến, kiến quốc.

*

* *

Sau chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông 1947 bị thất bại, giặc Pháp chuyển từ chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" sang chiến lược "phòng ngự" đánh lâu dài. Tuy Thái Nguyên là tỉnh hoàn toàn nằm trong vùng tự do, nhưng vì quân Pháp còn chiếm đóng 5 điểm ở Bắc Kạn nên vẫn nằm trong tình thế bị địch bao vây, uy hiếp từ nhiều phía. Mặc khác, sau chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947, Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ Tịch tiếp tục chọn Thái Nguyên làm tỉnh Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc - Thủ đô

kháng chiến của cả nước, các cơ quan đầu não kháng chiến, các đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng - Chính phủ, Quân đội lại tiếp tục ở và làm việc tại ATK Thái Nguyên.

Lãnh đạo xây dựng, củng cố Thái Nguyên trở thành tỉnh hậu phương - Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc - vững mạnh là nhiệm vụ hết sức cấp bách của Đảng bộ. Một trong những nhiệm vụ hàng đầu được Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo là công tác xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và phát triển đội ngũ đảng viên.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, từ ngày 8/1/1948 tại huyện Đông Hỷ các đồng chí Thường trực Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đã họp với đại diện Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các huyện, thị và lãnh đạo các ty, chỉ huy các đơn vị Trung đoàn 121 và Đại đội Cảnh vệ để quán triệt tình hình thế giới, trong nước; nghe các ty báo cáo kết quả các công việc đã làm trong thời kỳ địch tấn công; rút kinh nghiệm lãnh đạo và chỉ đạo chiến đấu; thảo luận các nội dung, biện pháp thực hiện các nhiệm vụ cấp bách về chính trị, kinh tế, xã hội, trong thời kỳ mới.

Tiếp đó, Tỉnh ủy họp mở rộng ra Nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, chỉ rõ phải "củng cố lại chi bộ, mở các lớp huấn luyện cho cán bộ và Bí thư chi bộ, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên".

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, quý I năm 1948, các cấp ủy Đảng trong Đảng bộ đã mở được 15 lớp huấn luyện cho cán bộ xã, Bí thư chi bộ và chỉ ủy viên về tình hình thế giới, trong nước; đường lối chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng; công tác chi bộ và tư cách của người cán bộ, đảng viên. Qua huấn luyện, tinh thần trách nhiệm và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, Bí thư chi bộ được tốt hơn. Tuy nhiên, do thời gian mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện cho cán bộ xã, Bí thư chi bộ, chỉ ủy viên gấp; nội dung, chương trình huấn luyện, chưa được chuẩn bị, biên soạn chu đáo, lại thiếu giảng viên... nên kết quả học tập của học viên cũng còn nhiều hạn chế. Cùng với việc mở các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao năng lực và trách nhiệm công tác cho đội ngũ cán bộ, Bí thư chi bộ và chỉ ủy viên, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo xây dựng các cơ quan giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh và kiện toàn cấp ủy các cấp.

Quý I/1948, các ban chuyên môn giúp việc Tỉnh ủy gồm: Tổ chức - Kiểm tra Dân vận, Tuyên huấn, Kinh tế - Tài chính được thành lập. Thiếu cán bộ, Tỉnh ủy đã kiên quyết rút một số cán bộ ở các huyện lên và đề nghị Liên khu ủy Việt Bắc bổ sung về. Đến tháng 4/1948, các ban giúp việc Tỉnh ủy đã được kiện toàn gồm Tuyên huấn 3 cán bộ do 1 đồng chí Ủy viên Ban

Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban; Tổ chức - Kiểm tra 4 cán bộ do 1 đồng chí Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban; Dân vận (gồm các tiểu ban: Phụ vận, Công vận, Thanh vận) 3 cán bộ do 1 đồng chí Tỉnh ủy viên làm Trưởng ban; Kinh tế - Tài chính 5 cán bộ do 1 đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách Kinh tế và 1 đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách Tài chính. Cùng thời gian trên, Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh cũng quyết định thành lập Ty Kinh tế do các đồng chí Phạm Đình Giông và Đặng Đình Đông làm Trưởng ty và Phó ty.

Sau khi thành lập, Ban Tuyên huấn đã triển khai biên soạn tài liệu, xây dựng chương trình tự học cho đảng viên; tổ chức các lớp huấn luyện cho cán bộ xã và Bí thư chi bộ. Các tiểu ban Phụ vận, Công vận trong Ban Dân vận tổ chức nhiều cuộc họp bàn nội dung và biện pháp thúc đẩy phong trào trong phụ nữ và công nhân. Cùng thời gian trên Văn phòng Tỉnh ủy cũng được biên chế đủ 1 Bí thư, 1 thư ký Văn phòng và 3 nhân viên. Thời gian này ở các Huyện ủy chưa thành lập được các ban chuyên môn giúp việc, mới chỉ định được cán bộ phụ trách các mặt công tác Tuyên huấn, Thanh vận (riêng Huyện ủy Đồng Hỷ đã thành lập được Ban Tổ chức, Kiểm tra), các Huyện ủy Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa chưa có thư ký Văn phòng, Huyện ủy Võ Nhai thiếu cả thư ký Văn phòng và nhân viên đánh máy.

Trước tình hình trong Tỉnh ủy Thái Nguyên có hiện tượng "chưa thật sự đoàn kết và thống nhất. Tuy không có đầu óc bè phái, nhưng các đồng chí Tỉnh ủy viên không thật sự thân mật và thành thật với nhau, còn e dè, ý tứ. Làm việc chưa được ăn ý, lãnh đạo, chỉ đạo chưa được mau lẹ, kịp thời. Sinh hoạt Tỉnh ủy không đều, không định ngày, thường họp mở rộng (không họp riêng Tỉnh ủy) nên không rõ sinh hoạt của một cấp bộ Đảng, công tác lãnh đạo không được thông suốt các ngành từ trên xuống dưới. Ban Thường vụ làm việc của Tỉnh ủy, Bí thư Tỉnh ủy làm việc của Ban Thường vụ, Tỉnh ủy viên phụ trách huyện nào, ban nào thì chú ý đến huyện ấy, ban ấy". Ban Thường vụ Liên khu ủy Liên khu I đã tập trung lãnh đạo chấn chỉnh tổ chức và cử cán bộ về tăng cường cho Tỉnh ủy Thái Nguyên⁽¹⁾.

Sau khi được củng cố, kiện toàn, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã đề ra quy chế sinh hoạt: Tỉnh ủy sinh hoạt tháng 1 kỳ vào ngày 5, Ban Thường vụ sinh hoạt tháng 3 kỳ vào các ngày 4, 14, 24. Từ đó, sinh hoạt của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy dần dần đi vào nề nếp.

⁽¹⁾ Cuối tháng 2/1948, Ban Thường vụ Liên khu ủy Liên khu I điều động chỉ Trần Quốc Trung về làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Tiếp đó, đầu tháng 4/1948, cử đồng chí Lê Thanh về làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Hoàng đi phụ trách Đội công tác; đồng chí Phan Văn Tĩnh về làm Tỉnh ủy viên phụ trách Tỉnh đội bộ dân quân thay đồng chí Lê Văn Lương (Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng) đi nhận công tác khác; tháng 5/1948, đồng chí Vũ Hưng và đồng chí Nhị Quý được cử đi học ở Trung ương, đồng chí Trần Lê Nhân về thay đồng chí Lê Nguyễn làm Bí thư huyện ủy Phú Bình.

đều đặn, lễ lối và tác phong làm việc có nhiều tiến bộ về mặt dân chủ nội bộ và chủ trương công tác.

Nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh, ngày 29/4/1948, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định thành lập Liên chi bộ khối chính quyền tỉnh và Liên chi bộ Tỉnh ủy⁽¹⁾.

Cùng với việc xây dựng và củng cố tổ chức Đảng, Đảng bộ tập trung lãnh đạo củng cố và phát triển đội ngũ đảng viên; trước hết là lãnh đạo thực hiện nghiêm túc và triệt để việc rà xét, sàng lọc đảng viên" kiên quyết thanh trừng những phần tử hư hỏng, ươn hèn, có hại ra khỏi Đảng"⁽²⁾, quyết tâm sửa chữa khuyết điểm "phát triển Đảng quá rộng rãi, để nhiều phần tử phức tạp lọt vào Đảng" trong thời kỳ cuối năm 1946, đầu năm 1947"⁽²⁾. Quý I năm 1948, toàn Đảng bộ đã rà xét, thi hành kỷ luật 119 đảng viên (trong đó có 32 đảng viên bị kỷ luật phê bình, 41 đảng viên bị cảnh cáo, 11 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng có kỳ hạn, 17 đảng

⁽¹⁾ Liên chi bộ khối chính quyền tỉnh gồm chi bộ ghép các cơ quan Kháng chiến, Y tế, Thông tin, chi bộ Ty Công an, chi bộ Tỉnh đội dân quân và chi bộ Cảnh vệ; Ban chấp hành Liên chi bộ (Liên chi ủy) gồm đồng chí Kiên (chi bộ Kháng chiến) làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Hữu Ưần (chi bộ Tỉnh đội dân quân) làm Phó bí thư, đồng chí Liên (chi bộ Kháng chiến), đồng chí Giản (chi bộ Cảnh vệ), đồng chí Nguyễn Hòa Bình (chi bộ Ty công an) làm ủy viên. Liên Chi bộ Tỉnh ủy gồm các chi bộ Giao thông, Liên hiệp Công đoàn, Tuyên huấn, Dân vận, Văn phòng Tỉnh ủy do đồng chí Nghị (chi bộ Dân vận) làm Bí thư, đồng chí Lạp (chi bộ Tuyên huấn) làm Phó Bí thư và các đồng chí Quang (chi bộ Giao thông), Nghiêm (chi bộ Văn phòng Tỉnh ủy), Tùng (chi bộ Liên hiệp Công đoàn) làm ủy viên.

⁽²⁾ Nghị quyết ngày 15/3/1948 của Tỉnh ủy Thái Nguyên

viên bị khai trừ khỏi Đảng không kỳ hạn và 18 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng vĩnh viễn).

Trong số 18 đảng viên bị kỷ luật khai trừ khỏi Đảng vĩnh viễn có 4 đảng viên của hãng Việt Thái (cơ quan kinh tế của tỉnh bộ Việt Minh - do đồng chí Nguyễn Văn Mô (tức Cương), Tỉnh ủy viên phụ trách). Hãng Việt Thái được thành lập từ cuối năm 1946 với số vốn khoảng 2 triệu đồng. Theo kết luận của Tỉnh ủy Thái Nguyên thì hãng Việt Thái "mờ ám về sổ sách ghi tiền quỹ, việc kế toán làm không rõ ràng, rành mạch, sổ sách ghi không rõ ràng, làm việc không có tinh thần trách nhiệm; việc Đoàn thể giao cho không tích cực làm; mua gỗ mục, thóc mốc bằng một giá thật đắt rồi bỏ mỗi một, mục nát. Mua trâu với giá quá đắt mà trâu lại già, không cày được. Báo cáo hàng tháng không rõ ràng, để ngoài sổ sách 300 nghìn đồng. Lợi dụng danh nghĩa của Việt Minh để buôn, bán, lấn át các con buôn ở thị xã, làm mất ảnh hưởng chính trị của Đoàn thể"¹⁾. Hậu quả hãng Việt Thái đã làm thua lỗ, thất thoát hơn 1 triệu đồng tiền công quỹ (tại thời giá nhu cầu chi của cơ quan Tỉnh ủy chỉ có 150 nghìn đồng 1 tháng; Tỉnh đội chỉ có 130 nghìn đồng để mua sắm vũ khí trang bị cho dân quân, du kích). Vì thế hãng Việt Thái có các sai lầm, khuyết điểm trên, đầu tháng 1

¹⁾ Phóng 43, hồ số 217, Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

năm 1948 "Toàn Ban Tỉnh ủy Thái Nguyên bị Khu ủy Khu I cảnh cáo về chủ trương tài chính, kinh tế thất bại"⁽¹⁾ Tỉnh ủy Thái Nguyên nghiêm khắc kiểm điểm: "chủ trương sai ngay khi thành lập vốn"².

Trong số 18 đảng viên bị kỷ luật khai trừ vĩnh viễn ra khỏi Đảng, ngoài 4 đảng viên của hãng Việt Thái, còn có toàn bộ 10 đảng viên chi bộ xã Thịnh Đán (huyện Đồng Hỷ) và 4 đảng viên chi bộ xã La Hiên (huyện Võ Nhai) vì 3 tháng không sinh hoạt chi bộ, nội bộ đảng viên chia rẽ, mất đoàn kết; có đảng viên vì tư thù cá nhân đã đốt nhà người khác; có đảng viên lợi dụng địch tấn công vào địa bàn xã đi cướp của, chiếm đoạt giấy tờ của người tản cư, có đảng viên không tham gia sinh hoạt Đảng, chi bộ giao nhiệm vụ không làm.

Cùng với việc rà xét, sàng lọc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, Đảng bộ đã chú trọng lãnh đạo công tác phát triển đảng viên mới. Công tác phát triển đảng viên mới được các cấp ủy Đảng chỉ đạo chặt chẽ, đảm bảo đúng nguyên tắc, thủ tục. Ba tháng đầu năm 1948, Đảng bộ kết nạp vào Đảng 247 quần chúng ưu tú được lựa chọn trong số dân quân, du kích và những người có tinh thần chiến đấu tốt trong thời kỳ địch tấn công, cần quét Thu Đông 1947 vào Đảng, nâng đảng số của Đảng bộ lên 2.836 đảng viên

⁽¹⁾⁽²⁾ Phòng 43, hồ sơ 217, Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng. Ngày 25/1/1948. Khu I sáp nhập với Khu 12 thành Liên khu I.

(so với số dân trong tỉnh, trung bình cứ 66 người có 1 đảng viên, đạt tỷ lệ lãnh đạo khoảng 1,2%). Quý II năm 1948, Đảng bộ kết nạp thêm được 124 đảng viên mới, trong đó khá hơn cả là Đảng bộ các huyện Phú Bình (kết nạp 42 đảng viên mới), Định Hóa (kết nạp 23 đảng viên mới), Đông Hy (kết nạp 21 đảng viên mới). Công tác phát triển đảng viên mới của Đảng bộ 6 tháng đầu năm 1948 nhìn chung đảm bảo phương châm "trọng chất lượng hơn số lượng", thực sự bổ sung cho Đảng bộ sức chiến đấu mới. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa quyết định của Đảng bộ trong công tác xây dựng, củng cố và phát triển Đảng.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong công tác củng cố, xây dựng tổ chức Đảng và phát triển đội ngũ đảng viên, Đảng bộ lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính các cấp tỉnh, huyện, xã sau khi được hợp nhất thành Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh, huyện xã theo Sắc lệnh tháng 10/1947 của Chính phủ đã được kiện toàn đủ cán bộ. Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đủ 7 ủy viên do các đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch, Đặng Đức Thái làm Phó chủ tịch. Các ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các huyện đều chịu khó làm việc, tận tâm, tận lực với các nhiệm vụ được giao. Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các huyện Đông Hy, Đại Từ, Phú Bình, Định Hóa làm việc khá hơn so với các

huyện còn lại. Đối với cấp xã, sau khi Ủy ban Kháng chiến - Hành chính được củng cố, kiện toàn, làm việc có tiến bộ hơn. Tuy không được trợ cấp hàng tháng, năng lực còn hạn chế, nhưng ủy viên "các Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã vẫn có tinh thần hy sinh, tận tụy thi hành những nhiệm vụ, mệnh lệnh của cấp trên và Chính phủ giao cho"⁽¹⁾. Đối với các ngành chuyên môn của tỉnh, được Đảng bộ lãnh đạo củng cố kiện toàn đủ cán bộ chủ chốt. Ty Công an, đồng chí Nguyễn Đình Lim (Trưởng ty Công an Hà Đông) về làm Trưởng ty thay đồng chí Phan Huy Đông chuyển đi Hồng Quảng. Ty Thông tin sau khi được chấn chỉnh, củng cố xong đã chỉ đạo kiện toàn bộ máy cán bộ phòng Thông tin các huyện; tổ chức xuất bản và phát hành 500 tờ "Tin tức" xuống tận các thôn, bản để tuyên truyền vận động, cổ vũ nhân dân. Các Ty: Tiểu học vụ, Bình dân học vụ, Thuế quan, Thuế trực thu, Ngân khố, Bưu điện, Y tế, Ủy ban tản cư- di cư và Ban canh nông (gồm các ty Túc mẽ, Khuyến nông, Khẩn hoang - di dân, Tỉn dụng sản xuất, Tâm tan, Địa chính, Lâm chính, Thú ngư) cũng từng bước được củng cố, kiện toàn cán bộ, khôi phục lại nền nếp, chế độ công tác bình thường như trước thời kỳ địch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông 1947. Công tác Tài chính của tỉnh đã đảm bảo được các hoạt động thu, chi thường xuyên và

⁽¹⁾ Báo cáo đặc biệt của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên tháng 5/1948

đợt xuất. Đến ngày 30/4/1948, toàn tỉnh đã thu các loại thuế được: 21.874.475 đồng, đã chi: 9.791.227,80 đồng, số dư 12.083.247,20 đồng.

Nhằm khôi phục sản xuất và ổn định đời sống cho nhân dân những nơi bị địch tàn phá, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đã thành lập Ban cứu tế do đồng chí Lương Đình Oanh (Ủy viên nhân dân trong Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh) phụ trách làm nhiệm vụ điều tra sự thiệt hại của nhân dân do địch tàn phá và tổ chức cấp tiền trợ cấp cứu tế cho đồng bào không may bị tai nạn chiến tranh⁽¹⁾. Kết quả đến hết tháng 4/1948, Ban Cứu tế tỉnh đã phát tiền trợ cấp cho đồng bào bị nạn ở các huyện Định Hóa 30.000 đồng, Phổ Yên 40.000 đồng, Phú Lương 35.000 đồng, Đại Từ 35.000 đồng, Võ Nhai 45.000 đồng, Đông Hỷ 13.000 đồng và Phú Bình 2.000 đồng. Số tiền trên tuy không lớn nhưng "một miếng khi đói, bằng một gói khi no" đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong tỉnh đối với nhân dân, góp phần nhanh chóng khôi phục sản xuất và ổn định cuộc sống cho gia đình những người bị tai nạn chiến tranh, làm cho nhân dân ngày càng tin tưởng vào Đảng và Bác Hồ, hăng hái tham gia lao động sản xuất, hăng hái đóng góp vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Năm 1948,

⁽¹⁾ Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đã cấp cho ban cứu tế 200.000 đồng để trợ cấp cho những người bị nạn.

nhân dân trong tỉnh đã khắc phục khó khăn, cấy được 44.319 mẫu các loại lúa chiêm, ba giăng, mùa, thu được 53.284 tấn thóc, tăng 13.235 tấn so với năm 1947.

*

* *

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên khu ủy Liên khu I, từ ngày 15 đến ngày 22/6/1948, tại xã Yên Mỹ, huyện Đại từ, Đảng bộ tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ hai, 147 đại biểu chính thức, 26 đại biểu dự thỉnh đại diện cho 2.849 đảng viên⁽¹⁾, ở 145 chi bộ trong toàn Đảng bộ đã có mặt tham dự Đại hội. Đồng chí Lê Đức Thọ, thay mặt Trung ương Đảng và đại diện Liên khu ủy Liên khu Việt Bắc đã về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ từ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất (tháng 8/1947) đến nay, Đại hội đã nhất trí khẳng định: Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương làm tốt nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần to lớn cùng với quân và dân các tỉnh trong Liên khu đánh bại cuộc tấn công quy mô lớn của địch lên Căn cứ địa Việt Bắc Thu Đông 1947, bảo vệ an

⁽¹⁾ 1.928 đảng viên chính thức, 921 đảng viên dự bị, 239 đảng viên nữ.

toàn các cơ quan đầu não kháng chiến và Bác Hồ kính yêu; lãnh đạo tốt việc hợp nhất Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính thành Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các cấp từ tỉnh xuống cơ sở theo Sắc lệnh tháng 10/1947 của Chính phủ; thông qua việc hợp nhất này đã loại được một số người xấu ra khỏi bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo, đưa được nhiều người tốt vào hệ thống chính quyền các cấp trong tỉnh. Chấn chỉnh và củng cố Ủy ban Kháng chiến - Hành chính và đoàn thể các cấp, nhất là cấp xã, trừng trị những vụ gian lận tiền thuế, lạm dụng công quỹ; thúc đẩy các ngành chuyên môn làm việc, phát triển vũ trang cho dân quân, du kích; triệt để "phá hoại kháng chiến", cấm chông dè phòng quân địch nhảy dù; sau khi quân Pháp rút, Đảng bộ đã kịp thời lãnh đạo chính quyền các cấp tổ chức rút kinh nghiệm chỉ đạo chiến đấu, động viên, củng cố lại tinh thần và cứu tế cho nhân dân những nơi bị địch tàn phá. Đại hội cũng đã nghiêm khắc kiểm điểm, chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm của Đảng bộ đã để xảy ra tình trạng hoang mang, tan rã, chạy dài và hành động bừa bãi của cán bộ và nhân dân ở một vài nơi trong tỉnh thời kỳ địch tấn công, cần quét Thái Nguyên Thu Đông 1947; để mất đoàn kết nội bộ giữa cán bộ ở các huyện ủy Đại Từ, Đông Hy, Định Hóa, Phổ Yên, đặc biệt là ở Đại Từ và Đông Hy, làm cho tổ chức Đảng bị tê liệt,

mất tác dụng, ảnh hưởng xấu tới phong trào; còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về chấn chỉnh, sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm trong công tác phát triển Đảng thời kỳ cuối năm 1946, đầu năm 1947 "thời kỳ mà nhiều nơi công tác phát triển Đảng rất mạnh và quá rộng rãi đi đến bờ bãi, để nhiều phần tử phức tạp lọt vào Đảng; có nơi chi bộ bảo thủ, máy móc không dám làm công tác phát triển Đảng. Việc thi hành kỷ luật đảng viên cũng hết sức tùy tiện, không tuân theo quy tắc của Đảng, làm tổn thương đến uy tín và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng"⁽¹⁾.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II gồm 9 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết⁽²⁾ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ hai "tuy sửa soạn gấp rút, nhưng về mặt tổ chức cũng khá chu đáo, đánh dấu một bước tiến của công tác tổ chức các hội nghị lớn, có tiến bộ so với Hội nghị đại biểu toàn tỉnh năm 1947. Về tinh thần thì các vấn đề trong Hội nghị đều được thảo luận kỹ càng, ý kiến không đến nỗi nghèo nàn, các đại biểu rất có tinh thần, ai nấy

⁽¹⁾ Ví dụ: Một đồng chí cán bộ xã triệu lập họp chi bộ, một số đảng viên vắng mặt, đồng chí cán bộ xã đó đã tuyên bố khai trừ vắng mặt hết các đồng chí không đến họp (Báo cáo quý I/1948 của Tỉnh ủy Thái Nguyên).

⁽²⁾ - 9 ủy viên chính thức gồm các đồng chí: Lê Thanh, Trần Quốc Trung, Lê Trung Đình, Lê Hải An (tức Du) Phan Văn Tĩnh, Ngô Nhị Quý, Ngọc Lan (tức Đào Văn Long), Vũ Hưng, Trần Lê Nhân.

- 2 ủy viên dự khuyết là các đồng chí: Nguyễn Văn Mò, Lưu Xuân Hỷ.

phấn khởi, hăng hái hơn lên. Cách làm việc trong Hội nghị cũng khá hợp lý, quân sự hóa và khoa học⁽³⁾.

Ngày 23/6/1948. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II họp bầu các đồng chí Lê Thanh làm Bí thư Tỉnh ủy; Lê Trung Đình làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Bí thư Đảng đoàn chính quyền, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh; Trần Quốc Trung làm ủy viên Ban Thường vụ kiêm Trưởng ban Tổ chức - Kiểm tra; Hội nghị đã phân công các đồng chí Lê Hải An làm Trưởng ban Tuyên huấn, Ngô Nhị Quý làm Trưởng ban Dân vận, Ngọc Lan làm Trưởng ban Kinh tế - Tài chính, Lưu Xuân Hỷ làm Bí thư Văn phòng Tỉnh ủy, Trần Lê Nhân làm Bí thư huyện ủy Phú Bình, Vũ Hưng làm Bí thư huyện ủy Định Hóa, Nguyễn Văn Mô làm Bí thư huyện ủy Đại Từ, Phan Văn Tinh phụ trách Tỉnh đội dân quân; quyết định bổ nhiệm đồng chí Quế (Phó Bí thư huyện ủy Phú Lương) - giữ chức Bí thư huyện ủy Phú Lương; đồng chí Thung (Ủy viên Ban thường vụ huyện ủy Phú Lương) giữ chức Bí thư huyện ủy Võ Nhai; đồng chí Dung (Huyện ủy viên Đông Hỷ) giữ chức Bí thư huyện ủy Đông Hỷ và đồng chí Trung (Phó Bí thư huyện ủy Đông Hỷ) giữ chức Bí thư huyện ủy Phổ Yên; chỉ định các đồng chí Lê Trung Đình, Phan

⁽³⁾ Báo cáo công tác lãnh đạo quý II/1948 của Tỉnh ủy Thái Nguyên. Tài liệu lưu trữ Văn phòng trung ương Đảng.

Vân Tĩnh, Nguyễn Đình Lim (Trưởng Ty Công an) vào Đảng đoàn chính quyền.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ hai, Đảng bộ đã thành lập mới và kiện toàn các ban, phòng giúp việc cho cấp ủy các cấp, cử nhiều cán bộ là người địa phương và người dân tộc thiểu số đi học chính trị, văn hóa, nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực lãnh đạo, năng lực nghiệp vụ công tác chuyên môn. Đến cuối tháng 9/1948, Tỉnh ủy đã mở 5 lớp, bồi dưỡng cho 180 đồng chí cán bộ và ủy viên cấp ủy huyện, xã; các huyện ủy đã mở 82 lớp bồi dưỡng cho 1350 lượt cán bộ, đảng viên. Những cán bộ có năng lực đã được đề bạt vào các cương vị lãnh đạo, chỉ đạo trong bộ máy Đảng và chính quyền các cấp trong tỉnh.

Trên cơ sở làm tốt công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ, Đảng bộ đã hướng công tác xây dựng Đảng vào hai nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng chi bộ vững mạnh và phát triển đảng viên. Thực hiện chỉ tiêu mỗi xã, mỗi trung đội du kích tập trung có một chi bộ, mỗi thôn (hoặc làng) có một tổ Đảng, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã mở "Cuộc vận động phát triển đảng viên". Trong cuộc vận động này, nhiều quần chúng xuất sắc trên các lĩnh vực hoạt động ở khắp các địa bàn trong tỉnh đã được Đảng bộ bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện kết nạp vào Đảng. Công tác phát triển đảng viên

được các cấp ủy đảng lãnh đạo chặt chẽ hơn, đã hướng vào những vùng chưa có đảng viên và những nơi quan trọng: Đảng bộ huyện Đồng Hỷ chú trọng phát triển đảng viên trong đồng bào các dân tộc ít người Nùng, Trại (Sán Dìu), Thố (Tày). Quý 3/1948, Đảng bộ kết nạp được 341 đảng viên mới, nhiều hơn số đảng viên kết nạp 6 tháng đầu năm 1948 là 70 người. Hầu hết số đảng viên được kết nạp trong cuộc vận động này đều xuất thân từ thành phần cơ bản. Quý I/1949, đồng chí Lê Trung Đình (Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh) được Liên khu ủy chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Lê Thanh đi nhận công tác khác; Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy được tách làm 2 ban Tuyên truyền và Huấn học; Ban Tổ chức - Kiểm tra cũng được tách làm 2 ban Đảng vụ và Kiểm tra. Sau khi thành lập, Ban Đảng vụ đã giúp Tỉnh ủy mở Hội nghị bồi dưỡng, quán triệt nguyên tắc, phương hướng, nội dung công tác xây dựng Đảng. Tại Hội nghị này, lần đầu tiên sinh hoạt chi bộ được quy định thực hiện các nội dung kiểm điểm công tác lãnh đạo giữa hai kỳ sinh hoạt, bàn và quyết nghị nhiệm vụ công tác mới, kiểm điểm tự phê bình, phê bình và học tập chính trị.

Quý II/1949, Tỉnh ủy đề ra chủ trương củng cố chi bộ. Theo chủ trương này từ Tỉnh ủy xuống các Huyện

ủy, Thị ủy đều thành lập các Đội củng cố chi bộ. Các huyện ủy đã cử nhiều cán bộ xuống trực tiếp làm bí thư các chi bộ yếu, kém. Nhờ đó, mà vị trí và vai trò của chi bộ cơ sở từng bước được nâng cao; công tác phát triển Đảng ở cơ sở đã đảm bảo đúng hướng, sát hợp với tình hình ở từng địa phương; các chi bộ đã chú trọng công tác tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng của Đảng tới quần chúng. Cùng thời gian này, Đảng bộ đã lãnh đạo tốt các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp, xã và tỉnh. Ngày 24/4/1949, 80.407 trên tổng số 97.045 cử tri trong toàn tỉnh đã hăng hái đi bầu được 1.131 đại biểu (trong đó có 41 đại biểu nữ) vào Hội đồng nhân dân xã. Hai ngày 18/9 và 10/10/1949, 61.785 cử tri trên tổng số 95.755 cử tri trong toàn tỉnh đã đi bầu được 20 đại biểu trên tổng số 38 ứng cử viên vào Hội đồng nhân dân tỉnh⁽¹⁾. Sau hai cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã và tỉnh thắng lợi, Đảng bộ đã lãnh đạo kiện toàn các cơ quan chính quyền, đoàn thể 2 cấp xã và tỉnh đảm bảo đủ số lượng và nâng cao về chất lượng.

Nhằm kiện toàn Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các huyện theo Sắc lệnh 254 của Chính phủ, Ủy

⁽¹⁾ - Trong số đại biểu HĐND tỉnh có: 7 đại biểu được tái cử, 13 đại biểu mới; 2 phụ nữ, 1 thanh niên, 4 lão thành, 1 công chức và 12 nông dân; có 18 đại biểu dân tộc Kinh, 1 đại biểu dân tộc Tây và 1 đại biểu dân tộc Sán Dìu.

- Trong số 1131 đại biểu HĐND xã có 41 phụ nữ, 149 phụ lão, 381 thanh niên, 774 nông dân; 615 đại biểu mới.

ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đã đề nghị và được Ủy ban Kháng chiến - Hành chính liên khu I chuẩn y bổ sung các đồng chí và các vị: Ngô Tuấn Tùng, Dương Uy Phùng, Tạ Văn Khang vào Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Phú Bình; Nguyễn Văn Bính, Nguyễn Văn Cúc vào Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Đông Hỷ; Đỗ Văn Quất, Nguyễn Văn Khiêm vào Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Phú Lương; Nguyễn Quang Hiệu, Hoàng Văn Tạo, Ngô Quang Thanh vào Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Phổ Yên; Ngô Văn Phung, Chu Phóng vào Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Võ Nhai; Ma Văn Ky, Nông Văn Thịnh vào Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Định Hóa.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên khu ủy Liên khu I, ngày 2/7/1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ ba khai mạc. Đại hội khẳng định: Trong nhiệm kỳ vừa qua nội bộ Tỉnh ủy đoàn kết, năng lực công tác đều, hầu hết các tỉnh ủy viên đã được huấn luyện, bồi dưỡng, có trách nhiệm cao, luôn luôn bám sát cấp huyện, nhiều đồng chí xuống tận cơ sở chi bộ để theo dõi, nắm tình hình và chỉ đạo công tác; về xây dựng bộ máy chỉ đạo, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các huyện đã được chấn chỉnh tăng cường các ủy viên có năng lực, biết điều

hành công tác. Hầu hết ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các huyện đều là đảng viên, nội bộ đoàn kết tốt. Đại hội cũng chỉ ra nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Về công tác xây dựng Đảng: nhịp độ phát triển đảng viên không đều. Kết quả củng cố chi bộ giữa các vùng còn chênh lệch quá lớn, ở các vùng xung yếu, vùng cơ sở cách mạng, vùng công giáo, trong các dân tộc ít người và các cơ quan chính quyền tỉnh và huyện, công tác xây dựng và phát triển Đảng còn chưa được đẩy mạnh: năng lực công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng để phát triển Đảng của chi bộ và đảng viên còn nhiều hạn chế, có chi bộ thuộc Đảng bộ huyện Đại Từ không làm công tác tuyên truyền, phát triển Đảng; trong đội ngũ cán bộ cấp ủy và đảng viên từ tỉnh xuống các huyện, xã còn mắc các bệnh xa rời quần chúng, cục bộ địa phương, lười học tập, ỷ lại, hẹp hòi, thành kiến, địa vị, hủ hóa... ảnh hưởng xấu đến uy tín và công tác lãnh đạo của cấp ủy, cản bước tiến của Đảng bộ. Từ các thiếu sót, khuyết điểm đó, Đại hội đã vạch ra nhiều nội dung, biện pháp để sửa chữa, khắc phục, đồng thời quyết định đưa dần việc học tập của cán bộ, đảng viên lên thành quy định thống nhất, chú trọng bồi dưỡng lý luận chính trị, tích cực nâng cao trình độ văn hóa. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III gồm 11 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban chấp

hành Đảng bộ tỉnh khóa III gồm các đồng chí: Lê Trung Đình làm Bí thư, Vũ Thu làm Phó Bí thư, Lê Hải An, Lê Vũ, Trần Lê Nhân làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Tỉnh ủy phát động: "Tuần lễ tổng kiểm thảo sửa chữa các bệnh của cấp ủy", Huyện ủy Phố Yên tổ chức "Tuần lễ giáo dục nội bộ" nhằm đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, trong đảng viên và cấp ủy các cấp. Kết quả cuối năm 1949, các bệnh xa rời quần chúng, hẹp hòi, địa phương, hủ hóa... trong đội ngũ đảng viên của Đảng bộ đã giảm nhiều; hầu hết đảng viên đã mạnh dạn, thành thật tự phê bình, nên có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận tổ chức Đảng và đảng viên còn quanh co, dấu diếm khuyết diếm, thậm chí có đảng bộ 4 tháng không tổ chức kiểm điểm được.

Về công tác xây dựng và phát triển Đảng năm 1949, Đảng bộ tiếp tục giành được nhiều thành tựu mới. Đảng bộ đã kết nạp được 1.480 quần chúng ưu tú vào Đảng và thành lập thêm 18 chi bộ Đảng mới. Các xã Đồng Bám (Đồng Hỷ), Tân Thái (Đại Từ) và nhiều xã khác thuộc "vùng xung yếu" đã làm tốt công tác phát triển Đảng.

Bước sang năm 1950, thực hiện chỉ thị của Trung ương, Đảng bộ đã chuyển trọng tâm công tác xây dựng

Đảng từ phát triển sang củng cố, liên tiếp phát động các cuộc vận động nhằm củng cố cơ sở và nâng cao chất lượng đảng viên. Kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Đảng (3/2/1930 - 3/2/1950), Đảng bộ đã tiến hành "Cuộc vận động học tập lý luận, rèn luyện đạo đức cách mạng", "Kỷ niệm lần thứ 60 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/1950), Đảng bộ phát động tiếp "Tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính". Các cuộc vận động xây dựng Đảng đều được các cấp ủy Đảng chuẩn bị chu đáo; các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp xuống cơ sở chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng. Nhờ đó, các cuộc vận động xây dựng Đảng, đặc biệt là cuộc vận động "Tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính" đã góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng của Đảng bộ. Qua các cuộc vận động xây dựng Đảng hầu hết các chi ủy đã được kiện toàn, nhiều đảng viên tiêu biểu xuất thân từ các thành phần cơ bản được bổ sung vào cấp ủy Đảng các cấp, ý thức giai cấp, trình độ giác ngộ chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng lên.

Những thành tựu mà Đảng bộ đã đạt được trong công tác xây dựng Đảng những năm 1948, 1949, 1950 là điều kiện tiên quyết và cơ bản nhất để Đảng bộ triển khai công tác xây dựng và củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ngày càng vững

mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc - Thủ đô kháng chiến. Nhằm tăng cường bộ máy chính quyền cấp huyện, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh. Liên khu đã quyết định bổ sung thêm cho mỗi Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên 2 ủy viên, đưa tổng số ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính cấp huyện lên 5 người. Đảng bộ đã chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ công tác cho các đại biểu Hội đồng nhân dân tham gia chính quyền các cấp. Hầu hết ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính 2 cấp tỉnh và huyện đều được cử đi dự các lớp tập huấn chính trị và nghiệp vụ do Trung ương và Liên khu tổ chức. Đối với cấp xã, do trình độ văn hóa và năng lực công tác quản lý hành chính còn thấp vì không được đào tạo, bồi dưỡng, nên tính năng động, sáng tạo, chủ động trong điều hành công việc hàng ngày rất hạn chế. Nhiều đồng chí Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã chưa phân biệt được sự khác nhau giữa hoạt động hành chính với hoạt động tư pháp. Trước tình hình đó, hai năm 1949, 1950, tỉnh đã cử nhiều cán bộ là ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã theo học các lớp bồi dưỡng cán bộ hành chính do Liên khu tổ chức. Riêng tỉnh Thái Nguyên, năm 1949 đã mở 2 lớp huấn luyện cho 51 ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã (lớp 1 từ ngày 1/10 đến 8/11/1949 cho ba huyện phía Nam và lớp 2 từ ngày 31/10 đến 18/11/1949

cho 4 huyện phía Bắc); năm 1950, đã mở 3 lớp bồi dưỡng văn hóa và nghiệp vụ cho 120 ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính xã và huyện.

Đối với các ngành chuyên môn, thực hiện Sắc lệnh tháng 10/1949 của Chính phủ, Tỉnh ủy lãnh đạo hợp nhất các ty Túc mễ, Khuyến nông, Tẩm tang (thuộc Ban Canh nông) thành ty Nông chính; thành lập ty Lao động liên tỉnh Thái Nguyên - Phúc Yên. Toàn tỉnh có 26 ty, ngành chuyên môn.⁽¹⁾

Cán bộ, nhân viên các ngành "đều làm việc với tinh thần phụng sự kháng chiến, cho nên mặc dù gặp khó khăn và trở ngại, nhưng các ngành đều làm được những công việc của cấp trên giao; lề lối làm việc của các ngành đều được cải tiến, đặc biệt một số ngành đã thực hiện được triệt để tinh thần dân chủ nội bộ"⁽²⁾. Tuy nhiên, cũng còn một số khuyết điểm "một số công việc để ra chưa sát với thực tế nên nhân dân không thực hiện được; năng lực chuyên môn của lãnh đạo và nhân viên một số ngành yếu nên không kiểm tra và hướng

⁽¹⁾ Gồm các ty: 1. Địa chính, 2. Kinh tế, 3. Công an, 4. Bình dân học vụ, 5. Tiểu học vụ, 6. Trung học vụ, 7. Y tế, 8. Thú ngữ, 9. Bưu điện, 10. Quốc dân miền ngược, 11. Hoa kiều vụ, 12. Khẩn hoạn di dân, 13. Tín dụng sản xuất, 14. Ngân khố, 15. Tinh đội dân quân, 16. Trước bạ, 17. Nông giang sông Cầu, 18. Thuế trực thu, 19. Thuế quan, 20. Thông tin, 21. Công chính, 22. Tòa án đệ nhị, 23. Thương binh, cứu binh, 24. Lâm chính, 25. Nông chính, 26. Ty Lao động liên tỉnh Phúc Thái.

⁽²⁾ Báo cáo công tác năm 1949 của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên - Hồ sơ 3.286. H260 lưu trữ Văn phòng Chính phủ.

dẫn được cấp dưới, một số nhân viên nặng về gia đình, tinh thần trách nhiệm công tác kém"⁽¹⁾.

Thực hiện cuộc vận động "chấn chỉnh cấp xã" do Liên khu phát động theo Chỉ thị của Trung ương, với khẩu hiệu "chuyển trọng tâm công tác xuống xã". Tỉnh ủy Thái Nguyên đã thành lập nhiều đội công tác đưa xuống chỉ đạo, hướng dẫn các huyện củng cố cấp xã, một số đội được cử xuống tận các xã vừa chỉ đạo củng cố, vừa rút kinh nghiệm. Do làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở, nên cuộc vận động "Chấn chỉnh cấp xã" đã đạt được kết quả tốt, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở các xã trong tỉnh từng bước được nâng cao: nhiều xã từ yếu, kém vươn lên khá, nhiều cán bộ, đảng viên đã nhận rõ trách nhiệm tiên phong gương mẫu của mình, đi đầu trong công tác kháng chiến, kiến quốc. Bộ máy chính quyền xã được củng cố, trong Hội đồng nhân dân và Ủy ban Kháng chiến - Hành chính cấp xã các đối tượng là địa chủ cường hào, là những cán bộ, đảng viên kém ý chí phấn đấu đã bị thanh thải. Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các xã Cù Văn (Đại Từ), Vô Tranh (Phú Lương) có nhiều thiếu sót, khuyết điểm, không chịu sửa chữa đã phải giải tán để xây dựng, kiện toàn lại; 39 đảng viên là cán bộ chủ chốt ở cấp xã và

⁽¹⁾ Báo cáo công tác năm 1949 của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên - Hồ sơ 3.286, H260 lưu trữ Văn phòng Chính phủ.

huyện (ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính, chỉ ủy viên) do kém tinh thần kháng chiến, không chấp hành chính sách, thoái hóa, biến chất đã bị cách chức, cảnh cáo hoặc khai trừ khỏi Đảng. Tuy có đạt được một số thành tích nhất định, nhưng vì cuộc vận động "Chấn chỉnh cấp xã" được Tỉnh ủy lãnh đạo tiến hành đồng thời ở nhiều xã trên địa bàn 7/7 huyện, trong điều kiện kinh tế của tỉnh có nhiều khó khăn, kinh phí, phương tiện làm việc, đi lại đều thiếu thốn⁽¹⁾, dân cư có nhiều yếu tố phức tạp (xen kẽ công nhân, nông dân, dân tản cư từ nơi khác đến...), cán bộ xã vừa ít về số lượng, vừa thiếu người có năng lực, nội dung cuộc vận động lại quá nhiều (tới 30 nội dung), nên kết quả cuộc vận động đạt thấp so với mục đích đề ra.

Vừa tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, Đảng bộ vừa chăm lo lãnh đạo việc xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, du kích và tham gia xây dựng bộ đội chủ lực. Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn đủ cán bộ chủ chốt Ban chỉ huy dân quân các cấp tỉnh, huyện.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh, từ ngày 3 đến ngày 7/1/1948, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã mở Hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm chiến đấu của lực lượng dân quân.

⁽¹⁾ Phụ cấp của cán bộ cấp huyện lúc đó trung bình là 38 kg gạo/1 tháng.

du kích trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947. Các đồng chí cán bộ lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh và Ban chỉ huy các huyện đội trong tỉnh đã về dự Hội nghị. Hội nghị thảo luận, thống nhất các vấn đề về xây dựng lực lượng du kích tập trung thoát ly sản xuất, tổ chức, sử dụng dân quân, du kích, tuần tra, canh gác, và sự phối hợp tác chiến giữa du kích địa phương với bộ đội chủ lực. Tại Hội nghị, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã trao giải thưởng gồm 5 khẩu súng kíp và 50 quả lựu đạn của xưởng A5 Ty Quân giới Liên khu I cho du kích các xã Đồng Bám, Phúc Xuân (huyện Đông Hỷ) đã có tinh thần dũng cảm truy kích địch; trao giải thưởng của Ban Dân quân Liên khu I cho du kích huyện Phú Lương có nhiều thành tích trong chiến đấu với địch.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương, Đảng bộ đã quyết định đưa 221 đảng viên vào dân quân, du kích để làm hạt nhân nòng cốt lãnh đạo, chỉ huy. Tỉnh ủy đề nghị và được Liên khu ủy quyết định bổ sung đồng chí Mã Thành Kính (Trung đoàn trưởng Trung đoàn 121 Thái Nguyên - Phúc Yên) vào làm ủy viên Quân sự trong Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên thay đồng chí Chu Huy Mân (Trung đoàn trưởng Trung đoàn 72) chuyển lên Bắc Kạn. Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến - Hành

chính tỉnh, cuối năm 1948, lực lượng dân quân, du kích Thái Nguyên đã phát triển lên tới 20.012 cán bộ, chiến sỹ (trong đó có 4.514 du kích xã và 315 du kích tập trung). Trung bình mỗi huyện đã xây dựng được hoàn chỉnh 1 trung đội du kích tập trung, biên chế 35 cán bộ, chiến sỹ, vũ khí trang bị tương đối đầy đủ. Trung đội du kích tập trung của tỉnh phát triển thành đại đội, biên chế 70 cán bộ, chiến sỹ. Dân quân, du kích toàn tỉnh đã được trang bị 221 súng trường, 1828 súng kíp, 5390 lựu đạn, 81 mìn, hơn 100 địa lôi và gần 500 dao, kiếm, mã tấu... Ngoài ra, dân quân, du kích các huyện Phú Bình, Đại Từ còn được trang bị thêm một số súng máy, súng lục là chiến lợi phẩm thu được của địch. Cùng với việc lãnh đạo xây dựng lực lượng, Đảng bộ chú trọng lãnh đạo huấn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật cho cán bộ, chiến sỹ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ. Năm 1948, toàn tỉnh đã có 333 cán bộ tiểu đội, 161 cán bộ trung đội, 43 cán bộ đại đội (xã đội) dân quân, du kích và 20 cán bộ huyện đội đã được tham dự các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy quân sự, chính trị do Ban chỉ huy Tỉnh đội và Ban chỉ huy các huyện đội tổ chức.

Trung đoàn 121 đã phân tán hai đại đội độc lập 905 và 912 về giúp địa phương xây dựng, điều dặt lực lượng dân quân, du kích ở hai huyện Đại Từ và Phú Lương. Trước tình hình sự phối hợp giữa các đại đội độc lập

với các trung đội du kích tập trung của các huyện Đại từ, Phú Lương có lúc còn chưa thật nhịp nhàng, ăn ý, kết quả còn hạn chế. Hội nghị cán bộ tỉnh (họp từ ngày 6 đến ngày 8/9/1948), bàn kế hoạch chuẩn bị Thu - Đông 1948 đã phải nhấn mạnh: Đẩy mạnh phối hợp công tác giữa bộ đội chủ lực với dân quân, du kích địa phương theo nguyên tắc dân quân, du kích dưới quyền của bộ đội chủ lực. Sau Hội nghị này sự phối hợp hoạt động giữa bộ đội chủ lực và dân quân, du kích ở cơ sở được chặt chẽ và có hiệu quả hơn.

Năm 1949 công tác lãnh đạo xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân du kích của Đảng bộ có nhiều chuyển biến, tiến bộ so với những năm trước. Cuối năm 1949, lực lượng dân quân, du kích toàn tỉnh lên tới 27.365 người (tăng 7353 người so với năm 1948), trong đó 5700 người là du kích (so với năm 1948, số du kích tăng 1186 người). Xưởng vũ khí của tỉnh trung bình mỗi tháng sản xuất được từ 1200 đến 1500 quả mìn hoặc lựu đạn, đáp ứng được nhu cầu cung cấp vũ khí chiến đấu cho lực lượng dân quân, du kích ở địa phương.

Thực hiện Sắc lệnh ngày 7/4/1949 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghị định 103/NĐ, Thông tư số 46/TT ngày 7/7/1949 của Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh, Nghị quyết ngày 28/9/1949 của Bộ tư lệnh Liên khu I về việc thành lập bộ đội địa phương. Quý 4 năm 1949, Đảng bộ

tính đã tập trung lãnh đạo, quán triệt cho đảng viên, cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang trong tỉnh hiểu rõ: "Quân đội Quốc gia Việt Nam gồm có hai phần là quân đội chính quy và quân đội địa phương". Bộ đội địa phương có 3 đặc điểm chính là: có tính cách mạng địa phương, có nhiệm vụ chiến đấu và bảo vệ địa phương, tự trang và tự túc về cấp dưỡng". "Các cấp, các ngành đều phải có nhiệm vụ xây dựng bộ đội địa phương". Trên cơ sở các cơ quan Tỉnh đội, Huyện đội, đại đội du kích tập trung của tỉnh và các trung đội du kích tập trung của các huyện, tháng 10/1949 Đảng bộ lãnh đạo sắp xếp, điều động, bổ nhiệm 193 cán bộ từ tiểu đội đến đại đội; xây dựng, kiện toàn xong lực lượng bộ đội địa phương gồm các cơ quan tỉnh đội, huyện đội, đại đội bộ đội địa phương tỉnh và 7 đại đội bộ đội địa phương ở 7 huyện.

Thiếu cán bộ, Tỉnh uỷ chỉ đạo các Huyện uỷ nghiên cứu, đề bạt những người có năng lực trong cơ quan các huyện đội lên làm đại đội trưởng, đại đội phó, điều người ở các đoàn thể Cứu quốc sang làm chính trị viên; các cán bộ trung đội do các huyện đội nghiên cứu, sắp xếp đưa cán bộ xã đội lên. Ban chỉ huy Tỉnh bộ phải điều một số cán bộ ở cơ quan xuống các huyện phụ trách bộ đội địa phương.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho đội ngũ cán bộ bộ đội địa phương các cấp, một mặt tỉnh cử

nhiều cán bộ đi học các trường do Liên khu và Bộ mở, mặt khác tỉnh và các huyện tăng cường mở các lớp tập huấn quân sự, thời gian từ 7 đến 10 ngày, do các giáo viên ở Tỉnh đội và cán bộ các đơn vị bộ đội chủ lực (Trung đoàn 246, Trung đoàn 62 và Đại đoàn 308) hướng dẫn, giảng dạy. Tỉnh đội dân quân mở lớp đào tạo cán bộ tiểu đội trưởng cung cấp cho các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Năm 1949 toàn tỉnh đã có 183 cán bộ xã đội, thôn đội; 161 cán bộ tiểu đội; 9861 chiến sĩ dân quân, du kích đã được huấn luyện quân sự, chính trị. Để sát với thực tế chiến đấu, tháng 6 năm 1949 tỉnh cử 3 trung đội du kích tập trung xuống Bắc Ninh chiến đấu. Trong thời gian 1 tháng các đơn vị này đã diệt được 32 tên địch.

Tháng 7/1949, tỉnh thành lập 1 đại đội (mỗi huyện cử 1 tiểu đội) đưa tiếp xuống Bắc Ninh chiến đấu. Tháng 11/1949, tỉnh cử tiếp 5 trung đội bộ đội địa phương ở các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đông Hỷ và Tỉnh đội bộ đưa xuống chiến đấu ở vùng địch hậu Vĩnh Phúc. Nhờ có sự nỗ lực chung của Đảng bộ, đến cuối năm 1949, tỉnh Thái Nguyên đã kiện toàn xong đội ngũ cán bộ bộ đội địa phương các cấp, dù số lượng và chất lượng ngày càng được nâng cao, bước đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ huy bộ đội huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, đấu đất, giúp đỡ dân quân, du kích và chuẩn bị chiến trường cho bộ đội chủ lực; giúp đỡ, hướng dẫn nhân dân xây dựng làng, xã chiến đấu.

Một trong những khó khăn mà Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo, giải quyết sau khi lực lượng bộ đội địa phương được thành lập là việc nuôi dưỡng và trang bị. Với hạn mức kinh phí 14 vạn đồng 1 tháng (cả ăn, mặc, trang bị vũ khí) cho gần 900 cán bộ, chiến sỹ bộ đội địa phương do Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh cấp, "đời sống bộ đội khó khăn, ăn đói, mặc rách, có đơn vị đã phải ăn rau, ăn cháo hàng tuần"⁽¹⁾. Đại đội bộ đội địa phương huyện Phú Lương phải phân tán từng tiểu đội xuống nhờ nhân dân các xã nuôi dưỡng, nên rất khó khăn cho công tác huấn luyện và khả năng cơ động chiến đấu. Để từng bước khắc phục khó khăn, đảm bảo đời sống bộ đội địa phương, Tỉnh uỷ quyết định thành lập ban cấp dưỡng các cấp tỉnh và huyện làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp, ủng hộ, giúp đỡ bộ đội. Phong trào "Hũ gạo kháng chiến" do Đảng bộ chủ trương và phong trào "bán gạo khao quân" do Hồ Chủ tịch phát động đã được các cấp, các ngành, các giới và đông đảo nhân dân trong tỉnh nhiệt tình ủng hộ. Đến tháng 12/1949, nhân dân trong tỉnh đã ủng hộ bộ đội địa phương được 154.524 kg thóc, 161.575 đồng tiền mặt, 116 áo trấn thủ và 352 bộ quần áo. Về vũ khí, trung bình 20 du kích có 2 súng trường, 7 quả lựu đạn; một tiểu đội bộ đội địa phương có 1 súng trường, 4 quả lựu đạn và 23 viên đạn. Tỉnh hội Phụ nữ đã phát động

⁽¹⁾ Tổng kết chiến tranh du kích Thái Nguyên - trang 97

chị em hội viên mua bông, vải vẽ khâu áo trấn thủ tặng bộ đội. Nhằm giảm bớt sự đóng góp của nhân dân và thực hiện chủ trương "vừa đánh giặc, vừa sản xuất" của Đảng, Đảng bộ đã vận động nhân dân giành 200 mẫu ruộng cho bộ đội địa phương và dân quân, du kích sản xuất, hàng năm thu hoạch được hàng trăm tấn thóc (riêng bộ đội địa phương đã được nhân dân giúp đỡ, ủng hộ 24 mẫu ruộng để cày cấy, năm 1949 thu hoạch được 12.925 kg thóc, bảo đảm tự túc được lương thực từ 2 đến 3 tháng). Nhờ những cố gắng trên, nên đời sống của bộ đội địa phương dần dần được ổn định, cán bộ, chiến sĩ yên tâm xây dựng đơn vị, tích cực huấn luyện chính trị, quân sự, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Công tác lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang địa phương được Đảng bộ đặc biệt quan tâm, trong các đơn vị bộ đội địa phương đã có 138 đảng viên, đạt tỷ lệ lãnh đạo 15%. Ở các đại đội bộ đội địa phương tỉnh và huyện đều có đủ đảng viên để thành lập chi bộ có cấp uỷ.

Cùng với việc lãnh đạo xây dựng lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, du kích, Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác tuyển quân xây dựng bộ đội chủ lực, chi viện chiến trường. Năm 1949, Đảng bộ lãnh đạo tốt 2 đợt tuyển quân (đợt 1 từ ngày 2 đến ngày 8/4/1949, đợt 2 vào các ngày 8, 28 và 29/9/1949), động viên được 2367 thanh niên vào bộ đội.

Về phía địch: từ giữa năm 1949, chúng tập trung lực lượng thực hiện kế hoạch phong toả biên giới phía Bắc và cấp tốc bình định đồng bằng bắc Bộ do Rơ ve (Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp) khởi xướng (gọi là kế hoạch Rơ ve). Được đế quốc Mỹ ủng hộ, thực dân Pháp ráo riết xua quân càn quét vùng đồng bằng Bắc bộ, tăng cường phòng thủ tứ giác Lạng Sơn - Tiên Yên - Hải Phòng - Hà Nội, bao vây chia cắt vùng Căn cứ địa Việt Bắc với phong trào kháng chiến cả nước. Đối với tỉnh Thái Nguyên từ tháng 9 đến tháng 12/1949, địch dùng máy bay ném bom, bắn phá trên 60 trận, làm chết 65 người, bị thương 140 người, cháy và đổ 700 gian nhà, chết và bị thương 57 con trâu bò, làm đắm 25 chiếc thuyền, cháy 1000 nôi thóc. Đầu năm 1950 địch đã tăng cường các hoạt động đánh phá Thái Nguyên bằng cả bộ binh và không quân nhằm thăm dò hướng chiến dịch và lực lượng quân sự của ta.

Trước tình hình đó, ngày 7/3/1950, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh chỉ thị cho Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các cấp huyện, xã:

1. Chuẩn bị cho bộ đội địa phương sẵn sàng chiến đấu, khi địch đến là kịp thời tác chiến hoặc phối hợp với bộ đội chủ lực tác chiến chống địch hành quân, càn quét, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch.

2. Phát động mạnh mẽ phong trào dân quân, du kích vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ dân, thực

hiện mục tiêu: địch đi đến đâu cũng phải vấp phải mìn và lựu đạn của du kích.

3. Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các xã phải luôn luôn có kế hoạch bảo vệ các kho dự trữ lương thực của Chính phủ, khi cần thiết phải tổ chức lực lượng di chuyển, tuyệt đối không được sử dụng.

4. Động viên nhân dân cất giấu tài sản cẩn thận, khi tình thế gay go phải thực hiện "vườn không nhà trống".

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh, cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các lực lượng vũ trang các huyện, thị trong tỉnh Thái Nguyên phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bộ đội chủ lực đóng quân trên địa bàn đối phó có hiệu quả với tất cả các cuộc tấn công, đánh phá của địch. Trong 6 tháng đầu năm 1950, các lực lượng vũ trang của tỉnh vừa độc lập tác chiến, vừa phối hợp với bộ đội chủ lực đẩy lùi 8 cuộc tấn công của địch, tiêu diệt 45 tên, làm bị thương nhiều tên khác, bảo vệ an toàn cửa ngõ phía nam Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc. Trong các cuộc chiến đấu đẩy lùi 8 cuộc tấn công của địch, 19 cán bộ, chiến sĩ ta đã bị thương vong (có 14 đồng chí hy sinh).

Cùng với việc dùng bộ binh tấn công, càn quét, quân Pháp tăng cường dùng máy bay ném bom, bắn phá nhiều nơi trên địa bàn tỉnh. Năm 1950, máy bay địch đánh phá Thái Nguyên trên 30 trận, ném trên 400 quả bom các loại từ 25 - 30 kg, bắn nhiều loạt đạn

12ly7 và Ca non 20 ly xuống Đình Cả (Võ Nhai); Phục Linh, Khuôn Linh, Góc Sộp, Cù Văn (Đại Từ); Tân Hoà, kè Lũ Yên (Phú Bình); Phán Mễ (Phú Lương); Tân Yên, Tân Quang, Thịnh Đán (Đông Hỷ); Phố Cò (Phổ Yên)... làm chết 29 người, bị thương 47 người, cháy 145 nóc nhà, 1010 nôi thóc, 1200 áo trấn thủ (cháy kho quân trang).

Trước tình hình trên, việc lãnh đạo xây dựng, củng cố các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, du kích, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững mạnh, đủ sức đối phó với mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch trở thành nhiệm vụ hết sức cấp bách của Đảng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết chỉ rõ "Phải tăng cường củng cố và phát triển lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, du kích; đưa 1/3 số đảng viên ở các chi bộ cơ sở vào lực lượng du kích. Tích cực lãnh đạo công tác chuẩn bị chiến đấu; vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm để đóng góp cho kháng chiến và ủng hộ bộ đội, dân quân, du kích". Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, quý I năm 1950, Ban chỉ huy Tỉnh đội tổ chức đợt "Rèn cán, chính quân", nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật của bộ đội địa phương, dân quân, du kích, đồng thời kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ huy cơ quan quân sự các cấp. Cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương và dân quân, du kích Thái Nguyên đã cùng với bộ đội chủ lực

hoàn thành xuất sắc cuộc diễn tập theo tình huống đánh địch tấn công lên Thái Nguyên trong điều kiện thời tiết gió, mưa khác nghiệt. Các huyện mở 22 lớp huấn luyện cách đánh địa lôi cho lực lượng dân quân, du kích ở cơ sở. Hai huyện Đại Từ, Phổ Yên thành lập 37 trạm gác giao thông dọc Đường số 3 và Đường số 13A; toàn tỉnh đã phát triển thêm được 155 du kích, bổ sung 55 du kích vào bộ đội địa phương; đào 2.577 hố tác chiến, 173 hố mìn, địa lôi, đào mới 1.912 mét giao thông hào, làm mới 4.229 hầm trú ẩn, huy động 147 công rào làng chiến đấu; nhân dân đóng góp, lập quỹ tác chiến, ủng hộ bộ đội địa phương và dân quân, du kích được hơn 20.700 kg thóc, gạo và 48.437 đồng tiền mặt.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị toàn quốc lần thứ III của Đảng "quét lực lượng địch ra khỏi miền biên giới Bắc Bộ"⁽¹⁾, khai thông đường liên lạc giữa Căn cứ địa Việt Bắc với phe xã hội chủ nghĩa, ta chủ trương mở Chiến dịch Biên giới 1950 (mặt danh là Chiến dịch Lê Hồng Phong II).

Để chuẩn bị cho Chiến dịch biên giới 1950, theo chỉ thị của Liên khu uỷ Việt Bắc⁽²⁾, ngày 15/7/1950, Tỉnh uỷ ra nghị quyết giao cho các huyện huy động 277 cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang địa phương đi phục vụ

⁽¹⁾ Nghị quyết quân sự của Đảng 1930 - 1960, NXBQĐND, Hà Nội 1959, trang 100.

⁽²⁾ Liên khu Việt Bắc được thành lập tháng 11/1949.

chiến dịch, thời gian 3 tháng. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ, các huyện đã huy động được 308 cán bộ, chiến sĩ (vượt chỉ tiêu 31 người), trong đó có 37 bộ đội địa phương và 93 đảng viên. Để đảm bảo giao thông, đáp ứng kịp thời yêu cầu vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, phục vụ cho Chiến dịch Biên giới, Đảng bộ phát động "Chiến dịch sửa chữa, xây dựng cầu, đường lần thứ nhất", thu hút gần 50% cán bộ các cơ quan quân - dân - chính đảng trong tỉnh tham gia. Ban chấp hành Tỉnh đoàn thanh niên tổ chức hai đội thanh niên xung phong, huy động trên 300 thanh niên nam, nữ biên chế thành các trung đội, tiểu đội, làm nhiệm vụ đảm bảo giao thông ở các tuyến trọng yếu. Với tinh thần "Sửa chữa cầu, đường như đánh địch", nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã đóng góp hàng vạn ngày công, đào, đắp hàng nghìn mét khối đất, đá, sửa chữa và làm mới hàng chục cầu lớn, nhỏ, khai thông các tuyến Đường 13A (Thái Nguyên - Tuyên Quang) và Đường 1B (Thái Nguyên - Lạng Sơn). Chỉ tính riêng tháng 5/1950, Thái Nguyên đã huy động 3100 người với 15.450 ngày công, chuyển 340 m³ đá, sửa 27 km đường, sửa chữa và làm mới 9 cầu (trong đó có một cầu treo).

Để phối hợp với Chiến dịch Biên giới, sẵn sàng đánh địch bảo vệ Trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc, Tỉnh uỷ, Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái

Nguyên quyết định thành lập Ban chỉ huy tác chiến ở cấp tỉnh và các huyện Phú Bình, Phố Yên, Đông Hỷ, Đại Từ, làm nhiệm vụ huy động lương thực, thực phẩm, xây dựng làng chiến đấu, phá hoại giao thông, chặn bước tiến công của địch, thành phần gồm đại diện bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương và các ngành. Lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các huyện Phố Yên, Đông Hỷ, Phú Bình đã triệt để phá hoại cầu, đường, đập ụ, cản xe cơ giới của địch và lập làng chiến đấu; nhân dân Thái Nguyên đã đóng góp cho Chiến dịch Biên giới trên 8.000 tấn thóc và 5.190.108 đồng tiền mặt.

Sau khi ta đánh địch ở Đông Khê, tuyến phòng thủ của địch trên Đường số 4 bị cắt làm 2, quân Pháp ở Cao Bằng bị cô lập, vây hãm, rơi vào tình thế nguy khốn.

Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy Pháp quyết định mở cuộc "hành quân mang tên Têrêđơ (Therese)" gồm 3 phần:

1. Binh đoàn Lơ pa giơ đánh chiếm lại Đông Khê, sau đó đưa quân lên đón binh đoàn Sác Tông ở Cao Bằng.

2. Binh đoàn Sác Tông sau khi phá huỷ những gì không mang đi được, sẽ triệt thoái toàn bộ lực lượng khỏi Cao Bằng (gọi là cuộc hành binh Giông Tố). Dưới quyền chỉ huy của Lơ pa giơ cả hai binh đoàn Lơ pa giơ

và Sác Tông sẽ hội quân và yểm trợ lẫn nhau để rút về Thất Khê.

3. Ở hướng phối hợp, một cánh quân gồm 5 tiểu đoàn⁽¹⁾ với khoảng 3000 quân thuộc binh đoàn GMNA (lực lượng dự bị chiến lược cuối cùng ở Bắc Bộ) từ Hà Nội lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên, được gọi là cuộc hành binh Phôcơ (Hải Cầu tức Chó biển).

Vỡ vệt các đơn vị dự bị chiến lược ở đồng bằng bắc Bộ, mở cuộc hành binh Phôcơ đánh lên Thái Nguyên, giặc Pháp hy vọng sẽ kéo chủ lực của ta từ biên giới về Thái Nguyên, cứu nguy cho các binh đoàn đang bị đe dọa tiêu diệt ở biên giới, trấn an được dư luận, phá được kinh tế của ta, chặn được cửa ngõ Căn cứ địa Việt Bắc, phá vỡ được sự chi viện, tiếp tế của ta cho chiến trường Biên giới. Theo Tổng chỉ huy quân đội Pháp, đối Cao Bằng lấy Thái Nguyên là "rất tuyệt".

Mở màn cuộc hành quân Phôcơ, ngày 29/9/1950 khoảng 3000 quân địch, có máy bay yểm trợ bắt đầu tấn công, đánh chiếm thị xã Thái Nguyên theo ba hướng:

- Hướng thứ nhất từ Đa Phúc, theo quốc lộ 3 qua Phổ Yên, Đồng Hỷ đánh lên thị xã Thái Nguyên.

- Hướng thứ hai từ Phúc Yên theo sườn Tam Đảo, vượt đèo Nhe đánh sang Phúc Thuận (Phổ Yên), qua

⁽¹⁾ Gồm 4 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội lính dù, 1 đại đội công binh.

Thịnh Đức, Thịnh Đán (Đông Hỷ) đánh lên thị xã Thái Nguyên.

- Hướng thứ ba từ Đa Phúc theo sông Cầu tiến đánh Hà Châu (Phú Bình) rồi theo Đường 19 đánh lên thị xã Thái Nguyên.

Việc địch đánh lên thị xã Thái Nguyên đã nằm trong dự kiến của ta, nên ta đã chuẩn bị lực lượng để đối phó. Ngoài bộ đội địa phương và dân quân, du kích của tỉnh còn có các trung đoàn 246, 121 và các tiểu đoàn 64, 68 bộ đội chủ lực chặn đánh các hướng tấn công của địch. Trên hướng sông Cầu, đại đội 224 Phú Bình phối hợp với du kích đánh địch ở bến đò Hà Châu, kè đá Gân, Cổ Dạ, Cầu Mây. Trên hướng quốc lộ 3, Đại đội 225 Phổ Yên liên tiếp chặn đánh địch ở Thanh Xuyên (Trung Thành), Thông Hạc (Nam Tiến), làm chậm tốc độ tấn công chúng ta. Chiều 1/10/1950, giặc, Pháp huy động 27 máy bay lên ném bom, đánh phá và thả 200 quân dù xuống đánh chiếm sân bay Đông Bầm (Đông Hỷ). Sau khi ném bom, bắn phá và thả quân dù trở về, 1 máy bay địch đã bay dọc theo sông Công, bị đại đội 225 bắn rơi xuống cánh đồng Triều Lai, xã Trung Thành (Phổ Yên). Đây là chiếc máy bay đầu tiên của giặc Pháp bị lực lượng vũ trang nhân dân địa phương Thái Nguyên trực tiếp bắn rơi.

Cùng với việc cho quân nhảy dù, đánh chiếm sân bay Đông Bầm (Đông Hỷ), ngày 1/10, từ Phổ Yên địch

hành quân lên lần lượt đánh chiếm Lưu Xá, Gia Sàng, Âm Hồn: từ Phú Bình, dịch theo đường đất đỏ lên thị xã Thái Nguyên. Ngày 2/10, dịch từ các hướng 1,2,3 và sân bay Đông Bám cùng tấn công đánh chiếm thị xã Thái Nguyên.

Từ ngày 4/10, từ thị xã Thái Nguyên dịch mở rộng hành quân, cần quét ra các vùng xung quanh nơi chúng chiếm đóng. Đi đến đâu chúng cũng bị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích ta chặn đánh quyết liệt, bị nhiều tổn thất. Đại đội 223 Đông Hỷ đã liên tiếp độc lập tấn công hoặc phối hợp với bộ đội chủ lực và du kích đánh giặc ở Lưu Xá, Trại Dù, Đông Bám, Kép Le, Gia Sàng, Cầu Loàng, đồi Cò Kê, Phú Thái (xã Hiệp Hoà)... tiêu diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch. Qua chiến đấu đội ngũ cán bộ, chiến sĩ đại đội 223 đã trưởng thành về mọi mặt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu, được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng II, góp phần xứng đáng cùng với quân và dân trong huyện tiêu diệt 247 tên địch, 7 con lừa, ngựa, 2 con chó béc giê, bắn bị thương 112 tên địch, 5 con lừa, ngựa, phá huỷ 2 súng trung liên và 3 tiểu liên. Quân và dân huyện Phổ Yên tổ chức đánh địch 12 trận lớn nhỏ, tiêu diệt 60 tên, đánh bị thương 42 tên khác. Đại đội 224 Đại Từ phối hợp với dân quân, du kích các xã Cù Vân, An Khánh đánh địch



*Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII
(29-5 đến 2-6-1963)*



ở Cù vãn, An Khánh (Đại Từ), Mỏ Bạch (thị xã Thái Nguyên) tiêu diệt 10 tên (có 1 tên quan Mọt) và làm bị thương hàng chục tên khác, thu nhiều vũ khí và quân trang, quân dụng.

Thực hiện cuộc hành quân Phó cơ đánh lên Thái Nguyên không đạt được ý đồ dồn cho đồng bọn ở mặt trận biên giới Cao - Lạng lại bị tổn thất nặng từ ngày 10 đến ngày 12/10/1950, quân Pháp buộc phải rút hết khỏi Thái Nguyên về Hà Nội.

Qua hơn 10 ngày trực tiếp chiến đấu chống lại cuộc hành quân Phó cơ của địch, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên đã đánh trên 60 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt gần 600 tên địch, làm bị thương hơn 350 tên khác, bắn rơi 1 máy bay, phá huỷ 3 ca nô, ban chết và bắt sống hơn 70 con lừa, ngựa, thu 160 súng các loại, phá tan ý đồ "đổi Cao Bằng lấy Thái Nguyên" của địch. Chính tên Mác - săng, Tư lệnh hành quân của quân đội Pháp ở Bắc Bộ đã phải thú nhận: "Cuộc hành quân "Phoque" chẳng gây được phản ứng nào... phải vứt bỏ mọi ảo tưởng về cuộc hành binh đã trở thành quá ư vô ích này"⁽¹⁾. Chiến đấu đánh bại cuộc hành quân Phó cơ của địch, lực lượng vũ trang Thái Nguyên được sự ủng hộ và đóng góp to lớn của tầng lớp nhân dân

⁽¹⁾ Mác Săng: Thảm họa Đông Dương

trong tỉnh. Trong thời gian trực tiếp chiến đấu với địch, bộ đội địa phương và dân quân, du kích Thái Nguyên đã được phụ nữ huyện Đông Hồ ủng hộ 228 nổi thóc, gạo; 67.620 đồng tiền mặt, 10 con bò, 6 con lợn và hàng chục con gà vịt; phụ nữ các xã Trần Phú, Vạn Thắng, Toàn Thắng (huyện Đại Từ) ủng hộ 3 nổi gạo, 7.990 đồng tiền mặt.

Chiến công đánh bại cuộc hành quân Phôcơ của quân và dân Thái Nguyên đã cổ vũ mạnh mẽ Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh nêu cao tinh thần kháng chiến, hăng hái vượt lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II "không xây dựng căn cứ địa tức là không tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật tư cần thiết cho việc xây dựng và phát triển quân đội"⁽¹⁾ và Nghị quyết Đại hội Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất phải "xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa vững mạnh và xứng đáng của toàn quốc"⁽²⁾, tháng 4/1951, Đảng bộ tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV, ra Nghị quyết: "Tập trung lãnh đạo khôi phục, phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống nhân dân, bồi dưỡng lực

⁽¹⁾ Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II.

⁽²⁾ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ liên khu Việt Bắc lần thứ nhất.

lượng kháng chiến, chi viện chiến trường, ra sức xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương đủ sức bảo vệ quê hương và bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ Tư lệnh". Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV gồm 11 uỷ viên chính thức, 3 uỷ viên dự khuyết⁽¹⁾ do các đồng chí Hoàng Cừ (Khu uỷ viên) làm Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh; Trần Lê Nhân, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh; Hải Bằng, Uỷ viên Ban Thường vụ kiêm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh uỷ; Nguyễn Đình Lim, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ kiêm Trưởng ty Công an; Lê Vũ (tức Ba), Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ kiêm Tỉnh đội trưởng.

Thấm nhuần đường lối "Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc" của Đảng, với trách nhiệm là tỉnh được Trung ương chọn làm Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm đảm bảo nhu cầu của địa phương và làm nghĩa vụ đối với sự nghiệp kháng chiến của cả nước. Thực hiện chủ trương "Kinh tế tự túc", Đảng bộ lãnh đạo nhân dân Thái Nguyên tập

⁽¹⁾ 11 uỷ viên chính thức: Hoàng Cừ, Trần Lê Nhân, Hải Bằng, Nguyễn Đình Lim, Lê Vũ, Lê Đức Tôn, Nguyễn Thế Đạt, Ngô Thượng Thạch, Ngô Tuấn Tung, Tiên, Lê Minh Thi.

- 3 uỷ viên dự khuyết: Trần Tường..., Giao, Trung Thành.

trung mọi cố gắng vào việc phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm. Thái Nguyên là tỉnh miền núi và trung du, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, ruộng đất phần lớn nằm trong tay địa chủ; số đồn điền mà thực dân Pháp và tay sai bỏ chạy, nhân dân tiếp thu được thì sản xuất còn manh mún, độc canh, lệ thuộc nặng vào thiên nhiên, nên năng suất thấp, sản lượng lúa và hoa mầu không ổn định. Trận lụt tháng 10/1950 đã làm cho Thái Nguyên mất hàng trăm tấn lương thực, riêng hai huyện Phổ Yên, Phú Bình đã ngập úng 8.368 mẫu lúa, (Phổ Yên 6.230 mẫu, Phú Bình 2138 mẫu), nhân dân Phổ Yên bị trôi mất 1.000 nải thóc.

Cùng với thiên tai là dịch họa. Liên tục 21 ngày đầu tháng 12/1950, giặc Pháp huy động máy bay ném bom, phá đập Vạn Giã (Phú Bình), một công trình thủy nông quan trọng của tỉnh Thái Nguyên. Tháng 6/1952, chúng lại huy động máy bay ném bom đập Thác Huống. Nhằm gây cho ta khó khăn về sức cày, kéo, giặc Pháp tập trung bắn, giết trâu bò. Trong cuộc hành quân Phôcơ đánh lên Thái Nguyên (tháng 10/1950), chỉ tính ở những nơi chiếm đóng, giặc Pháp đã cướp và giết của nhân dân Thái Nguyên 140 con trâu, bò. Hàng ngày chúng cho máy bay săn lùng, bắn, giết của nhân dân tỉnh ta từng con trâu, bò đang chăn thả trên đồng. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ tháng

3/1948 đến tháng 10/1950, quân Pháp đã giết hại của nhân dân tỉnh ta 1.942 con trâu, bò.

Do chưa có kinh nghiệm lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, lại thiếu vốn đầu tư, không có cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, cộng thêm những khó khăn chồng chất do thiên tai, dịch hoạ gây ra, nên yêu cầu khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp đảm bảo nhu cầu tự túc lương thực, thực phẩm và đóng góp cho kháng chiến của tỉnh là một vấn đề khó khăn, cấp bách, đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải tập trung mọi nỗ lực để phấn đấu. Mặc dù rất thiếu cán bộ, đảng viên nhưng Tỉnh uỷ đã tập trung kiện toàn bộ máy lãnh đạo chỉ đạo sản xuất nông nghiệp dù cán bộ. Ban canh nông của tỉnh gồm các ty Nông chính, Khai hoang - Di dân, Tỉn dụng - Sản xuất, Địa chính, Thú ngư, Lâm chính luôn được kiện toàn đủ cán bộ. Đây là một sự cố gắng lớn của Đảng bộ. Các cơ quan này đã có nhiều nỗ lực giúp Tỉnh uỷ khiến khai các chủ trương, chính sách của Đảng xuống cơ sở.

Nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, Đảng bộ lãnh đạo triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng về khuyến khích và phát triển nông nghiệp. Trong thời kỳ này, trên địa bàn tỉnh, có một số đồn điền "vắng chủ" (đồn điền của Pháp và của bọn việt gian, phản động đã bỏ chạy, với diện tích hàng

nghìn mẫu) đã được Ủy ban Kháng chiến - Hành chính các cấp tịch thu, tạm cấp cho nhân dân cày, cấy, trồng trọt. Để hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp, mặc dù ngân sách hết sức khó khăn, nhưng quỹ tín dụng của tỉnh vẫn đầu tư cho nông dân vay 10.040.907 đồng để mua nông cụ sản xuất và trâu, bò cày kéo; cung cấp cho các huyện 45.327 kg giống lúa và ngô ngắn ngày; đổi trực tiếp cho nông dân 11.000 kg giống lúa chiêm sớm...

Thị hành chính sách thuế nông nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 1/5/1951, ngày 4/8/1951. Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ra nghị quyết chỉ rõ "Lãnh đạo thị hành Chi thị về thuế nông nghiệp là công tác trọng tâm hiện nay của các cấp ủy Đảng trong tỉnh. Các ngành quân, dân, chính, đảng phải tập trung vào thị hành Chi thị thuế Nông nghiệp". Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết nghị:

1. Tất cả các cán bộ quân, dân, chính, đảng đều phải học tập và tuyên truyền chính sách thuế nông nghiệp cho nông dân.

2. Phát động chiến dịch thuế nông nghiệp.

3. Thành lập Ban chỉ huy chiến dịch thuế nông nghiệp gồm các đồng chí: Hoàng Cừ (Bí thư Tỉnh ủy), Lê Vũ (Tỉnh đội trưởng), Nguyễn Thế Đạt (phụ trách nông dân), Trần Lê Nhân (phụ trách kinh tế - tài chính) do đồng chí Trần Lê Nhân làm Chỉ huy trưởng.

4. Đối với 2 cấp huyện và xã, huyện uỷ, chi uỷ xã trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy chiến dịch thuế nông nghiệp ở huyện và xã mình. Cán bộ các ngành, các cấp ở tỉnh và huyện đều phải xuống huyện và xã làm công tác thuế nông nghiệp, trừ các đồng chí tối cần thiết mới ở lại cơ quan.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đến ngày 14/9/1951, cán bộ và nhân dân ở hầu hết các xã trong tỉnh đã được quán triệt, học tập chính sách thuế nông nghiệp. Ngày 05/10/1951, toàn tỉnh đã cơ bản lập xong sổ thuế nông nghiệp ở xã. Cuối năm 1951, toàn tỉnh thu được 12.000 tấn thóc thuế, kịp thời đáp ứng nhu cầu đảm bảo cho kháng chiến. Tuy nhiên, nam đầu thực hiện chính sách thuế nông nghiệp, huyện Phú Lương chỉ thu được 400 tấn thóc trên chỉ tiêu gần 1.500 tấn thóc phải thu.

Theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch⁽¹⁾, hai ngày 26 và ngày 27/11/1951, Huyện uỷ hai huyện Phú Lương và Định Hoá họp với đại biểu các ngành, đoàn thể và chính quyền ở huyện và các xã trên địa bàn trong huyện để thảo luận về chính sách thuế nông nghiệp, tăng gia sản xuất, sửa chữa cầu, đường và huy động dân công phục vụ chiến trường. Hồ Chủ tịch đã đến thăm

⁽¹⁾ Báo cáo số 72/BC-TN ngày 4-12-1951 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên - Lưu trữ Văn phòng TW Đảng

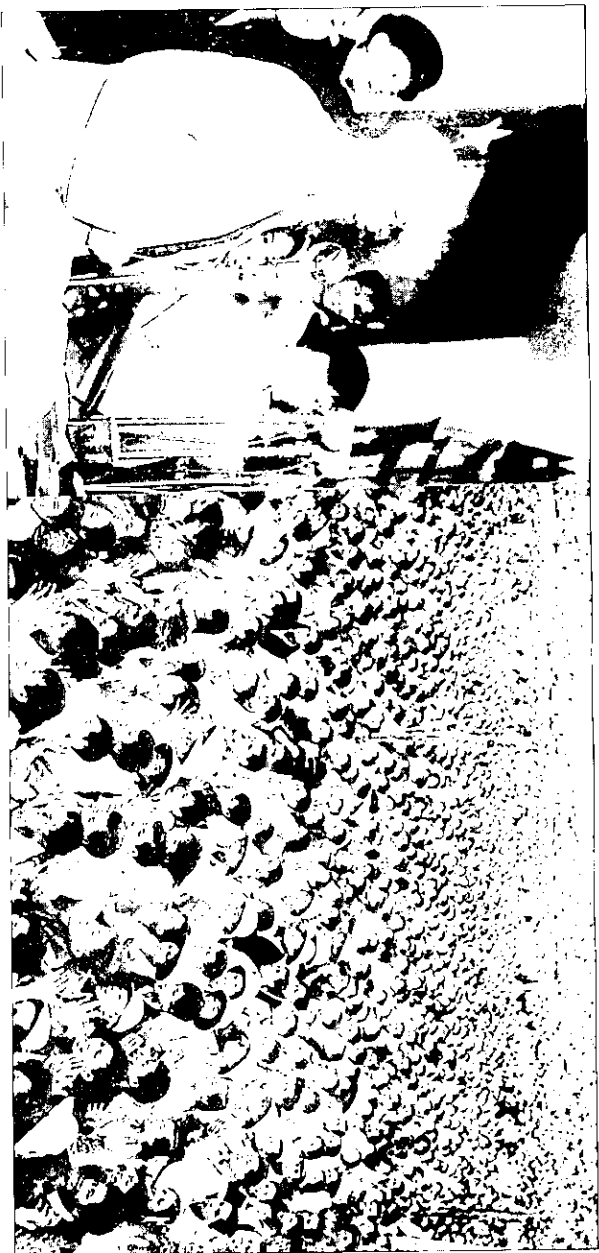
và nói chuyện với hai hội nghị trên. Người nói "Tôi đi qua đây thấy họp thì vào nói chuyện với đồng bào".

Sau khi nhận xét "Hội nghị ít đại biểu quá". Hồ Chủ tịch nhấn mạnh: về thuế nông nghiệp phải lãnh đạo thực hiện tốt chính sách công bằng, hợp lý và giản tiện. Người kêu gọi phải "thi đua nộp mau, nộp đủ, nộp thóc tốt và nộp thóc khô".

Về tăng gia sản xuất. Người chỉ thị cho các cấp ủy Đảng, chính quyền phải quan tâm đến nhân dân, làm cho nhân dân no ấm. Phải tổ chức giúp đỡ những gia đình neo đơn, có con em hoạt động cách mạng, tổ chức các tổ đối công, hợp công. Người kêu gọi nhân dân tích cực tăng gia sản xuất.

Về dân công. Người giải thích và nhấn mạnh: "Ở ngoài tiền tuyến, anh em thi đua giết giặc lập công, ở hậu phương đồng bào cũng phải thi đua đắp đường, chữa cầu, vận tải. Đó là công lao khó nhọc của đồng bào, nhưng như thế thì kháng chiến mới chóng thành công. Trong việc này cán bộ cũng phải tổ chức cho công bằng, không được thiên lệch, người đi nhiều, người đi ít, phải tổ chức để giúp đỡ cho những người đi dân công khi ra công trường an tâm làm việc, không phải lo đến việc nhà nữa".

Đối với phụ nữ. Người giao nhiệm vụ "Phụ nữ mỗi năm phải may áo mùa đông binh sĩ, nhưng năm nay không phải quyên góp nữa mà chỉ phải khâu giúp chân,



Chínrich Ho-Chi-Minh với chuyên viên nhân dân Hải Agronom (1-1964)



áo cho bộ đội, xã nào may được nhiều sẽ có thưởng và có danh dự”.

Cuối cùng Người dạy: “Cán bộ phải đi sát nhân dân, chăm lo đến nhân dân, các việc phải đưa ra bàn bạc với các cụ, dù việc khó khăn đến đâu cũng thành công, tuyệt đối không được dọa nạt dân, không được quan liêu mệnh lệnh”.

Thực hiện Chỉ thị và lời dạy của Hồ Chủ tịch, tại Hội nghị trên các đại biểu đã chia thành từng tổ nghiên cứu, thảo luận, liên hệ đánh giá ưu, khuyết điểm, ra nghị quyết xác định quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chính sách thuế nông nghiệp, tăng ra sản xuất và dân công.

Tại Định Hoá sau hội nghị ở huyện, cấp uỷ Đảng của 9 trên 9 xã đã mở hội nghị mở rộng với sự tham dự của 35 chi uỷ viên, 75 cán bộ các ban, ngành, đoàn thể ở xã để nghiên cứu, thảo luận và đề ra kế hoạch thực hiện chỉ thị của Hồ Chủ tịch. Các xã đã mở hội nghị quán, dân, chính, đảng thảo luận kế hoạch thực hiện và tuyên truyền Chỉ thị của Hồ Chủ tịch cho 178 cán bộ và 2.853 quần chúng. Đến ngày 4/12/1951, toàn huyện đã tổ chức được 419 tổ đổi công (gồm 2.635 hộ gia đình với 4.966 lao động), làm được 78 kho thóc ở các thôn; phụ nữ may ủng hộ bộ đội được 865 áo, 90 chăn, 169 áo trấn thủ; huy động 1.050 dân công làm đường, vận chuyển lương thực; chỉ tính riêng 6 xã trên tổng số

9 xã trong huyện nhân dân đã bán cho Nhà nước 2.761 kg thịt lợn và thịt trâu, bò; 2.154 kg rau xanh và 24.449 kg sắn.

Tại huyện Phú Lương, nội bộ cán bộ, đảng viên trong huyện đã liên hệ, kiểm điểm sâu sắc và đấu tranh gay gắt với các thiếu sót, khuyết điểm dẫn đến việc không hoàn thành chỉ tiêu nghĩa vụ nộp thuế Nông nghiệp năm 1951.

Nhờ được sự chỉ đạo sâu sát của Hồ Chủ Tịch, sự lãnh đạo trực tiếp và kịp thời của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, từ vụ mùa năm 1952 trở đi năm nào Phú Lương cũng hoàn thành tốt nghĩa vụ thu thuế nông nghiệp.

Cùng với việc lãnh đạo nhân dân thực hiện chính sách thuế nông nghiệp, năm 1951, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố tổ chức các cơ quan chuyên môn. Sau khi Ngân hàng Quốc gia Việt Nam ra đời (tháng 5/1951), tháng 6/1951, trên cơ sở ty Ngân khố và Nhà tín dụng sản xuất, Tỉnh uỷ lãnh đạo thành lập và phân công đồng chí Trần Tường (Tỉnh uỷ viên dự khuyết) phụ trách Ngân hàng Quốc gia Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên.

Cũng trong tháng 6/1951, ngành Mậu dịch (nay là Ty thương mại) được thành lập; quý 3/1951, các ty Thuế quan, Thuế trực thu, Địa chính, Khai hoang giải thổ, các chi sở Thuế, Kho thóc, ty Tài chính được thành lập.

Ngay sau khi thành lập, cán bộ, công nhân viên ngành mậu dịch cố gắng khắc phục những khó khăn, khai thác nguồn hàng mua vào, bán ra, góp phần quan trọng bình ổn giá cả thị trường, đặc biệt là bình ổn giá gạo và giá vải. Chỉ tính riêng 3 tháng quý 3/1951, ngành mậu dịch đã bán ra thị trường 76.067 kg gạo, 105.819 mét vải, đưa giá gạo trên thị trường giảm từ 11,2 vạn đồng/tạ (tháng 7/1951) xuống còn trên 8 vạn đồng/tạ (tháng 9/1951). Chi nhánh Ngân hàng cho nhân dân vay 65.453.250 đồng mua trâu, bò cày kéo, mua giống chăn nuôi, mua thóc giống và đầu tư sản xuất công nghệ (trong đó có 51.182.800 đồng mua trâu, bò cày, kéo). Cũng trong thời gian trên, chi nhánh Ngân hàng tỉnh đã thu hồi nợ được 8.451.788 đồng. Chi sở Thuế, thu thuế công, thương nghiệp được 430 triệu đồng (vượt chỉ tiêu 58.550.000 đồng). Ty Tài chính đảm bảo chi thường xuyên và đột xuất đạt 752.544.485 đồng.

Về thực hiện chính sách ruộng đất, trong những năm 1950, 1951, Đảng bộ Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân thực hiện chính sách giảm tô và tạm cấp ruộng đất thu được nhiều thắng lợi to lớn, đem lại quyền lợi cho nông dân, đặc biệt là nông dân nghèo. Tuy nhiên, uy thế chính trị và quyền lợi kinh tế của giai cấp địa chủ bóc lột ở Thái Nguyên vẫn còn khá lớn.

Là tỉnh nằm trong vùng tự do, lại là ATK trong Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, Thái Nguyên vinh dự

được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn làm nơi thí điểm thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng.

Tháng 11/1952, Trung ương chọn hai xã Đông Bám và Dân Chủ (huyện Đông Hy)¹¹⁾ làm nơi nghiên cứu thí điểm chính sách ruộng đất của Đảng và đã cử Đoàn cán bộ thực nghiệm chính sách ruộng đất xuống hai xã trực tiếp chỉ đạo phát động quần chúng nông dân đấu tranh với giai cấp địa chủ.

Dưới sự chỉ đạo của Đoàn thực nghiệm chính sách ruộng đất, ngày 15/11/1952, Thái Nguyên đã tổ chức 300 đoàn đại biểu tá điền ở 2 xã Đông Bám và Dân Chủ đấu tranh đòi địa chủ Nguyễn Thị Năm phải thi hành đúng chính sách ruộng đất của Đảng với các yêu cầu:

- Giảm tô 25% so với mức tô trước Cách mạng Tháng Tám 1945 và chỉ được thu tô theo diện tích mới.

- Phải xoá bỏ những món nợ từ trước do thiên tai gây ra.

- Số ruộng đất hoang mà nông dân khai phá thì điền chủ không được đòi, nếu đã thu tô thì phải trả lại cho nông dân.

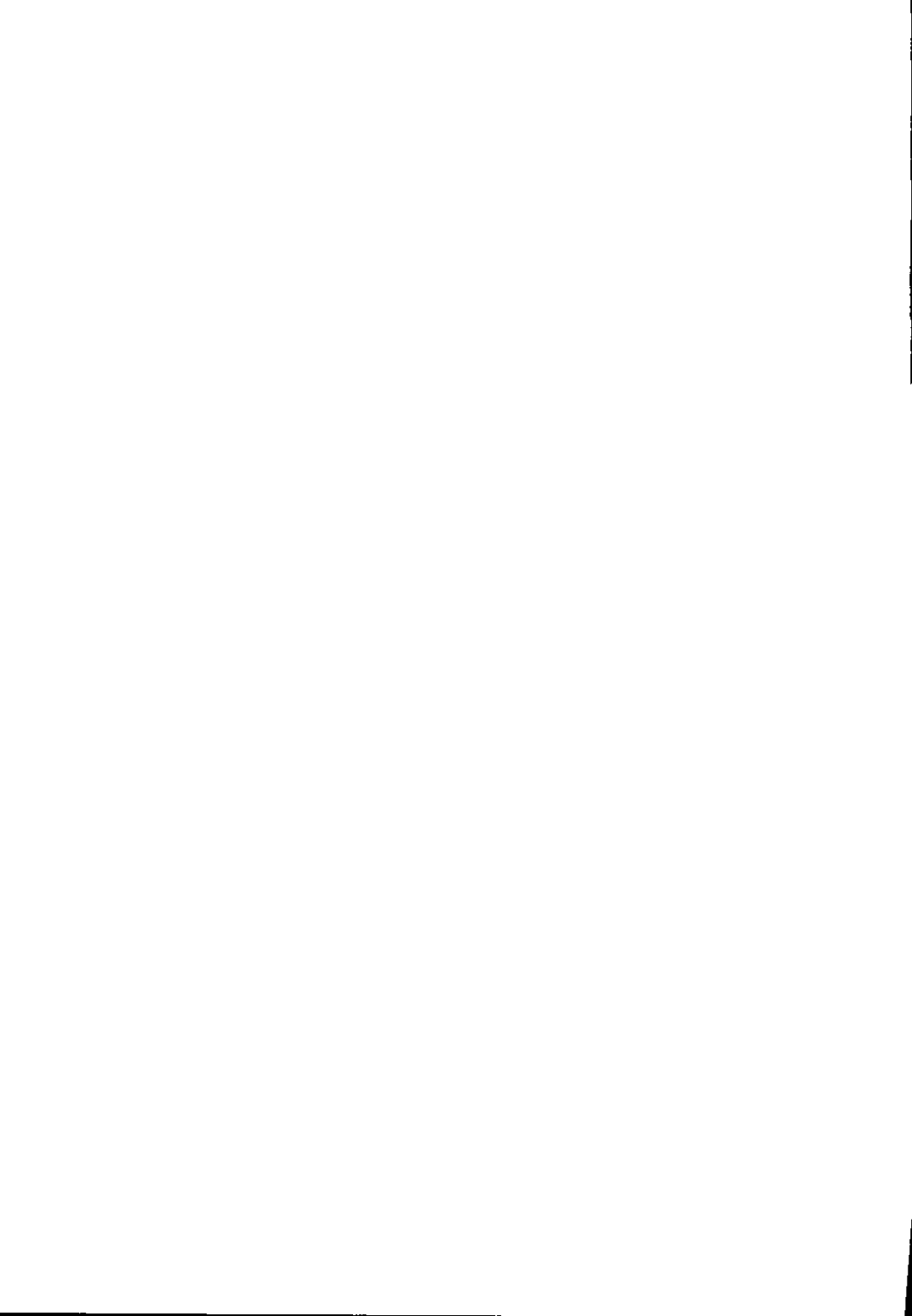
- Phải làm quy chế canh tác cho tá điền.

Cuộc đấu tranh này nông dân đã giành được thắng lợi.

¹¹⁾ Xã Đông Bám và xã Dân Chủ nằm dọc hai bên đường quốc lộ 1B, cách thị xã Thái Nguyên từ 1 km đến 3 km về phía Đông Bắc. Năm 1952 tổng diện tích của 2 xã Đông Bám và Dân Chủ là 2879 mẫu; dân số 883 hộ, 4554 khẩu. Hầu hết ruộng đất của hai xã Đông Bám và Dân Chủ đều nằm trong đồn điền của Điền chủ Nguyễn Thị Năm.



Hội thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên
1936 - 1965 ngày 12/12/2001



Ngày 20/12/1952, dưới sự chỉ đạo của Đoàn cán bộ thực nghiệm, hàng nghìn nông dân ở 2 xã Đồng Bẩm và Dân Chủ đã tham dự "Đại hội tố khổ địa chủ Nguyễn Thị Năm"; bắt địa chủ Nguyễn Thị Năm phải thi hành ngay và thi hành triệt để các yêu cầu của nông dân trong cuộc đấu tranh ngày 15/11/1952. Địa chủ Nguyễn Thị Năm đã phải nhượng bộ và hứa sẽ thi hành đúng những yêu cầu của nông dân.

Qua cuộc đấu tranh này, đối với quần chúng nông dân đã hiểu rõ thêm chính sách ruộng đất của Đảng; thấy rõ sức mạnh của mình và khẳng định: Chỉ có vùng dậy đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng mới đem lại quyền lợi thiết thực cho bản thân. Đối với cán bộ đã củng cố thêm lập trường và quan điểm giai cấp, uy tín của Đảng và các đoàn thể quần chúng được đề cao.

Tuy nhiên, qua cuộc đấu tranh thí điểm trên, chỉ đạo của Đoàn cán bộ thực nghiệm chính sách ruộng đất của Trung ương đã có biểu hiện tá khuynh. Đoàn đã có quyết định "đình chỉ sinh hoạt" 2 chi bộ xã vì lý do "đảng viên 2 chi bộ có nguồn gốc là phú nông, địa chủ, hào lý, cường hào; trong chi bộ thì bè phái, tự tư, tự lợi, chống lại chính sách". Đoàn cán bộ thực nghiệm chia đảng viên ở 2 chi bộ trên thành 3 loại:

Loại tích cực gồm 35 đảng viên (xã Dân Chủ 19 và xã Đồng Bẩm 16) tiếp tục cho sinh hoạt Đảng, cử vào cốt cán và cho đi xâu chuỗi.

Loại có văn đề gồm 34 đảng viên (xã Dân Chủ 14 và xã Đồng Bám 20) tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng để thử thách, sau một thời gian, nếu xét thấy đủ tiêu chuẩn thì tiếp tục cho sinh hoạt Đảng.

Loại địa chủ, hào lý gồm 25 đảng viên (xã Dân Chủ 2, Đồng Bám 23) cho ra khỏi Đảng, người nào thuộc diện bóc lột sẽ bị xử trí.

Đoàn đã chỉ đạo tổ chức đấu tố quá đà, gây căng thẳng không cần thiết.

Việc đoàn cán bộ thực nghiệm chỉ đạo thành lập tiểu tổ bản, cố nông đã làm cho trung nông hoang mang, dao động; một số cán bộ đã cho bản, cố nông đấu tố cả trung nông hoặc bản, cố nông đi đòi nợ trung nông, gây ảnh hưởng xấu đến việc xâu chuỗi sang trung nông.

Qua 2 cuộc đấu tranh trên, việc thực hiện đường lối giai cấp đúng đắn của Đảng ở nông thôn (dựa hẳn vào bản, cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, trung lập phú nông, phân biệt đối đãi với các hạng địa chủ và cương quyết trừng trị bọn Việt gian, phản động, cường hào gian ác) đã bộc lộ nhiều sai phạm. Từ ngày 17 đến ngày 22/4/1953, Trung ương tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm thí nghiệm phát động quần chúng giám tố ở hai xã Đồng Bám và Dân Chủ, thẳng thắn vạch ra những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện giám tố. Sau hội nghị trên, Trung ương cử hai đoàn

công tác ruộng đất về hai xã Đông Bẩm và Dân Chủ uốn nắn, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Nhờ đó, tư tưởng quần chúng được ổn định, mối quan hệ giữa bán, cố nông và trung nông được đoàn kết, gắn bó hơn. Một số phú nông trước kia hoang mang, lo sợ bị đấu tố như địa chủ nay đã an tâm, tỏ thái độ đồng tình với cuộc đấu tranh của nông dân.

Tiếp đó, Trung ương chọn thêm 4 bốn xã: Phúc Xuân (Đông Hỷ), Hùng Sơn (Đại Từ), Đức Liên và Nhã Lộng (Phú Bình) cùng với hai xã Đông Bẩm, Dân Chủ (Đông Hỷ) đã làm thí điểm đợt trước, tiếp tục thực hiện thí điểm triệt để giảm tô.

Tại các xã trên, các cán bộ trong Đoàn công tác ruộng đất đã tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, thăm nghèo, hỏi khổ, bắt rế xấu chuỗi, tổ chức các đại hội nông dân đấu tranh với địa chủ. Ngày 22 tháng 5 năm 1953 hơn 5000 nông dân ở hai xã Đông Bẩm và Dân Chủ tiến hành đấu tranh với địa chủ Nguyễn Thị Năm; 4000 nông dân ở xã Đức Liên (Phú Bình) đấu tranh với địa chủ Đào Ký; 500 nông dân xã Phúc Xuân đấu tranh với địa chủ Trần Chu Công và địa chủ Trần Thúc Cấp.

Ngày 7/6/1953, tại xã Đông Bẩm (Đông Hỷ), Toà án nhân dân đặc biệt liên huyện Đông Hỷ - Đại Từ (được Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thái Nguyên quyết định thành lập ngày 15/5/1953 theo Sắc

lệnh 150 ngày 12/4/1953 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà) xét xử 20 địa chủ, đã tuyên 2 án tử hình, tịch thu gia sản; 1 án tù 20 năm; 1 án tù 15 năm; 1 án tù 12 năm; 2 án tù 10 năm tịch thu 2/3 gia sản; 1 án tù 8 năm; 3 án tù 7 năm và 1 án tù 2 năm.

Qua hơn 3 tháng thực hiện thí điểm triệt để giảm tô ở 6 xã, hơn 1819 mẫu ruộng, đất đã được giảm tô, 4.070 hộ gia đình nông dân đã được thoát tô với số thóc gần 406 tấn; 944 hộ gia đình nông dân với 3.645 khẩu đã được chia ruộng đất. Đoàn công tác ruộng đất đã chính đôn 6 chi bộ Đảng, khai trừ ra khỏi đảng 153 đảng viên, chỉ đạo các chi bộ Đảng bầu Ban chỉ uỷ mới (trong các Ban chỉ uỷ mới số chỉ uỷ viên bản, cố nông chiếm 53%, trung nông 44%, tiểu tư sản 3%). Các tổ chức chính quyền, đoàn thể cũng được củng cố lại. Nông dân phấn khởi gia nhập Nông hội, hăng hái thi đua lao động sản xuất và tích cực đóng góp sức người sức của cho kháng chiến.

Tuy nhiên, đợt thí điểm giảm tô ở 6 xã trên cũng bộc lộ các khuyết điểm: Một số cán bộ nóng vội, thiếu kiên nhẫn giáo dục quần chúng, dẫn đến bao biện làm thay hoặc mệnh lệnh đối với quần chúng. Không phân hoá địa chủ nên không tập trung đánh mạnh vào những tên đầu sỏ. Ở xã Nhã Lộng (Phú Bình) tổ chức đấu tố tràn lan, coi phú nông ngang với địa chủ; có nơi đấu tố cả trung nông; trình độ giác ngộ giai cấp của nông dân chưa cao, còn hiện tượng e dè, sợ địa chủ trả thù.

Trước những sai lầm, khuyết điểm trên, tháng 8/1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ra Nghị quyết chỉ rõ nội dung và biện pháp khắc phục.

Từ ngày 25/8 đến ngày 20/10/1953, dưới sự lãnh đạo của Đoàn uỷ II, Liên khu uỷ Việt Bắc trực tiếp chỉ đạo tỉnh Thái Nguyên tiến hành giám tô tiếp ở 33 xã thuộc 4 huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương. Kết quả ở 33 xã này các tổ chức Đảng (Chi uỷ, Chi bộ), chính quyền (Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính), đoàn thể (nông hội) và lực lượng vũ trang (dân quân, du kích, công an) được chấn chỉnh, thành phần trong sạch hơn.

Tiếp theo từ ngày 20/12/1953 đến ngày 25/1/1954, Thái Nguyên thực hiện giám tô tiếp ở 32 xã. Đây là đợt thực hiện giám tô tiến hành đồng thời với đợt thí điểm cải cách ruộng đất do Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ.

Trước đó, để chuẩn bị thi hành triệt để chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ nhằm đánh đổ các thế lực phản động, làm suy yếu giai cấp địa chủ, phong kiến, giành ưu thế chính trị cho Đảng và nhân dân lao động, thực hiện đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh sản xuất và kháng chiến. Cuối năm 1952, Trung ương giao cho Thái Nguyên làm thí điểm điều tra nông thôn. Thực hiện nhiệm vụ trên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ thị cho các cấp uỷ Đảng, phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cuộc

điều tra, phải cử một đồng chí cấp uỷ viên chuyên trách theo dõi, chỉ đạo. Tỉnh uỷ đã thành lập Ban chỉ đạo điều tra nông thôn gồm 5 đồng chí (Tiền, Đạt, Dũng, Nguyệt, Sáng) do đồng chí Tiền (phụ trách Ban Kiểm tra Đảng) làm Trưởng ban. Trong hai ngày 13 và 14/12/1952, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp với các huyện uỷ viên phụ trách điều tra nông thôn quán triệt các chỉ thị của Trung ương về cuộc điều tra và thảo luận kế hoạch điều tra của tỉnh, học tập các điểm chính trong các chỉ thị 06, 14 và 37 của Trung ương về ruộng đất và quy định thành phần giai cấp ở nông thôn.

Sau Hội nghị trên, Tỉnh uỷ cử một đoàn cán bộ xuống xã Phúc Xuân (huyện Đông Hỷ) để điều tra thí điểm về tình hình chiếm đoạt ruộng đất của địa chủ và tình hình chấp hành chính sách giảm tô, điều tra số liệu tiêu, trung, đại địa chủ. Tiếp đó, Tỉnh uỷ lãnh đạo tốt việc triển khai công tác điều tra nông thôn ra toàn tỉnh. Trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được trong cuộc vận động giảm tô và kết quả làm thí điểm điều tra nông thôn của tỉnh, cuối tháng 12/1953, Trung ương Đảng đã quyết định chọn 6 xã Hùng Sơn, An Mỹ, (nay là Mỹ Yên), Bình Thuận, Trần Phú (nay là Khôi Kỳ), Tân Thái, Độc lập (nay là Tiên Hội) thuộc huyện Đại Từ làm thí điểm cải cách ruộng đất theo Sắc lệnh về chính sách ruộng đất do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 12/4/1953 và Luật cải cách ruộng đất ban hành tháng

12/1953. Đây là 6 xã có diện tích trên 5454 mẫu ruộng đất, dân số 10.792 người (trong đó các dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ 95,3%, Tày 2,05%, Sán Dìu 1,29%, Hoa 1,32%). Các xã này đã qua phát động quần chúng thực hiện giảm tô một cách triệt để, trình độ chính trị của nông dân lao động đã được nâng lên, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách.

Cuộc thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng. Cuộc thí điểm này là sự thể nghiệm chủ trương, chính sách ruộng đất của Đảng, thông qua đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất ra cả nước, do đó nó có ý nghĩa rất quan trọng. Trung ương đã tập trung 140 cán bộ xuống các xã này để triển khai việc thí điểm cải cách ruộng đất.

Sau 15 ngày học tập chính sách cải cách ruộng đất và nghiên cứu sơ lược tình hình các xã, ngày 21/12/1953 các Đội cán bộ cải cách ruộng đất của Trung ương bắt đầu xuống các xã làm việc. Về đến các xã, cán bộ các Đội cải cách ruộng đất thực hiện 3 cùng với nông dân (cùng ăn, cùng ở, cùng làm), tích cực tuyên truyền chính sách cải cách ruộng đất cho nông dân, phát động nông dân đấu tranh vạch tội ác của giai cấp địa chủ.

Sau 3 tháng tiến hành thí điểm cải cách ruộng đất, giai cấp địa chủ ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ đã hoàn

toàn bị đánh đổ. Ngoài 38 địa chủ đã phát hiện thời kỳ giảm tô, trong đợt thí điểm cải cách ruộng đất này các Đội cải cách đã xác định thêm 59 địa chủ, trong đó có 15 địa chủ là Việt gian, phản động, cường hào gian ác. Toàn bộ 97 địa chủ ở 6 xã trên đã bị đưa ra đầu tố, vạch rõ tội ác bóc lột nông dân. Qua đợt thí điểm cải cách ruộng đất, ta đã thu của địa chủ 2610 mẫu ruộng, 352 con trâu, bò, 1062 nông cụ sản xuất, 33 ngôi nhà và 2479 kg thóc... chia cho nông dân không có ruộng, hoặc ít ruộng và nông dân nghèo. Về mặt tổ chức Đảng, trong số 179 đảng viên ở 6 chi bộ 6 xã trên có 11 đảng viên thuộc thành phần địa chủ, 19 đảng viên thuộc thành phần phú nông và 5 đảng viên thuộc thành phần bóc lột khác đã bị đưa ra khỏi Đảng; các Ban chỉ ủy được củng cố, kiện toàn.

Ngày 20/3/1954, đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ đã kết thúc.

Trong đợt thí điểm này cán bộ các Đội cải cách ruộng đất đã mắc phải sai lầm cho quân chúng đầu tố tràn lan, thậm trí có cán bộ còn dựa vào những phần tử xấu lợi dụng tố sai, lại thiếu điều tra xác minh dẫn đến quy nhầm địa chủ, trừng trị oan một số quân chúng và đảng viên tốt (trong số 47,5% đảng viên bị xử trí thì hầu hết là đảng viên tốt, được kết nạp vào Đảng từ năm 1946; quy địa chủ cường hào, gian ác sai 40,9 % và địa chủ thường sai 55,4%)

Các sai lầm và thiếu sót trên không được uốn nắn, sửa chữa kịp thời nên các đợt cải cách ruộng đất tiếp theo ở Thái Nguyên lại mắc phải với mức độ nặng hơn.

Sau thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ, ngày 25/4/1954 khi chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ sắp kết thúc thắng lợi, tỉnh Thái Nguyên bắt đầu tiến hành cải cách ruộng đất đợt I ở 47 xã thuộc các huyện Đại Từ, Đông Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên. Trước đó, để chuẩn bị cho cải cách ruộng đất đợt I, 3 tháng đầu năm 1954, tỉnh và các huyện đã mở 13 lớp học tập về chính sách ruộng đất và cải cách ruộng đất cho 2.688 người (trong đó có 556 cán bộ tỉnh và huyện, 447 cán bộ xã).

Đảng bộ Thái Nguyên đã cử 200 cán bộ đi làm công tác cải cách ruộng đất. Đợt I: Nhờ có kinh nghiệm của đợt chỉ đạo thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ và nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, nên đợt I cải cách ruộng đất ở 47 xã thuộc 4 huyện Đại Từ, Đông Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên đã thu được nhiều kết quả, hơn 24.000 mẫu ruộng và hơn 24.000 con trâu, bò, 798 ngôi nhà và trên 139 tấn thóc của địa chủ đã được tịch thu, trưng thu, trưng mua, chia cho 868 hộ nông dân nghèo; các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng đã được chấn chỉnh, uy thế chính trị và quyền làm chủ nông thôn của nông dân đã được xác lập.

Thắng lợi của cuộc vận động thực hiện giảm tô, đặc biệt là thắng lợi của cuộc cải cách ruộng đất đợt I ở Thái Nguyên đã nhanh chóng vang dội khắp nơi, góp phần cổ vũ các tầng lớp nông dân lao động cả nước hăng hái sản xuất, đóng góp nhiều sức người, sức của cho kháng chiến và cổ vũ cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang ở ngoài mặt trận hăng hái tiến lên tiêu diệt giặc.

Cùng với việc lãnh đạo nông dân thực hiện cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất, thi hành chính sách thuế nông nghiệp, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất lương thực, thực phẩm. Năm 1953, nông dân các huyện Đại Từ cấy vượt diện tích 500 mẫu lúa; Phú Lương tổ chức tuần lễ ra quân chống hạn, đắp xong hai đập giữ nước; đảm bảo đủ nước tưới cho khoảng 100 mẫu ruộng; Phú Bình tát nước tưới cho 144 mẫu lúa chiêm. Nhờ có những nỗ lực đó của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, nên năm 1953 mặc dù lũ lụt tàn phá, nhiều vùng trong tỉnh bị ngập tới 60% diện tích trồng lúa, ngô, nhưng toàn tỉnh vẫn thu được 13.366,4 tấn thóc, thuế nông nghiệp, đạt 97% chỉ tiêu, trong đó các huyện Định Hoá, Phú Lương, Phổ Yên đạt khá hơn. Đầu năm 1954, Tỉnh uỷ tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thuỷ lợi. Chỉ riêng công trình phục hồi đập sông máng Vạn Giã (Phú Bình), tỉnh đã huy động 738 nhân công, 60 cây gỗ;

công trường khôi phục đập Thác Huống tỉnh huy động 450 dân công, hơn 800 cây gỗ. Hết tháng 6 năm 1954, nhân dân trong tỉnh đã đào thêm 470 ao, chuôm chứa nước, làm 96 cọn nước, đào mới 197 giếng chống hạn. Ba huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đông Hỷ đã chủ động tưới nước cho gần 2.000 mẫu lúa. Nhờ những cố gắng đó mà diện tích cấy lúa chiêm và lúa nam ninh của tỉnh đạt 31.738 mẫu, tăng gần 8 lần so với trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Sản xuất nông nghiệp phát triển, nhân dân Thái Nguyên đã đóng góp cho chiến dịch Điện Biên phủ 671 tấn gạo, 10 tấn đỗ, lạc, trên 28 tấn thịt lợn và thịt trâu, bò. Sự đóng góp đó của nhân dân Thái Nguyên so với cuộc kháng chiến trường kỳ và gian khổ của dân tộc ta là nhỏ bé, nhưng trong lịch sử sản xuất nông nghiệp của tỉnh thì đây là một trong những mốc quan trọng đánh dấu sự nỗ lực vươn lên của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Cùng với việc lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm của địa phương và đóng góp cho kháng chiến, Đảng bộ đã chú trọng lãnh đạo phát triển giáo dục, y tế.

Về giáo dục, sau khi đánh bại cuộc hành quân Phôcơ (Chó Biển) tấn công lên thị xã Thái Nguyên

(tháng 10/1950) của địch, tỉnh ta có nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh triển khai cải cách giáo dục theo chủ trương của Đảng. Bộ máy làm công tác giáo dục ở tỉnh được kiện toàn, ty Tiểu học vụ được đổi thành ty Giáo dục phổ thông, ty Bình dân học vụ được đổi thành ty Bổ túc văn hóa. Nhiều cán bộ có kinh nghiệm được tỉnh điều về tăng cường cho cơ quan quản lý giáo dục. Công tác đào tạo cán bộ được đặc biệt chú ý. Ty giáo dục phổ thông chủ động mở các lớp đào tạo giáo viên cấp I, kịp thời đáp ứng nhu cầu dạy học cho con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Ty Bổ túc văn hóa cũng mở nhiều lớp bồi dưỡng văn hóa nghiệp vụ cho hàng trăm cán bộ làm công tác bổ túc văn hóa ở cơ sở. Nhờ các cố gắng về củng cố tổ chức và đào tạo cán bộ, nên cả giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ của tỉnh ta tuy chưa thực hiện được kế hoạch, nhưng đã đạt được nhiều thành tích và tiến bộ đáng kể: 74 xã trên tổng số 81 xã trong toàn tỉnh đã có trường cấp I, so với năm học trước tăng 78 giáo viên và 1.944 học sinh. Chất lượng dạy và học từng bước được nâng cao. Kết quả thi tốt nghiệp cấp I toàn tỉnh đạt 71% (cao nhất kể từ khi ta giành được chính quyền cách mạng dân chủ nhân dân tháng 8/1945 đến nay). Toàn ngành Bổ túc văn hóa đã duy trì được 1268 lớp thanh toán nạn mù chữ, thu hút 19.963 học viên, 27 xã trên tổng số 81 xã và 12 thôn trong tỉnh đã xoá xong nạn mù chữ.

Phát huy kết quả năm đầu vận động cải cách giáo dục, những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, các ngành Giáo dục phổ thông và Bổ túc văn hóa của tỉnh không ngừng phấn đấu vươn lên. Năm học 1953 - 1954, Thái Nguyên đã tiếp nhận nhiều thương binh vốn là các thầy giáo xếp bút nghiên đi đánh giặc trở về ngành giáo dục. Có thêm cán bộ, lại được nhân dân nhiệt tình ủng hộ, nên mạng lưới giáo dục phổ thông ở Thái Nguyên đã không ngừng được mở rộng. Các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá lần lượt mở các trường cấp II. Các trường cấp III Lương Ngọc Quyến, Ngô Quyền và Hàn Thuyên (của Bắc Ninh tản cư) đã mở lớp 9. Năm học 1953 - 1954, hệ thống giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa của tỉnh (chưa kể 157 lớp vỡ lòng, với 3.424 học sinh) đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Riêng về Bổ túc văn hóa trung bình mỗi xã ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Đông Hy đã mở được từ 8 đến 12 lớp, mỗi xã ở các huyện còn lại cũng mở được từ 4 đến 6 lớp, toàn tỉnh đã mở được 1.255 lớp, với 29.808 học viên, trong số này có 6.519 học viên là cán bộ xã.

Công tác y tế bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng được Đảng bộ hết sức quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Từ cuối năm 1950, hệ thống y tế từ tỉnh xuống các huyện đã tương đối hoàn chỉnh, riêng đội ngũ cán bộ y

tế ở xã đã có trên 100 người. Năm 1952, ngành Y tế tỉnh đã mở lớp đào tạo y tá và mở rộng việc huấn luyện cứu thương, vệ sinh viên cho cơ sở. Đến năm 1953, bình quân mỗi xã trong tỉnh có 3 cán bộ y tế, bao gồm y tá, hộ sinh và vệ sinh viên. Nhờ những cố gắng lãnh đạo của đảng bộ đối với công tác y tế nên trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp tuy gian khổ, phương tiện và điều kiện chữa bệnh rất nghèo nàn, nhưng trên địa bàn không xảy ra những trận dịch bệnh lớn. Trận dịch đầu mùa xảy ra ở tỉnh đầu năm 1954 vừa xuất hiện đã nhanh chóng bị bao vây, dập tắt. Về công tác chữa bệnh, mặc dù rất thiếu thầy thuốc có trình độ chuyên môn cao, thiếu thuốc và thiếu phương tiện khám, chữa bệnh, nhưng các cơ sở khám chữa bệnh ở tỉnh và các huyện đều có nhiều cố gắng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Trong 6 tháng đầu năm 1954, riêng Bệnh viện Kép le (nay là bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên) đã điều trị khỏi cho hơn 300 bệnh nhân và cấp phát thuốc cho hơn 5.000 bệnh nhân khác.

Sau chiến thắng Biên Giới 1950, quân và dân ta bước vào một thời kỳ mới, thời kỳ phản công và tấn công nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, mở rộng và củng cố vùng tự do, xây dựng những căn cứ du kích vững mạnh ở vùng sau lưng địch. Trên thế chủ động, ta đã liên tiếp mở các chiến dịch Trần Hưng Đạo

(Trung Du), Quang Trung (Hà Nam Ninh), Lý Thường Kiệt (Nghĩa Lộ, Yên Bái), do đó nhu cầu đảm bảo giao thông, vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, phương tiện chiến đấu cung cấp cho các chiến trường ngày càng lớn. Để đảm bảo cho giao thông, vận tải, phục vụ các chiến dịch trong điều kiện địch tăng cường sử dụng không quân đánh phá hệ thống giao thông vận tải Thái Nguyên rất ác liệt và trước đó, nhằm ngăn cản cuộc tấn công đánh lên Thái Nguyên (tháng 10/1950) của địch, ta đã phá hoại một số tuyến đường chính, ngay sau khi chiến dịch "Chó biển" kết thúc, giữa tháng 11/1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định huy động dân công sửa chữa cầu, đường, đặc biệt sửa chữa Đường số 3 và Đường số 13A là hai tuyến giao thông có tính chất huyết mạch của Căn cứ địa Việt Bắc. Thực hiện quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh quyết định thành lập Ban phối hợp làm đường tỉnh. Thành phần gồm đại diện các Tỉnh ủy, Ủy ban, Mặt trận và các ty Công chính, Lâm chính, Y tế, Dân quân và Thông tin - Tuyên truyền. Ở các huyện thành lập Ban chỉ huy công trường các xã thành lập Ban huy động dân công. Nhờ sự lãnh đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, hàng nghìn dân công Thái Nguyên đã hăng hái mang theo dụng cụ, lương thực, thực phẩm lên các công trường, đóng góp 490.381 ngày công, hoàn thành việc khôi phục giao thông, vận tải các

tuyến Bờ Đậu - Chợ Mới (Quốc lộ 3), Bờ Đậu - Đèo Khế (Đường 13A) và Bờ Đậu thị xã Thái Nguyên - Bắc Giang, Km 31 (Quốc lộ 3) - Quán Vương (Định Hoá) - Phú Minh (Đại Từ)... Từ những năm 1951, 1952 khi ta bước vào thời kỳ tổng phản công, giặc Pháp huy động không quân đánh phá ác liệt các trọng điểm giao thông: phà Thác Oánh, cầu Gia Báy, cầu Huy Ngạc, đèo Khế... gây cho ta nhiều khó khăn trong việc đảm bảo giao thông, vận tải. Đảm bảo giao thông, vận tải được Tỉnh uỷ xác định là nhiệm vụ quân sự nặng nề, mang tính quyết liệt của cuộc chiến đấu đối mặt với quân thù, nên các đồng chí cán bộ chủ chốt của cấp uỷ Đảng, chính quyền từ tỉnh xuống cơ sở đều tham gia Ban chỉ huy đảm bảo giao thông các cấp. Ngày 1/4/1951, Tỉnh uỷ đề ra chủ trương "Xúc tiến kế hoạch đảm bảo giao thông, đặc biệt phải chú trọng sửa chữa mặt đường, đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống, đúng thời hạn đã định". Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, ngoài việc chi viện hàng nghìn lao động cho các tỉnh bạn mở đường và vận chuyển hàng hoá ra mặt trận, nhân dân Thái Nguyên đã đóng góp 134.100 công để sửa chữa và mở rộng các tuyến đường ở địa phương.

Tháng 12/1952 Hội nghị tổng kết công tác đảm bảo giao thông, vận tải năm 1952, do Tỉnh uỷ mở đã khẳng định: Năm 1952, tỉnh ta đạt thành tích khá lớn trong công tác đảm bảo giao thông vận tải. Toàn tỉnh đã huy

động 22.400 dân công đi sửa chữa cầu, đường và vận tải hàng hoá phục vụ chiến dịch, vượt 1600 người so với chỉ tiêu trên giao. Trong số 22.400 dân công được huy động có nhiều người vừa đi dân công 4 tháng ở Tây Bắc trở về. Mặc dù đời sống vật chất và tinh thần rất khó khăn, tuy phải ăn sắn, ăn cháo nhưng ở công trường Đèo Khế, dân công xã Túc Duyên, Đống Hỷ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên) vẫn làm vượt chỉ tiêu năng suất lao động, hoàn thành nhiệm vụ trước thời hạn. Hội nghị cũng đã thẳng thắn vạch ra một số thiếu sót, khuyết điểm: Số người đông, công cụ lao động (xẻng, cuốc) thiếu, nên dẫn đến lãng phí nhân lực (một đơn vị dân công của huyện Võ Nhai, có người chỉ có dụng cụ để làm 2 ngày trong 1 tuần, số người đứng chơi nhiều hơn số người có dụng cụ làm việc. Đường Bờ Đậu - Chợ Mới dự kiến làm 15.578 công, thực tế làm hết 25.439 công, lãng phí 7901 công. Trên các công trường, chỉ tiêu công gián tiếp chỉ có 9.430 công, thực tế đã lên tới 18.600 công, lãng phí 9.170 công.

*

* *

Về phía địch, tuy liên tiếp bị thất bại trên khắp các chiến trường và rất lúng túng, bị động, nhưng với bản

chất ngoan cố và hiếu chiến, lại được đế quốc Mỹ hà hoi, tiếp sức, đầu năm 1953, quân Pháp tập trung nhiều máy bay và bom, đạn đánh phá ác liệt hệ thống giao thông, nhằm ngăn chặn công tác vận chuyển vũ khí, lương thực của ta từ Căn cứ địa Việt Bắc ra mặt trận. Chỉ tính từ tháng 2 đến tháng 6/1953, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, theo thống kê chưa đầy đủ, giặc Pháp đã huy động máy bay đánh phá 36 trận, (mỗi trận trung bình từ 1 máy bay đến 10 máy bay, cá biệt có trận từ 14 đến 18 máy bay các loại), ném 436 quả bom (có 117 quả bom Napan), làm chết 55 người, bị thương 38 người, phá hủy nhiều nhà cửa, thóc gạo, giết hại nhiều trâu, bò, gà, lợn của nhân dân ta. Về đánh phá giao thông, vận tải máy bay địch bắn cháy của ta một xe ô tô, đánh phá ác liệt các bến phà Huy Ngạc (Đại Từ), Thác Oánh, Minh Lý, Trại Cài (Đông Hy), làm đắm 7 phà (mỗi phà trị giá 6 triệu đồng). Đêm 2/6/1953, máy bay địch thả pháo sáng dọc đường Bờ Đậu - Đèo Khế để đánh phá giao thông, bắn cháy của ta 1 xe ô tô. Liên tiếp 3 ngày 4,5,6 tháng 6-1953 máy bay địch bắn cháy 3 phà ở bến phà Oánh trong khi nước lũ lên cao làm cho giao thông bị ách tắc. Từ 10h đến 13h ngày 23-6-1953, 5 máy bay địch đã ném nhiều bom phá và bom Napan xuống dọc sông bến phà Trại Cài (đường Giang

Tiên đi Linh Nham) làm đắm 1 phà 10 tấn, dẫn đến giao thông của ta ở đây bị gián đoạn.

Trước tình hình địch đánh phá ác liệt hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ các cấp về nhiệm vụ đảm bảo giao thông, vận tải thời chiến, từ ngày 24 đến ngày 26/2/1953, Tỉnh uỷ mở Hội nghị quán triệt tình hình, nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến cho cán bộ các cơ quan Tỉnh uỷ, Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh, các công trường, các ngành Tỉnh đội, Công an, các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ và các đồng chí huyện uỷ viên phụ trách các công trường. Tiếp đó, các huyện tổ chức học tập, quán triệt nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến cho 1365 cán bộ huyện, xã và cán bộ các đại đội dân công. Tỉnh uỷ quyết định kiện toàn Ban chỉ huy công trường tỉnh do đồng chí Nguyễn Trọng Duệ. (Trưởng ty Giao thông) làm chỉ huy trưởng và đồng chí Ngô Văn Viên là Trưởng ban Cung cấp.

Để bảo vệ các tuyến đường giao thông quan trọng, ngày 23/4/1953, Tỉnh uỷ quyết định thành lập Ban bảo vệ cầu, đường các cấp tỉnh, huyện, xã dọc các tuyến giao thông, làm nhiệm vụ tổ chức tuần tra, canh gác ở các trọng điểm giao thông, các nơi xung yếu. Thực hiện quyết định của Tỉnh uỷ, Tỉnh đội phối hợp với Công an tỉnh tổ chức các tổ tuần tra, các trạm kiểm soát giao thông dọc Quốc lộ 3 từ Chợ Mới về Bờ Đâu, dọc

Đường 13A từ Bờ dậu đi Đèo Khế, dọc đường Giang Tiên - Linh Nham - Bắc Giang và dọc đường Km 31 - Quán Vương - Bình Thành - Phú Minh.

Để có lực lượng cơ động, đảm bảo giao thông vận tải ở những nơi trọng điểm, xung yếu khi bị địch đánh phá, theo quyết định của Tỉnh uỷ, ban chấp hành Tỉnh đoàn Thanh niên đã tổ chức thành lập hai đại đội thanh niên xung phong chủ lực cầu, đường. Đại đội 211 (Đồng Hỷ) quân số 136 cán bộ, chiến sĩ (có 18 nữ), biên chế thành hai trung đội do đồng chí Phúc làm đại đội trưởng kiêm chính trị viên, đồng chí Dung làm đại đội phó. Đại đội có 1 đảng viên sinh hoạt ghép với chi bộ Ty Công chính và 18 đoàn viên thành lập 1 chi đoàn. Đại đội 212 (Đại Từ) quân số 149 cán bộ chiến sĩ (có 20 nữ), biên chế thành 3 trung đội do đồng chí Thành làm đại đội trưởng, đồng chí Hiên làm chính trị viên, đồng chí Cao Thanh làm đại đội phó. Đại đội có 8 đảng viên thành lập 1 chi bộ và 45 đoàn viên thành lập 1 chi đoàn. Mặc dù mới thành lập, điều kiện ăn, ở còn nhiều khó khăn, thiếu thốn (30 đồng chí thiếu quần, áo, một số đồng chí thiếu màn), nhưng cán bộ, chiến sĩ các đại đội 211 và 212 có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, đảm bảo 85% quân số làm việc, luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cơ động, đảm bảo giao thông, vận tải kịp thời, thông suốt ở những nơi xung yếu.

Nhờ Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác giao thông - vận tải, nên năm 1953 Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến, sửa chữa kịp thời các tuyến Quốc lộ 3, Quốc lộ 1B, Tỉnh lộ 13A Bờ Đậu - Đèo Khế và các đường Linh Nham - Giang Tiên; Km 31 - Quán Vương - Khuôn Ngàn; Dốc Đình - Dốc Điệp - đường vòng Đèo Khế, với khối lượng đào, đắp hơn 123.900 m³ đất, 22.634m³ đá, khai thác 1534,5m³ gỗ làm cầu với tổng số 900.000 công dân công và 29.595 công thợ, huy động 2168 tấn thóc cho việc đảm bảo giao thông - vận tải.

Cuối tháng 11/1953, Thái Nguyên được Liên khu I giao nhiệm vụ vận chuyển 500 tấn lương thực từ các kho phía nam lên các kho phía bắc tỉnh, vừa để phòng địch tấn công, càn quét, cướp phá, vừa đảm bảo cho nhu cầu kháng chiến. Tuy thời gian gấp rút, nhưng Đảng bộ đã lãnh đạo huy động kịp thời 5.997 dân công, 450 xe đạp thồ, 200 xe trâu kéo, 20 xe goòng, trong vòng 13 đêm đã vận chuyển gần 509 tấn gạo từ phía nam lên phía bắc tỉnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Liên khu giao trước 2 ngày.

I

Ngoài ra, cùng thời gian trên, Đảng bộ còn lãnh đạo nhân dân trong tỉnh hoàn thành việc xây sát 536 tấn

thóc và tiếp nhận 200 tấn thóc của tỉnh Bắc Giang chuyển lên, đưa vào các kho dự trữ đảm bảo an toàn.

Để đảm bảo giao thông vận tải phục vụ chiến dịch Tây Bắc và chiến dịch Điện Biên Phủ, đầu năm 1954, Tỉnh uỷ quyết định tập trung cán bộ các ngành Thanh niên, Nông hội và Ban Kiểm tra Tỉnh uỷ xuống giúp các huyện huy động dân công lấp hố phá hoại, sửa chữa cầu, đường các tuyến Quốc lộ 1B và Tỉnh lộ 13A. Từ tháng 2 đến tháng 6/1954, ngoài việc huy động hai đợt, 9559 dân công đi làm đường, phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, Thái Nguyên còn thành lập 115 tổ bảo vệ, với trên 1900 tổ viên làm nhiệm vụ bảo vệ những đoạn đường xung yếu trên các tuyến giao thông quan trọng; sửa chữa cầu, đường khi bị máy bay địch đánh phá, đảm bảo giao thông vận tải luôn kịp thời, thông suốt. Đảm bảo giao thông vận tải thời chiến đã trở thành một trong những đóng góp lớn nhất của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc và cán bộ chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với các cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm trường kỳ và anh dũng của dân tộc.

Cũng từ sau chiến thắng Biên Giới 1950, ta liên tiếp mở các chiến dịch lớn, nhu cầu chi viện lực lượng cho các chiến trường trở nên hết sức cấp bách. Nhiệm vụ

xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương rộng khắp, vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu tại chỗ và chỉ viện chiến trường đã được Đảng bộ xác định là một nhiệm vụ trọng tâm phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Cuối năm 1950, lực lượng bộ đội địa phương của tỉnh có các cơ quan tỉnh đội, huyện đội và 8 đại đội (1 đại đội của tỉnh và 7 đại đội của huyện); lực lượng dân quân, du kích trung bình ở mỗi xã có từ 1 trung đội đến 1 đại đội. Qua thực tiễn chiến đấu, trình độ tổ chức, chỉ huy của cán bộ, trình độ kỹ, chiến thuật của chiến sĩ các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã được nâng lên. Để có lực lượng đề phòng địch tấn công, bảo vệ Căn cứ địa, sẵn sàng chỉ viện cho các chiến trường chuẩn bị đánh lớn, cuối năm 1950, thực hiện chủ trương của Bộ và Liên khu, Tỉnh uỷ Thái Nguyên quyết định thành lập hai tiểu đoàn bộ đội địa phương mang phiên hiệu Tiểu đoàn 426 và Tiểu đoàn 427. Do điều kiện khó khăn của tỉnh trong việc đảm bảo nuôi dưỡng và trang bị, nên đầu năm 1951, Ban chỉ huy Tỉnh đội mới thành lập được một tiểu đoàn mang phiên hiệu tiểu đoàn 426. Tiểu đoàn 426 thành lập trên cơ sở cán bộ, chiến sĩ Đại đội 150 (bộ đội địa phương tỉnh), được Ban chỉ huy Tỉnh đội bổ sung thêm cán bộ, chiến sĩ ở các cơ quan tỉnh đội, huyện đội và các đại đội bộ đội địa phương các huyện, do đồng chí Phùng Việt Sáng, (Đại đội trưởng Đại đội 150) giữ chức Tiểu đoàn phó, quyền Tiểu đoàn

trưởng; Vũ Đình Trụ (Chính trị viên Đại đội 223 bộ đội địa phương huyện Đông Hỷ) giữ chức Chính trị viên Tiểu đoàn. Giữa năm 1951, Liên khu điều động chỉ huy Hoàng Bình Kim về làm Tiểu đoàn trưởng và đồng chí Trọng Hoà về làm Chính trị viên phó Tiểu đoàn. Sáu tháng cuối năm 1951, Tiểu đoàn 426 bổ sung cho bộ đội chủ lực 381 cán bộ, chiến sỹ (bằng quân số của cả tiểu đoàn). Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ lãnh đạo mở cuộc vận động dân quân, du kích bổ sung cho cho bộ địa phương huyện, bộ đội địa phương huyện bổ sung cho bộ đội địa phương tỉnh. Cuộc vận động này được cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh tiến hành liên tục, nên 6 tháng đầu năm 1952 đã có 680 dân quân du kích được bổ sung cho bộ đội địa phương. Nhờ đó, Ban chỉ huy Tỉnh đội kiện toàn đủ quân số cho Tiểu đoàn 426 và thành lập thêm 2 đại đội 255 và 256 làm nhiệm vụ đối không. Để đáp ứng nhu cầu phát triển lực lượng, Ban chỉ huy Tỉnh đội mở lớp đào tạo được 61 cán bộ chỉ huy từ cấp tiểu đội đến cấp đại đội. Do phải tiếp tục bổ sung quân số đi xây dựng các đơn vị bộ đội chủ lực nên cuối năm 1952, tiểu đoàn 426 chỉ còn đủ quân số để biên chế 2 đại đội bộ binh, 1 trung đội trợ chiến và cơ quan tiểu đoàn bộ. Tiểu đoàn 426 được đổi phiên hiệu thành Tiểu đoàn 68.

Thực hiện chủ trương tinh binh, tinh cán, trong những năm 1951, 1952, cơ quan Tỉnh đội giảm từ 189

cán bộ, chiến sĩ xuống chỉ còn 45 người. Cơ quan huyện đội quân số từ 25 giảm xuống còn 15, trong đó chỉ có 3 đến 4 cán sự làm công tác dân quân.

Ở cơ quan Tỉnh đội và các huyện đội công việc ứ đọng, nhiều vấn đề đặt ra không được giải quyết kịp thời, lực lượng dân quân, du kích số lượng giảm mạnh. Sớm nhận rõ những thiếu sót trên, đầu năm 1953, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định củng cố lực lượng dân quân du kích. Các cấp ủy Đảng cử nhiều đảng viên vào các Ban chỉ huy xã đội và trung đội, đại đội dân quân, du kích; chỉ tính riêng 53 xã trên tổng số 81 xã trong tỉnh đã kết nạp thêm được 1.257 dân quân, du kích. Ngoài ra, các cơ sở đã rà xét, thanh thải 229 người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi lực lượng bán vũ trang địa phương, trong đó xã Phúc Xuân (huyện Đông Hy) thanh thải 21 trên tổng số 36 du kích xã.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân, du kích, ngày 7/12/1953, Thường trực Tỉnh ủy chỉ thị cho các cấp ủy đảng phải khẩn trương đưa đảng viên vào dân quân, du kích, đưa cấp ủy viên vào các ban chỉ huy xã đội. Đầu năm 1954, Tỉnh ủy đề ra chủ trương "xây dựng lực lượng vũ trang địa phương phải đảm bảo bổ sung quân số cho bộ đội chủ lực đủ chỉ tiêu trên giao, kiện toàn đủ quân số bộ đội địa phương và dân quân, du kích, đào tạo đủ cán bộ tiểu

đội cho bộ đội địa phương và cán bộ xã đội, cán bộ chỉ huy dân quân du kích, chấn chỉnh lực lượng du kích ở các xã dọc tuyến đường giao thông quan trọng, các xã giáp danh vùng tạm chiến, những nơi hẻo lánh. Giáo dục, điều dặt dân quân, du kích ở những nơi cải cách ruộng đất. Ban chỉ huy Tỉnh đội cử một số cán bộ đi xuống cơ sở xây dựng về chính trị và quân sự ở những nơi trọng điểm và tranh thủ "rèn cán, chỉnh quân" cho các đơn vị.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Ban chỉ huy Tỉnh đội tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ chỉ huy xã đội, trung đội, đại đội dân quân, du kích; chỉ đạo các huyện bổ sung hoàn chỉnh phương án tác chiến, đề phòng địch tấn công; kiện toàn xong quân số các đại đội bộ đội địa phương huyện và Tiểu đoàn 68 bộ đội địa phương tỉnh; tuyển được 507 thanh niên vào quân đội. Lực lượng vũ trang tỉnh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Trung tâm Căn cứ địa - Thủ đô kháng chiến; tham gia giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên toàn địa bàn; bổ sung kịp thời và đầy đủ lực lượng cho các chiến trường. Những thành tích đó là kết quả lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ trong việc xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương.

Qua gần 7 năm kể từ chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947 đến ngày hoà bình lập lại, (tháng 7/1954), Đảng bộ đã trực tiếp lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang Thái Nguyên lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc. Trước hết Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh góp phần rất quan trọng cùng với quân và dân cả nước đánh thắng 2 cuộc tấn công lớn của giặc Pháp lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, bảo vệ tuyệt đối an toàn Trung tâm Căn cứ địa - Thủ đô kháng chiến của cả nước và Bác Hồ kính yêu; lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều thành tựu to lớn; giúp Trung ương rút được nhiều bài học kinh nghiệm quý trong lãnh đạo và chỉ đạo thí điểm giảm tô, cải cách ruộng đất và thực hiện chính sách thuế nông nghiệp; lãnh đạo các nhiệm vụ xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương ngày càng lớn mạnh và trưởng thành, thực sự làm nòng cốt trong phong trào toàn dân đánh giặc; hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến; chi viện kịp thời và đầy đủ sức người, sức của cho các chiến trường. Tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ, cũng như bộ máy chính quyền, đoàn thể các cấp trong tỉnh được củng cố, xây dựng ngày càng lớn mạnh. Với những thành tích đặc biệt

xuất sắc đó, nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Thái Nguyên đã vinh dự được Đảng và Nhà nước, Quốc hội phong tặng danh hiệu cao quý "Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Những thành tích đặc biệt xuất sắc đó chính là cơ sở để Đảng bộ lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh tiến lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau này.

Chương IV

LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC, CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – VĂN HOÁ - XÃ HỘI; CHUẨN BỊ CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (8/1954 - 6/1965)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, ngày 21/7/1954, tại Giơ ne vơ (Thụy Sĩ) Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương đã được ký kết. Theo Hiệp định này, nước ta tạm thời bị chia làm 2 miền, với hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, nhưng có quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tạm thời dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, phải tiếp tục đấu tranh để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.

Hoà bình lập lại, cùng với các tỉnh, thành khác trên miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên bước vào thời kỳ mới: thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất của chủ

ngành xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, góp phần xây dựng và củng cố miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong kháng chiến chống Pháp, Thái Nguyên là vùng tự do, là Trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc, Thủ đô kháng chiến của cả nước, là nơi các cơ quan đầu não của Trung ương, Hồ Chủ tịch và các đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng, Chính phủ, Quân đội ở và làm việc, là nơi ra đời và đứng chân của nhiều binh đoàn chủ lực, nơi đồng bào trong vùng địch tạm chiếm (nhất là đồng bào ở các tỉnh Hà Đông, Hà Nội) tản cư đến, làm ăn, sinh sống và tham gia kháng chiến.

Hoà bình lập lại, các cơ quan đầu não của Trung ương trở về thủ đô Hà Nội; một số binh đoàn chủ lực rút về xuôi; đồng bào tản cư trở về quê cũ, tỉnh Thái Nguyên vừa mất đi cái nhộn nhịp của Thủ đô kháng chiến, vừa bị hẫng hụt do không còn sự giúp đỡ trực tiếp về nhiều mặt, nhất là sự giúp đỡ về văn hoá-xã hội, của các cơ quan, đơn vị nói trên.

Về phía địch, bị thất bại trong chiến tranh, phải rút khỏi miền Bắc theo tinh thần Hiệp định Giơ - ne - vơ, nhưng thực dân Pháp vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược, thôn tính và đô hộ nước ta. Trước khi rút, chúng ra sức phá hoại các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp,

tuyên truyền, lừa phỉnh, dụ dỗ, cưỡng ép những người trước đây đã làm việc trong bộ máy chính quyền tay sai của chúng và đồng bào theo đạo Thiên chúa di cư vào Nam. Ở Thái Nguyên, chúng cho những tên tay sai phản động đội lốt các chức sắc, tôn giáo từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định lên, dùng thân quyền để tuyên truyền, mê hoặc, thúc ép giáo dân di cư. Chúng phao tin: "Chúa đã vào Nam, phải theo chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu đời linh hồn"; "vào Nam là chọn tự do, vào Nam sẽ được chia ruộng" và đe dọa: "Sau khi hết thời hạn di cư, Mỹ sẽ dùng bom nguyên tử ném xuống miền Bắc..."⁽¹⁾. Trước những luận điệu tuyên truyền lừa gạt, dụ dỗ, cưỡng ép của địch, nhiều giáo dân trong các xứ đạo ở Thái Nguyên đã hoang mang, dao động. Một số giáo dân nhẹ dạ, cả tin, bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn di cư vào Nam. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh diễn ra hết sức phức tạp. Đây là một trong những khó khăn không nhỏ của Đảng bộ trong những ngày hoà bình mới lập lại.

Được sống trong hoà bình, độc lập, tự do là nguồn động viên, là động lực to lớn thúc đẩy nhân dân các dân tộc Thái Nguyên vượt qua mọi khó khăn để xây dựng cuộc sống mới. Nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ là tiếp tục lãnh đạo nhân dân hoàn thành cuộc cải cách

⁽¹⁾ Lịch sử Công an nhân dân Bắc Thái 1955-1975 - xuất bản tháng 5/1995

ruộng đất; khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế sau chiến tranh; cải tạo các thành phần kinh tế tư bản, tư nhân; xây dựng và phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc miền Bắc, sẵn sàng chi viện sức người, sức của cho miền Nam.

Để ngăn chặn bọn phản động cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam, từ cuối 1954 Tỉnh ủy đã lãnh đạo mở nhiều lớp tuyên truyền, bồi dưỡng, học tập chú trương, chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Chính phủ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tỉnh đã tập trung 24 cán bộ, thành lập 8 đoàn công tác đưa xuống 12 xã⁽¹⁾ của 4 huyện Đông Hỷ, Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên, (là những nơi có đông đồng bào công giáo cư trú đang bị kẻ xấu lôi kéo, dụ dỗ di cư) để nắm tình hình và tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng, vạch rõ âm mưu thâm độc của địch và vận động nhân dân tăng gia, sản xuất. Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh giao cho lực lượng công an điều tra, vạch trần bộ mặt của những tên phản động, tay sai của địch, bắt và đưa ra xét xử, phạt tù một số tên cầm đầu. Trước những việc làm kịp thời, kiên quyết của các cấp bộ Đảng và chính

⁽¹⁾ Đó là các xã:

- Tân Cương, Phúc Trìu, Đông Tiên, Linh Sơn, Cam Giá (huyện Đông Hỷ)
- Tân Thái, Hùng Sơn (huyện Đại Từ).
- Quyết Tiến, Tân Kim (huyện Phú Bình).
- Thuận Thành, Tân Tiên (huyện Phổ Yên).

quyền trong tỉnh, đông đảo giáo dân đã nhận ra âm mưu thâm độc của kẻ thù, yên tâm làm ăn, sinh sống, một số người đã di cư, nay lại trở về quê cũ. Tình hình giáo dân di cư dần dần lắng xuống.

Là Trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc - Thủ đô kháng chiến của cả nước, trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên sớm được hưởng nhiều thành quả của các chính sách kinh tế - xã hội do Đảng và Nhà nước ban hành. Đó là những điều kiện thuận lợi để các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và đóng góp cho kháng chiến. Tuy nhiên, do hoàn cảnh chiến tranh, nên việc thực hiện các chính sách trên còn nhiều khó khăn, hạn chế. Cơ sở vật chất, kỹ thuật đầu tư cho sản xuất không đáng kể; thường xuyên bị máy bay địch ném bom, bắn phá (nhất là những năm cuối của cuộc chiến tranh) nên nhiều cây số đường giao thông, nhiều cầu, cống, kho tàng của Nhà nước, nhà cửa của nhân dân bị tàn phá; hàng ngàn con trâu, bò bị giết hại; các công trình thủy lợi đập Vạn Giã, đập Thác Huống bị địch ném bom phá hỏng từ năm 1952 vẫn chưa có điều kiện sửa chữa, gây khó khăn lớn cho sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó trình độ canh tác của nhân dân trong tỉnh còn hết sức lạc hậu, nên năng suất lúa và cây trồng thấp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, "giặc đói" còn là mối đe dọa thường xuyên trong nhiều gia đình.

Để giải quyết những khó khăn về kinh tế, trước hết là khó khăn về lương thực, từ cuối năm 1954, Đảng bộ đã lãnh đạo chính quyền các cấp trong tỉnh phát động "Phong trào thi đua phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, cứu đói" với các nội dung : khai hoang mở rộng diện tích, sửa chữa các công trình thủy lợi, nạo vét kênh mương, làm thêm cọn nước, trong đó nhiệm vụ phục hồi hoạt động của hệ thống thủy lợi sông Máng được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Để phục hồi hoạt động hệ thống thủy lợi sông Máng, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh đã thành lập Ban chỉ huy công trường do một đồng chí Phó Chủ tịch tỉnh phụ trách; các huyện đã khai thác, cung cấp hàng trăm mét khối gỗ, hàng chục ngàn cây tre; huy động hơn một ngàn lượt dân công lao động liên tục gần 3 tháng trên các công trường phục hồi đập Vạn Giã và đập Thác Huống; hơn hai ngàn dân công làm nhiệm vụ vét bùn, sửa chữa kè, cống dọc sông Máng. Để sự phối hợp hoạt động của công trường với các huyện có sông Máng chảy qua được tốt và chặt chẽ, Tỉnh ủy cử đồng chí Bí thư huyện ủy Phú Bình tham gia Ban chỉ huy công trường. Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự nỗ lực phấn đấu, không quản khó khăn, vất vả, mưa, rét của hàng ngàn người trên các công trường, nên cuối năm 1954, toàn bộ hệ thống thủy lợi sông Máng đã được phục hồi, đảm bảo cung

cấp nước tưới cho hàng ngàn héc ta ruộng, đất của hai huyện Đông Hỷ, Phú Bình tỉnh Thái Nguyên và một số huyện của tỉnh Bắc Giang.

Song song với việc lãnh đạo khôi phục, sửa chữa các công trình thuỷ lợi, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân tăng cường gieo, trồng các loại cây lương thực ngắn ngày (ngô, khoai, sắn)... Năm 1955, mặc dù bị hạn hán và sâu bệnh phá hoại nặng, nhưng tổng sản lượng lương thực của tỉnh vẫn đạt 96.854 tấn (trong đó lúa đạt 54.753 tấn). Các chính sách tiết kiệm, không dùng lương thực để nấu rượu, làm quà bánh được các cấp bộ Đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo tốt; công tác thu mua, phân phối, hỗ trợ lương thực cho những nơi khó khăn, mất mùa được kịp thời, nhờ đó nạn đói được ngăn chặn, đẩy lùi.

Phát huy thành tích phát triển sản xuất nông nghiệp năm 1955, liên tiếp hai năm 1956, 1957, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã hăng hái thi đua khai hoang, phục hoá, thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng, đưa diện tích cấy lúa năm 1957 lên 50.072 ha, (tăng gần 4000 ha so với năm 1955). Các biện pháp kỹ thuật cày sâu, bừa kỹ, cấy dầy, tăng cường phân bón, đắp bờ giữ nước, làm cỏ sục bùn tiếp tục được duy trì và phát triển, vì vậy năng suất các loại cây lương thực tiếp tục được tăng lên. Năm 1957 năng suất lúa tăng 2,4 tạ/ha so với năm 1955; tổng sản lượng lúa đạt 71.160 tấn, tổng sản lượng hoa màu các loại đạt hơn 20.000 tấn"

không những đáp ứng nhu cầu bảo đảm lương thực cho nhân dân trong tỉnh mà còn đóng góp cho Nhà nước trên 10.000 tấn lương thực.

Các loại cây công nghiệp (bông, lạc, vừng, mía)... tuy có được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, đầu tư phát triển, nhưng kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương. Chè búp khô là đặc sản của Thái Nguyên nổi tiếng từ lâu, nhưng cũng không được đầu tư thoả đáng, từ việc trồng mới, chăm sóc, đến việc chế biến và tiêu thụ sản phẩm đều do nhân dân tự làm, nên nhìn chung năng suất, sản lượng đều thấp.

Về chăn nuôi gia súc, được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo đầu tư về chuồng trại và thức ăn, nên chỉ trong hơn 2 năm (1955 - 1957) đàn trâu, bò của tỉnh đã đạt 14.600 con, đàn lợn đạt 23.000 con, không những đáp ứng đủ sức kéo cho sản xuất nông nghiệp và nhu cầu thực phẩm của nhân dân địa phương mà còn cung cấp cho nhân dân ở một số tỉnh miền xuôi.

Về công nghiệp của Thái Nguyên (chủ yếu là công nghiệp khai khoáng) vốn nhỏ bé và lạc hậu, lại bị đình đốn do chiến tranh nên càng mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế địa phương. Sau hoà bình lập lại, Đảng bộ quan tâm lãnh đạo phát triển công nghiệp, trong đó chú trọng nhất là phát triển các cơ sở cơ khí chế tạo nông cụ sản xuất và chế biến lâm sản. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng từ 3,04 triệu đồng năm

1955 lên 4.9 triệu đồng năm 1957, tỷ trọng so với nông nghiệp tăng 1,5%.

Nhằm nhanh chóng phục hồi hệ thống đường xe lửa miền Bắc, quý 4 năm 1954, Thái Nguyên được Trung ương giao chỉ tiêu khai thác 55.000 thanh tà vẹt. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã thành lập Ban lãnh đạo khai thác gỗ làm tà vẹt và mở nhiều công trường khai thác gỗ ở các xã Văn Lãng (Đại Từ), Tân Hoà (Định Hoá), Yên Cừ (Phú Lương), Tân Cương (Đông Hỷ). Từ quý 4 năm 1954 đến hết tháng 12 năm 1955, toàn tỉnh đã khai thác gỗ làm được 59.500 thanh tà vẹt, vượt chỉ tiêu Trung ương giao 4.500 thanh, góp phần thiết thực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội miền Bắc trong giai đoạn này.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục của tỉnh cũng có bước phát triển vượt bậc. Với nhiều hình thức tổ chức học tập phong phú, từ năm 1955 đến năm 1957 Thái Nguyên đã có gần 15.000 người trong độ tuổi được thanh toán nạn mù chữ, hơn 16.000 người tham gia học tập trong các lớp dự bị bình dân, 4.700 người theo học các lớp bổ túc văn hoá.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, trong các tháng giáp hạt, nhiều gia đình còn phải chạy ăn từng bữa, nhưng nhân dân các dân tộc trong tỉnh vẫn tạo mọi điều kiện thuận lợi để con, em mình được đến trường học tập. Mỗi năm nhân dân đã dành hàng ngàn ngày

công để xây dựng, tu sửa, đảm bảo trường, lớp tuy còn đơn sơ, chủ yếu là "tranh - tre - nứa - lá", nhưng đủ chỗ cho con em học tập. Tổng số học sinh năm học 1956 - 1957 là 15.774 em, tăng 1.250 em so với năm học 1955 - 1956 và gấp 7.8 lần so với năm học 1939 - 1940, (là năm học Thái Nguyên có số học sinh cao nhất dưới thời thuộc Pháp).

Công tác thông tin - tuyên truyền cũng được các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Hầu hết các thôn, xóm, làng, bản đều thành lập các tổ, đội thông tin lưu động, hàng ngày, hàng tuần theo dõi, tổng hợp, phổ biến cho nhân dân tình hình thời sự, kinh tế, văn hoá - xã hội, thế giới, trong nước, trong tỉnh. Các hình thức biểu diễn văn nghệ "cây nhà, lá vườn" kịp thời biểu dương những gương người tốt, việc tốt; phê phán, lên án, ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, những hủ tục ma to, cưới lớn và các việc làm xấu khác đã góp phần xây dựng cuộc sống mới ở địa phương.

Về công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân tuy có cố gắng, nhưng do có nhiều khó khăn về cả chủ quan và khách quan, nên còn nhiều bất cập. Trong kháng chiến chống Pháp, Thái Nguyên được đội ngũ cán bộ y tế các cơ quan, đoàn thể của Trung ương, Chính phủ, Quân đội đóng trên địa bàn giúp đỡ nhiều trong việc khám, chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân. Hoà bình lập lại, các cơ quan, đơn vị của Trung ương và Quân đội... rút

đi, trong khi mạng lưới y tế của tỉnh chưa đủ lớn mạnh để bù đắp, nên việc khám chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân trong tỉnh có sự hẫng hụt lớn. Đầu năm 1957, toàn tỉnh mới có 37 cán bộ y tế, trong đó 4 y sỹ trung cấp, 6 nữ hộ sinh trung cấp và 27 y tá với 40 giường bệnh ở hai bệnh xá của tỉnh và 25 giường bệnh của 7 cơ sở y tế ở 7 huyện, hàng năm chỉ đảm bảo khám và điều trị bệnh cho khoảng hơn 1000 người. Các phòng y tế của các huyện chủ yếu làm nhiệm vụ khám bệnh, phát thuốc, mặc dù chỉ là những loại thuốc thông thường nhưng cũng rất thiếu. Tình trạng ốm, đau thiếu thuốc hoặc không có thuốc còn khá phổ biến, nhất là ở những xã vùng sâu, vùng xa. Các dịch bệnh sốt rét, đau mắt hột, bệnh đường ruột... có nguy cơ bùng phát trở lại.

Về thực hiện chính sách ruộng đất, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo cuộc cải cách ruộng đất đợt I ở 47 xã thuộc 3 huyện Đông Hy, Đại Từ, Phú Bình giành thắng lợi. Hội nghị tổng kết cải cách ruộng đất đợt I tổ chức ngày 12/9/1954 đã khẳng định: Sau hơn 100 ngày đấu tranh kiên trì, gay go, phức tạp, cuộc cải cách ruộng đất đợt I đã thắng lợi. Tuy nhiên, cuộc cải cách ruộng đất đợt I cũng còn nhiều khuyết điểm. Các khuyết điểm đó đã được Hồ Chủ tịch chỉ rõ khi Người đến thăm và nói chuyện với Hội nghị "... Lúc học thì nhiều cán bộ cho là hiểu rồi, nhưng lúc làm thì sai. Có người có tư tưởng "thà tá hơn hữu", thế là không đúng. Tá cũng tếu mà

hữu cũng tếu. Phải biết nắm vững chính sách, biết dựa vào quần chúng, biết phân hoá địa chủ...Có một số cán bộ cũ tự kiêu, tự đại, cậy mình đã đi phát động vài đợt rồi, không chịu nghiên cứu chỉ thị cấp trên, lơ là giúp cán bộ mới"⁽¹⁾

Người nhấn mạnh "Các cô, các chú nên nhớ : Vì tình hình thay đổi luôn, nếu không học tập thì thoái bộ, thoái bộ thì không thể thành công"⁽²⁾

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch, từ ngày 22/10/1954, Đảng bộ Thái Nguyên tiếp tục lãnh đạo triển khai cải cách ruộng đất đợt 2 ở 22 xã thuộc các huyện Đại Từ, Đông Hỷ, Phú Bình và Phổ Yên. Cải cách ruộng đất đợt 2 so với cải cách ruộng đất đợt 1 có nhiều thuận lợi do kháng chiến thành công, chiến tranh kết thúc, hoà bình lập lại, nhưng cũng không ít khó khăn, phức tạp do giai cấp địa chủ tìm cách chống đối: phân tán tài sản, mua chuộc, khống chế, đe dọa những người tham gia đấu tố. Nhờ đã rút được kinh nghiệm qua các đợt cải cách ruộng đất thí điểm và cải cách ruộng đất đợt 1, nên sau hơn 2 tháng tiến hành cải cách ruộng đất đợt 2 tại 22 xã, các đội cải cách đã quy 339 địa chủ, 305 phú nông; tịch thu, trưng thu, trưng mua 3181 mẫu ruộng, 1093 con trâu bò, hơn 250 tấn lương

⁽¹⁾⁽²⁾ Hồ Chí Minh : Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, T 7, trang 353 - 354

thực và nhiều nông cụ đem chia cho hơn 7000 hộ nghèo.

Cùng thời gian các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên tiến hành cải cách ruộng đất. Đảng bộ các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Định Hoá cũng lãnh đạo nhân dân ở 73 xã miền núi đấu tranh đòi địa chủ giảm tô, giảm tức thẳng lợi.

Ngày 21/1/1955, Hội nghị tổng kết cải cách ruộng đất đợt 2 được tổ chức. Nhiệm vụ cải cách ruộng đất ở Thái Nguyên kết thúc. Qua các đợt giảm tô và cải cách ruộng đất ở Thái Nguyên, các Đội cải cách đã quy 1.177 gia đình thành phần địa chủ, trong đó 264 địa chủ, cường hào gian ác; 1082 gia đình thành phần phú nông; 377 người bị bắt giam; tịch thu, trưng thu, trưng mua của địa chủ và các loại ruộng đất công, bán công, bán tư (sản phẩm của làng, xã phong kiến) hơn 34.594 mẫu ruộng, 5.133 con trâu bò, 514 tấn thóc cùng hàng ngàn nông cụ, dụng cụ sinh hoạt, nhà cửa, đem chia cho 21.024 gia đình nông dân thành phần bản, cố và trung nông.

Cải cách ruộng đất ở Thái Nguyên kết thúc thẳng lợi, đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ, phong kiến, thủ tiêu hoàn toàn chế độ chiếm hữu ruộng đất và phương thức bóc lột của chúng ở nông thôn đã biến ước mơ “người cày có ruộng” của người nông dân trở thành hiện thực, sức sản xuất của người nông dân ở nông thôn

được giải phóng, tạo ra sự phát triển mới trong nông nghiệp. Uy thế chính trị của giai cấp nông dân, đặc biệt là nông dân thuộc tầng lớp bản, cố nông được xác lập, nhiều người từ thân phận đi ở, làm thuê cho địa chủ, phú nông đã vươn lên tham gia lãnh đạo các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở. Nhân dân lao động được giải phóng khỏi ách áp bức bóc lột, trở thành người chủ thực sự của xã hội; khối liên minh công nông được củng cố và tăng cường, làm cơ sở cho đoàn kết dân tộc và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân.

Bên cạnh những thắng lợi cơ bản trên, trong quá trình giảm tô và cải cách ruộng đất ở Thái Nguyên do không nắm chắc đặc điểm, tình hình địa phương, lại dập khuôn máy móc những biện pháp, phương pháp, chỉ tiêu chung của Trung ương, nên dẫn đến tình trạng quy chụp, đấu tố tràn lan, quy sai thành phần cho nhiều gia đình.

Trong kháng chiến chống Pháp, Thái Nguyên là vùng tự do, nên đã có nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ. Qua các đợt tạm cấp ruộng đất đồn điền của Pháp, đồn điền vắng chủ... cho nông dân, đến trước cải cách ruộng đất, diện tích ruộng đất của địa chủ Thái Nguyên đã bị thu hẹp, chỉ còn khoảng một phần ba so với trước Cách

mạng tháng Tám⁽¹⁾, trong đó chủ yếu là tự canh, diện tích phát canh, thu tô không nhiều, chỉ tập trung ở một số gia đình có người thoát ly, có người đi bộ đội và một số gia đình buôn bán, thiếu nhân lực phải phát canh hoặc thuê người làm. Một số nơi ruộng đất ít, không tập trung, sự phân hoá giàu nghèo chưa rõ, không có địa chủ. Sau Cách mạng tháng Tám, một số địa chủ chạy vào vùng địch, ruộng đất của họ đã bị tịch thu, một số địa chủ phá sản trở thành nông dân lao động, những đối tượng đủ tiêu chuẩn để quy thành phần địa chủ ở Thái Nguyên đến trước cải cách ruộng đất còn lại không nhiều. Do máy móc, giáo điều, các Đội cải cách cố tìm cho đủ chỉ tiêu 5% số hộ là địa chủ ở mỗi xã, mỗi huyện, nên trong 75 xã cải cách ruộng đất đã có tới 1.477 gia đình bị quy thành phần địa chủ (gồm 564 địa chủ cường hào, gian ác, 910 địa chủ thường, 3 địa chủ kháng chiến), đến khi sửa sai phát hiện đã qui sai tới 835 gia đình. Trong số 564 người bị qui là địa chủ cường hào, gian ác có 377 người bị bắt giam, đã có 75

(1) Bình quân chiếm hữu ruộng đất của một nhân khẩu gia đình địa chủ tỉnh Thái Nguyên qua các thời kỳ:

- 1945- 1 nhân khẩu chiếm 7 mẫu 6 sào 7 thước.
- 1949- 1 nhân khẩu chiếm 7 mẫu 3 sào 13 thước
- Trước cải cách ruộng đất - 1 nhân khẩu chiếm 2 mẫu 5 sào.

người bị chết trong nhà tù và trong số 25 người bị qui là có tội ác bị kết án tử hình chỉ có 52% là đúng⁽¹⁾

Trong khi tiến hành cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất, chúng ta còn kết hợp chỉnh đốn tổ chức ở nông thôn mà nội dung chủ yếu là chỉnh đốn tổ chức Đảng. Xuất phát từ nhận thức sai lệch cho rằng: "chi bộ Đảng ở nông thôn đã bị địa chủ, phú nông và bọn phản động lũng đoạn, trong các chi bộ còn nhiều người thuộc thành phần giai cấp bóc lột hoặc có liên quan đến thành phần bóc lột, nên dẫn đến tình trạng chi bộ ở nông thôn yếu kém; phải cải biến thành phần chi bộ sao cho đang viên trong các chi bộ này phải chủ yếu là nhân dân lao động", các Đội cải cách đã đưa 1.074 đảng viên, trong đó có hàng trăm cán bộ các cấp ủy Đảng (trên tổng số 3.448 đảng viên ở 75 xã cải cách ruộng đất) bị quy thành phần bóc lột hoặc có liên quan đến giai cấp bóc lột ra phê bình, kiểm điểm, thậm chí nhiều người bị truy bức, cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng, trong đó có 712 người bị oan sai, chiếm 60,6%. Ở các xã Bình Thuận (Đại Từ), Tân Cương (Đồng Hỷ) tỷ lệ oan, sai 100%; huyện Đồng Hỷ xử lý 203 đảng viên, tỷ lệ oan sai tới 71%.

Công tác phát triển Đảng của Đảng bộ thời kỳ này, theo sự chỉ đạo của Trung ương: "hướng sự phát triển

⁽¹⁾ -- Trong số 25 người bị qui là địa chủ, cường hào, gian ác, bị kết án tử hình có bà Nguyễn Thị Năm, năm 1987 đã được UBND tỉnh Bắc Thái sửa sai, hạ thành phần xuống là địa chủ kháng chiến.

vào bản, cố nông", trong hai đợt cải cách ruộng đất. Thái Nguyên đã kết nạp 616 đảng viên (trong đó chỉ có 2 đảng viên thuộc thành phần trung nông). Vì mắc phải sai lầm máy móc, chỉ chú trọng bồi dưỡng, phát triển Đảng đối với những người thuộc thành phần bản, cố nông nên nhiều người thuộc thành phần trung nông có tư cách đạo đức tốt, có năng lực và nhiệt tình công tác không được bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng. Mặt khác, do công tác tuyên truyền giáo dục về Đảng cho các đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên mới kết nạp chưa đầy đủ, nên nhận thức và động cơ vào Đảng của các đối tượng này còn nhiều hạn chế, tính tiên phong gương mẫu chưa cao; nhiều người chưa đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức và năng lực công tác cũng được kết nạp vào Đảng, do đó chất lượng đảng viên được kết nạp trong giai đoạn này thấp, bởi vậy ngay khi vừa kết thúc đợt chỉnh đốn tổ chức, nhiều đảng viên đã không hoạt động, bỏ công tác hoặc xin ra khỏi Đảng. Riêng Đảng bộ huyện Đông Hỷ trong số 224 đảng viên được kết nạp trong giai đoạn này có tới 105 đảng viên yếu, kém.

Nguyên nhân chính của những sai lầm, khuyết điểm trên trước hết thuộc về nhận thức tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng. Do đánh giá sai, dẫn tới không tin vào các cấp bộ Đảng và chính quyền cơ sở, nên Trung ương đã thành lập riêng một tổ chức để thực hiện nhiệm vụ cải cách ruộng đất gọi là Đoàn ủy và các Đội cải cách. Thành phần Đoàn ủy và các Đội cải cách là

những cán bộ, đảng viên trung kiên, tích cực, hăng hái nhiệt tình, nhưng thiếu hiểu biết về tình hình thực tế ở nông thôn cả nước nói chung, nông thôn Thái Nguyên nói riêng (một nông thôn miền núi, có truyền thống và phong trào cách mạng từ lâu). Những sai phạm đã được phát hiện ngay trong quá trình cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức đợt đầu, nhưng đảng viên, cấp ủy Đảng cơ sở đã bị vô hiệu hoá, sinh ra thụ động, thiếu nhạy bén. Một số cán bộ, đảng viên trong Đoàn uỷ và các Đội cải cách ruộng đất có phát hiện được sai lầm nhưng không dám phản ánh, báo cáo lên cấp trên, sợ bị quy chụp là mất lập trường giai cấp; không vì quyền lợi của nông dân... vì trước đó một vài người mạnh dạn nêu ý kiến đã bị định kiến, điều chuyển đi nơi khác.

Khi phát hiện ra sai lầm, Trung ương Đảng đã chỉ đạo các địa phương kiên quyết sửa sai. Tháng 7/1956, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết: "Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức". Tiếp đó tháng 11/1956, Ban chấp hành Trung ương Đảng lại chỉ thị cho các địa phương "phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trung tâm, đợt xuất trong thời gian trước mắt".

Thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương về công tác sửa sai, từ ngày 8 đến ngày 16 /11/1956, Tỉnh ủy Thái Nguyên tổ chức hội nghị mở rộng đến cán

bộ lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể (Tuyên huấn, Công an, Tòa án, Thuế vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên tỉnh) bàn và xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch sửa sai. Ngày 8/12/1956, Tỉnh ủy Thái Nguyên triệu tập 140 cán bộ các cơ quan xung quanh tỉnh và các huyện lên tập huấn, quán triệt các chủ trương, biện pháp, các bước tiến hành sửa sai để chuẩn bị triển khai xuống cơ sở. Tiếp đó, các huyện đồng loạt tổ chức học tập cho cán bộ các cơ quan huyện, cán bộ chủ chốt cấp xã và thành lập các đội sửa sai. Ngày 17/12/1956, các đội sửa sai bắt đầu về các xã làm việc. Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo xã Dân Chủ (huyện Đông Hỷ) làm thí điểm và chỉ đạo mỗi huyện chọn một xã tiến hành sửa sai trước để rút kinh nghiệm triển khai rộng ra toàn tỉnh.

Trước khi học tập chính sách sửa sai, tình hình ở các huyện trong tỉnh đều hết sức phức tạp: tình trạng mất đoàn kết xảy ra phổ biến và khá nghiêm trọng; hiện tượng những người bị đấu tố sai đả kích, đe dọa đánh những người đã tham gia các đội cải cách và những người đấu tố sai xảy ra ở nhiều nơi; nhiều cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động, một số nằm im không hoạt động, một số xin nghỉ công tác, hoặc xin thoát ly khỏi địa phương... dẫn tới tình trạng tổ chức Đảng, chính quyền nhiều nơi yếu, kém.

Với tinh thần "Kiên quyết, kiên trì, thận trọng, đi từng bước vững chắc", các Đội sửa sai đã kiên trì giải thích, động viên nhân dân tham gia học tập và thực hiện chính sách sửa sai. Nhờ Đảng có chủ trương sửa sai đúng đắn, lại được nhân dân đồng tình, ủng hộ, nên công tác sửa sai ở Thái Nguyên đã thu được kết quả tốt. Thông qua sửa sai, Thái Nguyên đã có 835 gia đình bị quy sai là địa chủ, gần 1000 gia đình bị quy sai là phú nông đã được hạ thành phần, hơn 500 đảng viên trên tổng số 712 đảng viên bị xử lý sai trong các đợt chỉnh đốn tổ chức được phục hồi đảng tịch và phục hồi chức vụ, trả lại tự do cho một số người bị bắt oan.

Việc đền bù, trả lại tài sản cho những người bị oan, sai là khâu khó khăn, phức tạp nhất trong quá trình sửa sai, vì nhiều ruộng, đất, trâu, bò, nông cụ của những gia đình được chia trong cải cách đã bị phân tán, do mua bán, chuyển nhượng qua tay người khác, người được chia không còn khả năng trả lại; một số người khác lại không muốn trả lại những tài sản đã được chia; một số người bị quy oan, lợi dụng chính sách sửa sai đòi lại cả những diện tích ruộng đất không nằm trong diện sửa sai; một số cán bộ sửa sai (chủ yếu ở hai huyện Phú Bình và Phổ Yên) năng lực yếu, kém nhiệt tình, không muốn làm việc, sợ lại phạm phải sai lầm... Đến giữa tháng 7/1957, khi được sáp nhập lại về tỉnh Thái

Nguyên⁽¹⁾, hai huyện Phú Bình và Phó Yên vẫn chưa tiến hành sửa sai được. Thực hiện Chỉ thị số 111 ngày 4/3/1958 của Trung ương Đảng về việc yêu cầu Thái Nguyên kiểm điểm “Công tác lãnh đạo sửa sai làm chậm và chưa tốt”. Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, giải quyết dứt điểm công tác sửa sai. Đến cuối năm 1958, gần 10.000 mẫu ruộng, hơn 1.000 con trâu, bò, cùng hàng trăm tấn thóc được trả lại cho chủ cũ. Thái Nguyên căn bản hoàn thành nhiệm vụ sửa sai, đảm bảo được yêu cầu “người bị qui sai và người được chia trong cải cách có đủ điều kiện làm ăn, sinh sống”.

Cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức đã để lại cho toàn Đảng nói chung, Đảng bộ Thái Nguyên nói riêng những bài học kinh nghiệm quý:

Một là: mỗi cuộc vận động cách mạng đều phải căn cứ vào tình hình cụ thể của mỗi quốc gia, mỗi địa phương, tránh dập khuôn, máy móc. Thực hiện các chính sách về ruộng đất phải căn cứ vào điều kiện thực tế khách quan và những đặc điểm riêng của từng vùng; giải quyết quyền lợi ruộng đất cho giai cấp này phải đặt trong mối quan hệ với các giai cấp khác, giữa quyền lợi giai cấp và quyền lợi dân tộc, giữa lợi ích kinh tế và sự ổn định về chính trị, xã hội.

⁽¹⁾ - Khi thành lập Khu tự trị Việt Bắc (năm 1956), huyện Phú Bình tách khỏi tỉnh Thái Nguyên về thuộc tỉnh Bắc Giang, huyện Phó Yên tách khỏi tỉnh Thái Nguyên về thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Hai là: quá trình triển khai các cuộc vận động cần thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; giữ vững nguyên tắc, điều lệ Đảng, nguyên tắc và kế hoạch đào tạo, sử dụng cán bộ; phải luôn có tư tưởng cầu thị, có thái độ đúng đắn, dũng cảm nhận và kiên quyết sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm mắc phải. Đây là yếu tố quan trọng để Đảng khôi phục lòng tin của quần chúng và giữ vững vai trò lãnh đạo cách mạng của mình.

*

* *

Nhằm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, sau khi hoàn thành đợt 2 cải cách ruộng đất và đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ phục hồi kinh tế sau chiến tranh, Thái Nguyên đã cùng với năm tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang tiến hành cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc.

Trong kháng chiến chống Pháp, do đặc điểm của chiến tranh, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến từ Trung ương đến các địa phương, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thành lập các khu, liên khu. Sau hoà bình lập lại các khu và liên khu giải thể, riêng về mặt quân sự vẫn giữ lại tổ chức các quân khu.

Tuy cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc tiến hành giữa lúc nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đang ra sức thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1955 và phần lớn cán bộ chủ chốt của tỉnh và các huyện đang đi làm nhiệm vụ cải cách ruộng đất đợt 5 ở các tỉnh bạn từ tháng 8/1955, công việc bận bịu, cán bộ thiếu, nhưng Tỉnh ủy vẫn tổ chức tốt các đợt học tập, tuyên truyền cho cuộc vận động. Tỉnh tập trung 1.567 cán bộ (có 50% cán bộ cấp xã), tổ chức thành các đội công tác xuống các cơ sở tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập, hiểu rõ chủ trương, mục đích thành lập Khu tự trị Việt Bắc là để có điều kiện thực hiện tốt hơn vấn đề đoàn kết các dân tộc, chăm lo phát triển kinh tế, văn hoá cho nhân dân các dân tộc trong Khu tự trị, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi. Sau một năm tuyên truyền và vận động, từ ngày 18 đến ngày 23 tháng 6/1956,⁽¹⁾ 52.449 cử tri trên tổng số 64.060 cử tri toàn tỉnh⁽²⁾ cùng cử tri 5 tỉnh trong khu tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân Khu. Sau khi được Trung ương chuẩn y kết quả bầu cử, ngày 19/8/1956, Khu tự trị Việt Bắc chính thức được thành lập. Thị xã Thái Nguyên được chọn làm thủ phủ của Khu tự trị Việt Bắc.

⁽¹⁾ - Sở dĩ cuộc bầu cử phải kéo dài vì một số huyện trong tỉnh bị lũ, lụt không tổ chức bầu cử đúng thời gian được.

⁽²⁾ - Thời gian này huyện Phú Bình cắt về tỉnh Bắc Giang, huyện Phổ Yên cắt về tỉnh Vĩnh Phúc

Việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc đã tạo cho nhân dân các tỉnh trong Khu tự trị không khí hồ hởi, phấn khởi, hàng hái tăng gia, sản xuất, xây dựng cuộc sống mới được vài năm đầu. Sau đó, việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đến các tỉnh trong Khu thường bị chậm so với các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương vì còn phải chờ chủ trương và quyết định của Khu: về công tác tổ chức, cán bộ, Khu quản lý đến tận cán bộ chủ chốt cấp huyện, do đó khi lựa chọn, bố trí cán bộ thường gặp vướng mắc giữa Khu và Tỉnh, có cán bộ Tỉnh lựa chọn, sắp xếp vào vị trí chủ chốt, nhưng Khu không nhất trí và ngược lại làm cho Tỉnh nhiều khi lúng túng, bị động. Tình hình đó đã ảnh hưởng không tốt đến chất lượng đội ngũ cán bộ và quá trình chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống nhân dân ở địa phương, ngược với mục tiêu ban đầu của việc thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Để khắc phục hạn chế đó, ngày 3/11/1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 27 NQ/TW thu hẹp chức năng, quyền hạn của Khu tự trị Việt Bắc từ cấp chỉ đạo xuống cấp đôn đốc, kiểm tra.

*

* *

Sau ngày hoà bình lập lại, song song với nhiệm vụ lãnh đạo cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, Đảng bộ Thái Nguyên lãnh đạo nhân

dân từng bước triển khai chủ trương cải tạo các thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ đặc điểm Thái Nguyên là một tỉnh miền núi, trung du với hơn 95% dân số sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, nên công tác lãnh đạo cải tạo XHCN ở Thái Nguyên trước hết và chủ yếu là công tác lãnh đạo vận động nông dân đi vào làm ăn tập thể. Đây là cuộc vận động cách mạng to lớn và hết sức khó khăn, phức tạp, vì tập quán sản xuất nhỏ, lễ từ ngàn đời đã ăn sâu trong tiềm thức, trở thành thói quen, nếp nghĩ của người nông dân ở Thái Nguyên, trong khi đó trình độ văn hoá, kiến thức, kinh nghiệm quản lý sản xuất nông nghiệp tập thể của đội ngũ cán bộ ở Thái Nguyên còn nhiều hạn chế. Mặt khác, đây lại là cuộc cách mạng chưa có hình mẫu để học tập mà phải vừa làm, vừa tổng kết để rút kinh nghiệm.

Từ thực tế đó, năm 1955, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng thí điểm 3 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp: Cầu Thành, Sơn Tập, Xóm Gò (xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ). Đây là 3 hợp tác xã đầu tiên của huyện Đại Từ và cũng là 3 hợp tác xã đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên. Năm 1956, Tỉnh uỷ lãnh đạo thí điểm xây dựng thêm 2 hợp tác xã nữa ở xã Tiên Hội (huyện Đại Từ), đồng thời lãnh đạo tiếp tục củng cố và phát triển các tổ đổi công. Do chưa có kinh nghiệm, nên các hợp tác xã trên đều lúng túng trong việc quản lý lao động, điều hành sản

xuất và phân phối sản phẩm, kết hợp với những sai lầm trong cải cách ruộng đất, nên cuối năm 1956 tình hình nông thôn Thái Nguyên rối ren, phức tạp; tổ đổi công tan vỡ từng mảng hoặc chỉ tồn tại một cách hình thức; ba trong số năm hợp tác xã hoạt động cầm chừng, hai hợp tác xã không còn hoạt động và đến giữa năm 1957 một hợp tác xã bị vỡ.

Quyết tâm thực hiện đường lối phát triển nông thôn của Đảng, kiên quyết đưa nông dân vào làm ăn tập thể, Tỉnh uỷ lãnh đạo các cấp bộ Đảng, chính quyền thành lập các đoàn cán bộ đưa xuống giúp cơ sở củng cố, xây dựng, phát triển tổ đổi công và hợp tác xã. Đứng vào lúc khó khăn phức tạp này, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên được đón Hồ Chủ tịch đến thăm và làm việc. Ngày 2/3/1958, nói chuyện với đông đảo cán bộ, xã viên 4 hợp tác xã thuộc hai xã Hùng Sơn và Tiên Hội (Đại Từ) cùng một số cán bộ huyện, tỉnh và Khu, Hồ Chủ tịch căn dặn, động viên mọi người phải hăng hái tham gia xây dựng tổ đổi công, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, tích cực tăng gia sản xuất, xây dựng quê hương, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc.

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, trên cơ sở những kinh nghiệm đã được tổng kết trong Hội nghị đổi công toàn tỉnh tháng 5/1957, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, phong trào đổi công lao động sản xuất ở Thái Nguyên nhanh chóng được phục hồi. Năm 1958, toàn

tỉnh có 4.257 tổ đổi công, tăng gần 300 tổ so với năm 1957; các tổ đổi công không còn tồn tại một cách hình thức mà nó đã thực sự hoạt động, mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Phong trào xây dựng hợp tác xã cũng có bước phát triển nhanh. Từ 4 hợp tác xã thí điểm, những kinh nghiệm vận động, quản lý, tổ chức sản xuất được Đảng bộ lãnh đạo đúc rút và phổ biến kịp thời, đến hết năm 1958 toàn tỉnh đã xây dựng được 28 hợp tác xã⁽¹⁾ với 492 hộ gia đình xã viên. Trên đà phát triển, lại được sự khẳng định và khích lệ của Hội nghị lần thứ 14 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá II (tháng 11/1958): "... đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản, tư doanh, đồng thời, phải ra sức phát triển kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ kinh tế quốc dân", phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở Thái Nguyên càng có điều kiện phát triển hơn.

Để củng cố tổ chức Đảng và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với sự nghiệp củng cố, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá ở địa phương, từ ngày 1 đến ngày 5 tháng 2 năm 1959, "Đại hội đại biểu Đảng

(1) - Số hợp tác xã của các huyện Đại Từ 7, Đông Hỷ 8, Phổ Yên 6, Phú Bình 2, Phú Lương 2, Võ Nhai 1, Định Hoá 2.

bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ V" được tổ chức trọng thể tại thị xã Thái Nguyên. Sau khi đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trên các mặt khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua; bàn nội dung, phương hướng, biện pháp lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm tới, Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá V gồm 21 uỷ viên chính thức, 4 uỷ viên dự khuyết do các đồng chí Phan Văn Tỉnh làm Bí thư, Lê Dục Tôn và Lê Đức Chính làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Sở dĩ nhiệm kỳ Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV kéo dài gần 7 năm (từ tháng 4/1952 đến tháng 2/1959), là do những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, chiến tranh diễn ra ngày càng ác liệt, nhu cầu chi viện sức người, sức của cho các chiến trường ngày càng nhiều, Đảng bộ Thái Nguyên phải tập trung cao độ lãnh đạo nhân dân dồn sức cho kháng chiến đi đến thắng lợi và thực hiện thí điểm nhiều chính sách lớn của Đảng và Nhà nước trong đó nổi bật là thí điểm thực hiện: Chính sách thuế nông nghiệp (từ tháng 5/1951); thí điểm giảm tô và thực hiện giảm tô (1952 - 1954); thí điểm cải cách ruộng đất và thực hiện cải cách ruộng đất; sửa sai cải cách ruộng đất (1953 - 1957). Trong thời gian thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, phần lớn cán bộ chủ chốt của các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong tỉnh được điều đi tham gia cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất và sửa sai cải cách ruộng đất ở các địa phương khác. Mặt khác,

những sai lầm của các cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất đã gây tác hại không nhỏ đến đời sống kinh tế, chính trị, tư tưởng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ sửa sai, tình hình chính trị ở các địa phương dần dần ổn định mới có cơ sở và điều kiện để tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V vào tháng 2/1959.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh: "Lãnh đạo nhân dân các dân tộc tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế địa phương, phấn đấu đến cuối năm 1959 đưa được 50,7% số hộ nông dân lao động vào tổ chức hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp; mỗi huyện tổ chức từ 1 đến 2 hợp tác xã bậc cao...", đến cuối năm 1959, toàn tỉnh đã xây dựng được 577 hợp tác xã nông nghiệp, với 20.145 hộ xã viên, (bằng 48,46% số hộ nông dân toàn tỉnh). Tuy không đạt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra, nhưng đây là một sự cố gắng lớn của cán bộ, đảng viên và nhân dân Thái Nguyên. Tiếp tục vượt khó, vươn lên, vừa xây dựng, vừa củng cố tổ chức và phát triển sản xuất trong các hợp tác xã, tạo ra sự tiến bộ vượt bậc so với làm ăn cá thể, làm động lực thúc đẩy, động viên nhân dân tiếp tục gia nhập hợp tác xã, đến cuối năm 1960, toàn tỉnh đã xây dựng được 951 hợp tác xã (trong đó có 63 hợp tác xã bậc cao), với 36.122 hộ xã viên, bằng 86,9% tổng số hộ nông dân toàn tỉnh, trong đó hai huyện Phú Bình và Định Hoá đạt hơn 93% số hộ nông

dân gia nhập hợp tác xã (cao nhất so với các huyện, thành khác trong tỉnh).

Vừa tập trung lãnh đạo xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, Đảng bộ vừa chú trọng lãnh đạo xây dựng tổ đổi công. Ở các xã miền núi và ở những bản, làng vùng sâu, vùng xa do địa hình hiểm trở, dân cư thưa thớt, diện tích ruộng đất canh tác nhỏ lẻ, phân tán, không phù hợp với điều kiện xây dựng hợp tác xã, chúng ta vẫn chủ trương vận động xây dựng tổ đổi công lao động, tạo điều kiện để nhân dân tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và sinh hoạt cộng đồng, vì vậy đến cuối năm 1959, toàn tỉnh vẫn củng cố và duy trì 1.886 tổ đổi công (trong đó có 941 tổ đổi công hoạt động thường xuyên đạt hiệu quả tốt).

Đối với thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ ở thị xã Thái Nguyên, các thị trấn Ba Hàng (Phổ Yên), Du (Phú Lương), Chợ Chu (Định Hoá) và một số nơi khác cũng được Đảng bộ lãnh đạo vận động đưa vào sản xuất, kinh doanh trong các hợp tác xã tiểu thủ, công nghiệp. Ở những nơi không đủ điều kiện thành lập hợp tác xã thì xây dựng các tổ hợp tác sản xuất, tổ cung tiêu, hoặc được xen ghép vào các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1960, toàn tỉnh đã thu hút được 1616 thợ thủ công, 1714 tiểu thương đi vào làm ăn tập thể.

Đối với thành phần công, thương nghiệp tư bản, tư doanh, xuất phát từ đặc điểm toàn tỉnh chỉ có 42 hộ (27

hộ tư sản, 15 hộ tiểu chủ), thực hiện chủ trương cải tạo XHCN của Đảng, Đảng bộ lãnh đạo tốt việc tổ chức các hộ học tập chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động được 100% số hộ tự nguyện tham gia sản xuất, kinh doanh dưới hình thức công tư hợp doanh trong các xí nghiệp: Xay sát gạo Đại Từ, Bánh kẹo Thái Nguyên, In Thái Nguyên, Ô tô Thái Nguyên và May đo Tân Á .v.v.

Cùng với việc lãnh đạo cải tạo các thành phần kinh tế cá thể, Đảng bộ tập trung lãnh đạo đầu tư, phát triển kinh tế quốc doanh. Đến năm 1960, hàng loạt xí nghiệp quốc doanh địa phương, với các ngành nghề: khai thác khoáng sản, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến lâm sản, thực phẩm, dệt, da, may mặc được hình thành và đi vào hoạt động. Hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán cũng ngày càng được mở rộng, với nhiều chủng loại mặt hàng phong phú, trong đó có 3 mặt hàng thiết yếu đối với đời sống của cán bộ và nhân dân là vải, muối và dầu thắp sáng. Ba mặt hàng thiết yếu này thường xuyên được cung ứng, đảm bảo kịp thời việc phân phối theo định lượng cho cán bộ và nhân dân tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất và cải thiện đời sống.

Quan triệt chủ trương của Đảng coi trọng phát triển nông nghiệp, trong đó sản xuất lương thực là nhiệm vụ trọng tâm, trong 3 năm 1958 – 1960, Đảng bộ lãnh đạo

đẩy mạnh phong trào xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã nông nghiệp, nên sản xuất nông nghiệp của tỉnh có bước tiến bộ vượt bậc. Để mở rộng diện tích gieo trồng, Đảng bộ lãnh đạo phát động phong trào khai hoang phục hoá. Năm 1960, diện tích gieo, cấy lương thực toàn tỉnh đạt 59.531 ha, tăng 2.800 ha so với năm 1957, trong đó diện tích trồng lúa tăng 1.828 ha. Đảng bộ lãnh đạo coi trọng và khuyến khích các biện pháp kỹ thuật gieo, cấy, thâm canh tăng năng suất lúa và cây trồng, trong đó hai khâu nước và phân được chú trọng hơn. Trong 6 năm xây dựng và phát triển kinh tế (1955 - 1960), toàn tỉnh xây dựng được 11 công trình trung thủy nông (gồm 8 đập, 2 hồ chứa nước và 1 trạm bơm), sửa chữa và làm mới hàng trăm km kênh, mương nội đồng; đào, đắp trên 2.600.000 m³ đất, đá, đổ gần 1000 m³ bê tông, tu sửa và nâng cấp được một số hệ thống đê, kè, đưa tổng diện tích gieo cấy lúa được tưới nước lên 31.855 ha, tăng 2,5 lần so với năm 1955; lượng phân chuồng bón lúa tăng bình quân hàng năm 1,5 lần. Dùng phân chuồng bón ruộng là một cuộc cách mạng trong sản xuất nông nghiệp ở nhiều xã miền núi thuộc các huyện Đại Từ, Định Hoá, Võ Nhai. Dùng phân chuồng bón ruộng là một biện pháp canh tác bình thường của đồng bào miền xuôi, nhưng đối với đồng bào ở khu vực miền núi, vùng cao của tỉnh thì lại là một cuộc đấu tranh, một cuộc vận động cách mạng thực sự, nhiều khi gay gắt. Do tập quán của đồng bào miền núi,

vùng cao là chăn nuôi trâu, bò, lợn thả rông nên không thu được phân. Nay muốn có phân bón ruộng, trước hết phải vận động đồng bào làm chuồng trâu, chuồng lợn và đầu tư chăn nuôi hợp lý, vừa thu gom được phân bón ruộng, vừa bảo đảm vệ sinh môi trường. Nhờ các cấp bộ Đảng, chính quyền trong tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường các biện pháp kỹ thuật gieo trồng, đặc biệt là hai khâu thuỷ lợi và phân bón, nên năng suất cây lương thực tăng nhanh, năm 1960 so với năm 1957, năng suất lúa đạt 1630 kg/ha, tăng 209 kg/ha, tổng sản lượng lương thực đạt 84.633 tấn, tăng 13.473 tấn. Sản xuất nông nghiệp phát triển, Thái Nguyên không những đáp ứng được nhu cầu lương thực cho cán bộ và nhân dân địa phương, mà phần đóng góp nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước cũng được bảo đảm tốt hơn. Trong ba năm 1958 - 1960, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã đóng góp cho Nhà nước 45.445 tấn lương thực.

Cây công nghiệp, tuy diện tích có được mở rộng nhưng tốc độ tăng chậm, đến năm 1960, toàn tỉnh mới có 2018 ha cây công nghiệp (gồm 1787 ha cây công nghiệp hàng năm, 231 ha cây công nghiệp lâu năm). Do chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, nên năng suất, sản lượng sản phẩm cây công nghiệp tăng, giảm thất thường.

Về chăn nuôi gia súc phát triển không đều: đàn trâu, bò có chiều hướng giảm sút, đàn lợn được giữ vững và phát triển. Cuối năm 1960, tổng đàn lợn của

tính đạt 76.000 con, tăng 26.000 con so với năm 1957, trong đó huyện Đông Hỷ là đơn vị dẫn đầu với đàn lợn 22.000 con. Nghề chăn, thả cá ở Thái Nguyên có từ lâu đời. Nhân dân thường tận dụng các khe suối nhỏ, những vùng đất trũng, đào, đắp thành ao, hồ để thả cá. Trong ba năm (1958 – 1960), toàn tỉnh đã có diện tích gần 1000 ha ao, hồ, ruộng được sử dụng nuôi cá. Tuy nhiên, do thiếu giống, thiếu kỹ thuật chăn nuôi và chưa có thói quen đầu tư thức ăn cho cá, nên tổng sản lượng cá thịt mỗi năm chỉ đạt từ 700 tấn đến 900 tấn.

Là tỉnh giàu tiềm năng về lâm nghiệp, hàng năm rừng Thái Nguyên đã cung cấp cho nhân dân Thái Nguyên một khối lượng lớn lâm sản. Ngoài những sản vật măng, mộc nhĩ, nấm hương, mật ong... dùng làm thực phẩm và nguyên liệu sản xuất ra nhiều loại dược phẩm quý, mỗi năm nhân dân Thái Nguyên còn khai thác từ những cánh rừng đại ngàn của mình hàng chục ngàn mét khối gỗ, củi, hàng triệu cây tre, nứa, vầu, hàng triệu tàu lá cọ, chuyên chở theo đường bộ hoặc đóng thành bè, mảng xuôi theo sông Cầu và sông Công về các tỉnh đồng bằng phục vụ các chương trình quốc kế, dân sinh.

Sản xuất công nghiệp, năm 1960 giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương tăng gần 5 lần so với năm 1955. Tuy nhiên, do điểm xuất phát thấp, nên tổng giá trị hàng hoá không lớn, sản phẩm chủ yếu vẫn là

các mặt hàng điện, than, nông cụ, phân bón, vật liệu xây dựng...

Sự nghiệp văn hoá - giáo dục tiếp tục giữ vững nhịp độ phát triển. Trong 3 năm (1958 - 1960) toàn tỉnh có thêm 28.000 người được thanh toán nạn mù chữ, 30.000 lượt người theo học các lớp bổ túc văn hoá (chủ yếu là lớp 1, lớp 2), 122 cán bộ cấp huyện, 621 cán bộ cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng trong các trường, lớp bổ túc văn hoá công nông. Số trường, lớp, giáo viên và học sinh phổ thông mỗi năm một tăng, riêng năm học 1959 - 1960 toàn tỉnh có 162 trường, 944 giáo viên và 34.829 học sinh cả 3 cấp 1, 2, 3.

Công tác phát hành sách, báo và các ấn phẩm văn hoá khác được phát triển mạnh. Năm 1960 toàn tỉnh đã phát hành được 2,5 triệu bản sách, báo các loại, gấp 3 lần năm 1957 (trong đó các loại báo hàng ngày tăng từ 56.000 tờ năm 1955 lên 571.000 tờ năm 1957 và 1.414.000 tờ năm 1960). Các loại hình nghệ thuật sân khấu, điện ảnh mỗi năm phục vụ trên một triệu lượt người xem. Đời sống văn hoá của nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã được cải thiện rõ rệt.

Nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ nhân dân cũng có nhiều tiến bộ: Phong trào vệ sinh phòng bệnh, ăn chín uống sôi được phát động và duy trì liên tục trong nhiều năm; số cơ sở khám và chữa bệnh cấp tỉnh tăng 2 lần. Bước tiến bộ vượt bậc của công tác y tế trong 3 năm 1958 - 1960 là đã xây dựng được một hệ thống cơ sở

khám, chữa bệnh tuyến xã với 50 trạm y tế. Mỗi năm toàn tỉnh có hơn 30.000 lượt người được khám bệnh, gần 60.000 lượt người được phát thuốc, hàng trăm ngàn lượt người được tiêm phòng dịch. Nhờ đó, trên địa bàn tỉnh các loại dịch bệnh được ngăn chặn, sức khoẻ nhân dân được đảm bảo tốt.

Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ vững chắc hậu phương miền Bắc theo tinh thần Nghị quyết tháng 9/1954 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, ngay sau ngày hoà bình lập lại, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã đấu tranh kịp thời ngăn chặn âm mưu chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, dụ dỗ, lôi kéo, cưỡng ép đồng bào theo đạo thiên chúa di cư vào Nam; ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại công cuộc xây dựng CNXH của các thế lực phản động ở địa phương. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (tháng 3/1955) của Ban chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng quân đội từng bước tiến lên chính quy, hiện đại, nhận rõ tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Tỉnh uỷ Thái Nguyên đã có những chỉ thị, nghị quyết, biện pháp cụ thể chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ngày càng vững mạnh. Các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân, du kích, tự vệ được củng cố về tổ chức và tăng cường huấn luyện cả về chính trị và quân sự. Năm 1958, bốn huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương và Võ Nhai được Quân khu uỷ Việt Bắc chọn làm nơi thí điểm

thi hành Luật nghĩa vụ quân sự. Đảng bộ đã lãnh đạo tốt việc tổ chức cho nhân dân học tập chủ trương, đường lối quân sự của Đảng, yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng mới. Nhờ đó, ý thức xây dựng quân đội của cán bộ và nhân dân được nâng cao, 97% thanh niên trong tỉnh đã tình nguyện đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự. Năm 1959, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong tỉnh đã vận động và tổ chức được toàn bộ số thanh niên từ 18 tuổi đến 25 tuổi và số quân nhân phục viên, chuyển ngành tại địa phương dưới 45 tuổi đăng ký phục vụ công tác quân sự tại địa phương; 576 thanh niên ưu tú tiếp tục lên đường bảo vệ Tổ quốc.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quân sự, thông qua các kỳ bầu cử cấp uỷ các cấp và bầu cử HĐND hai cấp xã và tỉnh, Tỉnh ủy lãnh đạo đưa nhiều cán bộ, đảng viên có năng lực tăng cường cho công tác quân sự và đặt công tác quân sự vào chương trình hoạt động của các cấp uỷ. Nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng của tỉnh ngày càng đi vào nền nếp, góp phần củng cố và bảo vệ vững chắc miền Bắc, chi viện sức người, sức của cho miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà.

Với những thành tích đã đạt được trong hơn 5 năm khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng, Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên đã được Đảng và Chính phủ động viên

khen thưởng kịp thời. Ngày 13/3/1960, tại thị xã Thái Nguyên, hơn bốn vạn đại biểu nhân dân các dân tộc trong tỉnh họp mít tinh đón nhận Huân chương Lao động hạng 3 của Chính phủ tặng cho cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Huân chương Lao động hạng 2 tặng cho cán bộ và nhân dân huyện Định Hoá. Tại cuộc mít tinh, Hồ Chủ tịch về thăm và nói chuyện với cán bộ và nhân dân trong tỉnh. Người căn dặn: "Mọi người phải thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, củng cố và đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá ở nông thôn, vùng cao"⁽¹⁾. Người biểu dương thành tích xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên, nhắc nhở cán bộ và nhân dân phải chú ý đúng mức đến công nghiệp địa phương. Người khen ngợi bộ đội, cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, các cháu thiếu nhi và căn dặn mọi người "phải tăng cường đoàn kết vì đoàn kết là sức mạnh, có sức mạnh đoàn kết thì việc gì cũng thành công."⁽²⁾

Sau đó, Người đi thăm công trường xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên, Trường thiếu nhi vùng cao Việt Bắc, Trường trung học Lương Ngọc Quyến, Bệnh viện Khu tự trị Việt Bắc, công trường xây dựng Nhà máy điện Thái Nguyên và dự Hội nghị thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa Khu tự trị Việt Bắc. Ở

^{(1) (2)} - Bác Hồ với Bắc Thái - tập II trang 142-143. Sô Văn hoá - Thông tin Bắc Thái xuất bản năm 1979.

mỗi nơi đến thăm, Hồ Chủ tịch đều ân cần nhắc nhở, căn dặn mọi người “tăng cường đoàn kết, ra sức thi đua làm nhiều - nhanh - tốt - rẻ, cố gắng học tập chính trị, kỹ thuật và văn hoá ...”⁽¹⁾

Sự chỉ đạo và những lời động viên, nhắc nhở của Hồ Chủ tịch là những động lực to lớn giúp cho Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 1960, làm cơ sở để bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961 - 1965.

Qua sáu năm lãnh đạo khôi phục cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, Đảng bộ Thái Nguyên đã từng bước trưởng thành. Đảng bộ đã lãnh đạo tốt việc giáo dục và động viên nhân dân trung thành với đường lối, chính sách của Đảng, thông qua sửa sai, chỉnh huấn chính trị đã từng bước khắc phục được nhiều sai lầm, khuyết điểm. Nhận thức về Đảng, tinh thần tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ ngày càng cao. Qua hoạt động thực tiễn, qua mỗi nhiệm kỳ của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp trong tỉnh được sàng lọc, những cán bộ, đảng viên yếu, kém về tư cách đạo đức, về sức khoẻ... được thay thế bằng những cán bộ, đảng viên trẻ, khoẻ, năng nổ, nhiệt tình, có phẩm chất đạo

⁽¹⁾ - Bác Hồ với Bắc Thái - tập II trang 142-143, Sở Văn hoá - Thông tin Bắc Thái xuất bản năm 1979.

đức tốt, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã đạt được những thành tựu đáng kể. Về kinh tế: sản xuất nông, lâm, công nghiệp đều có bước tăng trưởng. Tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chậm, giá trị tổng sản lượng chưa cao, nhưng đó là sự cố gắng lớn của Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên trong điều kiện điểm xuất phát thấp, các yếu tố bảo đảm cho sự phát triển kinh tế gần như từ con số không. Đặc biệt, sự ra đời của các khu vực kinh tế tập thể và quốc doanh cùng với những tiến bộ về văn hoá, xã hội, sự ổn định về chính trị, vững chắc về an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội là những điều kiện thuận lợi để Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên bước vào chặng đường mới, chặng đường phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Bước vào thập kỷ 60, cùng với các tỉnh, thành khác trên miền Bắc, tỉnh Thái Nguyên đã căn bản hoàn thành công cuộc cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế cá thể, bộ mặt xã hội của tỉnh đã có những thay đổi đáng kể.

Tháng 9/1960, tại thủ đô Hà Nội, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã được tổ chức. Sau khi phân tích tình hình thế giới và trong nước, Đại hội đã đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là: đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc, tiến hành đánh đổ ách

thông trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước. Hai nhiệm vụ đó có quan hệ mật thiết với nhau, tác động hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển. Về cách mạng XHCN ở miền Bắc, Đại hội giao cho Ban chấp hành Trung ương Đảng định ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của CNXH, thực hiện một bước công nghiệp hoá XHCN và hoàn thành công cuộc cải tạo XHCN.

Tiếp đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ Khu tự trị Việt Bắc lần thứ 2 cũng được khai mạc. Đại hội đề ra nhiệm vụ của Khu là: "phát huy truyền thống đấu tranh anh dũng, lao động cần cù của nhân dân các dân tộc.... xây dựng đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc..."

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Khu tự trị Việt Bắc lần thứ 2, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI (tổ chức từ ngày 10 đến ngày 18 tháng 3 năm 1961 tại thị xã Thái Nguyên) đã ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965): "Ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp, đồng thời tích cực phát triển công nghiệp địa phương, trên cơ sở củng cố và hoàn thành tốt công cuộc cải tạo XHCN nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ. Hai nhiệm vụ phát triển công nghiệp và củng cố,

phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp là hai nhiệm vụ trung tâm, gắn chặt với nhau, thúc đẩy nhau phát triển, nhằm dần dần bảo đảm được những nhu cầu chính về lương thực, thực phẩm, về nông cụ cải tiến, nông cụ thường và hàng tiêu dùng trong tỉnh, góp phần tích cực phục vụ nhu cầu kiến thiết cơ bản, phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thăm dò khảo sát của Trung ương xây dựng ở tỉnh được thuận lợi. Đồng thời ra sức phát triển văn hoá, đào tạo cán bộ cho phong trào hợp tác hoá và công nhân biết nghề: điều tra, nghiên cứu, thăm dò tài nguyên, làm cho kế hoạch 5 năm ở tỉnh ta hoàn thành tốt và trước thời hạn".

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đã đề ra nội dung, phương hướng, nhiệm vụ và những chỉ tiêu cơ bản, những biện pháp lớn của kế hoạch 5 năm (1961 - 1965), đã xác định lấy công tác xây dựng Đảng làm nhiệm vụ hàng đầu; công tác củng cố chính quyền, củng cố các đoàn thể quần chúng, củng cố quốc phòng, an ninh là những nhiệm vụ quan trọng có tác dụng quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá ở địa phương.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VI gồm 23 uỷ viên chính thức và 6 uỷ viên dự khuyết. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VI đã bầu đồng chí Lê Đức Chính làm Bí thư và các đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn, Chu Quốc Hưng, Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ngày 14/10/1960, Ủy ban hành chính tỉnh phát động nhân dân tiến hành chiến dịch đại vận động sản xuất Đông Xuân 1960 - 1961: "Phát cao cờ hồng, quyết thắng Đông - Xuân, tiến quân toàn diện", nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, làm cơ sở cho phát triển công nghiệp. Ý thức đầy đủ ý nghĩa chính trị và kinh tế của chiến dịch, Ủy ban hành chính tỉnh kêu gọi nhân dân các dân tộc trong tỉnh dốc toàn lực phấn đấu để "cót đầy thóc, bở đầy khoai, đôi cỏ xanh tươi, trâu bò béo khỏe, ao hồ đầy tôm cá, để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân"⁽¹⁾.

Hưởng ứng chiến dịch đại vận động sản xuất Đông - Xuân 1960 - 1961 do UBHC tỉnh phát động, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã nỗ lực phấn đấu, giành một vụ lúa Đông - Xuân thắng lợi. So với vụ lúa chiêm trước, diện tích vụ lúa chiêm này các huyện Phổ Yên cấy tăng 192%, Đồng Hỷ cấy tăng 106%, Định Hoá cấy tăng 82%, Đại Từ cấy tăng 50%. Về sản lượng các loại hoa màu ngô, khoai lang, sắn đều tăng so với năm trước.

Để giữ vững nhịp độ phát triển sản xuất, các năm tiếp theo cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh liên tiếp phát động các phong trào "Thi đua 10 giỏi",

⁽¹⁾ - Nghị quyết phát động "Chiến dịch đại vận động sản xuất Đông - Xuân 1960-1961" của UBHC Tỉnh Thái Nguyên ngày 14/10/1960.

"Thi đua Ba nhất", "Thi đua Ấp Bắc", "Thi đua mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp đồng bào miền Nam ruột thịt", trong đó sôi nổi nhất là phong trào "Thi đua làm thủy lợi". Toàn tỉnh đã có hàng trăm đội thủy lợi được thành lập, trong đó hơn 70% cán bộ, đội viên là đoàn viên, thanh niên. Các chi đoàn thanh niên Hà Thượng (Đại Từ), Xuân Trù (Phổ Yên) là những đơn vị điển hình tiên tiến trong phong trào "Thi đua làm thủy lợi", được Hồ Chủ tịch khen thưởng. Thông qua phong trào "Thi đua làm thủy lợi", hàng chục công trình thủy nông được xây dựng và đưa vào hoạt động, trong đó có các công trình lớn gồm các hồ Tân Hoà, Tân Kim (Phú Bình), các đập Bến Động (Phổ Yên), Hoàng Nông, Rừng Chùa (Đại Từ), Nà Kháo (Võ Nhai), Ngàn Me (Đông Hỷ); hàng ngàn km mương, máng được làm mới, tu sửa, đảm bảo dẫn nước vào đồng ruộng. Hàng chục ngàn ha ruộng đã chủ động được tưới, tiêu nước; hàng ngàn ha ruộng một vụ trở thành hai vụ. Phong trào "Thi đua khai hoang, phục hoá mở rộng diện tích gieo, trồng" cũng được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, nên từ năm 1960 đến năm 1965, diện tích trồng cây lương thực của tỉnh đã tăng thêm 13.300 ha, riêng diện tích gieo, cấy lúa tăng từ 51.898 ha năm 1960 lên 59.739 ha năm 1965. Phong trào thi đua làm phân bón ruộng, làm bèo hoa dâu, làm ruộng thí nghiệm, phòng trừ sâu bệnh, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và nông cụ cải tiến vào sản xuất cũng được cấp uỷ Đảng, chính

quyền các cấp trong tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời, nên năng suất lúa và hoa màu đều tăng, tổng sản lượng lương thực của tỉnh tăng từ 92.691 tấn năm 1960 lên 119.902 tấn năm 1965. Đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục được cải thiện: tình trạng thiếu đói ở nông thôn trong các kỳ giáp hạt tuy vẫn còn, nhưng số lượng không lớn và mức độ không còn trầm trọng như trước đây.

Về cây công nghiệp : năm 1960, toàn tỉnh có 1.789 ha, đến năm 1964 tăng lên 2.254 ha (trong đó diện tích trồng mía 665 ha, chè 326 ha, lạc 742 ha, đậu tương 417 ha). Tỷ lệ diện tích cây công nghiệp trên tổng diện tích gieo trồng hàng năm đạt 3%. Tuy chè là sản phẩm nổi tiếng của Thái Nguyên, nhưng trong 4 năm qua (1961 - 1964) cũng chỉ phát triển được trên 100 ha, chủ yếu là phục hồi các đồi, bãi chè cũ.. diện tích trồng mới không đáng kể. Sở dĩ có tình trạng trên là do Nhà nước quản lý chè búp khó rất chặt chẽ, nhưng lại không thu mua hết sản phẩm, nhân dân không có thị trường tiêu thụ, nên không phát triển sản xuất. Về cây ăn quả trước đây có quýt Thượng Đình, bưởi Nga My (Phú Bình) có giá trị kinh tế cao nhưng chưa được chú ý phục hồi.

Về chăn nuôi gia súc có bước phát triển mới. Từ năm 1960 đến 1965 đàn trâu của tỉnh tăng từ 57.899 con lên 72.574 con. Do ít dùng bò để cày, kéo, thịt bò lại đang còn là mặt hàng thực phẩm cao cấp, vượt quá khả năng tiêu dùng của đại đa số nhân dân, nên so với

năm 1960, năm 1965 đàn bò giảm gần 1000 con. Đàn lợn tăng nhanh từ 75.800 con năm 1960 lên 105.000 con năm 1965 (chủ yếu tăng ở khu vực chăn nuôi gia đình). Toàn tỉnh có 18 hợp tác xã nông nghiệp tổ chức các trạm, trại chăn nuôi lợn tập thể với khoảng 1.350 đầu lợn (bằng 1,3% tổng số lợn toàn tỉnh). Do công tác quản lý, đầu tư cơ sở vật chất và thức ăn, phòng, chống dịch bệnh cho đàn lợn của các hợp tác xã không được tốt, nên đàn lợn tập thể thường hay mắc dịch bệnh, ốm yếu, chậm lớn, gây nên tình trạng thua lỗ, một số trạm, trại chăn nuôi lợn phải giải thể. Ngoài ra, hàng năm nhân dân Thái Nguyên còn chăn nuôi được hàng trăm ngàn con gà, vịt, nuôi, thả thu được hơn một ngàn tấn cá thịt, cơ bản đáp ứng được nhu cầu về thực phẩm của cán bộ và nhân dân địa phương.

Do sản xuất nông nghiệp phát triển, nên đóng góp lương thực, thực phẩm của nhân dân Thái Nguyên cho Nhà nước mỗi năm một tăng. Năm 1965, nhân dân toàn tỉnh đóng góp cho Nhà nước 19.500 tấn lương thực quy ra thóc (trong đó có 19.117 tấn thóc), tăng 6.500 tấn so với năm 1961; bán cho Nhà nước 2000 tấn thịt các loại, 70.000 quả trứng gà, vịt và hàng chục tấn nông, lâm sản, thực phẩm khác, góp phần tích cực vào nhiệm vụ cân đối lương thực, thực phẩm của Nhà nước.

Về lâm nghiệp, rừng và đất rừng Thái Nguyên còn chiếm khoảng 60% diện tích đất toàn tỉnh. Mỗi năm Thái Nguyên khai thác từ rừng khoảng 50.000 m³ gỗ,

củi, hàng trăm ngàn cây tre, vầu, hàng triệu cây nứa, hàng triệu tầu lá cọ, đảm bảo cung cấp nguyên, vật liệu cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các tỉnh đồng bằng. Tuy nhiên, do rừng bị khai thác bừa bãi, khai thác không đi đôi với chăm sóc, tu bổ, nên tuy trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) toàn tỉnh có trồng được gần 14 triệu cây các loại, nhưng tỷ lệ cây sống thấp, cộng với tập quán phá rừng làm nương, rẫy đã dẫn tới tình trạng diện tích rừng của Thái Nguyên bị thu hẹp nhanh chóng.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, chuyển một bộ phận dân cư ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ (nơi đông người, ít ruộng) lên xây dựng và phát triển kinh tế ở miền núi (nơi đất rộng người thưa), từ năm 1962 đến năm 1965, Thái Nguyên đã đón gần 4 vạn đồng bào từ các tỉnh Hưng Yên, Thái Bình, Hà Đông, Hà Nam lên các huyện Võ Nhai, Đông Hỷ, Định Hoá, Phú Lương, Đại Từ xây dựng cuộc sống mới. Tuy Thái Nguyên đất rộng nhưng chủ yếu là đồi núi, diện tích đất nông nghiệp chỉ có 47.144 ha, bình quân mỗi nhân khẩu là 0,15 ha (4,2 sào Bắc Bộ), khi tiếp nhận thêm 4 vạn đồng bào miền xuôi lên khai hoang, bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người giảm xuống chỉ còn 0,13 ha (3,6 sào), như vậy chủ trương "phá xiêng 3 sào" ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ thì lại hình thành "xiêng ba sào" ở tỉnh trung du - miền núi Thái Nguyên. Bước đầu lên quê mới lập nghiệp, được Đảng bộ và

nhân dân Thái Nguyên tạo mọi điều kiện thuận lợi (giúp công sức làm nhà cửa, chia sẻ ruộng đất), đồng bào khai hoang dã nhanh chóng ổn định cuộc sống, bắt tay vào sản xuất. Vì ruộng đất canh tác ít, các ngành nghề khác chưa phát triển, nên cả người dân lên khai hoang và người dân bản địa lại phải phá rừng, làm rẫy. Mỗi năm Thái Nguyên gieo trồng khoảng 800 ha lúa nương (trong đó 50% được gieo trồng trên diện tích rẫy mới), như vậy mỗi năm có khoảng 400 ha rừng trong tỉnh bị tàn phá. Ngoài ra, số đồng bào Mông, Dao chuyên sống du canh, du cư, phá rừng, làm rẫy trên các triền núi cao cũng góp phần làm cho diện tích rừng Thái Nguyên nhanh chóng bị thu hẹp. Ngăn chặn nạn phá rừng làm nương rẫy, khai thác rừng bừa bãi dẫn tới cạn kiệt tài nguyên rừng, là bài toán chưa có lời giải không chỉ riêng đối với Thái Nguyên, mà là đối với tất cả các tỉnh có rừng trong cả nước.

Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 -- 1965), song song với việc lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ luôn luôn chú trọng lãnh đạo củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, coi đó là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển. Đến năm 1961, cuộc vận động hợp tác hoá trong tỉnh đã thu được kết quả to lớn. Toàn tỉnh xây dựng được 813 hợp tác xã, thu hút 87,3% số hộ nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Phong

trào thi đua lao động sản xuất trong các hợp tác xã diễn ra sôi nổi, cuốn hút đại đa số nông dân hưởng ứng và đạt được những kết quả nhất định cả về kinh tế và chính trị - xã hội. Các hợp tác xã Thành Công (Đại Từ), Tân Tiến (Định Hoá), Hồng Kỳ (Phú Bình) là những đơn vị điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp.

Tuy phong trào xây dựng hợp tác xã phát triển nhanh, nhưng không vững chắc; hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong các hợp tác xã không cao; diện tích gieo, trồng tăng, nhưng năng suất không tăng, thậm chí ở huyện Võ Nhai, năng suất lúa giảm từ 19,78 tạ/ha năm 1960 xuống còn 14,69 tạ/ha năm 1965. Tổng sản lượng lương thực tăng chậm và rất bấp bênh, trong khi dân số tăng nhanh, chỉ tiêu nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm của các hợp tác xã cho Nhà nước mỗi năm một lớn⁽¹⁾, bình quân lương thực tính theo đầu người trong các hợp tác xã giảm, thu nhập của hộ gia đình xã viên thấp hơn thu nhập của các hộ làm ăn riêng lẻ, xã viên không thiết tha với hợp tác xã, muốn trở lại con đường làm ăn cá thể. Liên tục hai năm 1962, 1963 số xã viên làm đơn xin ra, hoặc tự bỏ hợp tác xã ra làm ăn cá thể ngày càng nhiều, làm cho hợp tác xã tan vỡ từng mảng. Năm 1963, toàn tỉnh có 48 hợp tác xã bị

⁽¹⁾ - Năm 1960, lương thực đóng góp cho Nhà nước là 12.768 tấn, năm 1964 là 20.698 tấn, năm 1965 là 19.505 tấn.

vỡ, tỷ lệ hộ nông dân ở trong các hợp tác xã giảm từ 87,3% năm 1961, xuống 77,7% năm 1962 và 70,4% năm 1963. Huyện Võ Nhai, số hộ nông dân ở trong các hợp tác xã chỉ còn 23,7%. Trong tỉnh nhiều hợp tác xã tồn tại chỉ là hình thức.

Nguyên nhân của những yếu, kém kể trên, trước hết là từ nhận thức sai lầm coi hợp tác xã là mục tiêu của cuộc cách mạng XHCN, nên trong quá trình vận động xây dựng hợp tác xã chúng ta đã vi phạm 3 nguyên tắc (tự nguyện, quản lý dân chủ và cùng có lợi). Để đạt được mục tiêu đề ra, cuộc vận động xây dựng hợp tác xã nhiều khi mang tính gò ép. Nhiều gia đình không muốn hoặc chưa muốn vào hợp tác xã, thường bị gây khó dễ, bị phân biệt đối xử trong các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương.

Tuy đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp nói chung, cán bộ, đảng viên trong các hợp tác xã nói riêng nhiệt tình, hăng hái, hết lòng vì sự nghiệp cách mạng, vì phong trào hợp tác xã, nhưng do trình độ văn hoá thấp⁽¹⁾, nên khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật và kiến thức quản lý rất hạn chế. Phần lớn các hợp tác xã đều lúng túng trong việc xác định phương hướng sản xuất, quản lý kinh tế mà trọng tâm là quản lý các mặt sản xuất, tài vụ

⁽¹⁾ -Đến năm 1965, trong Đảng bộ còn 90 đảng viên mù chữ, 33 đảng viên mới biết đọc, biết viết; số đảng viên có trình độ văn hoá cấp I là 9736 đồng chí, cấp II là 3.492 đồng chí, cấp III là 478 đồng chí, đại học 33 đồng chí.

và phân phối sản phẩm, để xảy ra nhiều tiêu cực và lãng phí lớn.

Mặt khác do mặt bằng dân trí thấp, tinh thần làm chủ tập thể của cán bộ và xã viên không cao; trong các hợp tác xã, xã viên không được hưởng quyền lợi trực tiếp do sức lao động của mình làm ra, mà được phân phối thông qua hệ thống công điểm, trong khi đó việc quản lý công điểm lại hết sức lỏng lẻo, hiện tượng “dong công, phóng điểm” xảy ra tràn lan, dẫn tới tình trạng làm dối, làm ẩu, làm cốt sao được nhiều công, điểm mà không cần quan tâm đến hiệu quả kinh tế; việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào đồng ruộng ở nhiều hợp tác xã có tính chất nửa vời; khẩu hiệu “cày sâu, bừa kỹ”, “làm cỏ sục bùn” không được xã viên thực hiện; hiện tượng “cây rạch, bừa chùi”, “làm cỏ sục bùn” chỉ như lau góc lúa xảy ra phổ biến..., nên năng suất và sản lượng lương thực thấp, giá trị ngày công không cao, dẫn đến tình trạng một số cán bộ, đảng viên bị quan, dao động, tìm cách làm thêm bên ngoài, xã viên bỏ hợp tác xã ra làm ăn riêng lẻ... Cái vòng luẩn quẩn đó kéo dài nhiều năm. Tuy từ năm 1963 đến năm 1965, Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh có nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, tổ chức liên tiếp ba cuộc vận động cải tiến quản lý và củng cố hợp tác xã, phong trào có khá lên, nhưng nhìn chung sản xuất vẫn bấp bênh, tổ chức hợp tác xã vẫn chưa thực sự vững chắc.

Sở dĩ phong trào hợp tác xã ở các tỉnh miền Bắc nói chung, tỉnh Thái Nguyên nói riêng không ổn định ngoài nguyên nhân chủ quan, nội tại trong các hợp tác xã, còn do đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước ta ở thời kỳ này chưa phù hợp và do sự sai lầm, nóng nảy, chủ quan, duy ý chí của cơ quan hoạch định chính sách. Mặt khác, điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, trình độ sản xuất của nông dân, khả năng quản lý của đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng với cơ chế quản lý của các hợp tác xã, đó chính là sự bất cập giữa lực lượng sản xuất còn hết sức lạc hậu với quan hệ sản xuất tiên tiến, tạo ra nhiều mâu thuẫn, kìm hãm sự phát triển chung nền kinh tế đất nước.

Song song với việc lãnh đạo phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, Đảng bộ đã coi trọng lãnh đạo xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI (tháng 3/1961) đã ra Nghị quyết xác định: "Nhiệm vụ của ngành công nghiệp địa phương là phải tận dụng hết khả năng của những cơ sở sẵn có, đồng thời phát triển thêm những cơ sở mới cần thiết, sản xuất những công cụ phục vụ cho sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu".

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, Tỉnh ủy đã lãnh đạo xây dựng và phát triển công

ngiệp địa phương ở cả 3 loại hình quốc doanh, công tư hợp doanh và thủ công nghiệp, trong đó coi trọng việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường công tác tổ chức và quản lý sản xuất đối với công nghiệp quốc doanh, đưa tỷ trọng công nghiệp quốc doanh lên ngày càng cao, thực sự mang tính chủ đạo.

Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở Thái Nguyên được bắt đầu xây dựng từ năm 1959, khởi đầu là Xưởng cơ khí 3-2, đến giữa năm 1965 toàn tỉnh đã có 32 xí nghiệp công nghiệp địa phương, góp phần đặc lực phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông, lâm sản và xây dựng. Cùng với Xưởng cơ khí 3-2 của tỉnh, 7 xưởng cơ khí nhỏ của 7 huyện mỗi năm sản xuất hàng ngàn nông cụ lao động cầm tay đưa về các hợp tác xã. Xưởng cơ khí 3-2 đã sản xuất được máy bơm nước tự động, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác thủy lợi. Xưởng phốt phát Núi Vân được xây dựng từ năm 1960, mỗi năm sản xuất từ 2500 tấn đến 3000 tấn phân bón cho đồng ruộng. Mỏ than Khánh Hoà mỗi năm sản xuất từ 4 vạn đến 5 vạn tấn than phục vụ sản xuất và đáp ứng nhu cầu cung cấp chất đốt cho nhân dân.

Về công nghiệp chế biến nông, lâm sản, Thái Nguyên đã xây dựng các xưởng Đường Minh Lập, Bột giấy Đại Từ, Gỗ Thám Tám... Hàng trăm hợp tác xã, tổ, đội sản xuất thủ công nghiệp với hàng chục mặt hàng: đường, mật, bánh, kẹo, bàn, ghế, giường, tủ, đồ gốm, sứ, thủy tinh, gạch ngói... đảm bảo ngày càng đáp

ứng tốt hơn các nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Về điện, từ năm 1962, Thái Nguyên đã xây dựng được ba trạm thủy điện ở các xã Phú Tiến, Linh Thông và thị trấn Chợ Chu (Định Hoá), với tổng công suất 11 kw và hai trạm thủy lực ở xã Dân Chủ (Đồng Hỷ), hợp tác xã Cầu Thành (Đại Từ) phục vụ sinh hoạt và chế biến nông, lâm sản ở địa phương. Tuy thủy điện, thủy lực ở Thái Nguyên mới chỉ phôi thai, nhưng nó mở ra một khả năng mới cho phát triển kinh tế ở địa phương trong khi nguồn điện lực Nhà nước chưa đủ cung cấp.

Nhìn chung về quy mô tổ chức của các xí nghiệp công nghiệp địa phương ở Thái Nguyên ngày càng lớn; trang, thiết bị, vật tư, kỹ thuật ngày càng hiện đại, sản phẩm mặt hàng ngày càng phong phú, chất lượng ngày càng tốt hơn; đội ngũ công nhân, viên chức trong các xí nghiệp quốc doanh, công, tư hợp doanh và thợ thủ công mỗi năm một tăng. Năm 1965 số cán bộ, công nhân trong ngành công nghiệp địa phương Thái Nguyên đã lên tới 4.610 người, riêng trong các xí nghiệp quốc doanh đã có 2.166 công nhân, viên chức. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương ngày càng lớn, mức tăng bình quân đạt 12% năm.

Từ hoàn cảnh kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, trước khi bước vào kế hoạch 5 năm 1961 - 1965, công nghiệp địa phương Thái Nguyên hầu như không có gì đáng kể, mà chỉ trong một thời gian ngắn, Đảng bộ đã lãnh đạo và

nhân dân Thái Nguyên đã dám nghĩ, dám làm, tự lực, tự cường xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương đạt kết quả như vậy là một thành tựu rất đáng trân trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu trên, 5 năm xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, Thái Nguyên cũng còn bộc lộ nhiều yếu kém: công tác quản lý xí nghiệp còn nhiều hạn chế; mặt hàng và sản phẩm còn ít, chất lượng thấp, giá thành cao...

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản vào các ngành kinh tế, văn hoá hàng năm đều tăng, trong đó năm 1965 tăng hơn hai lần năm 1960; riêng ngành Giao thông vận tải tăng 4 lần. Các tuyến đường từ tỉnh đến huyện và các tuyến đường đi vào các khu vực kinh tế quan trọng, chủ yếu, đều đã được sửa chữa và củng cố lại. Đường giao thông nông thôn cũng được phát triển khá, trong đó huyện Phú Bình là đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh, được Bộ Giao thông vận tải khen thưởng.

Về thương nghiệp, hệ thống hợp tác xã mua bán ở các xã trong tỉnh bắt đầu phát huy tác dụng, góp phần đưa tổng giá trị thu mua hàng nông sản năm 1964 tăng 2,6 lần năm 1961; doanh số bán lẻ tăng bình quân hàng năm 9,2%, trong đó thương nghiệp quốc doanh năm 1964 tăng 51,58% so với năm 1960.

Một trong những sự kiện lịch sử có ý nghĩa trọng đại đối với đời sống kinh tế và chính trị - xã hội của tỉnh Thái Nguyên là Trung ương Đảng và Chính phủ đã

quyết định xây dựng tại Thái Nguyên một Khu liên hợp Gang thép - con chim đầu đàn của ngành luyện kim Việt Nam. Ngày 4/6/1959. Chính phủ ra quyết định thành lập Ban chỉ huy công trường xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên. Trên 1,5 vạn cán bộ và công nhân, trong đó 90% là bộ đội chuyển ngành được điều động lên xây dựng công trường. Tiếp đó, năm 1960 lần lượt trên 1000 bộ đội chuyển ngành được tập trung học tập, chuẩn bị tiếp thu kỹ thuật luyện kim. Trong thời gian trên, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã đóng góp hàng nghìn mét khối gỗ, hàng chục vạn cây tre, nứa, hàng triệu tầu lá cọ đáp ứng kịp thời nhu cầu nguyên, vật liệu xây dựng Khu gang thép. Sau 3 năm lao động gian khổ, các lực lượng thi công xây dựng Khu gang thép đã phá 50 quả đồi, san lấp gần 11 triệu khối đất đá, tạo xong mặt bằng cho các hạng mục công trình. Cuối năm 1963. Nhà máy điện Cao Ngạn, Mỏ sắt Trại Cau được xây dựng, cùng với các mỏ than cũ được phục hồi đã đưa Thái Nguyên trở thành một khu công nghiệp lớn của miền Bắc. Sau khi nhiều nhà máy, xí nghiệp công nghiệp của Trung ương được xây dựng trên địa bàn tỉnh, vấn đề công nghiệp Trung ương hỗ trợ, thúc đẩy công nghiệp địa phương cùng phát triển tuy đã được Trung ương và Tỉnh uỷ đặt ra ngay từ đầu, nhưng trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm 1961 - 1965 vẫn rất lúng túng và không mang lại hiệu quả cao.

Cùng với nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ quan tâm lãnh đạo sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế.

Từ năm 1960 đến năm 1964, tổng mức đầu tư kinh phí dành cho sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục tăng bình quân hàng năm 16,1%, trong đó năm 1964 so với năm 1960 tăng 81,88%.

Về giáo dục, các lớp bổ túc văn hoá cho cán bộ, công nhân, viên chức ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường vẫn được duy trì đều đặn. Hệ thống trường thanh niên xã hội chủ nghĩa, trường vừa học, vừa làm nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ thanh niên, đặc biệt là thanh niên nông thôn có điều kiện tham gia học tập văn hoá và khoa học kỹ thuật đã được hình thành ở một số huyện, nhưng đang trong thời kỳ thử nghiệm. Sau nhiều năm kiên trì phấn đấu ngày 24/6/1961, Thái Nguyên đã đạt tỷ lệ xoá mù chữ 92,51%, được Chính phủ công nhận là tỉnh hoàn thành nhiệm vụ thanh toán nạn mù chữ.

Giáo dục phổ thông phát triển nhanh và đều. Năm học 1964 -1965, toàn tỉnh có 158 trường cấp I, 40 trường cấp II, 6 trường cấp III với 53.741 học sinh, tăng hơn hai lần so với năm học 1959 - 1960, bình quân trong tỉnh số học sinh phổ thông đạt tỷ lệ 13% so với dân số.

Sự nghiệp văn hoá cũng được phát triển nhanh. Từ năm 1962 tờ báo Đảng của tỉnh đã tăng kỳ, tăng số (5

ngày phát hành 1 kỳ 3000 số) và phát hành đến các chi bộ Đảng, hợp tác xã, kịp thời phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin tình hình thời sự trong nước và quốc tế đến nhân dân. Các loại sách khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật, tranh, ảnh, áp phích cũng được xuất bản và phát hành mỗi năm hàng triệu bản.

Ngoài rạp chiếu bóng và sân khấu biểu diễn nghệ thuật ở trung tâm thành phố Thái Nguyên, tỉnh còn xây dựng được 10 đội chiếu bóng lưu động, 1 đoàn văn công và 213 đội văn nghệ nghiệp dư ở các cơ sở. Các đoàn, đội nghệ thuật, điện ảnh hoạt động tích cực, góp phần nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần, đẩy lùi nhiều hủ tục lạc hậu tồn tại lâu đời trong nhân dân; gần 400 thầy mo, thầy cúng được giáo dục đã tự nguyện bỏ nghề; nạn tảo hôn và các hình thức cưới xin, ma chay lạc hậu đã giảm bớt.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh luôn được các cấp bộ Đảng quan tâm lãnh đạo. Phong trào dời chuồng gia súc ra xa nhà, thực hiện ăn chín, uống sôi; tiêm sinh hoá, uống thuốc phòng bệnh đã phát triển sâu rộng và trở nên quen thuộc trong nhân dân.

Ngân sách của tỉnh chi cho công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân tăng bình quân hàng năm 12%, (năm 1964 đã chi tăng 58,9% so với năm 1960). Cả 7 huyện trong tỉnh đều đã xây dựng được bệnh xá với

156 giường bệnh, các xã và khu phố đã xây dựng được 152 trạm xá dân lập với 700 giường (tăng gấp 3 lần năm 1960). Toàn tỉnh có 5 bác sỹ, 64 y sỹ, 552 y tá và 285 nữ hộ sinh làm nhiệm vụ trực tiếp chăm sóc sức khoẻ, khám, chữa bệnh cho nhân dân. Công tác hướng dẫn sinh đẻ có kế hoạch và chăm sóc sức khoẻ Bà mẹ - trẻ em đang có chuyển biến tốt. Phương châm kết hợp Đông - Tây y trong điều trị bệnh bước đầu thu được kết quả tốt và mở ra hướng điều trị mới, mang lại hiệu quả thiết thực.

*

* *

Trong lúc Đảng bộ, nhân dân các dân tộc và cán bộ, chiến sỹ các lực lượng vũ trang Thái Nguyên đang cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân miền Bắc dốc sức thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ra sức phát triển kinh tế, văn hoá, xây dựng cơ sở vật chất của CNXH thì đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ráo riết chuẩn bị chiến tranh phá hoại miền Bắc. Nhận rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong tỉnh luôn luôn xác định xây dựng, phát triển kinh tế phải đi đôi với củng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, bảo vệ vững chắc miền Bắc, kịp thời chi viện sức người, sức của cho miền Nam. Đảng bộ luôn luôn coi trọng nhiệm vụ lãnh đạo củng cố tổ chức, kiện toàn đội ngũ cán bộ,

chiến sĩ trong đó đặc biệt quan tâm đến việc lãnh đạo nâng cao chất lượng chính trị của lực lượng vũ trang địa phương. Hàng năm cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, dân quân, du kích, tự vệ đều được học tập chính trị, quân sự, do đó trình độ giác ngộ, ý thức cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật ngày càng được nâng cao. Thông qua các cuộc diễn tập theo các phương án chiến đấu, trình độ kỹ thuật, chiến thuật của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương được hoàn thiện, nâng cao. Các cấp ủy Đảng đã trực tiếp rà soát, đánh giá phân loại đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ nhất là ở những nơi xung yếu, kịp thời loại khỏi đội ngũ những người không đủ tiêu chuẩn chính trị, chây lười, vi phạm khuyết điểm.

Nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với lực lượng vũ trang địa phương, các cấp ủy Đảng đã đưa 100% đảng viên trẻ vào dân quân, tự vệ. Đến năm 1964, 56,19% số đảng viên của Đảng bộ đã tham gia dân quân, tự vệ; trong lực lượng dân quân, tự vệ, số đảng viên chiếm 18,82%; 100% số xã trong tỉnh có cấp ủy Đảng tham gia vào Ban chỉ huy Xã đội.

Từ khi đế quốc Mỹ tăng cường các hoạt động trinh sát, do thám miền Bắc bằng máy bay và thả các toán biệt kích xuống miền Bắc để thu thập tình hình và phá hoại công cuộc xây dựng XHCN của nhân dân ta, công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã được Đảng bộ lãnh đạo tăng

cường hơn. Công tác đăng ký, thống kê lực lượng dự bị để phục vụ cho tuyển quân và động viên thời chiến được đẩy mạnh và ngày càng đi vào nề nếp.

Trước tình hình ngày 20/11/1963 tổng thống Mỹ Giôn xon chính thức phê chuẩn kế hoạch về hoạt động bí mật chống miền Bắc Việt Nam, ngày 27/3/1964. Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt nhằm tăng cường đoàn kết, xây dựng và củng cố quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Tại Hội nghị này, thay mặt Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào miền Bắc hãy thi đua: "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp đồng bào miền Nam ruột thịt".

Ngày 13/5/1964, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp, ra Nghị quyết phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" nhằm xây dựng và bảo vệ miền Bắc, ủng hộ đồng bào miền Nam, đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1964.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện Nghị quyết ngày 13/5/1964 của Tỉnh ủy, quân và dân Thái Nguyên đẩy mạnh nhịp độ lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ quê hương.

Ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Từ đó, các hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu càng

trở lên khẩn trương, công tác phòng không nhân dân được triển khai rộng khắp; lực lượng dân quân, tự vệ tăng cường tuần, tra canh gác, giữ gìn trật tự, trị an bảo vệ xóm làng; kế hoạch hiệp đồng chiến đấu giữa bộ đội địa phương, dân quân, du kích, tự vệ với các đơn vị bộ đội chủ lực được xây dựng và tổ chức diễn tập thường xuyên.

Hướng về đồng bào miền Nam ruột thịt, Đảng bộ lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức đấu tranh thống nhất nước nhà đi vào bề sâu. Từ sau lễ kết nghĩa hai tỉnh Thái Nguyên - Khánh Hoà được tổ chức (ngày 9/4/1962), toàn tỉnh đẩy lên một phong trào thi đua vì miền Nam ruột thịt, vì Khánh Hoà kết nghĩa với nhiều hình thức phong phú. Các đội cây, trường học, nhà trẻ, hợp tác xã mang tên Khánh Hoà kết nghĩa xuất hiện ngày càng nhiều ở khắp nơi trong tỉnh. Năm 1963, tỉnh ủng hộ Khánh Hoà một thư viện với trên 1000 cuốn sách, 1462 đồng và một số dụng cụ học tập cho học sinh.

Về công tác xây dựng Đảng, thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về việc mở đợt sinh hoạt chính trị "Chỉnh huấn mùa xuân" và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh (tháng 3 năm 1961) về công tác xây dựng Đảng, nhằm nâng cao năng lực và chất lượng lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, Đảng bộ Thái Nguyên đã tiến hành một cuộc chỉnh huấn trong nội bộ Đảng. Thông qua cuộc chỉnh huấn, ý thức giác

ngộ cách mạng và tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ được nâng cao, thể hiện rõ trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Qua chỉnh huấn, năng lực của từng đảng viên được thể hiện rõ, qua đó, những cấp uỷ viên yếu về sức khoẻ, kém về năng lực, đặc biệt là yếu, kém về tư tưởng đã được các cấp uỷ Đảng thay thế bằng những đồng chí tích cực, năng nổ, nhiệt tình, có khả năng tập hợp, lãnh đạo nhân dân hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Tháng 6/1962, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định mở cuộc vận động xây dựng Chi bộ và Đảng bộ cơ sở "4 tốt"⁽¹⁾. Thực hiện quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ tháng 7/1962, Tỉnh uỷ phát động phong trào thi đua xây dựng Chi bộ, Đảng bộ bốn tốt. Phong trào được duy trì và dần dần mở rộng ra toàn Đảng bộ đã có tác dụng tích cực trong công tác xây dựng Đảng ở địa phương. Thông qua cuộc vận động xây dựng chi bộ, Đảng bộ cơ sở 4 tốt, các chi, đảng bộ trực thuộc đã chú trọng đưa công tác xây dựng Đảng vào nền nếp, nhất là các chi, đảng bộ ở khu vực nông nghiệp. Tỉnh uỷ lãnh đạo các tổ chức cơ sở Đảng

(1) —“4 tốt”: là lãnh đạo sản xuất tốt; lãnh đạo chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước tốt; lãnh đạo quan tâm đến đời sống quần chúng và làm công tác vận động quần chúng tốt; lãnh đạo công tác củng cố và phát triển Đảng tốt.

triển khai tốt việc đăng ký thi đua xây dựng chi bộ bốn tốt.

Từ ngày 29/5 đến ngày 2/6/1963, tại thành phố Thái Nguyên, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII được tổ chức. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ khoá VI trình bày tại Đại hội, sau khi khẳng định những thành tích của Đảng bộ qua 2 năm lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VI đã chỉ ra những yếu kém mà Đảng bộ cần phải khẩn trương lãnh đạo khắc phục.

Từ thực tế, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII đã đúc rút kinh nghiệm: "Ở đâu xây dựng Đảng tốt thì ở nơi đó mọi công tác đều tốt, cho nên cần phải hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực công tác". Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VII gồm 31 uỷ viên do đồng chí Lê Đức Chính làm Bí thư và các đồng chí Chu Quốc Hưng, Nguyễn Thế Đạt, Doanh Hàng làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, Đảng bộ tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chế độ, chính sách của Nhà nước ban hành đều được các cấp uỷ Đảng tổ chức cho đảng viên học tập, liên hệ thực tiễn, phát hiện ưu, khuyết điểm để từ đó

xác định phương hướng hành động. Nhờ đó, đại đa số cán bộ, đảng viên của tỉnh đã nêu cao ý chí phấn đấu, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng; nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, luôn luôn giữ được lối sống giản dị, trong sạch của người cách mạng, sẵn sàng nhận và phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được Đảng giao phó.

Nhằm kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của các cấp uỷ Đảng ở cơ sở, coi đó là mấu chốt để hoàn thành các nhiệm vụ công tác khác, theo tinh thần Nghị quyết 35 của Trung ương, từ năm 1963, Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh đã đưa 101 cán bộ (trong đó có 68 cán bộ do Trung ương tăng cường) về giúp đỡ, chỉ đạo các xã kiện toàn các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng và sửa đổi lề lối làm việc. Nhờ đó, các chi bộ đảng ở cơ sở ngày càng chặt chẽ về nguyên tắc tổ chức: lề lối, phương thức làm việc ngày càng khoa học, sâu sát thực tế và hiệu quả hơn. Số chi, đảng bộ đạt tiêu chuẩn 4 tốt tăng từ 113 chi, đảng bộ năm 1963 lên 190 chi, đảng bộ năm 1964, trong đó khu vực nông nghiệp tăng từ 23 chi bộ năm 1963 lên 83 chi bộ năm 1964 (gấp 3.6 lần).

Tuy nhiên, trong Đảng bộ phong trào thi đua xây dựng chi, đảng bộ 4 tốt chưa đều. Bên cạnh các Đảng bộ Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên quan tâm lãnh đạo, đưa

phong trào đi vào nền nếp, thường xuyên, còn có những nơi cấp uỷ chưa thật sự quan tâm đến việc xây dựng chi bộ "4 tốt", chưa nhận thức được phong trào thi đua xây dựng chi bộ "4 tốt" là yếu tố quan trọng cho công tác xây dựng Đảng, vì vậy sau hơn 2 năm phát động thi đua, một số chi, đảng bộ cơ sở xã, khu phố, cơ quan, xí nghiệp vẫn chưa có chi bộ đạt "4 tốt" ⁽¹⁾. Về chất lượng chi bộ "4 tốt" cũng chưa đồng đều do việc xây dựng nội dung thi đua chưa sâu sát, cụ thể, nên khi đánh giá "một số chi bộ được công nhận là 4 tốt nhưng thực tế chỉ có 2 hoặc 3 tốt"⁽²⁾

Công tác phát triển Đảng có nhiều cố gắng, đạt được yêu cầu đề ra cả về phương châm và phương hướng "tăng cường phát triển Đảng vào lớp trẻ và phụ nữ, coi trọng chất lượng, bảo đảm số lượng". Từ năm 1961 đến năm 1964, Đảng bộ phát triển thêm được 4405 đảng viên mới (trong đó năm 1964 phát triển được 1.406 đảng viên, gấp gần 2 lần năm 1961), đưa tổng số đảng viên của Đảng bộ cuối năm 1964 lên 13.862 đồng chí, sinh hoạt trong 104 đảng bộ, 877 chi bộ cơ sở. Trong số 13.862 đảng viên của Đảng bộ có 1.434 đảng viên nữ, 8.743 đảng viên ở khu vực nông

^{(1) (2)}- Báo cáo tổng kết năm 1964 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Hồ sơ 5-1/4 Lịch sử Đảng

thôn; đảng viên thuộc thành phần bản, cổ, trung nông chiếm 90%.

Trong xây dựng Đảng, công tác kiểm tra Đảng của Đảng bộ được tập trung vào những địa phương, đơn vị có phong trào yếu, kịp thời ngăn chặn, xử lý những khuyết điểm, sai phạm, khẳng định, động viên những nhân tố tích cực, thúc đẩy phong trào đi lên. Để giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, công tác kiểm tra Đảng thường xuyên đi sát cơ sở, kịp thời phát hiện và xử lý kỷ luật các đảng viên có sai phạm. Năm 1963, Đảng bộ có 120 đảng viên bị thi hành kỷ luật; 6 tháng đầu năm 1964, các cấp uỷ Đảng trong Đảng bộ cũng quyết định kỷ luật 54 đảng viên (trong đó 25 đảng viên phải khai trừ ra khỏi Đảng).

Đánh giá chung về công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ 5 năm (1961 - 1965) thành tích nổi lên là: đội ngũ đảng viên của Đảng bộ ngày càng đông đảo; nhận thức về Đảng, ý thức trách nhiệm của đảng viên được nâng cao, sinh hoạt đảng đã dần dần đi vào nề nếp; chi bộ Đảng đã trở thành hạt nhân lãnh đạo các phong trào thi đua phát triển kinh tế, văn hoá và các hoạt động xã hội khác.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ cũng còn những mặt yếu, trong đó tư tưởng ngại khó, ngại khổ, hữu khuynh, trung bình chủ nghĩa là những

khuyết điểm chủ yếu, phổ biến trong đội ngũ đảng viên của Đảng bộ. Trong một số cấp uỷ huyện, xí nghiệp, công trường còn có hiện tượng mất đoàn kết rất nghiêm trọng. Trong đội ngũ đảng viên, tư tưởng đòi hỏi đãi ngộ, công thân, địa vị, tự tư, tự lợi, bảo thủ còn tồn tại khá nhiều, hiện tượng tham ô, hủ hoá cũng còn khá phổ biến, cần được nhanh chóng giải quyết. Năm 1965, Đảng bộ vẫn còn tới 9,4% tổ chức Đảng và 9,08% đảng viên yếu, kém.

Công tác phát triển Đảng ở những xã vùng sâu, vùng xa chưa được lãnh đạo quan tâm đúng mức. Đến cuối năm 1964, trong Đảng bộ vẫn còn 21 xóm chưa có đảng viên; cả năm 1964, trong 5 huyện còn có 7 xã không phát triển được đảng viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý xã hội, quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, tuy có được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, nhưng kết quả còn hạn chế. Trong Đảng bộ, hơn 90% cán bộ lãnh đạo các cấp chưa được đào tạo cơ bản, mới chỉ được bồi dưỡng kiến thức quản lý ở các lớp ngắn hạn. Toàn tỉnh chỉ có 33 cán bộ có trình độ đại học, 763 cán bộ có trình độ trung học. Về trình độ văn hoá của đảng viên, đến năm 1965 trong Đảng bộ vẫn còn 90 đảng viên mù chữ, 33 đảng viên mới biết đọc, biết viết, 9736 đảng viên có trình độ văn hoá cấp I,

3492 đảng viên có trình độ văn hoá cấp II. Trình độ văn hoá của cán bộ, đảng viên thấp chính là trở ngại lớn nhất của Đảng bộ trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân kháng chiến trước đây, cũng như khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ngày nay, Đảng bộ Thái Nguyên thường xuyên được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bác Hồ. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) Hồ Chủ tịch đã về thăm Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên 2 lần. Lần thứ nhất: ngày 31/12/1962, Hồ Chủ tịch về thăm Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa và đồng bào xã Phú Lý (huyện Phú Lương). Nói chuyện với thầy và trò của trường. Người căn dặn: "Ngoài việc học văn hoá các cháu cần học thêm quản lý kinh tế, kỹ thuật nông nghiệp. Các cô giáo, thầy giáo phải chú ý đến đặc điểm của học sinh dân tộc để giảng dạy cho tốt"⁽¹⁾. Nói chuyện với đồng bào xã Phú Lý, Người dạy: "cán bộ, xã viên phải nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, đoàn kết giúp nhau... đẩy mạnh sản xuất, làm cho đời sống ngày một no, ấm"⁽²⁾. Lần thứ hai, ngày 01/01/1964, Hồ Chủ

⁽¹⁾ (2)- Bác Hồ với Bắc Thái - Tập 2 trang 143, 144.

tịch về thăm lại Thái Nguyên. "Bốn mươi lăm ngàn đại biểu cán bộ, công nhân và nhân dân được nghe Người chúc mừng năm mới và nói chuyện tại sân vận động Thái Nguyên trong ngày đầu năm" ⁽¹⁾. Sau khi khen ngợi những thành tích và chỉ ra những mặt yếu, kém cần khắc phục, "Người huấn thị cho toàn thể đồng bào và cán bộ: phải ra sức làm cho Thái Nguyên trở thành một trong những tỉnh giàu có, phồn thịnh nhất ở miền Bắc nước ta" ⁽²⁾.

Tình cảm và những huấn thị của Hồ Chủ tịch là nguồn động viên to lớn để Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, vươn lên xây dựng quê hương giàu, mạnh.

*

* *

Trong lúc Đảng bộ, quân và dân Thái Nguyên đang cùng với Đảng bộ, quân, dân các tỉnh, thành khác ở miền Bắc nỗ lực phấn đấu, thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965), ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ đã chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Từ đó, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân và các lực

⁽¹⁾ (2)- Bác Hồ với Bắc Thái - Tập 2 trang 143, 144

lượng vũ trang Thái Nguyên khẩn trương chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Tỉnh uỷ đã chỉ thị cho các huyện, thành phố “Phải đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích và tổ chức bảo vệ chặt chẽ các cơ quan quốc phòng và các công trình xây dựng kinh tế địa phương; các cơ quan, xí nghiệp phải tăng cường công tác phòng không nhân dân. Các cấp uỷ Đảng phải nắm vững lực lượng quân sự ở địa phương, phải củng cố và tăng cường các tổ chức công an, dân quân, tự vệ; giáo dục cho anh em tinh thần sẵn sàng chiến đấu và dũng cảm chiến đấu truy lùng và tiêu diệt bằng được bọn gián điệp, biệt kích khi chúng xâm nhập vào địa phương; lãnh đạo chặt chẽ kế hoạch phối hợp với công an và dân quân trong công tác bảo vệ trị an lúc bình thường cũng như khi có tình hình đột xuất xảy ra”⁽¹⁾.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh uỷ, cấp uỷ, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ và nhân dân đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân. Các kho tàng, tài liệu quan trọng, chất nổ, chất cháy được nhanh chóng chuyển ra khỏi thành phố Thái Nguyên. Các đội phòng

⁽¹⁾ - Chỉ thị số 18/CT-TN ngày 30/7/1964 của tỉnh uỷ Thái Nguyên “Về việc nhận rõ tình hình mới, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu của địch khiêu khích và phá hoại miền Bắc”.

cháy, chữa cháy, cứu thương, các tổ sân máy bay... được thành lập, mạng lưới thông tin liên lạc được xây dựng ở khắp nơi trong tỉnh. Các huyện đều tổ chức các trạm quan sát, theo dõi máy bay địch, thống nhất hiệu lệnh báo động dây chuyền, hiệu lệnh huy động lực lượng khi có gián điệp, biệt kích. Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chuyên môn tổ chức tốt các cuộc diễn tập phòng không nhân dân ở các khu bắc, trung tâm và nam thành phố Thái Nguyên.

Đầu năm 1965, Tỉnh uỷ lãnh đạo tốt việc huy động lực lượng và cơ sở vật chất, kỹ thuật trong nhân dân và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tham gia xây dựng "Công trình 200" (một cơ sở huấn luyện bộ đội tên lửa của Bộ Quốc phòng đặt tại xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ).

Cùng thời gian trên, Tỉnh uỷ hợp với đại diện Ban chỉ huy Tỉnh đội, lãnh đạo các ty Thương nghiệp, Lương thực, Công an, Y tế... bàn biện pháp tăng cường công tác tổ chức chỉ huy, xây dựng các hệ thống hầm, hào phòng không, thông tin liên lạc và vạch kế hoạch sơ tán, bảo vệ các tài sản quan trọng. Giữa tháng 2/1965, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương cho sơ tán người già, trẻ em và chuyển các chất nổ, chất cháy ra khỏi phạm vi thành phố Thái Nguyên; huy động hàng nghìn học sinh, thanh niên xây dựng và mở rộng hệ thống hầm, hào phòng tránh và công sự chiến đấu.

Từ tháng 5/1965, trước tình hình không quân Mỹ tăng cường các hoạt động trinh sát trên không phận tỉnh Thái Nguyên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương lãnh đạo dỡ 50% nhà ở của nhân dân trong thành phố Thái Nguyên và bán trước tiêu chuẩn lương thực, muối, dầu thắp sáng cho nhân dân từ 2 đến 3 tháng; đưa các mặt hàng thiết yếu về cho các huyện, xã quản lý; các cửa hàng bách hoá phân tán về các khu vực nhân dân sơ tán để phục vụ.

Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh quyết định thành lập Ban phòng không nhân dân tỉnh và phân công các đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh uỷ) làm Chủ nhiệm, Nguyễn Hữu Uẩn (Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng ty Công an) làm Phó Chủ nhiệm, Nguyễn Hồng An (Uỷ viên Ban thường vụ Tỉnh uỷ, Tỉnh đội trưởng) làm Tham mưu trưởng Ban phòng không nhân dân tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, sự chỉ đạo của Uỷ ban hành chính và Ban phòng không nhân dân tỉnh, các huyện, thành, đơn vị, cơ quan, ban, ngành của tỉnh đã từng bước chuyển hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Lãnh đạo ty Y tế quyết định thành lập Ban Y tế phòng không các cấp từ tỉnh xuống các huyện, xã. Các bệnh xá huyện được bổ sung thêm trang, thiết bị đa khoa, nâng cấp thành bệnh viện, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu điều trị trong thời chiến.

Thực hiện Quyết định ngày 22/5/1965 của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã tổ

chức tốt việc thành lập Đại đội 73 bộ đội địa phương làm nhiệm vụ cơ động sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn tỉnh. Tại buổi lễ thành lập đơn vị, đại diện Tỉnh uỷ đã trao cho Ban chỉ huy Đại đội 73 lá cờ truyền thống thêu 4 chữ vàng “Thái Nguyên anh dũng”.

Ban chỉ huy Tỉnh đội và Ban chỉ huy các huyện đội thường xuyên tổ chức luyện tập sẵn sàng chiến đấu của lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ; báo động phòng tránh và phục vụ chiến đấu của nhân dân, kịp thời rút kinh nghiệm, bổ sung phương án, khắc phục thiếu sót về tổ chức và thực hành chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đến trước ngày hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái (1-7-1965), nhiều mặt hoạt động xã hội của tỉnh Thái Nguyên đã dần dần được chuyển sang thời chiến. Nhiều cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện... ở Thái Nguyên bước đầu đã thực hiện nếp sống quân sự hoá. Đảng bộ, các lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên cùng Đảng bộ, các lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Kạn đã sẵn sàng kề vai, sát cánh, đoàn kết, gắn bó keo sơn dưới một mái nhà chung Bắc Thái, vững bước tiến sang một thời kỳ mới – thời kỳ vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và huy động sức người, sức của chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh Mỹ và thắng Mỹ.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc, tỉnh Thái Nguyên giữ một vị trí chiến lược trọng yếu là cầu nối giữa vùng Việt Bắc và châu thổ sông Hồng, là cửa ngõ phía Bắc Thủ đô Hà Nội, nơi "Tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ", như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định. Thái Nguyên có hai vùng khác nhau về địa hình. Các huyện phía Nam đặc trưng của vùng trung du có nhiều đường giao thông mở rộng giao lưu kinh tế, văn hoá với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh, đồng thời các đường giao thông đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quân sự, bảo vệ phía Bắc kinh thành Thăng Long. Các huyện phía Bắc là miền núi. Núi rừng Thái Nguyên nối liền một mạch với dải núi rừng đại ngàn Việt Bắc chạy dài ra đến biên giới Việt-Trung.

Từ thời kỳ đầu của công cuộc dựng nước và giữ nước qua hàng ngàn năm cho đến thời đại Hồ Chí Minh, do những điều kiện hoàn cảnh tự nhiên và xã hội, Thái Nguyên mang sắc thái là nơi tập trung những tinh hoa

của nhiều dân tộc, nhiều vùng khắp trong cả nước mà hình thành. Trong điều kiện lịch sử đó để tồn tại và phát triển thành cộng đồng, một yếu tố quan trọng là sự đoàn kết gắn bó giữa các tầng lớp dân cư với nhau và với các dân tộc bản địa. Đoàn kết đấu tranh với thiên nhiên, với mọi thế lực áp bức trở thành truyền thống quý báu của nhân dân các dân tộc sống trong tỉnh Thái Nguyên. Từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, có lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh lãnh đạo cách mạng truyền thống quý báu đó càng được phát huy.

Từ mùa thu năm 1936 - mốc lịch sử đánh dấu sự ra đời cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở tỉnh Thái Nguyên đến tháng 4-1965, nhân dân Thái Nguyên đã trải qua 30 năm đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, anh dũng và thắng lợi vẻ vang.

Do những điều kiện lịch sử chung của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, Việt Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, Thái Nguyên tự hào là một trong hai trung tâm căn cứ địa cách mạng của Việt Bắc trong suốt thời kỳ vận động cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945), trong kháng chiến chống Pháp xâm lược (1946 - 1954).

Thái Nguyên là một địa bàn chiến lược, mà ở đó phong trào cách mạng phát triển cao, mạnh mẽ và sôi động với những địa danh nổi bật như Đình Cả- Tràng Xá, Võ Nhai, Khu an toàn II Phú Bình, Phổ Yên, Đèo

De, Núi Hồng, Chợ Chu Định Hoá...

Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Thái Nguyên trở thành trung tâm căn cứ kháng chiến nổi tiếng của cả nước là "Thủ đô kháng chiến" và thực sự trở thành biểu tượng kháng chiến của dân tộc, chỗ dựa tinh thần cho quân dân cả nước kháng chiến:

"Từ núi rừng hiểm trở của đất Thái Nguyên, mọi kế sách của cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ đã được Bác Hồ và Trung ương Đảng vạch ra. Tuy khó khăn gian khổ nhưng đã được nhân dân ta dần dần vượt qua từ thắng lợi này đến thắng lợi khác"⁽¹⁾.

Căn cứ địa Việt Bắc nói chung, trung tâm căn cứ địa Thái Nguyên nói riêng đã góp phần to lớn vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, đánh bại thực dân Pháp xâm lược.

Hoà bình lập lại, Thái Nguyên đi tiên phong trên mặt trận chống phong kiến hoàn thành xuất sắc cuộc cách mạng dân chủ, khôi phục phát triển kinh tế văn hoá, tạo ra những nhân tố cơ bản về giá trị tinh thần và lực lượng vật chất để trở thành đơn vị đi đầu trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp của miền Bắc, là trung tâm cơ khí luyện kim đầu tiên và lớn nhất của đất nước, niềm tự hào của nhân dân hai miền Bắc - Nam, là thủ phủ khu tự trị Việt - Bắc.

⁽¹⁾ Lời phát biểu của đại tướng Võ Nguyên Giáp với nhân dân thành phố Thái Nguyên ngày 8-2-1989.

Thắng lợi của 30 năm phong trào cách mạng ở tỉnh Thái Nguyên là thắng lợi tổng hợp của nhiều yếu tố tạo thành, có những yếu tố chung và yếu tố riêng xuất phát từ đặc điểm của Thái Nguyên. Cái chung và cái riêng được kết hợp chặt chẽ với nhau. Tổng hợp lại dưới đây là một số vấn đề mà Đảng bộ cho là những kinh nghiệm quý, những bài học có giá trị sâu sắc, xuyên suốt dẫn đến thắng lợi trong cách mạng Tháng tám, trong kháng chiến chống Pháp và trong 10 năm hoà bình xây dựng.

Nổi bật lên trên, hết là tâm nhìn, sự đánh giá đúng đắn vị trí chiến lược của tỉnh về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội của Đảng bộ từ đó vận động, giác ngộ quần chúng xây dựng lực lượng, phát động nhân dân vùng dậy làm cách mạng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, kháng chiến thành công, tự lực tự cường xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn tỉnh đạt nhiều thành tựu.

Nằm ở vị trí trung tâm chính sách về phía Nam của Việt Bắc nối liền với Bắc Kạn - Cao Bằng, Lạng Sơn ra biên giới Việt - Trung, Thái Nguyên có vị trí án ngữ sát nách Hà Nội. Trong cuộc vận động cách mạng Tháng Tám, Thái Nguyên là một trong 6 tỉnh của Khu Giải phóng, có lực lượng vũ trang cách mạng mạnh làm nòng cốt cho quần chúng nổi lên khởi nghĩa từng phần tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở tỉnh

ly ngày 20-8-1945, là căn cứ xuất phát của Quân giải phóng từ Việt Bắc tiến về Hà Nội.

Trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, Thái Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng về mặt quân sự, là bức tường chắn phía nam của căn cứ địa Việt Bắc. Là địa bàn chuyển tiếp từ thượng du, đại bộ phận là địa hình rừng núi với những cánh rừng bạt ngàn kéo dài liên tiếp từ bắc xuống nam, có nhiều đường giao thông quan trọng, là hợp điểm giữa quốc lộ số 3 và quốc lộ 1B toả ra 2 ngã lên biên giới phía bắc thông thương với quốc tế. Về phía nam có nhiều tuyến đường đi xuống chiến trường Trung du và Đồng bằng Bắc bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn Thái Nguyên làm An toàn khu của căn cứ kháng chiến, đặt Đại bản doanh của Chính phủ Kháng chiến và Tổng hành dinh của các lực lượng vũ trang, nơi ra đời của Sư đoàn Quân Tiên phong, của Binh chủng Phòng không, Cục bản đồ Bộ tổng tham mưu... cơ sở sản xuất vũ khí của quân đội, nơi đứng chân hoạt động, huấn luyện, xây dựng và là bàn đạp tiến công của nhiều Binh đoàn chủ lực cơ động vào kẻ thù ở chiến trường Bắc Đông Dương.

Về chính trị, từ năm 1945 về trước Thái Nguyên là vùng đất còn thưa dân, nhưng nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã cố kết gắn bó từ lâu đời, với lực lượng tuyệt đại bộ phận là nông dân lao động và hàng ngàn công nhân hầm mỏ, bị bóc lột thậm tệ nên có trình độ

giác ngộ dân tộc và giai cấp. Thái Nguyên là một trong những tỉnh có cơ sở Đảng sớm nhất ở Việt Bắc và trưởng thành rất nhanh chóng, từ năm 1946 trở đi là một trong những đảng bộ mạnh của Liên khu Việt Bắc; của khu tự trị Việt Bắc. Những yếu tố đó tạo nên sức mạnh hùng hậu về chính trị trong chặng đường 30 năm của Đảng bộ.

Được thiên nhiên ưu đãi, Thái Nguyên có nền kinh tế phong phú và đa dạng có đủ điều kiện thuận lợi về tài nguyên thiên nhiên để xây dựng một tỉnh mạnh cả về công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và dịch vụ.

Đánh giá đúng đắn vị trí chiến lược của tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ, Trung ương Đảng, Xứ ủy, Khu ủy, Đảng bộ đã đề ra nhiều chủ trương sát hợp, đem lại thành công lớn trong cuộc vận động cách mạng, trong kháng chiến và trong xây dựng phát triển kinh tế. Không nhận thức đúng đắn vị trí chiến lược của tỉnh, không thể phát huy sức mạnh của yếu tố địa lợi, rõ ràng thắng lợi sẽ bị hạn chế.

Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do dân và vì dân. Nắm vững quan điểm đó, để phát huy sức mạnh của nhân dân trong mọi công việc của sự nghiệp giữ nước và dựng nước, các cấp ủy Đảng trong đảng bộ đã xác định đúng đắn vai trò của nhân dân trong cách mạng, trong kháng chiến, trong hoà bình xây dựng, trong đó nổi lên vai trò của đồng bào các dân tộc ít người tin

tưởng và dựa hẳn vào dân, không ngừng phát huy sức mạnh của nhân dân trong mọi lĩnh vực.

Trong thời kỳ bí mật, các tổ chức cơ sở Đảng dựa vào dân, bám vào dân và tin vào dân đẩy mạnh công tác tuyên truyền giác ngộ về quyền lợi dân tộc và giai cấp cho quần chúng, tập hợp quần chúng đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù. Thái Nguyên là một tỉnh bị đế quốc Pháp đánh phá phong trào cách mạng ác liệt nhất, hàng trăm cán bộ, đảng viên bị bắt bớ, tù đầy, hàng ngàn người bị chúng đôn vào các trại tập trung, nhiều làng mạc bị đốt phá... tất cả sự đôn sức về mọi mặt của kẻ thù không ngoài mục đích tiêu diệt lực lượng cách mạng, khủng bố tinh thần yêu nước và cách mạng của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên. Trong bất kể tình huống nào cán bộ, đảng viên vẫn tin vào dân, dựa vào dân, cùng sống, cùng chết với dân, tổ chức nhân dân đấu tranh làm thất bại âm mưu của kẻ thù, giữ vững phong trào, bảo toàn lực lượng cách mạng.

Với đặc điểm là tỉnh có nhiều đồng bào các dân tộc ít người, tuyệt đại bộ phận là nông dân, là lực lượng chính làm chủ núi rừng, làm chủ quê hương và do đó, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Trong suốt chiều dài lịch sử, các dân tộc thiểu số tỉnh ta đã sát cánh kề vai cùng với người Kinh (Việt) "sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau" (lời Hồ Chủ tịch) đấu tranh bảo vệ và xây dựng

quê hương. Nhìn lại trong cách mạng, trong kháng chiến và trong xây dựng tất cả 8 dân tộc anh em đều có mặt trong đội ngũ trùng điệp của toàn dân thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Kẻ thù hiểu rất rõ bản tính thật thà, chất phác, trọng lễ phải và công lý, tinh thần chiến đấu dũng cảm, lạnh lẽ, mưu trí quyết tâm cách mạng cao của nhân dân các dân tộc thiểu số, chúng không từ một thủ đoạn nào nhằm đẽ bẽp ý chí cách mạng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở tỉnh ta, từ mua chuộc, đến khủng bố dã man nhằm lôi kéo nhân dân về phía chúng. Với bản chất và truyền thống, nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn luôn đứng về phía cách mạng, chống lại kẻ thù. Nét nổi bật ở Thái Nguyên trong những năm từ 1941 đến khi cách mạng thành công, mặc dù bị địch liên tục tiến hành các cuộc vây ráp, đánh phá phong trào cách mạng, nhưng phong trào vẫn phát triển, cán bộ của Đảng được bảo vệ an toàn,

Trong kháng chiến chống Pháp, đồng bào các dân tộc trong tỉnh từ khu an toàn (ATK) Định Hoá, Võ Nhai đến các huyện giáp ranh vùng tạm chiến Phú Bình, Phổ Yên đều tích cực tham gia kháng chiến không hề tiếc sức mình, kể cả hy sinh để bảo vệ căn cứ địa, bảo vệ Bác Hồ, Trung ương Đảng. Tháng 11-1947 địch tập trung quân càn quét vào ATK Định Hoá nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, chúng đã lấn sâu vào căn cứ, gần nơi ở, làm việc của Chủ tịch Hồ

Chí Minh, Tổng bí thư Trung ương Đảng tất cả nam nữ thanh niên dân quân du kích không phân biệt người Tày, Dao, Nùng, Hoa, Sán Diu... đã cùng bộ đội chung sức đánh giặc. Nhiều người đã ngã xuống vì nghĩa vụ thiêng liêng cao cả bảo vệ an toàn Trung ương Đảng, Chính phủ làm tròn trách nhiệm lịch sử nhân dân cả nước giao phó.

Có cơ sở chính trị mạnh trong quần chúng, có vai trò to lớn của nhân dân các dân tộc trong tỉnh Đảng bộ đã phát huy được sức mạnh to lớn đó để có thành công trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa sau này.

Đoàn kết được toàn dân, tạo thành sức mạnh to lớn của nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua mọi thác ghềnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cách mạng ở địa phương trong 30 năm qua, trước hết là vai trò lãnh đạo của Đảng bộ.

Từ "Đóm lửa đầu tiên" ở La Bằng Đại Từ, qua 10 năm vận động cách mạng đến thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội càng khẳng định vai trò lãnh đạo có tính chất quyết định của Đảng bộ, cho nên trong 30 năm qua, Đảng bộ luôn luôn coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ hàng đầu, làm cho Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức .

Ngay sau khi thành lập tỉnh Đảng bộ, Ban chấp hành Đảng bộ lâm thời đặt nhiệm vụ nâng cao trí tuệ đảng viên trong Đảng bộ có tầm quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa cấp bách và lâu dài. Việc học tập trong Đảng thực sự mang nội dung sinh hoạt chính trị, rèn luyện đảng viên, cơ sở lý luận và thực tiễn đấu tranh, rèn luyện về phẩm chất đạo đức cách mạng, về lập trường giai cấp và ý thức tổ chức kỷ luật. Được kết nạp vào Đảng, thông qua học tập và rèn luyện tuyệt đại đa số đảng viên trong đảng bộ xác định được lý tưởng của người cộng sản, suốt đời phấn đấu cho lý tưởng cao quý đó, có nhiệt tình cách mạng cao, không ngại khó khăn gian khổ, luôn luôn đặt lợi ích cách mạng lên trên quyền lợi cá nhân.

Nhờ được rèn luyện trong sinh hoạt, học tập chính trị, trong đấu tranh cách mạng nhiều đảng viên công tác và chiến đấu rất kiên cường không khuất phục trước uy vũ của kẻ thù. Những thời kỳ cách mạng gặp khó khăn từ năm 1941 đến tháng 5-1945, hàng trăm cán bộ, đảng viên bị hy sinh, bị bắt bớ tù đày, số đảng viên còn lại vẫn giữ vững tinh thần, tìm mọi cách bảo vệ cơ sở, giữ gìn lực lượng. Nhiều đảng viên đã nêu những tấm gương sáng ngời về sự hi sinh dũng cảm, lòng trung thành và niềm tin sắt đá ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Sai lầm trong phát động giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức trong năm 1953 - 1954, gần 1000

cán bộ, đảng viên của Đảng bộ bị xử trí oan, sai, trong đó hơn 400 đồng chí bị đưa ra khỏi Đảng, nhiều đồng chí bị giam hãm. Khi Đảng phát hiện ra sai lầm, quyết tâm sửa sai, tuyệt đại đa số các đồng chí bị oan sai thông cảm chia sẻ với Đảng, bắt tay vào cùng với các đồng chí trong chi bộ thực hiện chính sách sửa sai. Chỉ những người có lý tưởng cộng sản vững vàng mới có những hành động mẫu mực đó.

Suốt 30 năm lãnh đạo cách mạng, nhất là sau khi giành được chính quyền, các cấp uỷ đảng thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mặt chính trị và được thể hiện ở việc nắm vững và tự chủ vận dụng có sáng tạo những đường lối chủ trương của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương. Bài học tự chủ, sáng tạo trong phát động quần chúng khởi nghĩa là một trong những bài học thành công lớn nhất của Đảng bộ trong 30 năm qua.

Sức mạnh của Đảng bộ ở chỗ thống nhất hành động, muốn thế trước hết phải thống nhất về tư tưởng. Trong quá trình xây dựng Đảng bộ, các cấp uỷ đảng coi việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về tư tưởng lúc nào cũng là yêu cầu cấp thiết. Lấy chi bộ làm hạt nhân lãnh đạo đấu tranh chống tư tưởng chia rẽ, bè phái, chống tư tưởng bảo thủ trì trệ, trông chờ cấp trên, cản trở công việc, đồng thời chống tư tưởng chủ quan, nóng vội. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Tỉnh uỷ đã

kiên quyết xử lý kỷ luật nhiều tập thể và cá nhân cấp uỷ vi phạm kỷ luật Đảng gây mất đoàn kết nội bộ, làm yếu đi sự thống nhất ý chí, hành động trong tổ chức Đảng. Qua sinh hoạt Đảng, qua các đợt chỉnh huấn chính trị, chỉnh quân trong các lực lượng vũ trang Tỉnh uỷ chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở tổ chức cho cán bộ, đảng viên kiểm thảo, phê phán chống lại những tư tưởng phong kiến, đẳng cấp, ngôi thứ, đặc quyền đặc lợi, quan liêu, chuyên quyền độc đoán cản trở quá trình dân chủ hoá trong Đảng và ngoài xã hội; phê phán mạnh mẽ tư tưởng tiểu tư sản.

Trong cách mạng, trong kháng chiến và trong hoà bình, Thái Nguyên là địa bàn kẻ thù luôn luôn tìm cách tấn công vào tư tưởng và tổ chức của Đảng bộ. Một số đảng phái, tổ chức phản động như Quốc dân Đảng, Đại Việt, Liên tôn Diệt Cộng, Hoà bình tối mật .v.v... từ năm 1945 đến 1955 tìm mọi cách phá hoại tổ chức Đảng, lung lạc làm hỏng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trừ một số rất ít đảng viên do thiếu rèn luyện, tu dưỡng không có bản lĩnh sa ngã, còn tuyệt đại bộ phận đảng viên trong Đảng bộ kiên định lập trường của người cộng sản, không lúc nào chao đảo niềm tin, giao động, địa phương cục bộ hoặc cơ hội chủ nghĩa, thống nhất cao về tư tưởng, nhất trí cao với đường lối của Đảng.

Trong quá trình xây dựng Đảng bộ mạnh về tổ chức, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nhiều lần tập trung sự

chỉ đạo của mình vào việc nâng cao vai trò của tổ chức cơ sở Đảng, đơn vị chiến đấu cơ bản, hạt nhân của Đảng bộ. Từ nghị quyết Hội nghị cán bộ Trường Xô tháng 9-1945 đến nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ 7 (1963), sau đó là các nghị quyết của Tỉnh uỷ đều có chủ trương cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt của chi bộ, phân công giáo dục, rèn luyện và quản lý đảng viên, thắt chặt mối quan hệ giữa chi bộ, đảng viên với quần chúng nhân dân, nhiều đợt "chỉnh đốn chi bộ" được thực hiện trong Đảng bộ, năm 1952 Tỉnh uỷ thành lập nhiều "Đoàn cán bộ chỉnh đốn cơ sở" để củng cố chi bộ, phát triển đảng viên, kiện toàn cấp uỷ, đào tạo cán bộ... có tác dụng to lớn trong việc đề cao kỷ luật kỷ cương của Đảng, phát huy tính tiên phong gương mẫu của Đảng viên kéo theo cả một phong trào toàn dân tham gia kháng chiến.

Do hoàn cảnh khách quan và chủ quan, từ năm 1936 đến cách mạng Tháng Tám thành công, công tác phát triển Đảng ở tỉnh ta còn hạn chế, cho đến ngày toàn quốc kháng chiến, toàn Đảng bộ chỉ có hơn 200 đảng viên, trong đó hơn 100 đồng chí thuộc lực lượng vũ trang, cơ sở đảng nhìn chung còn mỏng, nhiều xã chưa có chi bộ, thậm chí chưa có đảng viên. Đáp ứng đòi hỏi lãnh đạo toàn dân kháng chiến, chấp hành chỉ thị của Trung ương, Tỉnh uỷ tập trung chỉ đạo công tác phát triển Đảng. Đến tháng 12-1947, Đảng bộ đã có 1567

đảng viên và 100 chi bộ, năm 1948 tăng lên 2836 đảng viên, 158 chi bộ, trong đó 93 chi bộ xã 7 chi bộ liên xã, 25 chi bộ cơ quan, 32 chi bộ công sở. Thời kỳ này ở hầu hết các xã đều có chi bộ hoặc tổ Đảng, đảng viên trực tiếp lãnh đạo kháng chiến, sự phát triển nhanh, mạnh đó tuy có mắc một số khuyết điểm, nhưng đã đáp ứng được yêu cầu khách quan là xây dựng hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở.

Thời kỳ nào Đảng bộ cũng đặc biệt chú ý đến công tác phát triển Đảng. Những lúc cách mạng gặp khó khăn, kẻ thù khủng bố các tổ chức Đảng ở cơ sở cũng như khi phong trào phát triển, mở rộng - như phong trào toàn dân tham gia xây dựng hợp tác xã nông nghiệp - đều phải mở rộng đội ngũ của Đảng đáp ứng nhu cầu lãnh đạo phong trào. Vì vậy đến cuối năm 1964, Đảng bộ tỉnh ta đã có đội ngũ đảng viên gồm 11963 đồng chí.

Trong khi tích cực bồi dưỡng, rèn luyện để kết nạp những người ưu tú vào đảng, Đảng bộ cũng kiên quyết loại bỏ khỏi hàng ngũ Đảng những kẻ đã biến chất, những đảng viên không đủ tư cách.

*

* *

Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, tăng cường đoàn kết nội bộ là yêu cầu cơ bản nhất để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và lãnh đạo đoàn kết toàn

dân. Đoàn kết trong nội bộ Đảng, đoàn kết nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã trở thành tuyến thống quý báu của Đảng bộ - nó là sức mạnh để nhân dân trong tỉnh hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng.

Thắng lợi trong cách mạng, trong kháng chiến và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tỉnh Thái Nguyên là thắng lợi của lý tưởng độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự lãnh đạo tài giỏi của Đảng Cộng sản Việt Nam. Lý tưởng đó cũng là mơ ước là nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Thắng lợi đó trước hết là công lao trời biển của Bác Hồ, của Đảng và sự phấn đấu không ngừng của Đảng bộ, các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, là sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ uỷ, của Liên khu uỷ, Khu uỷ Khu tự trị Việt Bắc, sự hỗ trợ thường xuyên của các ngành, bộ ở Trung ương và sự giúp đỡ của các tỉnh bạn.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên thật hạnh phúc, và vinh dự được Bác Hồ dành cho những tình cảm yêu thương, gắn bó. Ngay cả lúc con thuyền vận mệnh quốc gia dân tộc đang vượt thác ghềnh do tay người chèo lái, người vãn quan tâm theo dõi và động viên đồng bào các dân tộc tỉnh nhà. Trong thư gửi đồng bào các dân tộc tỉnh Thái Nguyên... đề ngày 20-3-1946,

Bác viết "Tuy hiện nay tôi ở Hà Nội, xa cách với đồng bào, nhưng không bao giờ tôi quên đồng bào..."⁽¹⁾

Trong những năm kháng chiến chống Pháp cũng như sau chiến tranh. Người đặc biệt quan tâm theo dõi và định hướng cho Tỉnh uỷ trong việc xây dựng củng cố Đảng chính quyền, các đoàn thể, chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Những khi phong trào trong tỉnh gặp khó khăn Bác cho mời các đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện đến trực tiếp báo cáo và Bác ân cần chỉ bảo những việc cần làm, những khuyết điểm cần sửa chữa. Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc nào cũng mong muốn Đảng bộ Thái Nguyên hoàn thành một cách vẻ vang vai trò đội chính trị tiên phong thật sự của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Người nói: "nhiều cán bộ, đảng viên và đoàn viên gương mẫu thực hiện chính sách để động viên nhân dân cùng làm, đó là những ưu điểm, nhưng còn một số đảng viên còn ngại khó, ngại khổ, không muốn nhận những công tác nặng nề... Từ nay về sau, tất cả Đảng viên, cán bộ và chi bộ cần phải thường xuyên ôn lại, tự liên hệ và giữ cho

⁽¹⁾ Theo tài liệu sưu tầm chưa thật đầy đủ, từ 1950 đến 1964 Bác Hồ đi thăm, nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh 8 lần, gửi 22 thư, điện thăm hỏi, nhắc nhở lãnh đạo tỉnh thường xuyên chăm lo đến việc nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, củng cố đảng về mặt tư tưởng và tổ chức. Đây là niềm tự hào lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh nhà.

đúng những tiêu chuẩn của người đảng viên để xứng đáng là người đảng viên tốt"⁽¹⁾ ; Bác mong: "toàn thể đồng bào và cán bộ phải ra sức làm cho Thái Nguyên trở thành một trong những tỉnh giàu có, phồn thịnh nhất ở miền Bắc nước ta"⁽²⁾ .

Với những kinh nghiệm lịch sử, với thế mạnh nhiều mặt của một tỉnh trung tâm vùng Việt Bắc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nhất định sẽ xây dựng quê hương thành một tỉnh giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, phong phú về văn hoá, lành mạnh về xã hội cùng cả nước xây dựng và bảo vệ thành công Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

⁽¹⁾ Trích bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch với đồng bào và cán bộ tỉnh Thái Nguyên ngày 13-1-1960

⁽²⁾ Trích bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch với đồng bào và cán bộ tỉnh Thái Nguyên ngày 01-01-1964.

PHẦN PHỤ LỤC

I - DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY QUA CÁC THỜI KỲ

| TT | Họ và tên | Thời gian giữ chức vụ |
|----|---------------------------------|-----------------------|
| 01 | Đ/c Ngô Nhị Quý | 1945 - 8/1947 |
| 02 | Đ/c Lê Trung Đình | 8/1947 - 10/1947 |
| 03 | Đ/c Lê Hoàng | 10/1947 - 6/1948 |
| 04 | Đ/c Lê Thanh | 6/1948 - 1949 |
| 05 | Đ/c Lê Trung Đình | 1950 - 4/1951 |
| 06 | Đ/c Hoàng Cừ | 4/1951 - 1953 |
| 07 | Đ/c Nguyễn Tâm (Nguyễn Thái) | 1953 |
| 08 | Đ/c Lê Dục Tôn | 1954 - 2/1959 |
| 09 | Đ/c Phan Tinh | 2/1959 - 3/1961 |
| 10 | Đ/c Lê Đức Chính | 3/1961 - 1965 |

II - DANH SÁCH
CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
QUA CÁC THỜI KỲ

| TT | Họ và tên | Thời gian giữ chức vụ |
|----|-------------------|-----------------------|
| 01 | Đ/c Lê Trung Đình | 1945 - 1950 |
| 02 | Đ/c Hoàng Cừ | 1951 - 1953 |
| 03 | Đ/c Vũ Hưng | 1954 - 1957 |
| 04 | Đ/c Lê Dục Tôn | 1957 - 1959 |
| 05 | Đ/c Chu Quốc Hưng | 1959 - 1965 |

III - DANH SÁCH
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUA CÁC THỜI KỲ

| TT | Họ và tên | TT | Họ và tên |
|----|--|----|---------------------------------------|
| | * Từ 1945 - 8/1947 (khóa lâm thời | | * Từ 1951 - 1959 (khóa IV) |
| 01 | Đ/c Ngô Nhị Quý | 01 | Đ/c Hoàng Cừ |
| 02 | Đ/c Lê Trung Đình | 02 | Đ/c Trần Lê Nhân |
| 03 | Hoàng Bá Sơn | 03 | Đ/c Hải Bằng |
| | * Từ 8/1947 - 6/1948 (khóa I) | 04 | Đ/c Nguyễn Đình Lim |
| 01 | Đ/c Lê Trung Đình | 05 | Đ/c Lê Vũ (tức Ba) |
| 02 | Đ/c Ngô Nhị Quý | | * Từ 1959 - 1961 (Khóa V) |
| 03 | Đ/c Lê Văn Lương | 01 | Đ/c Phan Tĩnh |
| | * Từ 6/1948 - 7/1949 (khóa II) | 02 | Đ/c Lê Dục Tôn |
| 01 | Đ/c Lê Thanh | 03 | Đ/c Lê Đức Chính |
| 02 | Đ/c Lê Trung Đình | 04 | Đ/c Nguyễn Hữu Uẩn |
| 03 | Đ/c Trần Quốc Trung | 05 | Đ/c Nguyễn Thế Đạt |
| | * Từ 7/1949 - 4/1951 (khóa III) | 06 | Đ/c Nguyễn Đình Lim |
| 01 | Đ/c Lê Trung Đình | 07 | Đ/c Lê Đình Nhậm |
| 02 | Đ/c Vũ Thu | | |
| 03 | Đ/c Trần Lê Nhân | | |
| 04 | Đ/c Lê Hải An | | |
| 05 | Đ/c Lê Vũ (tức Ba) | | |

| * Từ 1961 - 1963 (khóa VI) | | * Từ 1963 đến 1965 (khóa VII) | |
|----------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|
| 01 | Đ/c Lê Đức Chính | 01 | Đ/c Lê Đức Chính |
| 02 | Đ/c Nguyễn Hữu Uẩn | 02 | Đ/c Chu Quốc Hưng |
| 03 | Đ/c Chu Quốc Hưng | 03 | Đ/c Nguyễn Thế Đạt |
| 04 | Đ/c Nguyễn Thế Đạt | 04 | Đ/c Doanh Hằng |
| 05 | Đ/c Lê Đình Nhâm | 05 | Đ/c Trần Tường |
| 06 | Đ/c Hoàng Minh Trí | 06 | Đ/c Trần Oanh |
| 07 | Đ/c Hồng An | 07 | Đ/c Lê Nguyên Kinh |
| 08 | Đ/c Trần Oanh | 08 | Đ/c Nguyễn Hữu Uẩn |
| 09 | Đ/c Ngô Văn Hoạ | 09 | Đ/c Trần Đình Nghị |

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trãi - toàn tập - NXB KHXH - Hà Nội 1976.
2. Đào Duy Anh - Đất nước Việt Nam qua các đời - NXB Thuận Hóa - 1994.
3. Đại Nam Nhất Thống chí- tập IV - NXB KHXH - Hà Nội 1971.
4. Lịch sử Việt Nam - tập I, II - NXB KHXH 1971, 1975.
5. Hồ Chí Minh - tuyển tập - tập I - NXB Sự thật - 1980.
6. Hồ Chí Minh toàn tập (1945 - 1947) - NXB Sự thật - 1984.
7. Tài liệu Lịch sử Văn hóa Việt Nam - NXB Văn hóa thông tin - 1997.
8. Danh tướng Việt Nam - Danh tướng Lam Sơn - NXB Giáo dục - 1997.
9. Trần Huy Liệu - Thái Nguyên khởi nghĩa (8/1917)
10. Khởi nghĩa Thái Nguyên - 80 năm nhìn lại - Sở VH TT Thái Nguyên - Lịch sử học Việt Nam xuất bản 1997.
11. Đại Việt sử ký toàn thư - tập I.
12. Địa lý tỉnh Thái Nguyên - Sở Giáo dục-Đào tạo Thái Nguyên - 1998.

13. Văn kiện Đảng - tập I, II, III - Ban NCLSD Trung ương - 1997.
14. Võ Nguyên Giáp - Những chặng đường lịch sử - NXB Văn học - Hà Nội 1977.
15. Danh nhân Lịch sử Lưu Nhân Chú - Viện sử học Việt Nam - Sở VHNT Thái Nguyên xuất bản 2001.
16. Địa chí Lạng Sơn - Ban Tuyên giáo Lạng Sơn xuất bản 1999.
17. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI - 2001.
18. Bắc Thái 40 năm đấu tranh và xây dựng (1945 - 1985) - Sở VHNT Bắc Thái - 1985.
19. Niên giám thống kê Thái Nguyên (1996 - 1999).
20. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái - tập I - Ban NCLSD Bắc Thái - 1980.
21. Đào Trinh Nhất - Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên - 1917 - Quốc dân thư xã xuất bản - Hà Nội 1946.
22. Đội Cấn - Thái Nguyên - Báo Ngọc văn đoàn xuất bản 1945.
23. Lịch sử Công an nhân dân Bắc Thái (1945 - 1954), (1955 - 1975) - Sở Công an xuất bản 1993, 1995.
24. Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Bắc Sơn (1930 - 1954) - xuất bản 1990.

25. Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương (1930 - 1954) - huyện Phú Lương xuất bản 1996.

26. Bắc Thái - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) - Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Thái xuất bản - 1990.

27. Phụ nữ Bắc Thái trên chặng đường đấu tranh và xây dựng (1930 - 1980) - Hội Liên hiệp phụ nữ Bắc Thái xuất bản - 1986.

28. Nghị quyết quân sự của Đảng (1930 - 1960) - NXB Quân đội nhân dân - Hà Nội 1959.

29. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ nhất.

30. Tổng kết chiến tranh du kích Thái Nguyên - Lưu LSD tỉnh Thái Nguyên.

31. Echinard: Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên - Lưu LSD Thái Nguyên.

32. Lịch sử quân dù Pháp - Lưu Thư viện Quân đội.

33. Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định, Báo cáo quý, 6 tháng, 1 năm, nhiệm kỳ đại hội của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh, các ngành, các huyện trong tỉnh từ năm 1948 đến năm 1965.

34. Hồi ký của các đồng chí lão thành cách mạng.

35. Tạp chí nghiên cứu Lịch sử số 6 - 1998.

36. Bản tin công tác dân vận số 6 (10/2000)

37. Báo sự thật - số 38 (1/6/1946)

38. Báo Cứu quốc - 1946.

MỤC LỤC

Trang

| | |
|--|-----|
| - Lời giới thiệu | 3 |
| - Mở đầu: Thái Nguyên: Đất nước và con người | |
| - Chương I: Xây dựng cơ sở Đảng đầu tiên và cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám ở Thái Nguyên (1936 - 8/1945) | 59 |
| - Chương II: Lãnh đạo đấu tranh bảo vệ, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, chuẩn bị kháng chiến (9/1945 - 9/1947) | 171 |
| - Chương III: Lãnh đạo quân, dân trong tình trạng tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương, tiếp tục xây dựng trung tâm căn cứ địa kháng chiến vững mạnh; dồn sức xây dựng chiến trường (10/1947 - 7/1954). | 213 |
| - Chương IV: Lãnh đạo khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; chuẩn bị chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (8/1954 - 6/1965). | 309 |
| - Kết luận | 383 |
| - Phụ lục | 400 |

Sửa bản in:

- VŨ THANH KHÔI
- NGUYỄN ĐẠT THƯỜNG
- VŨ BÌNH
- HÀ HUY HOÀNG
- NGUYỄN THỊ TÌNH

In 2000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xí nghiệp In Bắc Thái
tỉnh Thái Nguyên. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2003